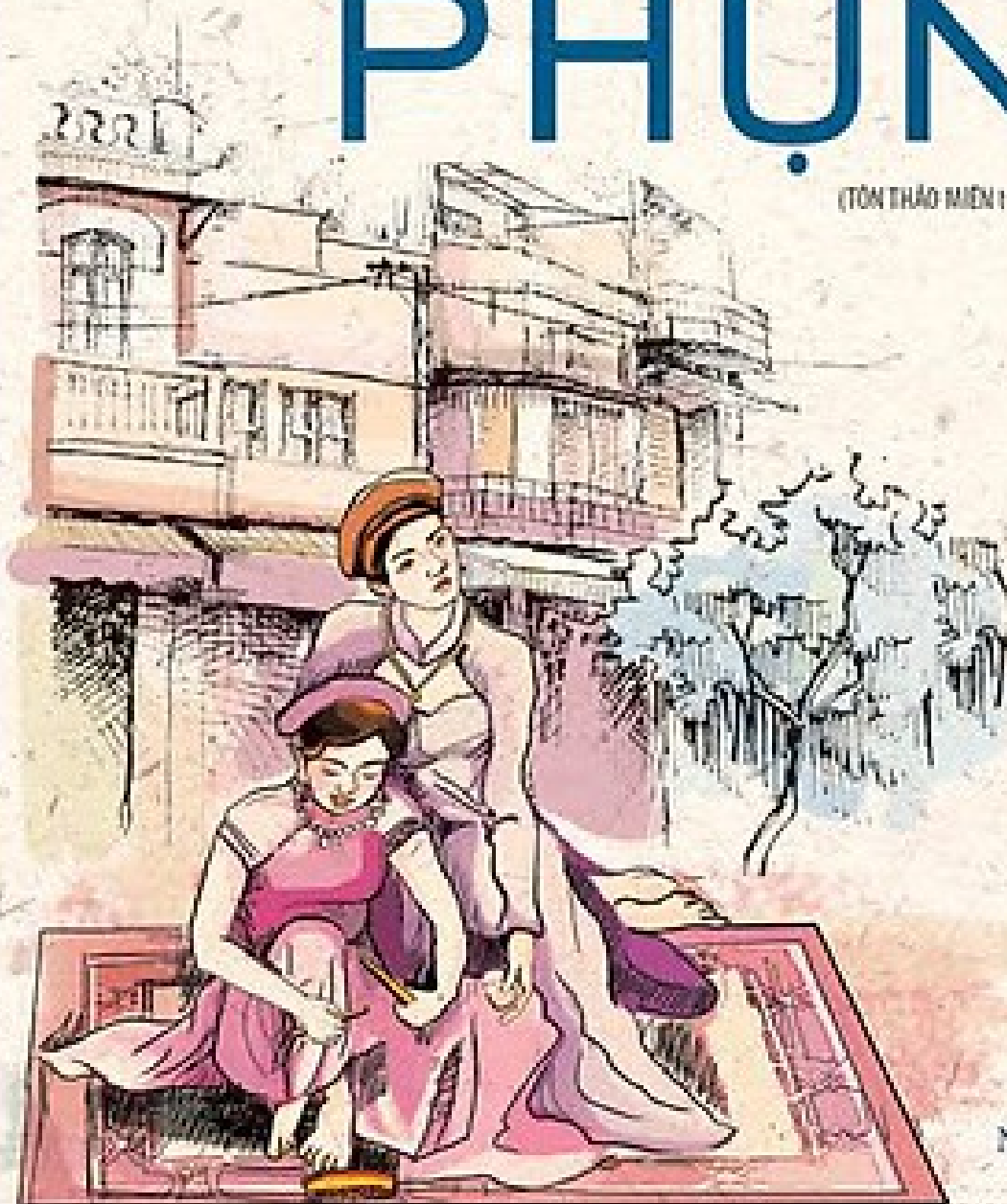


Danh
tác
văn
học
VIỆT NAM

T U Y Ê N T Á P

TRUYỀN VŨ
NGÂN
TRỌNG
PHỤNG

(TÔN THẢO MIÊN tuyển chọn và giới thiệu)



vh

NHÀ XUẤT BẢN
VĂN HỌC

Tuyển Tập Truyện Ngắn Vũ Trọng Phụng

Tác Giả: Vũ Trọng Phụng

Nhà xuất bản: NXB Văn Học

Epub (02/2019): @lamtam, tve-4u.org

GIỚI THIỆU

Nhắc đến Vũ Trọng Phụng người ta nghĩ ngay tới một nhà văn tài hoa nhưng bạc mệnh. Có năng khiếu nghệ thuật từ nhỏ, ông sáng tác từ rất sớm và thử nghiệm mình trên nhiều thể loại: viết báo, viết kịch, sáng tác truyện ngắn, truyện vừa, tiểu thuyết, phê bình văn học... Nhưng có thể nói, tiểu thuyết và phóng sự là hai thể loại thành công nhất của nhà văn tài hoa này. Vũ Trọng Phụng được báo giới thời bấy giờ mệnh danh là “ông vua phóng sự đất Bắc”, là “nhà tiểu thuyết trác việt”.

Với giọng văn sắc sảo, mang đậm chất châm biếm, trào phúng và nội dung tư tưởng sâu sắc, các tác phẩm của Vũ Trọng Phụng đều hướng tới chủ đề hiện thực, tố cáo và vạch trần xã hội Việt Nam trước cách mạng tháng 8 - một xã hội bê bối với những tấn trò đời bi kịch. Đọc những trang văn của ông, người ta không khỏi ngậm ngùi, chua chát. Ra đi vì bệnh tật khi mới 27 tuổi đời, khi tài năng đang độ phát triển rực rỡ, Vũ Trọng Phụng để lại trong làng văn và trong lòng độc giả một chỗ trống không dễ gì khóa lấp.

Chống nạng lên đường (1931)

Mấy hôm nay, thằng Hai Xuân xem ra có ý lo buồn lắm. Phải, ở vào cái cảnh như nó bây giờ, thì đến ai mà chả đâm lo; bảo nó không buồn sao được?

Từ ngày mọi người còn thấy nó cầm đôi tay xe chạy trên đường đê Gia Quát thì thằng Hai vẫn là người vui tính nhất làng. Vào những buổi chiều mùa hạ sáo diều vo vo réo rất hay buổi chiều mùa thu gió vàng hắt hiu, trong những cảnh hoàng hôn của tiết xuân mát mẻ hay của trời đông lạnh lùng; mỗi khi hình thằng Hai tay vòng càng đi trước cái xe, vẽ cái bóng thật dài trên giải đường trắng xoá, thì tận trong làng xa lắc xa lơ cũng có người nghe thấy nó cất giọng ồ ồ, nghêu ngao hát cái bài “xẩm” của nó tuy cụt đầu cụt đuôi thật, nhưng nghe nó cũng hay hay: ... Còn trời (mà) còn nước, còn non...

Còn cô (mà) còn cô bán rượu, (ý y) anh (a) còn (thì) say sưa... (chừ này mình ơi... Ý y ý ý y tang tình tính tang... !!!)

Thật vậy! cái đoạn đời ấy tuy trước mắt bọn giàu chỉ là cái đời khốn nạn của con “ngựa người” ngày ngày “dang” chân trên mặt đường rải nhựa khi lửa hạ chang chang, hay bị bõm trên giải đê trơn mỡ đổ khi mưa phùn gió bắc... mà đối với thằng Hai, nó vẫn cho là vui vẻ lắm...

Nó được vui vẻ nhất là sau khi, trước cái mái trnh lợp xúp nó đặt “phịch” càng xe, rảo cẳng chạy vào sân, đến chĩnh nước ngửa cổ “tu” một hơi nước lã thật dài xong thở đánh “hà à à” một cái rất khoái trí rồi cầm mảnh mo vừa quạt vừa bước vào nhà ngơ ngác nhìn xem bố mẹ đã thổi chín cơm chưa, để liệu dọn mâm bát, không thì giốc nẹp áo lấy ra một nắm đầy bàn tay những mảnh tròn tròn bằng đủ thứ: thau, đồng, kền, bạc vừa hào vừa xu đưa cho mẹ mà rằng: “U mua vào đây cho tôi vài xu diêm thuốc”.

Mâm cơm dọn xong, nó chỉ còn chờ anh Cả cho nó đi làm về là cùng ngồi vào, tuy bữa nào cũng chẳng hơn gì bữa nào, chỉ rệt cà, tương, dưa muối mà thằng Xuân ăn thấy ngon. Nó ăn được ngon là

vì nó đã kéo xe nhọc mệt cả ngày, là vì không những nó đã chẳng phải ăn nhờ ai mà lại còn nuôi được bố được mẹ, đỡ anh, anh nó, một người phu kíp ở ga Gia Lâm, mỗi tháng kiếm không đầy chục bạc.

Khốn nạn thay cho thằng Hai Xuân! Bây giờ khác hẳn xưa rồi... Đến cái nghề kéo xe kể đã là cùng cực mà nó cũng không đang nổi nữa vì người ta đã cướp cơm của nó, một cái xe hơi đã vồ phải nó, đánh gãy của nó mất một bên chân, rồi vào nhà thương, người ta đền cho nó một cái khác bằng gỗ để mặc nó lộc cộc chống nạn về nhà...

Bay giờ nó đành phải ăn nhờ vào anh, mà từ khi nó được cái chân gỗ thì những bữa rau cháo buổi xưa cũng ra điều chênh mảng, không được đúng hện nữa. Không đầy chục bạc mà bốn miệng ăn... ! lại tiền thuê nhà, ấy là chưa kể đến những món vật khác như áo, quần củi lửa... tuy không để đem chôn vào bụng mà cũng cần như hạt muối, hạt gạo, gia đình nhà nó sống trong một cảnh túng bấn cực kỳ, chỉ hơn được ăn mày một nước là không phải ngửa tay xin lấy của ai. Gạo đỏ còn phải ăn kém hơn ngô khoai nên bố mẹ nó, tuy trên đầu tóc đã pha mùi, hàm răng chiếc đã lung lay, chiếc rụng mặc dầu, cũng đành bụng đến bát cơm ngô, cơm khoai mà... khốn thay! vẫn thiếu... ! Đã nhiều lần bố mẹ thằng Hai và nó phải bấm bụng nhịn đi để anh Cả nó về được ăn no đủ - vì là người kiếm ra tiền - anh nó chẳng phải tay vừa, nếu để thiếu cơm thì nó sẽ thấy ngay anh nó mắng bố, gắt mẹ, chửi nòi, chửi rế, chửi đôi guốc đang đi mà đứt quai, chửi xó nhà lắm muối vo vo...

Thằng Xuân mấy hôm nay xem ra có ý lo buồn lắm

Một buổi chiều hè kia, sau khi chống nạn lang thang đi khắp đó đây - từ độ nó què, không có việc gì nó vẫn lang thang như thế - thằng Hai lên cầu ngồi hóng mát. Lúc ấy có lẽ đến 6 giờ rồi, bụng nó đã thấy đói như cào mà nó vẫn chưa dám tưởng đến sự về nhà vì nó chắc thế nào anh nó cũng cau cau nét mặt nhìn nó ra ý bất bình hay hỏi căn vặn nó bằng những câu chẳng được nhẹ nhàng như khi nó chưa cụt cẳng. Nó đói lắm nhưng nó vẫn cố gượng cho khuây, ngồi nép vào sát với thành cầu, nó lẳng lẳng trông mây, trông nước.

Mặt trời đỏ hỏn như một hòn than tròn đã từ từ rã những đám mây chồng chất lên nhau mà lặn xuống chân trời, trước mắt nó, giãy núi Tản Viên ba chòm xanh biếc, mập mờ trong đám sương nhòa dưới chân điểm ngang một nét xanh xanh biếc bao làng mạc, đứng sừng sững như một bức trường thành trên mặt nước đỏ ngầu. Sông Nhị bấy giờ đang ào ào đập bọt vào mấy chân cầu, dữ dội mà hung hăng như một người điên bị ai trêu ghẹo. Trông về đằng đông, lại dòng nước Nhị Hà, dài rộng mênh mang, hai bên bờ xa nhau mờ mịt, mấy cánh buồm căng thẳng, xa lơ xa lắc, sxa đến nỗi tuy con thuyền đang chạy băng băng mà trông vẫn phải tưởng như không, như chỉ cầm sào một chỗ.

Thành phố Hà Nội, phơi mình dưới một tầng mây dài dằng dặc mà đỏ ối như thể đám lửa hung hăng, phô lên những răng mái nhà chi chít nhấp nhô, mảng đen mảng đỏ, rồi, nhoi lên cao hơn hết thảy, này ngọn cột cờ và ống khói sở Máy tơ tiêu điều vì không đặc dụng, này đôi trụ nhà Thờ chính đưa ra những hồi chuông vắng vắng chiều hôm, này mấy cột vô tuyến điện làng Vọng mập mờ mà cao ngất, lênh khênh như muốn chọc trời.

Trên cầu lúc ấy không thấy bọn người áo quần lam lũ, gồng gánh qua lại nữa. Cái giờ ấy là cái giờ đuổi bọn người kém phúc này tắt tả về nhà, chúi đầu vào bếp vùn nồi cơm gạo đỏ bùng lên xối cho một ông bố hay một bà mẹ mù loà hoặc ôm vội lấy đứa con gầy gầy, từ sáng chưa trông thấy mặt mẹ, nhét cái vú mướp vào miệng nó mà cất giọng: “à ơi...”, rủ nhau nấu mình dưới những mái tranh lợp xụp cho khỏi làm bẩn mái bọn tỉnh thành, bọn giàu hay có cái vẻ giàu bấy giờ đã nghênh ngang, lũ lượt, kéo nhau lên hóng mát.

Những đoàn xe hơi bệ vệ mà không lịch sự, nối đuôi nhau, tiếng còi inh ỏi, sang sang, về về, dồn các bác phu xe ngựa ngực kéo, hót hơ hót hải chạy vào những chỗ tránh của họ, hình ảnh cái mãnh lực tuyệt đối của cơ khí bao giờ cũng chỉ lợi riêng cho một bọn.

Thấy vẽ rõ ra trước mắt nó cái cảnh phồn thịnh nhường kia, Hai Xuân tuy là một thằng quê, một thằng chân gỗ thật mà vẫn có lòng quảng đại nhìn đời bằng con mắt lạc quan, chẳng vì thấy mình tào tạt kém người mà thù hằn oán ghét họ.

Một cặp uyên ương người vận tây, người quần trắng áo lam thung dung lướt qua mắt nó.

Nó ngẩn người ra! Chưa bao giờ nó được trông thấy cô nào xinh đẹp đến thế. Nhất là cái mũ nhung đang quay vòng tròn trên hai ngón tay cái với đôi hoa kim cương lóng lánh với làn tóc mây phát phơ bên đôi má mơn mớn cô làm nó phải lơ mắt nhìn. “Hai vợ chồng nhà này hẳn sướng hơn người!...” lẩm bẩm nó nghĩ.

Người dạo chơi trên cầu dần dần càng đông, đông ghngh như thể rủ nhau trẩy hội. Theo sau cặp trai gái xinh đẹp ấy, một ông béo phục phà phục phịch, hai bên má chảy xệ xuống như má lợn xề, hình như trời xinh ra chỉ để nhai toan những của ngon vật lạ nên cái bụng nghênh ngang trên bộ giò chữ bát chẳng đủ sức khiêng ông, bắt cái đầu và cái ngực phải dòn cả lại đằng sau. Ông bày bụng ra một cách vênh váo, bệ vệ đi trước để theo sau, một bà gầy nhảnh cao lênh khênh, mình lép như bồ kếp, một cái mái để sắp đến hồi phé thải. Hai Xuân cứ bịt mồm nhin cười chẳng được vì nó nghĩ ngay đến một miếng đồng dần dần tắt phải dài ra nếu bị một cái búa nặng bên trên cứ ngày ngày nện xuống.

Rồi đến những cậu đầu trần, tóc mượt nhẹ nhàng cười trên những con “ngựa sắt” sáng choang hay phong phanh trong những bộ áo lót mình kẻ dọc kẻ ngang sặc sỡ, rồi đến các con nhớn nhơ trong những bộ “cánh cào cào”vàng, đỏ, tím, lam, rồi có cả một vài cụ già quần lụa áo sa, tay quạt, mắt kính, ung dung dạo gót nhìn non nước mà chẳng buồn nhìn đến bọn trẻ ranh.

Thằng Hai trông đám người ấy chẳng bằng con mắt ác cảm. Nó rất ước ao được có ngày thanh thoi như họ, nó coi họ như hạn người đã được trời thương, mà trời đã thương ai, đã ban hạnh phúc cho ai thì người ấy đã đành là xứng đáng.

Còn nó nghèo, nó khổ, nó đổ là tại số. Tại số? Phải, những bộ óc rắn đặc như óc nó thì bao giờ lý hội sự đời cũng chỉ thấy toàn số, mệnh. Nó không biết rằng bố mẹ nó đã bị xã hội hất hủi vào cái cấp hạ lưu đề tiện thì không còn mong gì ngoi ngóp được lên, đã không ngoi ngóp được lên, thì tiền đâu nuôi nó, cho nó học hành, mà nó chẳng phải cầm đến cái tay xe? Đã cầm đến bộ tay xe, không những

nó phải ra sức kéo người có tiền cỡi nó, nó còn phải đem mảnh thân cát bụi của nó ra chiến đấu với tạo vật, với những tia mắt mặt trời dữ dội chiếu xuống đốt lưng đốt gáy nó, với những trận mưa trận gió phũ phàng ném những hạt nước nặng nề thẳng vào mặt nó, thổi tung cát bụi lên làm tối mắt nó hay đưa lạng cả xe nó kéo về đằng sau, làm tròn thành sang bên phải, bên trái, tròn thành như một chiếc thuyền. Nào đã hết đâu!... Thắng được tạo vật rồi, nó còn lại phải chiến đấu nữa, chiến đấu với cơ khí, chiến đấu để nuôi thân. Những ông đại tư bản, giàu có hàng triệu, có thể nuôi nổi không biết cơ man nào hạng người như nó, cũng cạnh tranh với nó. Rồi các ông ấy mang ra đường sắt những đoàn xe lửa hùng hổ để chạy thi với anh cu li bé nhỏ yếu ớt kia. Những ông tiểu tư bản cũng chẳng tha nó nào, cũng lại cướp cơm của nó. Mỗi khi nó khom lưng kéo chiếc xe tay thì những tiếng còi inh ỏi làm loạn óc nó, những chiếc xe hơi máy chạy vo vo phun khói mù trời, dồn nó, hất nó vào một bên đường để tranh lên bước trước.

Mặt trời vẫn “tươi” trên lưng nó một lớp mồ hôi, khúc đường tráng nhựa chang chang không một bóng cây vẫn ở dưới châm kim lên hai bàn chân nó, hỏa trong mình nó bắt lên hai mắt đỏ ngầu, cát bụi bốc lên làm nó tối xắm mắt lại, đoàn xe hơi vẫn sùng sục đuổi nhau, rồi không biết thế nào, một chiếc vồ phải nó, hất người khách của nó vào một góc đường, hất nó té nhào xuống đất.

Khi nó mở mắt ra thì nó thấy nó đã được nằm trong một gian buồng nhà thương Hà Nội. Bố mẹ nó ngồi cả bên giường, tay bưng lên mặt mà khóc tỉ tê; quan đốc tờ bảo nó đến phải cưa chân.

Nó ngơ ngác nhìn hết mọi người rồi hỏi họ rằng: nó được người ta đền cho bao nhiêu tất cả? Người ta chỉ nhìn nó mà cười một cách chế nhạo rồi bảo rằng người ta đền cho nó một cái chân gỗ, chỉ một cái chân gỗ và một cái nạn thôi, nó đã đi trái luật. Trái luật ư? Không, quyết là không, chẳng khi nào nó đi trái luật bao giờ, nó còn nhớ rõ, quả thật hôm ấy nó vẫn đi bên tay phải.

Vẫn đi bên tay phải ư? ... Đối với hạng người như nó, họ chỉ cần đáp lại một câu: mặc kệ! – Thân nó từ đấy què cụt, ai nuôi? -Mặc kệ! - Bố mẹ nó già lão thế kia rồi sẽ ra sao? - Mặc kệ!... Họ mặc kệ hết

thầy, nó chỉ đành từ đấy lê cái chân gỗ suốt đời, vì chẳng ai đã làm chứng cho nó trong lúc tai nạn xảy ra nó vẫn đi bên phải.

Trên cầu người dạo chơi bóng mát lại càng đông thêm. Thịnh thoảng, một cặp trai gái lướt qua mặt nó, để lại cho nó một ít hương thơm thoang thoảng. Nó bỡ ngỡ đưa hai con mắt nhìn hết người, mà ô này! chả ai buồn nhìn đến nó, nó chỉ là một thằng què cụt, rách rưới, khốn nạn, ai nhìn đến nó làm gì... !

Thằng què! thằng què lòng tự nhủ lòng, Hai Xuân rầu rầu nét mặt nhìn xuống cái chân gỗ... Những người chung xóm nó, những anh em đồng nghiệp nó ít lâu nay đã cải tên của nó, đã gọi nó là thằng Hai Què. Thằng què! ôi đau đớn!...

Mặt trời lúc ấy đã lặn hẳn, nhường cho những ngôi sao lặn tẩn lấp lánh trên khoảng không trung. Dây đèn điện trên cầu, trong một cái chớp mắt, đã rủ nhau bật đều lên cả, ló ra những đám lửa đỏ hung hung có vẻ buồn rầu và kèm cho mỗi người dạo mát một cái bóng hiện trên những thửa gỗ lim, nó lặng im, bé lại hay dài ra tùy ở con người đứng trên một chỗ hay đi đi lại lại.

Trông về Hà Nội, dưới tầng mây bạc lộn vẩy tê tê, thành phố tung lên một giải hào quang sáng lòa cả mắt mà kéo dài một mạch từ ô Yên Phụ đến tận Lò Lợn giáp với Thanh Trì, dây đèn điện bờ sông ra công “phá tối” sáng quắc và thẳng băng như chuỗi hạt kim cương.

Cảnh vật đều vui, nhưng Hai Xuân chỉ là một thằng què cụt... !

Nó buồn, buồn lắm!

Rồi nó bỗng thấy nó rất đáng hổ thẹn trong đám đông người ấy, hổ thẹn như một con vật ghẻ lở trốn vào đâu cũng bị hất hủi đuổi ra.

Nó không dám nhìn họ nữa, quay mặt vào thành cầu, nó tựa cằm vào một thanh sắt mà nhìn xuống nước, nhìn những ngọn đèn điện từ trên ánh xuống bị dòng nước l-oi cuốn đi làm tan nát ra như muôn nghìn mảnh kính, như muốn trôi đi mà lại như muốn đọng đấy, lững lờ một chỗ, lạ mắt vô cùng. Rồi nó vắng nghe thấy dưới nó tiếng chèo bì bõm, tiếng trẻ khóc oa oa, tiếng cái điều cày có người rít một hơi sòng sọc.

Nó cố định thần nhìn xuống; một chiếc tuyến từ từ ở gầm cầu chui ra, lù lù mà bí mật như một con quái vật nó thường gặp ta trong

những đêm trần trọc có chiêm bao ghê gớm vậy.

Từ khoang thuyền chiếu ra ánh sáng hiu hắt một ngọn đèn con để thẳng Hai thoáng nhìn thấy bóng một người đàn bà cầm chèo ngả nghiêng đằng mũi, ngả nghiêng một cách rất táo bạo như có lúc muốn lặn tòm xuống nước, táo bạo như bóng một con ma đen.

Chiếc thuyền cứ dừng đỉnh mà đi để lại mặt nước chỗ sóng sôi cuồn cuộn, bọt trắng ngàu ngàu, chỗ xô nhau, xoáy nhau, tròn như một cơn gió lốc, chỗ lặn tằm vẩy cá và chỗ phẳng lặng lạ lùng, phẳng lặng mà bì bì đóng văng như một bát nước cơm.

– “Chà! sung sướng biết bao! nếu mình lênh bênh trôi trên làn sóng ấy!...

Thằng Hai chợt nghĩ thế, nghĩ đến cách tự tử ấy một cách âm thầm. Nó sống mà làm gì nữa? ... nó chết đi là phải, rất phải, np& chẳng còn nên tiếc gì đời, cái đời què cụt không kể sinh nhai. Rồi nó khỏi phải đau lòng trông thấy những tấn tuồng “con mắng mẹ vì thiếu cơm ăn” mà rồi đâu anh nó lại đem diễn ra trước mắt nó, nó sẽ khỏi phải trông thấy cái cảnh tượng bố nó mẹ nó vêu vào nét mặt, ngồi mỗi người một xó mà nhỏ lệ đầm đìa. Được lìa đời, nó sẽ thoát khỏi mọi điều đau khổ. Cái đời nó nay xoay ra đến thế là tuyệt vô hy vọng, trời không thương nó nữa vì xưa nay nó chỉ mong có lấy được một bộ chân khỏe mạnh để kéo cái xe tay, để nuôi thân và nuôi cha mẹ mà thôi. Ông trời ngày nay bắt nó què cụt, nó còn sống nữa làm gì? ... Nó đã đau khổ lắm... Vì đâu nó đến nỗi phải liều thân như vậy? Chao ôi! nếu nó vẫn có đủ cả hai chân như mọi người!...

Hai Xuân mệt quá, mệt lả người đi, thiếp mắt đi.

Nhưng một sức mạnh vô hình đã đến bao phủ lấy nó, lay nó dậy, dựng nó đứng lên, giục nó trông trước nhìn sau chẳng thấy ai đứng đấy thì trèo lên thành cầu, dăm dăm nhìn xuống nước. Chỉ trong một vài giây đồng hồ nó cũng đủ thấy rợn, nó nhắm nghiền mắt lại, liều buông tay ra. Đánh bôm một cái thân nó đã bị làn sóng cuồn cuộn xuống, nước lạnh ủa vào tai, vào mắt, vào mũi, vào mồm nó, nó như ngây như dại, như ngnó vẫn thấy hình như trên cầu có tiếng người rộn rịp chạy, tiếng kêu tiếng thét ào ào, họ túm cả vào một chỗ mà

chỉ chỗ cho nhau, thấy đều sưng sốt, những con mắt long sòng sọc xiên qua quăng tôi tìm tòi xác nó, lại vắng vắng có tiếng người kêu...

Hồ ồ ồ ồ ồ ha a a a a!...

Một tiếng còi đinh tai làm Hai Xuân giật mình đánh thót một cái.

Nó bàng hoàng cả người, chớp mắt luôn mấy cái rồi định thần nhìn kỹ mới biết nó vẫn ngồi gục đầu xuống đáy mà ngủ quên đi mất tự bao giờ, nước dãi nó đã chảy ra đầy một bên má nó. Như một vòng trong đèn cù, những người hóng mát vẫn ung dung lướt qua mặt nó, đến bảy giờ họ mới dừng chân cả lại đứng chờ xem một chuyến tàu về...

Sinh sinh sinh sinh! sinh sinh sinh sinh!... cả cầu chuyển động, trên đường sắt hiện ra trong đám tối hai con mắt lửa đỏ ngầu, một cái miệng phun khói ra đen nghịt, rồi như một trận cuồng phong, cái đồng sắt đen lù lù ghê gớm ấy phăng phăng trôi qua mặt nó, kéo một dãy dài đến mười cái toa những người đông nghịt, họ đứng lố nhố mà nghênh ngáo nhìn quanh.

THằng Hai đực mặt ra trông chuyến tàu ấy nó đi đến đã làm rung chuyển đến đáy như một trận động đất dữ dội, nó làm nhấp nháy muốn tắt cả hai dãy đèn điện trên cầu mãi đến lúc nó đã đi xa, chỉ để lại cho mọi người một ngọn lửa đỏ tù mù ở sau toa cuối cùng nó dần dần biến mất đi trong đám tối...

Không, Hai Xuân chưa chết. Nó hãy còn trơ trơ ngồi đó, nó chưa ném mình xuống nước bao giờ; Nó nghĩ đến cái chết đại đột kia mà chột rùng mình, rùng mình lạnh toát cả người như trong một cơn(...)thấy muốn đứng dậy lần về nhà nhìn mặt bố mẹ nó, nhìn mặt anh nó dẫu rằng anh nó, nó cũng bằng lòng. Rồi nó cầm lấy nạng.

Bỗng nó thấy đói lắm, đói đến nỗi không đứng lên được nữa, đói quá đi mất. Nó lại thấy lâm râm hơi đau bụng mà chân tay nó mỏi lả đi như đã mất hết cả gân. Nhưng biết làm thế nào? nó chỉ đành cố sức đứng lên, chống nạng mà đi, cái nạng gỗ rắn quá, cứ đâm nhoi nhói vào chỗ xương nách nó chưa quen dùng, làm đau chết điếng người đi được.

Đi hết cầu, xuống đường đê thì trời tối đen như mực. Nó cứ nghe tiếng mấy người đàn bà đi trước nó mà lần theo họ, theo mãi đi đến

nửa giờ. Rồi nó dừng chân trước một mái gianh, một cái lều tồi tàn, đổ nát, rách rưới ở ngay đầu xóm, bên trong có ngọn lửa to bằng hạt đậu, ánh sáng tiêu điều lách qua phen cửa chiếu ra. Nó chưa dám vào ngay, nó còn lảng lạng nghe xem sao đã.

Thốt nhiên như có một cơn gió buốt xuyên vào tai, vào gáy thẳng Hai làm nó rét lạnh cả người, từ đầu đến chân run như cây sậy, rõ ràng như có tiếng mẹ nó, người mẹ rất thân yêu của nó sụt sùi, như muốn khóc mà như cố nín, cố nín vì phải sợ ai. Nó rón rén tiến gần đến cửa, vén cái màn mỏng rách lên, nhìn thò nhìn vào. Ôi! một cảnh buồn!... buồn chết người đi được!...

Bố nó, một ông lão ngót 60 tuổi, cời trần, gầy gò như một bộ xương, ngồi một góc phản, hai tay để trên hai đầu gối, đầu cúi về đằng trước, ngầy người ra như một cái tượng. Mẹ nó ngồi sệp dưới đất, gục mặt xuống đầu gối, hai tay ôm chân, còn anh Cả nó thì nằm thẳng cẳng trên giường, chốc chốc lại dằn vật chân tay như đang có chuyện gì làm bức tức đến cực điểm. Mẹ nó vẫn tỉ tê khóc lóc, chợt anh nó ngồi vung dậy như bị một cái lò xo sai khiến rồi đập tay xuống bàn đánh “bộp” một cái mà quát:

– Bà thương nó phải không? Bà cũng phải biết mới được chứ! Nó có là bố tôi đâu? Bà còn tỉ tê nỗi gì?

Hai Xuân đứng ngoài tái mặt đi. Vì nó, anh nó đã sinh chuyện với bố mẹ rồi. Nhưng nó vẫn phải lảng lạng đứng nghe, bố nó vẫn ngồi yên, chẳng nói chẳng rằng, mẹ nó vẫn sụt sùi, tay bưng lấy mặt. Anh nó lờm mẹ nó một cách trông rất khả ố rồi lại nằm vật xuống giường, thò dài một cái ra chiều rất chán nản. Sau một lát, anh nó lại xấn xỏ nói:

– Nay tôi bảo thật, lần này là lần cuối cùng đấy... nếu cái thằng mặt chó ấy nó vác xác về đây thì cả ông cả bà liệu mà bảo nó đi đâu thì đi... biết chưa? Ông bà đã nghe chưa? ... tôi chỉ có một bố thôi nhé!... Năm nay tôi ngót ba mươi tuổi đầu rồi mà chưa có vợ con gì cả, vẫn cô độc cô quả thế này là vì những ai? ... Ông bà có biết không? Nếu bà thương nó thì bà đi ngay đi... có gì ghói ghém ngay lại mà đi theo nó... Đi ăn mày với nó... Rồi lại chả lo được ăn mày cả

lũ cho mà xem à? ... nay mai nhà máy loại người thì biết ngay chứ khó gì... !

Mẹ nó đến bây giờ mới hậm hực nói:

– ... Thì rồi tao bảo nó, việc gì mà phải vội mắng tao... ? mà không nuôi nó nữa thì thôi mà... Để tao bảo nó mà... Để tao đuổi nó đi mà... tao vẫn bảo.

Anh nó lần này quát lại to hơn trước:

– Vẫn bảo à? vẫn bảo mà để mấy tháng nữa? sao không bảo ngay đi có được không?

Bố nó bây giờ mới khẻ nói:

– Ở thì ở chứ mấy hôm nay nó có dám xin ăn xin uống gì đâu!

Anh nó ra ý tức đến cực điểm lại gắt:

– Thôi đi ông... Ông đừng vào hùa nữa... nó không ăn gì thì chó ăn à? chó ăn cả đấy à...

Nghe đến đây, thằng Hai thấy trong mình sôi máu lên sùng sục. Nó những muốn nhảy xổ ngay vào nhà, giơ nạng lên mà phang cho anh nó luôn mấy cái, nhất là đến vỡ đầu sút trán thì thôi. Nhưng anh nó bỗng lại thấy ngời nhòm lên, vớ lấy cổ cái chai để trên bàn, nện xuống đánh “thình” một cái rồi giơ chai như muốn xỉa xói vào mặt ông bố:

– Để tí nữa nó về đây xem! Tôi sẽ hỏi nó xem mấy hôm nay, nó không ăn gì sao nó sống được... tôi sẽ đập cái chai này vào mặt nó xem nó có phải nói thực không thì sẽ biết... muốn chối mà được à?

Hai Xuân rùng mình... Trống ngực nó bỗng thấy đập mạnh, hơi thở nó bỗng thấy hồng hộc, nó thở ra khò khè cả lỗ mũi. Rồi nó sợ hãi quá, sợ hãi quá đi mất, tưởng chừng như anh nó đã nghe thấy nó thở, đã biết là nó đứng đấy nên nhảy xổ ngay ra, cầm chai thẳng cánh dơ lên, toan đập vào giữa trán nó. Nó vội dơ tay lên như muốn đỡ, chống nạng giật lùi mấy bước rất kinh hãi, ngẩn ngơ như kẻ mất hồn, như đã bị một thương vào trán thật. Trước túp lều tranh ấy, trong đám tối ấy, nó đứng ngây người ra một lúc rất lâu. Rồi nó thấy ghê quá, sợ quá, không dám... (bản chụp mất khoảng 10 từ) gót lùi thủi chống nạng bước đi, bước liêu đi chẳng biết đi đâu, trong lòng

nửa buồn nửa tủi, phần thương bố mẹ, phần giận anh đau đớn đến tê dại cả người, nó cứ lủi thủi bước đi, trốn tránh đi, buồn rầu như một con chó cụp đuôi mà chạy vì có người đuổi theo ném đá.

Nó cứ lẩn mò trong tối, chống nạng mà đi, cứ đi thế mãi. Chợt nó đứng dừng lại, ngạc nhiên lắm, rồi tự hỏi: ta định đi đâu bây giờ? ... rồi nó đứng ỳ ra đấy, chẳng biết nghĩ sao. Nhưng sau nó nhớ ngay đến một chỗ bờ đê gần đấy có một cây nhãn rất to, dưới gốc mặt đất nhẵn lì vì ban ngày, những trẻ chăn trâu vẫn họp nhau đánh đáo, cây cao bóng mát, có thể hứa với nó được một giấc ngủ no say, không phải lo gì đến chuyện rắn, rết. Nó lại trông thẳng mà bước chân đi, chưa được bao lâu đã thấy hiện ngay ra trước mắt nó cái bóng nhãn lù lù mà nó đang mong mỏi.

Nó ném mình vào chỗ tối ghê tối gớm ấy, tay quờ quạng tìm một rễ cây để gói đầu nằm kênh xuống đất, vắt tay lên trán mà thở hồng hộc như bò.

Chung quanh chỗ ấy, cánh đồng rộng thênh thang, lác đác vài nơi ngói lên những rặng tre lố nhố, đều đắm đuối trong một bức màn dày, lúc đó càng thêm mù mịt vì những đám mây đen nghịt đã kéo dàu về, che lấp cả các ngôi sao.

Những tiếng “ộp oạp” đưa lên inh ỏi, những tiếng chó sủa văng vẳng lao xao, lại trên không, những đàn vạc ăn đêm thỉnh thoảng bay qua, đua nhau kêu lú lú ta lú lú. Một cơn gió mát lạnh, đượm những hơi mưa, thổi điều hòa, đập rào rào vào vòm lá nhãn, khởi ra mùi bọ xít thoang thoang hôi nồng nặc.

Hai Xuân nằm lẩn dưới gốc, chân tay uy đã mỏi như dầm mà mắt vẫn còn thao láo nhìn đêm, cái đêm tối tăm, đau khổ, cái đêm không giảng, không sao, cái đêm bí mật, nặng nề của những chuyện tự tử, quyền sinh. .

Thôi, từ đêm ấy trở đi, nó không còn mong gì bước chân về nhà nữa, nó đành phải bỏ túp lều tranh rách rưới, tồi tàn mà rất thân yêu ấy, bấy nay trong hai mươi mấy năm trời đã quây quần dưới mái nào cha, nào mẹ, nào anh và nó, đã đếm qua những ngày giờ vui sướng cũng như ngày giờ đau khổ, đã bao lần che chở cho nó được yên thân trong những cơn vũ bão tựa như lở đất long trời. Rồi đây,

thân phận nó sẽ nổi, chìm, rồi, giạt, lênh đênh như những cánh bèo mặt nước, như những mảng bọt giữa sông, cái chân gỗ nặng nề đã phá tan trong óc nó mất mỗi hy vọng đến những ngày no ấm, đã bày ngầy ra trước mắt nó cái đoạn đời khốn nạn của người hành khất; lúc mưa cũng như lúc nắng, đến cửa nhà nào cũng chỉ như để đợi nghe cái câu bắt tử: “không sẵn!... Đi đi”.

Đau lòng quá đổi, thằng Hai tay bưng lấy mặt, khóc lên rưng rức. Chợt một cơn sấm động ư ừ làm nó sợ hãi đến bay hồn. Trên trời bấy giờ sấm chớp đùng đùng, gió thổi lại càng thêm mạnh. “Chết nổi! mưa bây giờ thì mình ra sao? ... dễ thường số mình bị trời đánh chắc? ”Nó vừa băng khuâng nghĩ thế thì đã thấy “lộp bộp” một vài hạt nước mưa to ném xuống như mấy tiếng dạo trong một khúc đàn rồi, theo sau vài cơn gió mạnh, bài âm nhạc sầm sập, rào rào chỉ những cơn gió thổi từng cơn, tiếng nước rơi rả rích kéo dài cái điệu buồn buồn mà tẻ ngắt vì không thay đổi, cái khúc âm nhạc rả rích “trời mưa”.

Thằng Hai phải vớ nạng đứng ngay lên, tìm cách náu mình, lom khom ẩn dưới gốc cây. Thỉnh thoảng, một vài giọt nước rơi vào mặt, vào đầu, vào gáy, vào lưng nó, làm nó rét run lên cầm cập mà dưới đất, những hạt mưa lăn tăn bắn lên chân nó làm nó thấy ngứa ngáy khó chịu vô cùng. Nhưng nó chỉ đành lom khom đứng yên một chỗ, lưng mỗi rả ròi, chốc chốc ngoáp dài một cái rồi lại nhìn đến cơn mưa, cái cơn mưa trút nước của những ngày hè uể oải, có dư sấm sét rất đáng lo ngại. Hai ba lần, nó phải bưng tai, nhắm mắt, trong lòng hồi hộp mà chờ cái chết vì ngay trên đầu nó thấy những cơn “ùng ục” dữ dội. Cũng may, những cơn ma chắc không bay đến ẩn mình vào cây nhãn ấy (?) nên những tiếng sét “đoành đoành” đi sau ngưỡng giây chớp sáng quang đã tha cho nó, chỉ đánh xuống những nơi ở tận đầu xa.

Nó cứ đứng thế, mặt đất sũng nước đã ngập cả một bên chân nó tưởng chừng như mưa không bao giờ tạnh được. Nhưng độ một vài giờ sau thì hết cơn mưa.

Hai Xuân bấy giờ đã nhọc lắm, đến chân tay cũng không buồn cử động nữa. Rồi cái đói giúp cái nhọc nó chẳng còn bận tâm lo nghĩ chuyện gì, nó đổi chỗ đứng, một tay vòng nạng, một tay kê sau gáy

để đỡ lấy đầu, nó cứ việc tựa lưng vào gón nhĩn, chống tay vào nạng gỗ mà đánh một giấc ngủ rất say sưa, cái giấc nguy hiểm của những người bụng đói như cào, có khi ngủ không dậy nữa.

Nó cứ đứng thế mà ngủ được mãi đến khi trời tang tảng sáng; mãi đến khi có một đàn kiến bị nước phá tổ nhùng nhúc bò ra, một vài con đỏ như lửa mà to như hột thóc bò lên bàn chân thịt của nó, cong đuôi đốt nó, nhoi nhói như kim châm. Hai Xuân bấy giờ mới vùng thức dậy, dụi mắt, rũ kiến rồi ngo ngoác nhìn cũng hơi ngạc nhiên vì mình đã ngủ, trời tuy đã sáng nhưng chung quanh nó, nó chẳng nom được rõ vật gì, nó chỉ thấy một màu trắng toát, một bức màn sương, nhưng vì nghĩ ngay đến chuyện về nhà, nó cũng cầm lấy nạng.

Trên đường đi làm lộ mà trơn hơn rêu bám, thằng Hai lúi thủi chống nạng về nhà, đi giữa cái “đám rước” những cóc và giun, những con nòng nọc mới đứt đuôi lặn tăng nhảy trước mặt nó và những con giun đen xì xì, to như cái đũa ngọ nguậy bò dọc bò ngang, vẽ trên đường đi những vết dài dài. Thằng Hai cứ việc bước đi, lộ lồm bồm mà đi.

Về đến gần nhà, nó dừng chân lại đứng ngẫm nghĩ. Chắc hẳn bây giờ thể nào anh Cả nó cũng ra ga rồi, trời chưa sáng rõ là vì có sương, nó vào bây giờ chỉ còn việc là lạy từ cha mẹ. Nó đến cửa, khẽ gõ mấy cái vào phen thì cửa mở ngay. Mẹ nó có vẻ ngạc nhiên hỏi nó:

- Mày ngủ đâu về thế con?
- Dạ, tôi ngủ đằng nhà anh Xã.
- Thế à... Thế đã cơm nước rồi đấy chứ?
- Đã, anh ấy gọi tôi đánh chén vì hôm qua, anh ấy phát tài to.
- Sao quần áo mày ướt đầm cả thế kia?
- Nhà giột
- Sao tối hôm qua mày không về?
- Có, tôi có về. Anh Cả nói với thầy u những gì tôi đã biết hết... Tôi thấy thế nên tôi lại đi... thế anh ấy đi làm chưa u?
- Nó đi rồi... vào, con... !

Theo sau tiếng thở dài của mẹ, nó bước chân vào, ồ! này lại... bố nó vẫn ngồi một chỗ như đêm hôm trước.

– Thầy đã dậy làm gì thế?

– Đã ngủ đâu mà dậy? Đêm qua có ai ngủ đâu?

Rồi bố nó cũng thở dài như mẹ nó. Hai Xuân bảy giờ mới định nói thật, có nói vì thấy áp úng, khó khăn chẳng khác gì một đứa trẻ con bập bẹ:

– Thầy u ạ, tối hôm qua, anh ấy nói với tôi những gì, tôi đã biết cả. Tôi về bây giờ là để lấy mớ quần áo cũ và cái thẻ của tôi để tôi đi đây... tôi phải đi chứ tôi ở nhà thế nào được?

Rồi nó đứng cúi mặt nhìn xuống đất, trong lòng thật đau đớn, cổ cầm lấy nước mắt lúc đó đã thấy chạy quanh. Mỗi phút im lặng mà tưởng như rất lâu, bố mẹ nó vẫn không đáp nó, nó chỉ nhận được hai tiếng thở dài áo não vô cùng. Hai Xuân nói tiếp:

– Tôi cũng biết... thế này là phiền não cho thầy u lắm... thầy u chẳng nở, thầy u vẫn có bụng thương tôi, nhưng khôn nổi là nếu ở nhà, tôi không làm gì kiếm ăn được... Thầy u có nuôi được tôi đâu? tôi không đi cũng không xong mà... !

Mẹ nó vẫn đứng ngây người như một khúc gỗ, nó phải giục:

– Kìa u! u lấy đi cho tôi... Để tôi đi cho sớm sửa. Tôi đi thế này tôi cũng khổ lòng lắm, nhưng thôi, thầy u cũng chứ lo phiền, rồi dăm ba ngày một lần, tôi sẽ về thăm thầy u, thầy u không sợ.

Mẹ nó bảy giờ đưa cho nó một gói nhỏ trong cái khăn bọc ngoài đã bạc phơ, bảo nó:

– Cả mấy cái quần áo cũ và cái thẻ u gói kín trong này đây, đừng bỏ mất đâu mà khôn.

Nó đỡ lấy gói, lần đến một góc nhà với một cái nón rách xuống, đội vào đầu:

– Thôi, thầy u ở lại, tôi đi đây... tôi đi rồi tôi về luôn, đừng nói gì cho anh ấy biết.

Ông cụ ấy vẫn không đáp nó, chỉ nằm xuống giường để tay lên trán. Hai Xuân vừa bước chân ra khỏi nhà đã thấy bên trong bố khóc lên hậm hực. Nó đau lòng quá đổi, mẹ nó cũng theo nó bước

ra, nắm chặt lấy nó như chẳng nỗ dòi tay. Nó giương to con mắt nhìn cái mặt răn reo, đau đớn mà thân yêu ấy một lần cuối cùng, nhìn túp lều tranh âu sầu, ử dột, l& uc đó cũng đang thanh thốt rỏ lụy, rồi khẽ bảo mẹ:

– U buông con ra buông con ra cho con đi...

Bà cụ ðờ ðẫn buông tay, ngờ ngẩn nhìn con, mi mắt và mồm như bị một cái gân tai ác giết lấy giết ðể. Rồi bà cụ ðưa ngang cánh tay lên mặt. Hai Xuân tàn ngần ðứng ðấy, trông mẹ khóc mà cảm ðộng quá, thương quá nhưng sau ý chừng cũng biết rằng ðem nước mắt mà chống với cuộc ðời thật chẳng lợi gì, nó ðần lòng quay mình, mắt ðăm ðăm nhìn xuống ðất, mặt có vẻ dữ tợn ðáng ghét, nó rào cẳng bước ði, bước thẳng ði một mạch.

Bà cụ mẹ nó, vắn tay bụng lấy mặt, rung ðộng hai vai, mãi ðến lúc con ðã ði xa mới mở mắt ra nhìn.

– Hai ơi!... Ời Xuân ơi!... Xuân ơi...

Không biết bụng nghĩ ra sao mà bà cụ ấy gọi con rồi rít, nhưng vì ðã ði xa lắm, nó không nghe tiếng, cứ việc cầm cổ mà ði. Rồi thấy bà cụ ấy chạy theo con, vắn ra sức gọi

Thương thay! mái tóc hoa râm ðã ðiểm 60 tuổi trên ðầu mà bà cụ ấy vẫn chưa biết mình thân già tuổi yếu, ton ton chạy ðược vài mươi bước thì chỗ mặt ðe trơn như ðổ mỡ ðã làm bà cụ té nhào lấm lét từ ðầu ðến chân, nằm trong vũng nước ðầy vừa run vừa khóc. Bà cụ ấy ngã đau, đau lắm nhưng cũng cố gượng chống tay nghểng cổ mà nhìn, nhìn ðến ðứa con thân yêu kia, nhìn ðến thẳng Hai lúc ấy chỉ còn như một cái chấm trông thẳng về Cầu Sắt Hà nỘi mà ði, ðần ðần biến mình vào ðám sương mù...

Juillet 1931

VŨ TRỌNG PHỤNG

Một cái chết (1931)

Bây giờ tối.

Hai chúng tôi, cơm chiều xong, vừa định thẳng bộ vào dạo chơi loanh quanh mấy phố thì trời bỗng đổ cơn mưa như trút.

Phải bó cổ ngồi nhà cặm cụi với mấy tờ báo, chúng tôi xem đã uể oải, mắt đã thấy mờ thì cửa vẫn khép chặt, bỗng có người đẩy đánh xầm một cái tung ra.

Giật mình, chúng tôi ngơ ngác nhìn lên thì một ông lão ăn mày vừa lòa vừa cụt chân, người quắt như con mắm nướng, áo tơi, nón lá, chống nạng lê vào.

– Lay ông, lay bà... Bớ thí cho con đồng cơm bát cháo trong lúc khốn cùng...

– Không sẵn! Đi đi!!! Cửa nhà người ta khép thế mà cũng đẩy ra được...

Đã bực mình sẵn, lại thấy ông lão xông xáo quá đáng thế, tôi không chút thương mà gắt rầm lên. Bạn tôi vội xua tay ngăn lại, đứng dậy, ra ân cần đỡ vào tay ông lão một xu. Ông lão cúi rạp xuống đất tạ ơn rồi lủi thủi bước ra, để lại chỗ đứng một vũng nước dấy ở cái áo tơi trút xuống. Bạn tôi cài then cửa rồi vào:

– Không bao giờ tôi nỡ đuổi một người ăn mày như anh đã đuổi.

Tôi mỉm cười một cách nhạo báng. Bạn tôi xưa nay vẫn hay giảng đạo đức, thuyết luân lý.

– Anh đừng tưởng chuyện đùa. Những chuyện rất thường mà đối với người ngoài cuộc, lắm khi có ảnh hưởng lại rất sâu xa. Một người ăn mày đến kề bên ngoài. Người trong nhà chạy ra mắng đuổi hất đi rồi đóng cửa đánh xầm một tiếng. Tưởng chẳng có chuyện gì bình thường hơn thế nữa. Thế mà cũng chỉ vì một chuyện đuổi ăn mày mà chính tôi đây, tôi đã được mục kích một tấn kịch rất đổi bi thương.

Nói đến đó, bạn tôi ngồi xuống ghế, vợ lấy bao thuốc lá lấy ra một điếu đánh diêm châm, rồi tiếp.

Bên ngoài trời vẫn rả rích mưa to.

– Hồi ấy, cách đây sáu bảy năm trời, phải, sáu bảy năm trời rồi mà câu chuyện xảy ra tôi còn nhớ mồn một như mới hôm qua.

Năm mười sáu tuổi, học lớp nhất trường Hàng Vôi, tôi ở trọ phố Bờ Sông, nhà một thầy cai lấy thuế chợ. Con trai thầy mới lên mười một, học lớp dự bị, ngày ngày bốn buổi đi về có tôi dắt dìu. Tối đến dưới ngọn đèn dầu cũng tôi chỉ bảo.

Gia thế thầy cai tôi không được rõ. Vì có người quen mách giúp nên việc tôi đến trọ nhà thầy là việc ngẫu nhiên. Chỉ biết hôm tôi khuân hòm đến thì, trên chòm mũ trắng điểm vành băng đen, thằng Hoi - con thầy - đã ngót hai năm trở mẹ.

Thằng Hoi! Tôi nhắc đến tên thì người, tôi cũng nhớ được ngay... Anh thử tưởng tượng xem, một thằng bé mới mười một tuổi đầu, mặt mũi sáng sủa, ăn nói lễ phép, đến trường học hành đã chăm chỉ, về nhà việc vặt lại hay làm. Thầy cai rất yêu quý con trai, sợ cảnh dì ghẻ con chồng, chuyện lấy vợ kế thầy không hằng nghĩ đến.

Nhưng xem ý tôi biết, thằng Hoi không yêu bố nó chút nào. Chắc anh cũng chẳng lạ gì, một đứa trẻ, rất ngoan mà không ưa bố, một người bố cũng thương yêu con như trăm nghìn người bố khác, chỉ vì cái nghề mà đến con đẻ rút ruột nó cũng không yêu.

Anh thử tính xem, cái nghề mà cửa miệng thiên hạ vẫn nói... Nó đầy đoạ con người một thời xông pha mưa nắng, chỉ vì bốn phen mà đối với người nghèo hèn, buôn thúng bán mẹt đã bị họ coi như kẻ tử thù.

Mỗi lần thầy cai đi "sơ vít"⁽¹⁾ qua cửa trường Hàng Vôi là lại một phen thằng Hoi khóc. Nó khóc vì nó chẳng đang tâm trông thấy bố nó thẳng cánh đánh đập một bà lão bán bún hay đá túi bụi một thằng bé con cho hòm kẹo đổ xuống đất tung tành, nó khóc vì bạn bè trong trường khinh bỉ nó vô cùng, thường rõ rọ vào mặt nó mà rằng: "Chúng tao không chơi với mày! Bố mày làm cai lấy vé chợ".

Sau những trận đau lòng ấy, chẳng biết trông cậy vào ai, thằng Hoi chỉ còn ôm đầu cúi lúi thủ lại cầm tay tôi, ngược mắt nhìn lên tỏ ý

kêu van, dưới ánh sáng mặt trời xuyên qua bóng mấy cây bàng, tôi còn thoáng nhớ cái nét mặt ủ rũ của thằng Hợi, hai hàng nước mắt chạy quanh rơm rớm. Anh, nếu anh có đứng vào địa vị tôi bây giờ, anh mới rõ được cái cảnh thương tâm ấy.

Thành thử nó coi tôi như một người anh, có lẽ hơn một người anh nữa, vì càng khinh bỉ bố nó bao nhiêu, tôi lại càng ái ngại cho thằng Hợi bấy nhiêu. Nó cũng hiểu lòng tôi thế lắm.

Nhưng có lẽ anh đã nóng ruột rồi, câu chuyện "đuổi ăn mày" anh để tâm, đây, tôi kể đến rồi đây.

Buổi tối hôm ấy, cũng vào độ bảy, tám giờ, cũng về cuối tháng giêng ta như hôm nay, chỉ khác là bây giờ thời tiết dễ chịu mà năm ấy thì rét như cắt.

Cái nhà chênh vênh hứng gió, cửa trông thẳng ra bờ sông, chúng tôi ngồi trong, nghe bên ngoài tiếng gió ào ào, cột nhà chuyển lắc rắc mà những rùng mình.

Phải, cái cảnh tượng đêm hôm ấy trí tôi chẳng quên mất một mảy may: cửa đóng kín im im, ngồi chùm đầu trong một cái chăn bông mà hai hàm răng tôi vẫn thấy chọi nhau lập cập. Thằng Hợi ngồi học cùng bàn với tôi nhưng không biết nó nghĩ vơ vẩn điều gì, mắt nó thường không nhìn đến sách. Thầy cai thì ngồi chễm chệ giữa giường, bên đầu kê một hoả lò than đỏ rực, trên để mấy con mực khô đang sèo sèo, mùi mực nướng pha lẫn mùi rượu ngang thơm nức cả nhà, nghĩ đến mà thêm rở dãi.

Chợt có người khẽ gõ vào cửa mấy tiếng rồi đánh "huych" một cái như có vật gì rơi xuống đó. Vừa toan bỏ chăn, xỏ chân vào đôi guốc bước ra thì thầy cai giơ tay ngăn lại, cầm khăn ung dung chùi mồm, vuốt lại bộ râu cong đầu đầy rồi mới cau đôi lông mày sâu róm lại, lên tiếng đồng dặc:

– Ai hỏi gì...?

Bên ngoài lại thấy mấy tiếng gõ vào cánh cửa.

Thầy cai lộn tiết, quát:

– Hỏi gì, nói lên!!!

Nhưng gió vẫn ào ào, bạt cả lời thầy muốn nói. Chúng tôi lắng tai nghe, bên ngoài đưa vào một cơn ho lụ khụ, rồi rạc như của một người mắc bệnh kinh niên, rồi thấy giọng run run đưa qua hơi thở hỗn ha hỗn hển:

– Lạy ông lạy bà, ông bà cứu con, vừa đói vừa rét thế này con chết mất...

Chẳng cần nói tắt anh cũng hiểu là một người ăn mày. Trong lúc đó túi tôi cũng có sẵn vài xu rúc rích, vừa toan mở cửa cho thì con người vô lương tâm kia đã lên giọng quát tháo ầm ầm:

– Bước ngay! Đi nhà khác! Đây không sẵn...!

Anh tính, người ta đang đuổi thế mà mình lại cho tiền chả hoá ra chửi mạt người ta hay sao? Nghĩ thế, tôi đành khoanh tay ngồi nín lặng xem cái tấn kịch ấy nó diễn ra trong ba, bốn phút.

– ối trời ơi! Con lạy ông... Ông... Không thương, con chết mất!!!

– à... Quân này lại muốn ra gan... Muốn sống thì xéo đi không lại vào bóp sớm.

Bên ngoài, tiếng nói lẫn tiếng khóc:

– ối trời đất ơi! Con chết mất rồi đây, ông có cứu con không...?

.....

Gớm! Đến cái con người tàn nhẫn ấy thì không thể nào kể được. Tôi không ngờ lão ta nỡ đứng phắt dậy, sẵn chậu thau nước lạnh để gần đấy, liền nhắc ngay lên nhằm khe cửa đổ hắt ra đánh "rào" một cái rồi khoanh tay đứng nhìn.

Mỗi phút một xa, mấy tiếng gậy lộc cộc chống vào hè lát gạch, theo sau một tiếng thở dài... Trừ ngọn gió ào ào thổi mạnh, bốn bề lại im phăng phắc.

Nét mặt vẫn thản nhiên như không, thầy cai lại ngồi vào mâm, gật gù mãi đến nửa đêm. Nằm trong chăn, thấy khác hẳn mọi khi, thằng Hợi hôm ấy vừa đặt mình đã ngủ say như chết. Nhưng gần về sáng bỗng bừng hoàng tỉnh giấc, tôi thấy nó quay mặt vào tường mà khóc tỉ tê. Tôi nghĩ mà thương nhưng cũng không khuyên giải, biết rằng có nói cũng chỉ gọi thêm một mối thương tâm.

Hôm sau, nhằm ngày thứ năm, phải buổi chữ nho, thằng Họi ở nhà, còn tôi đi học.

Đến trưa, cấp cặp về, đã thấy nó đứng cửa, mắt đỏ hoe:

– Anh ơi, hãy ra đây mà xem đã...

Rồi chẳng để tôi kịp hỏi, nó đã xốc lấy tay tôi. Đi thẳng ra bãi, trèo qua dải dê, tôi thấy xa xa một đám đông, vừa trẻ con, người lớn. Đến gần lắng nghe họ bàn tán, tôi hiểu ngay tất có chuyện buồn:

– Thôi, thế cũng xong! Chết là may, chết là hết... Nhiều người muốn chết mà chẳng được cơ...!

Lời nói lạnh lùng của một ông lão trên đầu hai thứ tóc, mắt kèm nhèm, quần áo rách như tổ đĩa. Một thằng bé độ sáu tuổi nhăn răng bảo thằng đứng bên cạnh:

– Mày ạ! Trông đầu ông ấy như một quả bóng sanh (cinq).

Rồi mấy người đàn bà cười ồ.

Chẳng để ý đến mấy người họ lấy khuỷu tay đẩy mình, chúng tôi rẽ đám đông ấy, cố len lỏi vào cho được.

Anh ạ, tôi quyết không bao giờ quên được cái cảnh buồn tê buồn tái ấy nó hiện ra trước mắt tôi, lần ấy là lần đầu.

Trời vẫn rét, gió vẫn thổi ào ào.

Trong miệng cái cống tròn bằng xi măng một cái xác ông lão ăn mày nằm còng queo, hai chân co lên bụng, còn hai tay vẫn như ôm lấy bị gậy. Cái nón lá rơi ra một bên, bộ tóc lơ thơ, mấy chòm râu lồm đồm phát phơ bay theo ngọn gió, cái thân da bọc ngoài xương nằm đó cho ruồi bâu nhặng bám phải chẳng là người hành khất đêm qua lê đến cửa nhà tôi mà đã bị một chậu nước lạnh đuổi đi...?

Nghĩ thế rồi chẳng nỡ nhìn lâu cảnh ấy, tôi dắt tay thằng Họi kéo ra chỗ khác. Nào ngờ, nó cũng nghĩ như tôi, rầu rầu nét mặt mà rằng:

– Chính người ăn mày đêm qua rồi, anh ạ.

Lời nói của một đứa trẻ ngây thơ ấy theo sau một tiếng thở dài mới tha thiết làm sao... Một khối óc còn non mà đã thấy cái chân tướng cuộc đời, trong lòng xúc cảm bao mối thương tâm mà chỉ biết

phát lộ ra bằng một tiếng thở dài, một tiếng thở dài mà ngụ bao nỗi đắng cay, ý vị...

Tuy chúng tôi không đứng lại xem lúc xe "măng ca" đến xe cái xác ấy đi ra sao mà buổi chiều hôm ấy, như bị một sức mạnh vô hình xô đẩy, lòng tôi bỗng thấy buồn tê tái, bài chẳng muốn học, cơm chẳng muốn ăn. Muốn giải trí, tôi rủ thằng Hợi đi xem chiếu bóng thì nó cười, cái cười giả dối ấy, tôi còn nhớ mãi. Rồi nó hỏi vay tôi năm hào, nói là để mua đèn anh em quả bóng mà nó đã nhờ chân đá vỡ cách đây mấy hôm. Tôi cho vay ngay, nào ngờ chỉ vì chẳng nghĩ xa xôi mà một đời tôi, rồi đây tôi còn phải lẩm phen ân hận.

Đi xem về, tôi vừa gặp thằng nhỏ còn xách thùng đi gánh nước. Bảy giờ thấy cái đang giờ "service" thành cũng vắng nhà. Mở cửa bước vào, tôi thấy thằng Hợi đã nằm kín mít trong chăn. Tưởng cũng như mọi khi, thấy rét thì đi ngủ, tôi đến bên giường khẽ lật chăn ra, ý muốn kể lại câu chuyện vừa xem với nó. Anh ơi! Thật một đời tôi, chưa bao giờ tôi phải một phen lo sợ mà cảm động như lúc bấy giờ.

Đây này, anh...! Trái tim tôi đã thấy đập thành thành, chẳng khác gì lúc ấy, lật cái chăn ra, tôi thấy mặt nó xám ngắt, mắt nó nhắm nghiền mà tay nó thì lạnh giá như đồng, một thứ lạnh của những xác chết khiến ta chỉ hơi chạm vào là đủ rùng mình ghê sợ.

Tôi biết ngay là có chuyện, cố nén cái sợ, ôm lấy ngang lưng nó mà lay gọi một hồi, chẳng thấy gì, tôi đưa mắt nhìn ra bàn thì bộ chén để úp đáy thấy lẻ bên ngoài một cái. Tôi vội cầm đến thì còn thấy cạn...

Chao ôi! Cạn dấm thanh thuốc phiện mùi hầy còn sức nước đưa lên.

Không biết sao, lúc bấy giờ tôi đã toan chạy đăm bổ ra ngoài đường kêu cứu mà rồi tôi lại quay vào, ôm lấy cái xác mà kêu, mà gọi một hồi lâu nữa... Mặt mũi nó trắng trẻo, phương phi, trông mà thương, mà tiếc vô cùng, tôi tưởng chừng như ôm vào lòng xác một đứa em.

Rồi không biết tôi nghĩ lẫn thần thể nào mà tôi nâng đầu nó dậy, in cặp môi tôi vào trán nó mà hôn... Như hôn một người yêu đang ngủ... Thì mắt nó bỗng thấy mở hé ra, tôi còn nhớ mãi đến giờ, hai con mắt ấy lơ lơ mà nhìn tôi như người ngái ngủ. Bỗng nó trợn mắt lên, há miệng như muốn nói, cổ vùng tay giờ lên như muốn ôm lấy cổ tôi mà toan gọi: anh! anh!...

Thương thay! Thằng Hợi chưa kịp nói được điều gì thì, chừng như thuốc độc đã thấm đến ruột gan nó, nó nhắm mắt giã mạnh một cái rồi buông xuôi hai tay mà ngật cổ xuống giường... Bọt mép sùi ra...

Chuyện về sau thế nào, tưởng anh đoán lấy cũng hiểu.

Riêng tôi, tôi coi cái ngày hôm ấy như một ngày mà tôi phải để tang, nhân thấy anh đuổi một ông lão ăn mày nên tôi kể chuyện lại anh nghe...

Mars 1931

Ngọ báo, số 1077,

ngày thứ hai 16.3 và thứ ba 17.3.1931

(1) Service: Thi hành công vụ (tiếng Pháp) - B.T.

Bà Lão Lò (1931)

76 tuổi đầu, mỗi bữa thất thểu ăn một lưng cơm, bà lão lò ở nhờ một đứa cháu họ, thật đã lắm phen cực nhọc. Cháu bà, một bác đánh giậm, với vợ, một chị mò cua bắt ốc, khốn thay, dưới nách hai đứa con mọn, cũng đã lắm phen nhăn nhó vì chẳng đủ ăn.

Hai mươi năm về trước, bà lão lò này còn là người có của trong làng. Con trai bà nó chơi, nó phá, nó bán ruộng, cầm nhà rồi nó bỏ bà nó đi, chẳng biết đi đâu, lòng mẹ đối với con tuy có giận mà vẫn có thương, bà khóc lóc một mình đến nỗi lò cả mắt. Trong thời bà còn giàu có, ngoài những việc cúng tiền tô tượng đúc chuông, bà còn năng giúp đỡ kẻ nghèo khó; trong họ ngoài làng, nhiều người đã được nhờ bà mà đến khi gặp bà bước khốn cùng thì chẳng ai thương cả. Cũng vì xưa kia đã nhiều phen ngửa tay nhận lấy đồng tiền cứu giúp của bà, bác đánh giậm đành cắn răng, vuốt bụng, nhắm mắt nuôi cô trong lúc hoạn nạn.

Nhưng vốn bị ma nghèo ám ảnh, mới nuôi cô được độ ba năm, bác đánh giậm đã thấy nản lòng. Cái cảnh túng bấn nó thường đẩy người ta vào chốn bần nhơ, nó thường buộc người vào vòng tội lỗi, đối với bác đánh giậm, ác hơn, nó làm bác quên bỏ cả lương tâm. Quên hẳn cái ơn ngày trước, bác ta chỉ còn biết xót ruột khi bà lão lò lò rò ngồi vào mâm, cướp cơm của vợ, của con nhà bác.

Buổi chiều hôm ấy..

Trước túp lều tranh xiêu vẹo như chỉ còn chờ một trận gió to là đổ ụp xuống, cái sân đầy những bã mía, lá khô, một mâm cơm bát đũa dĩa mộc trong để đĩa cá rô kho chuối với đĩa cá đen sệt đen sì, cầm trên tay mấy bát cơm ngô vàng ói, bà lão lò, bác gái và hai đứa bé chỉ còn chờ bác trai rửa mặt rửa chân tay, ngồi vào là cùng cầm đũa. Đàn ruồi vù vù bay lung tung như đánh trận, hết bầu đầy vào mấy nốt mụn chốc trên đầu thẳng cu con lại bay xuống đặt mình vào đĩa cá.

Bác trai, người mảnh khảnh, đen như củ sừng, trán răn, má hóp, mắt kèm nhèm, mặc cái áo vải vá đã đến năm mười miếng mụn, đóng khố, vừa ngồi xổm xuống đất cầm lấy bát cơm, vợ đã vội hỏi:

– Bố nó hôm nay kiếm được bao nhiêu tất cả...? Ấy tôi chỉ được có bốn sóc cua hai xu với một mẹt tôm riu năm xu là bầy đầy thôi. Gạo ăn bữa mai hết rồi..

– Hôm nay được thêm mẻ lươn thì, ác quá, gặp đũa nào cũng trả rẻ, lang thang khắp chỗ, mãi đến chiều chẳng thấy ma nào hỏi lại phải bán tống bán tháo đi.. Cả ếch cả cá cũng chỉ được ngót hai hào

Vợ nhìn chồng thờ dài rồi lại nhìn đến niêu cơm. Thằng cu lớn xới một bát nhường cho em, còn mình thì cầm cái đũa cả, gắp những hột còn dính lại. Bà lão lòa, ăn hết một lưng, tay lấy bầy chìa bát ra toan xin ít nữa, chưa kịp nói, bác gái đã quát:

– Hết rồi..! Còn đâu nữa mà chìa mãi bát ra.. Đến tôi đây quần quật suốt ngày, đã ồm cả xác mà cũng chỉ được có ba lưng thôi đấy.. Bà không phải làm gì, ngồi nhà ăn ít cũng được.

Bà lão giật mình, dờ người ra một lúc rồi đứng lên đi vào trong nhà, ngồi xuống bậu cửa, lấy cái tăm gài trên mái tóc xuống xỉa răng.

Mặt trời sắp lặn, còn xuyên qua lũy tre xanh, tàu lá chuối mà rọi ánh sáng đỏ đỏ vào gian nhà. Dưới những đám mây thiên hình vạn trạng màu cá vàng chằng dọc chằng ngang phủ kín một bầu trời, một đàn sếu xếp hàng chữ nhân bay từ Bắc về Nam, vượn cổ kêu oang oác. Trên mấy ngọn tre gió thổi ngả nghiêng, dăm ba con chèo bẻo tung tăng chuyền cảnh này sang càng khác, còn đua nhau hót như muốn cất giọng chào mặt trời trước khi vào tổ.

Bà lão lòa ngồi trầm ngâm chống tay lên trán, nhân hôm ấy chiều trời êm ả, gió thổi hây hây, chim kêu xào xạc mà một mảnh đời dĩ vãng như một luồng chớp nhoáng, trong trí bà lại thấy hiện ra:

Ngoài cổng, một ông lão ăn mày lụ khụ đến ăn xin. Con vện con vàng đang nằm trong sân bỗng nhảy xổ ra cắn xa xả. Tiếng một bà ngồi trên sập gụ bên trong quát thằng nhỏ ra mắng chớ, giắt ông lão ăn mày vào thét một lưng cơm.

Bác nhiều B, vừa bị nạn hỏa, rụi đầu, vợ lại hậu sản mà chết. Trong gian nhà lụp xụp, thằng cu lớn, cái đĩ con ngồi mã la mã lệnh với thằng cu mới đẻ, cuộn tròn trong cái tã nâu, nằm ngay cùng giường cái xác mẹ nó. Tiếng ba đưa trẻ khóc như rì. Cả đêm hôm trước, bố chúng nó ôm đầu mà khóc, sáng hôm sau mới bảnh mắt đã thấy đội nón ra đi, mặt trời lên đến đỉnh đầu rồi mà chưa thấy về, bụng chúng nó đói cào như muối xát. Bỗng thấy ai nói văng vẳng như tiếng bác nhiều. Thằng cu lớn quệt nước mắt, lủi thủi bước rạ.. Quái thay! Một bà khách lạ nào miệng bồm bẻm nhai trầu, váy sồi, áo lụa, xệ nệ trên đôi dép da cong, bước vào nhà ôm lấy thằng cu con mà kêu: tội nghiệp! Rồi thấy bà khách cời hầu bao, lấy ra một cuộn giấy bạc, bác nhiều đưa hai tay nhận lấy, dòng dòng nước mắt tạ ân.

Giữa chợ gần chỗ hàng gà, hàng cá, mùi hôi tanh xông lên nhức đầu, một đám đông xúm quanh một người đàn bà ăn mặc rách rưới, tay ôm đứa bé chừng bốn năm tháng.

– Thưa bà, cháu chỉ lấy có năm đồng thôi đấy ạ.

– Thôi, chả của đâu mà trả đến năm đồng. Trông gầy thế kia, biết rồi có sống được không? Ba đồng đấy, bằng lòng đi!...

Người nọ xô người kia, chen nhau len vào. Có người đứng ngoài, không hiểu chuyện, tưởng họ mặc cả gà, khi kiểng chân, nghển cổ nhìn vào mới rõ. Giọng nói phều phào một bà cụ già lụ khụ:

– Rõ tội nghiệp chưa! Tôi mà có năm đồng thì tôi trả ngay..!

Bỗng có một bà ăn mặc lụa là, người trông phúc hậu, len lỏi vào cắt tiếng đồng dặc hỏi:

– Này nhà bác kia! Làm gì mà đến nỗi phải bán con đi thế?

– Thưa bà, nhà con phải bệnh, liệt giường liệt chiếu đã hơn nửa tháng nay, không có tiền thuốc thang gì thì chết mất. Con phải bán cháu đi để cứu lấy nhà con, mất đứa này còn mong để đứa khác chứ để chồng chết thì rồi tất chết cả mạ con cháu.

Nước mắt chảy xuống dòng dòng, nỗi thương đưa lên nghẹn cổ, người đàn bà không nói được nữa, gục đầu xuống mặt con mà khóc nức nở.

– Này...! Cứ ẵm cháu về, đừng có bán nó đi mà phải tội đấy! Năm đồng đây tôi xin giúp. Hãy cầm về mà liệu thuốc men cho bác trai

Người kia ngạc nhiên ngơ ngác nhìn lên, mãi chưa dám tin là thật, bàng hoàng như đang lúc chiêm bao, giơ tay ra nhận tiền, rồi không biết nói thế nào với vị ân nhân của mình, phục ngay xuống đất mà rưng rức khóc. Đám người tản mát, có kẻ thì thảo: người đâu mà phúc đức tệ!

Ấy đó, đổi lại bao nhiêu điều thiện xưa kia ông trời cay nghiệt nay đều trả bà bằng hai con mắt lòa với một cảnh ăn gửi nằm nhờ cực kỳ khổ sở. Cho rằng kiếp xưa tiền oan nghiệp chướng chi đây, nghĩ thương mình, thương đứa con bất hiếu, thương vợ chồng con cái bác đánh giậm, bà lão lòa thẫn thức, trên hai gò má răn reo lại thấy mấy giọt nước mắt chảy ròng ròng. Bà lão gục đầu xuống gối tỉ tê khóc không ra tiếng, chỉ thấy sụt sùi hậm hực, khiến thằng cu con lò rò bò đến với bà, không hiểu ra sao bỗng cũng khóc thét lên. Bác gái chạy vào bực mình xía xói:

– Này bà! Bà đừng làm sốt ruột...! Bà ăn xong bà đã chẳng làm được việc gì thì cứ ngồi yên một chỗ hay ẵm cháu giúp tôi, bà đừng có sụt sùi khóc lóc, đây không ai chết mà bà phải khóc...

Giọng nói day dứt mà lạnh lạnh như từng nhát búa bổ vào thành sắt vang động bên tai, bà lão hoảng hốt trong hai con mắt lòa trợn trạo cầm nước mắt cho khỏi chảy ra, trông rõ đôi tròng trắng đảo đi đảo lại..

– Trời làm đói kém thế này, vợ chồng chúng tôi không thể nuôi bà được nữa đâu, bà phải liệu mà giúp đỡ chúng tôi mới được. Rồi từ mai trở đi, để thằng cháu nó giắt bà ra đầu đê, bà ngả nón dưới bóng cây gạo mà ngồi, thấy tiếng người chợ búa qua lại thì bà chìa rá ra xin, nếu có được mỗi ngày một vài xu cũng là đỡ được cái mồm bà rồi đấy..

+

+ +

Đã được nửa tháng nay, sáng nào cũng thấy thằng cu lớn dắt bà ra ngồi đầu đê rồi chiều đến lại dắt về. Trong bọn những người chợ búa qua lại con đường cái quan, tạt vào đường đê, thấy một bà lão

lộ khụ, hỏn hỏn thờ, ngắng đầu chĩa nón kêu van, cũng đôi khi có người vớt cho một vài đồng kẽm. Chẳng may, nếu hôm nào về tay không thì vợ bác đánh giậm - cháu bà - lại nghiêng răng xỉa xói thậm tệ:

– Hôm nay chẳng ai thí cho bà đồng nào..! Bà có biết thế là bà lại ăn phần cơm của thằng cu lớn đấy không? Từ mai, bà liệu mà kêu to lên mới được... Hay tại bà ngồi dưới bóng cây mát mà ngủ thiếp đi..? Bà liệu đấy..!

Bát cơm ngô điểm quả cà thiêu, bà lão lòa trước khi và vào mồm đã chan đầy như canh bằng nước mắt.

Một ngày kia, trời tháng ba nắng gay gắt, bà lão lòa dưới gốc cây gạo, ngồi từ sáng đến quá trưa, bụng đã đói mềm mà chẳng thấy người khách đi đường nào vớt cho lấy một đồng trinh. Trên cành cây, thỉnh thoảng lộp độp rơi xuống đường dẽ một vài bông hoa gạo, mỗi khi quạ cái tha mồi về tổ cho con lại đập cánh sập sè vượn cổ kêu: quạ! quạ...! như gọi một mối thương cho người ngồi dưới gốc.

Xa xa, trong cánh đồng bát ngát một màu xanh, mấy người làm ruộng nhể nhại mồ hôi, chẳng ai buồn nói chuyện với ai Một đàn chim vành khuyên trong bụi rậm kia đang chuyển cành này sang cành khác cũng không con nào kêu hót, kiếm ăn một cách rất lặng lẽ. Phong cảnh dường như mệt mỏi Những tiếng vang động đều bị sức nóng mặt trời át mất hẳn đi Trên con đường cái quan, thỉnh thoảng thấy tiếng một cái xe hơi như một mũi tên bay, vo vo chạy qua rồi biến mất vào trong đám bụi mù xa tít,... Bốn bề im lặng như tờ. Hai cánh tay khằng khiu ôm lấy bụng mà nhăn nhó, cố quật lại với cái đói nó cào xé ruột gan, bà lão lòa thờ hỏn ha hỏn hỏn.

Chợt có tiếng người dẫm lạo xạo trên đồng lá khô, đi về phía mình bà lão vội chĩa ngay nón:

– Lạy ông đi qua, lạy bà đi lại..! Cứu cho thân tôi lấy một miếng cơm...

– Tôi đây..! Phải ai đâu mà lạy với lạy...? Bà được đồng nào chưa thì đưa đây cho tôi..

– Đã được đồng nào đây..? Chẳng thấy ai đi qua đây cả... Mẹ nó có dắt tôi về thì dắt, tôi đói lắm rồi..!

– Bà đói à? Bà đói thì để tôi no à? Bà hãy ngồi đấy xem sao, buổi chợ chiều nay, rồi họ về qua đây nhiều.. Chốc nữa, tôi sẽ bảo thằng cu nó ra nó dắt...!

Rồi bác ta thoăn thoắt bước đi, cái váy cũn cốn để lộ hai ống chân trùng trục, đen thui, giỏ cua đeo sau lưng cũng theo nhịp từng bước mà lắc đi lắc lại.. Về đến nhà, sung sướng thay đã thấy bác trai ngồi phì phèo thổi lửa làm cơm dưới bếp. Nghĩ thầm hân bố nó hôm nay được mẽ phát tài, bác ta rửa chân tay xong, vào hú hí ngay với con.

Bỗng trên trời mây kéo đen ngịt tối sầm hắt lại, rồi nổi một cơn giông. Bác đánh giậm chạy vội ra sân vợ quần áo đem vào nhà, giục thằng cu lớn mau mau chạy ra để dắt bà về kẻo mưa to gió lớn. Nghe câu ấy, bác gái ngồi ôm con một góc giường cau mày ngẫm nghĩ: thật vậy! Ba bốn năm nay, bác ta đã nhịn như nhịn cơm sống ấy rồi, quá lắm thì không chịu được. Mặc kệ bà ấy! để bà ấy chết quách đi cho rảnh mắt...!

Rồi hiện ra lần lượt trong trí bác những ngày trở trời trái gió, những ngày lửa hạ chang chang, ruộng khô đồng nứt, kiếm chẳng ra tiền, hai đứa bé bò nheo bò nhóc, một niêu cơm ngô chia khắp cả nhà, bụng mẹ đã chẳng được no, còn lấy đâu ra sữa nuôi con... Mà bà lão lòa kia thì, ngày kiếm được một vài xu cũng như ngày không kiếm được đồng nào, chẳng nhịn được bao giờ, cứ đến bữa là ngồi vào mâm, chìa bát ra cho thằng cu sơi Không, không! Không thể thế được...! Bà lão ấy chỉ là một bà cộ.. Mà lại là cô họ một người chồng, có lẽ nào báo hại mãi nhay..?

– Kia! Thằng cu! Tao bảo thế nào..? Không bỏ bếp đấy mà ra dắt bà về à? Ông lại đét cho bây giờ.

Bỗng bác gái đặt phịch con xuống giường, quặn mình nhăn nhó:

– Ôi trời dắt ôi..! Ôi trời dắt ôi..!

– Chết chữa.. Làm sao thế? Sao thế hở mẹ nó?

– Sao mà bụng tôi cứ thấy đau xoắn lại thế này! Ôi trời dắt ôi, đau thế này thì đến chết mất thôi..

– Chết chữa! Kia thằng cu.. Ấm em đỡ đi.. Đỡ đi cho nó nín đi rồi dậy đấm cho u mày một chốc... Để tao đi nường hòn gạch mà

chườm bụng vậy.. Rõ khổ chữa

Bên ngoài mấy hạt mưa bắt đầu ném vào mái tranh lộp độp rồi trời đổ cơn xuống rào rào Dần dần mưa càng to, gió càng mạnh, mỗi lần một luồng gió thổi trên không nghe ào ào là một lần nước đổ như trút xuống sân. Trời tối mịt. Thấy mẹ đã ngủ được yên, thằng cu bước xuống đất, phong phanh trong tấm áo vải, ra tựa cửa đứng nhìn.

Tiếng sấm động ù ù, mỗi khi chớp nhoáng chớp nhoáng nó lại nom rõ thấy giữa những vũng bong bóng phập phồng, những dây nước rùng rùng từ mái tranh rỏ xuống. Rồi thỉnh thoảng lại đánh "đoành" một cái, những tiếng sét vang trời đánh nhịp, hòa theo với tiếng mưa rả rích, tiếng sấm hục hặc, nổi sôi..

Chợt nghĩ đến bà nó ở ngoài đầu đê không biết ra sao, quay lại nhìn thì bố nó vẫn lúi húi dọn cơm, nét mặt thản nhiên như không, thằng cu phụng phịu nét mặt, hỏi gắt:

– Kia thầy! Thế bà ở ngoài đầu đê

Nó chưa nói hết câu, bố nó đã như bị một luồng điện giật, nảy người ra, mắt tròn xoe, mãi mới nói được.

– Chết chữa! Biết làm thế nào bây giờ? U mày đau bụng, kêu rồi rít lên, làm tao cũng quên băng đi mất...

– Thế thì chắc bà chết rét mất rồi.. Còn gì nữa..

Nghĩ đến cái chết của bà lão lòa ở ngoài đầu đê - tình cháu đối với cô - bác đánh giậm rùng mình, rợn tóc gáy. Nhưng bác tự dối lương tâm, bác đáp lại con:

– Ôi già... Chả việc gì phải sợ... Để bà lại không biết lần mò đến một cái quán nào đấy mà ăn hay sao..?

Rồi bác gọi vợ con dậy ăn cơm. Bữa ấy bác gái tuy kêu đau bụng mà cũng cố ăn được đến bốn năm lưng, mặc dầu hai đứa bé không thấy bà nó đâu, thường nhắc đi nhắc lại

Trời vẫn mưa, lúc to lúc nhỏ, rả rích suốt đêm.

Sáng hôm sau, ánh sáng mặt trời xé những đám mây bay tan tác, chiếu xuống, trông lại càng tươi càng đẹp. Trên mặt đường đê, nước đóng từng vũng, những người đàn bà gồng gánh ra chợ phải

xắn váy vén quần, lội bì bõm, hể ai hơi trượt chân muốn ngã là cả bọn lại khúc khích cười! Những đám cỏ bấy lâu phơi nắng xám cả màu, sau một trận mưa rào đã trông thấy ngay cái vẻ tươi tốt. Trên mấy cây bàng, một đàn chim sâu, con ngửa cổ uống nước, con đập cánh rũ lông, kêu hót vang tại Vệ đường loáng thoáng thấy cành cây rơi rải rác...

Phong cảnh trông có vẻ khoan khoái! Cái khoan khoái của phong cảnh sau trận mưa rào cũng như cái khoan khoái của người sau khi tắm gội!

Bác đánh giậm hôm ấy dậy rất sớm, đóng khóa, cài ổ, vác vọt ra đi.. Mon men ở dưới chân đê, lội lồm bồm qua mấy vũng bùn lầy xa xa, phía dưới cây gạo - chỗ bà lão lòa vẫn ngồi, bác thấy giữa ruộng, trong một đám mạ xanh tươi tốt, một đàn quạ, con bay con liệng, kêu sào sạc rồi đậu xúm xít vào một chỗ. Bụng tưởng hẵn là một tổ rắn chi đây, bác ta vác ngay một vọt tre lên mặt rồi phăm phăm chạy lại. Đàn quạ vùng bay lên rồi tản mác đi.. Chao ôi! Bước vừa đến nơi thì bỗng bác ta rú lên một tiếng, trợn mắt rít răng mà ngã phục xuống cạnh một cái xác, cái xác một người đã bị quạ mổ nát như, xác bà lão lòa bị gió thổi xuống ruộng đêm hôm trước.

Con người điêu trá (1932)

Nhà văn sĩ T.L. Một hôm kể lể với tôi:

– Một đời tôi, tôi chỉ yêu có một người. Trong hai năm giời tôi cùng người ấy ăn ở với nhau, tình yêu thật là thiết tha, đầm thắm, tôi được sung sướng đến cực điểm.

Tôi phải thú thực rằng sở dĩ tôi có cái danh dự ngày nay là nhờ nàng cả, vì, được gần gũi nàng thì cầm bút, tôi mới mong được thấy cảm hứng chứa chan. Mới gặp nàng lần đầu, tôi đã tưởng tượng ngay rằng nàng vẫn là người yêu của tôi tự bao giờ ấy! Dung nhan diễm lệ và đức tính của nàng thực làm thỏa lòng tôi quá, khiến tôi đến phải mê tơi.

Con người ấy không bao giờ bỏ tôi, chẳng phải hạn ăn xối ở thì, đã... Đã từ trần trên giường tôi nằm, trong cánh tay tôi ôm ấp, thực đến lúc chết mà vẫn yêu tôi, rõ thắm!...

Ấy thế mà mỗi khi chợt nghĩ đến nàng thì tôi giận lắm! Nếu lúc nào tôi cố lục tìm trong trí nhớ, cố tưởng tượng cho thấy trong óc cái hình dung yếu điệu, thướt tha của con người ấy, cái đường ngoi lệch, lời nói dịu dàng thỏ thẻ, cặp mắt rất say sưa, nếu lúc nào tôi lại được thấy trong trí tưởng tượng con người nồn nà nghiêng nước nghiêng thành đã cũng tôi ăn ở non vợ chồng mà già nhân ngãi ấy thì chỉ cốt để tôi được chau mày, chau mặt mà thét lớn rằng: "Tao ghét mày!...".

Tên nàng, nàng bảo: Bích Nga. Ở nhà một bà bạn mà chúng tôi được cái hân hạnh gặp nhau, người ta gọi nàng là bà tham Ngọc, bà tham Ngọc đã góa chồng, chồng bà, một ông tham tá công chánh, đã dắt vợ đi khắp thâm sơn cùng cốc ở cõi Đông Dương, rồi vì nước độc đã bỏ mặc vợ mình bơ vơ trên cõi thế.

Mà hình như nàng cũng đã đi lắm nơi xa thì phải. Khi trò chuyện, có lúc thốt nhiên nàng nói "... Một buổi chiều, ở cổ viện Đế Thiên, Đế Thích..." hay "... Sáng sớm tinh sương hôm ấy trên bờ sông Cửa uốn khúc tại kinh thành Luang Prabang...". Ngoài ra, không có sự gì

tỏ rằng con người ấy đã đi nay đây mai đó, trong vẻ người, giọng nói, không một nét nào chứng thực được cái vội vàng, hấp tấp những lúc khuya sớm, đi, về. Nàng vốn là gái Huế. Cứ trông lối y phục thanh tao, dáng người bệ vệ ấy thì không ai dám bảo nàng đã là vợ một người luôn luôn nay đó, mai đây.

Khi tôi hiểu rằng tôi đã quên ăn bỏ ngủ vì nàng thì điều trước nhất của tôi là muốn xin cưới ngay nàng làm vợ. Tôi nhờ bà bạn gái kia đem lời cầu hôn khẩn khoản nói giúp tôi nhưng, thất vọng thay! Nàng kêu là nàng đã gặp tắt lửa lòng, không đời nào còn mong tái giá.

Thế là tôi phải tìm đường gìn giữ, sao cho khỏi gặp mặt nàng. Nhưng nào có được? Lòng yêu chuộng xưa kia đã khiến tôi vì nàng mà quên ăn, bỏ ngủ thì sự thất vọng ngày nay làm tôi chẳng còn khối óc làm lụng được một việc gì, nên, lần thẩn, tôi nghĩ cách... Đi xa.

Tôi đang sửa soạn hành trang, lòng buồn tê tái, đứng trông mấy chiếc hòm và chiếc va ly há rộng miệng ra nuốt những áo quần với đồ lặt vặt của kẻ đi xa thì chợt cánh cửa hé mở từ từ; để lộ ra vẻ mặt âu sầu của bà tham Ngọc.

Phải, chính Bích Nga đứng đó, thỏ thẻ nói rằng:

—... Nghe như ông định thu xếp vào Sài Gòn làm ăn thì phải...

— Vâng! Tôi chưa kịp lại biệt chào bà.

Thấy tôi chỉ nói dừng đỉnh, lạnh lùng, Bích Nga bấy giờ vừa run vừa hỏi:

— Mình... (phải, nàng gọi ngay tôi là mình!), mình định đi thật đấy ư? Tôi vẫn biết, khổ lòng lắm, mình ạ. Mình vì yêu tôi nên phải tìm cách xa tôi, còn tôi, tôi cũng xin thú thực rằng đối với lòng yêu chân thật của mình, tôi rất lấy làm cảm động. Nhưng, khốn nỗi, tôi, tôi không phải... Góa chồng!!!

Thế là đến tận bây giờ, cái tiểu sử đau đớn của nàng tôi mới được nàng kể rõ cho nghe.

Thực là một cuốn tiểu thuyết trường thiên về tình yêu, tình phụ. Chồng nàng rượu chè be bét, thường đánh đập nàng, ba năm nay

rồi, hai người đã bỏ lửng nhau. Nàng bỏ cô cha mẹ từ thuở ngây thơ nên được một ông chú thương yêu lắm lắm. Ông chú ấy hiện giờ làm quan tại Huế, nhưng vì đã ép duyên nàng nên nàng cũng giận từ đó ra ngoài Hà Nội này, nàng chẳng hề có lấy một chữ gửi thăm. Chị ruột nàng lấy kể ông phủ Vĩnh Tường mà cậu nàng thì hiện giờ là một ông giáo, người đã cao niên, dạy học trong một trường công ở ngay Hà Nội. Vì xưa kia trong nhà có chuyện hiềm khích nên dù nàng là cháu mà nàng cũng chẳng hề đến cửa bao giờ. Còn Bích Nga, buồn vì thân thế, mấy năm nay đã ăn ở ra con người liêu tịch, cố lấy cái vỏ ngoài điểm trang lòe loẹt để giấu kín một trái tim đau khổ bên trong.

Nhưng nàng tuy bơ vơ một mình mà chẳng phải lụy ai, vốn có tài về nghệ thuật nữ công nên vẫn sống một cách thanh thoi, phú quý. Hiện giờ, mấy cô tiểu thư nhà mấy ông quan lớn đang cầu nàng đến dạy cho thêu thùa, bánh trái và cả ca hát, địch đàn.

Thiên lệ sử ấy, nàng kể tôi nghe rất là cảm động, dấu rằng trong khi trò chuyện, nàng thường nói đi nói lại mãi chẳng nên lời, một cái kém hèn của bọn phụ nữ ngây thơ.

Chúng tôi bèn thuê một căn nhà rất đẹp, rất xinh ở con đường Hàng Cỏ. Cứ chiều chiều, chúng tôi cùng nhau sánh vai ra ban công hóng mát, nhìn hai rặng cây lá xanh tươi tốt, con đường vắng vẻ, vĩa hè cỏ mọc um tùm mà tưởng tượng như mình ở cảnh Bồng Lai.

Trong một năm tròn, tôi cứ muốn được luôn luôn quán quýt lấy Bích Nga để ngắm nàng tha thướt ra vào, để nghe nàng ngây thơ cười nói, mặc quách cả những anh em, nếu nàng không giục tôi mau mau trở về toà soạn. Nàng luôn luôn nhắc tôi chớ hững hờ với cây viết để nàng cũng đem ngón nữ công, đàn địch ra dạy bọn tiểu thư vẫn hết lòng mong đợi nàng kia. Suốt ngày, chúng tôi phải cách xa nhau, gặp nhau chỉ chờ đến chiều, đến tối.

Từ tòa báo trở về căn nhà chúng tôi nương náu, mỗi bước chân đi đối với tôi là trút được một ít nặng nề, vô vị của đời, tới nhà phải đợi nàng thì nóng lòng sốt ruột quá chừng, nhưng nếu thấy nàng đã tựa cửa chờ mình thì sung sướng bằng mở cò trong bụng. Thỉnh thoảng nàng lại mua về một cụm hoa tươi. Cũng có khi tôi ép nàng

nhận một vài cái quà quý giá nhưng nàng đều nhất nhất chối từ. Nàng kêu giàu có hơn tôi nhiều, vả lại, cứ suy lối ăn mặc toàn lượt là, gấm vóc của nàng, cứ tính những đồ xa xỉ nàng thường dùng như phấn, sáp, nước hoa thì đủ hiểu là bọn học trò kia trọng đãi nàng lắm lắm. Cho nên tôi rất lấy làm cảm kích tấm lòng quảng đại của nàng, nó chẳng như "trái tim" vắn đục của bọn bom xu¹. Nàng yêu tôi mà chẳng phải lụy tôi, con người tự lập, khẳng khái ấy đã lắm khi khiến tôi đem cái nghèo của mình ra đo với ái tình mà tự thấy âm thầm hổ thẹn.

Kể ra thì nghề nàng cũng chẳng có gì là vất vả.

Bọn học sinh kia, con quan, con các nhà tư bản, toàn là những công nương phong phú, yêu vì tài, trọng vì nét, coi nàng như một đóa hoa. Một lần nàng phô với tôi một đôi vòng vàng một chiếc "nhẫn đồng hồ" lấp lánh kim cương, kêu là của học trò tặng làm kỷ niệm.

Chúng tôi chẳng hề xa nhau nửa bước, ngoài cái thời giờ bận việc hàng ngày. Duy chỉ chủ nhật nào là nàng cũng xin phép tôi lên phủ Vĩnh Tường thăm bà chị và chơi với cháu, mỗi tuần lễ chỉ ngày chủ nhật mà thôi.

Thì cứ sáng sớm tôi ra ga lấy vé cho nàng bước lên xe lửa, cầm mũ xoa vẩy theo ngơ ngẩn rồi đến chiều lại ra ga để đón nàng về. Lắm khi, tôi hẹn đón nàng ở một vài ga khác, như Yên Viên, Xuân Kiêu, Đông Khê chẳng hạn, rồi những cảnh quê xinh đẹp, êm đềm, chúng tôi cùng nhau thăm thú, lúc thì vào một quán hàng ăn bún riêu cua, bánh đúc, lúc thì trên những con đường vắng vẻ chúng tôi cười cười, nói nói, ném mắt đuổi theo con chích chòe tha mồi vào tổ, vừa đi vừa gặm mỗi người một chiếc bánh đa.

Nàng kể lại tôi nghe cảnh gia đình rất vui vẻ, êm đềm của bà phủ Vĩnh, vừa trên xe bước xuống, con bé cháu đã lon ton chạy lại đón đi, quan anh thường thường say "khướt cù đèn" nhưng mỗi khi điếu cọt, làm hề thì đồ ai nín cười được đấy, bà chị tuy cấm cản, xấu ăn xấu nói nhưng nói sau quên trước, cũng chẳng "bụng dạ" gì.

Nghe lời nói có duyên một cách lạ lùng, tôi tuy mỉm cười, nhưng thực đau đớn, âm thầm trong dạ. Phải, tôi đau đớn lắm vì thấy cái

đời hoa trôi bèo dạt của nàng, chẳng hề được hưởng hạnh phúc chân chính của gia đình như những ai ai.

Sung sướng quá, không bao giờ tôi đem lòng nghi ngờ nàng cả. Nhưng điều nàng nói tự nhiên đến thế, thực thà đến thế, ngây thơ đến thế, bảo ai mà chẳng phải tin?

Nhưng nàng phải cái tật cứ nói rườm lời khi kể chuyện lại những nhà mà nàng lui tới, những nhà của học trò nàng thì hình như nàng cố bày đặt cho ra những sự không đâu. Tôi đây, tôi là người đem tấm chân ái tình ra thương yêu, kính mến nàng, muốn trong cặp mắt nàng chỉ có riêng một mình tôi thì nàng lại cứ để trí vào những sự không đâu ra đâu tất cả!...

Nhưng đối với những người còn xanh mái tóc mà đã trải qua đủ mùi đau khổ như nàng, mà cuộc đời từ lúc bé tới giờ chỉ là một thiên lệ sử, thì cái tật mọn ấy, tôi cũng vẫn bỏ qua đi cho.

Chỉ độc một lần là tôi ngờ vực, hơi hơi ngờ vực.

Tối chủ nhật ấy, nàng lên phủ Vĩnh mà chẳng thấy về.

Tôi thất vọng quá!... Làm thế nào đây? Đáp ngay tàu lên phủ Vĩnh tìm nàng chẳng? Nếu thế thì cuộc tình duyên kín đáo kia lộ mất. Ấy thế mà sau một đêm trần trọc, tôi quyết định ra ga đáp tàu lên phủ Vĩnh thì Bích Nga đẩy cửa, mặt mày xám ngắt, bước vào. Bà phủ, chị nàng, mệt nặng!...

Nàng nói thế nào tôi cũng cho là lọt tai tất cả, cũng chẳng để ý rằng hề tôi hơi hỏi qua đến lẽ gì một tí là nàng liền thoảng đáp lại một thôi. Việc cần nàng chẳng nói ngay, cứ luẩn quẩn vào những điều tử mỉ: những là thuê xe ra ga phải thẳng phu kéo chậm, lúc trả tiền lại còn kỳ kèo lôi thôi, em bảo thế này, nó cãi lẽ thế nọ, lấy vé nhiều người chen quá, suýt nữa bị kẻ cắp xẻo mất túi, lúng túng... Nhớ tàu!

Rồi, tuần lễ ấy, nàng lại lên phủ Vĩnh ở luôn 4, 5 ngày mới về, kêu chị mình, nhờ có mình săn sóc, thuốc thang chỉ ít lâu thì bình phục.

Khốn thay, chưa được bao lâu thì lại đến lượt nàng cũng ốm. Đốc tờ mời lại, bảo người yêu tôi mắc chứng đau phổi, bấy lâu ngấm ngầm, nay mới phát ra. Không còn thuốc nào chữa khỏi!

Bấy giờ tôi đau khổ quá, đã đến phát điên lên mất, vì nàng sắp phải từ trần. Rồi tôi nghĩ ra rằng đã đến lúc này thì bao nhiêu họ hàng, thân thích của nàng, mặc lòng xưa kia giận dữ với nàng, nay tôi cũng gọi đến. Cả gia tộc rất danh giá ấy tôi phải lo sao gọi cho đủ mặt để trong khi hấp hối, nàng được cùng những người thân yêu thứ tội, và ngộ có dặn lại gì chẳng.

Thế là chẳng kịp ngỏ ý với người yêu, tôi vội viết ngay hai lá thư, một cho bà phủ Vĩnh Tường, một cho ông quan tai to tại Huế. Rồi hôm sau, tôi chỉnh tề khăn áo, tìm đến nhà ông cụ giáo, cậu ruột Bích Nga.

Tôi cũng không còn nhớ lúc đến nhà ông cụ ấy vào độ mấy giờ. Hình như ông cụ đang vào bữa cơm trưa, hay cơm chiều thì phải. Thấy dáng điệu tôi vội vàng, hấp tấp, ông cụ vội quăng đĩa, bát, tiếp ngay.

– Thưa cụ, ở đời này, cũng có lúc mà những chuyện hờn giận trong gia đình phải vứt bỏ đi, mà tha thứ cho nhau mới phải...

Bộ mặt bình tĩnh đáng kính ấy bỗng quay lại nhìn tôi một cách ngạc nhiên.

Tôi - ló thật! - Tôi vẫn cứng cỏi thêm rằng:

– Thưa cụ, cô cháu ruột cụ đã đến lúc hấp hối rồi, bây giờ chỉ còn chờ có cụ...

– Cháu ruột tôi, ông bảo?... Thì nào tôi có đưa cháu gái nào đâu?

– Thôi đi, con xin cụ, cụ đừng cố chấp thế. Tội nghiệp lắm. Cháu ruột cụ, người sắp qua đời là bà tham Ngọc, thuở trẻ cụ vẫn gọi là: cháu Bích Nga.

– Thôi, để ông làm nhà rồi! Cô Bích Nga hay bà tham Ngọc là ai, nào tôi có biết!!!...

Rồi ông cụ từ từ đẩy tôi ra khỏi cửa, chắc rằng trong bụng cho tôi là một thằng hoá dại. Cái mặt một thằng đã mất trí khôn, bấy giờ hăn giống mặt tôi thì phải. Cơ sự xảy ra đến thế này thì thực bất ngờ quá đổi, hay là Bích Nga lừa dối tôi chẳng?

Nhưng sao lại phải bày đặt ra đến thế?

Bất thành linh, óc tôi chợt nảy ra một ý: đến hỏi vị tiểu thư Bích Nga vẫn bảo là cô học trò giỏi nhất về cả thêu thùa, bánh trái, ca hát, địch đàn.

Giật chuông xong, tôi hỏi tên bồi ra mở cửa.

– Bà tham Ngọc?

– Không phải đây!...

– Vẫn biết thế rồi, nhưng bà ấy vẫn lại đây dạy con gái cụ lớn học tập nữ công...

– Cụ lớn nhà tôi làm gì có cô nào? Lạ thật! Không biết ông định hỏi việc gì mà... Lại thế!

Rồi nó đẩy sầm cánh cửa vào mũi tôi một cách bất bình. Thì ra tôi đánh thức nó dậy lúc ấy đúng một giờ đêm.

Tôi tắt tả ra về, không còn định đi đâu hỏi nữa. Chắc rồi ai cũng đáp mình đến thế chứ gì? Bước chân vào nhà, tôi thấy dưới đất vút một phong thư, thư trả lời của bà phủ Vĩnh. Tay bóc thư mà lòng đã biết trước, ông phủ Vĩnh rất lấy làm lạ vì bà vợ ông chẳng hề có cô em gái gọi là Bích Nga hay bà tham Ngọc bao giờ!

Thì ra trong hai năm giờ ăn ở với nhau, mỗi lời nói của người yêu quý của tôi là một lời bịa đặt. Trăm nghìn mối ghen mới đưa nhau dày vò tôi lúc ấy, tôi cũng chẳng biết mình định làm gì, đẩy cửa bước đến gần giường bệnh, mắt nhìn chòng chọc, muốn chỉ dùng đôi mắt căm hờn, đau đớn để hỏi bệnh nhân.

Bao nhiêu điều xưa nay làm khổ tôi mãi, trước mặt người yêu bấy giờ tôi mới đem trút xuống:

– Này cô, những ngày chủ nhật, cô làm gì mà lên phủ Vĩnh Tường?... Những buổi tôi ngồi cặm cụi trong toà báo thì cô đi nhẩy những đâu? Những đêm vừa rồi, cô ngủ những đâu... Mà ngủ với ai??? Ô hay! Mau lên, trả lời đi cho tôi biết chứ!

Rồi tôi cúi mặt xuống nhìn, nhìn bộ mặt vẫn còn đẹp đẽ, say sưa ấy, cố ép nàng phải đáp. Nhưng nàng vẫn thản nhiên, tỉnh trí, chẳng hề hé cặp môi son.

Tức quá đi mất, tôi lại vỗ ngực, bứt tóc, rít lên rằng:

– Mày có đi dạy học ai đâu? Mày tuy thêu thùa giỏi thật, nhưng nữ công, nữ hạnh gì mày? Tao đã đi hỏi khắp nơi rồi, không một ai biết mày là người ở đâu sất cả! Vậy thì những đồ trang sức kia ở đâu mà đến, tiền bạc mày ăn tiêu phung phá, mày lấy đâu ra?

Nàng chỉ nhìn tôi một cách rất đỗi đau đớn, buồn rầu, áy thế! Giá tôi cứ để nàng được tĩnh tâm mà nhắm mắt có lẽ phải hơn.

Khốn nỗi! Tôi rất yêu nàng, yêu quá đi mất. Lửa ghen vẫn mạnh hơn lòng xót, nên tôi chẳng nhìn được lời.

– Mày đã lừa dối tao trong hai năm giờ, trong hai năm giờ tao ăn ở với mày, ngày nào mày cũng lừa tao, lúc nào mày cũng dối tao. Đời tao có những chuyện gì là mày biết tất mà đời mày thì thật là tối tăm, bí mật, tao chẳng được biết một tí ti gì... Cả đến tên mày là gì, tao cũng không biết nốt!... Phải, tên mày tao cũng không được biết vì Bích Nga hay bà tham Ngọc là chuyện mày bịa đặt, có phải không? Giờ ôi! Người đâu có người man trá, lọc lừa! Trong hai năm nay nó dan díu với tôi mà bây giờ nó chết trong cánh tay tôi, tôi cũng không biết tên nó là gì, thậm chí? Này mày là ai? Hờ? Mày ở đâu mà đến dan díu với tao? Đời tao chỉ có thể đẩy thôi, mày quyến rũ tao để định làm cái trò gì? Nào! Ờ hay! Nói đi, nói mau lên cho tao biết chứ???...

Công toi cả! Đáng lẽ đáp những lời tôi dày vò, day nghiền, nàng chỉ khẽ quay mặt vào tường, hình như sợ để tôi nhìn mãi cặp mắt nàng còn mở thì đoạn đời bí mật của con người ấy tôi khám phá ra chẳng.

Áy thế là con người đáng ghét mà cũng đáng thương ấy chết, chết mà còn để lộ tiếng là con người gian dối, con người đã cùng tôi hai năm dan díu ấy, mà đến bây giờ tôi cũng không được rõ gốc tích và tên tuổi là gì!...

Février 1932

Ngọ báo, số 1372,

ngày thứ hai 14.3 và thứ ba 15.3.1932

Cuộc vui ít có (1933)

LTS: Kỷ niệm 90 năm năm sinh nhà văn Vũ Trọng Phụng (1912) và 83 năm ngày mất của ông (13-10-1939), TTCN giới thiệu với bạn đọc truyện ngắn trào phúng Cuộc vui ít có do ông viết tháng 11-1933 tại Hà Nội và được ký với bút danh Thiên Hư. Đây là một sáng tác chưa được công bố lại của Vũ Trọng Phụng do tiến sĩ Peter Zinoman - nhà Việt Nam học, giáo sư khoa sử ĐH Berkley, California - tìm thấy hồi tháng 5-2002 vừa qua (ông đang tham gia cuộc hội thảo khoa học " Chất hiện đại trong sáng tác của Vũ Trọng Phụng " do viện văn họcVN tổ chức tại Hà Nội). Một số nhà nghiên cứu có nhắc tên truyện này nhưng truyện chưa hề được in trong các tuyển tập Vũ Trọng Phụng từ năm 1987 trở lại đây,

Tôi ở chơi nhà một người bạn ở làng này đã trọn năm hôm, sợ phiền nhiều mãi người anh em không tiện nên buổi trưa hôm ấy đã định tâm xin phép "xách khăn gói" lên đường.

Giữa lúc khách xin ra đi, chủ nhất định giữ lại, chưa ngã ngũ ra sao, chợt thấy chó sủa vang lên với tiếng người nhà quát chó ầm ĩ. Rồi một người đã đứng tuổi, mặt đỏ bừng nhiệt khí của thần rượu, bước vào. Bạn tôi quay ra tiếp khách, tôi cũng phải giữ lễ, lại ngồi xuống ghế, lặng im.

Đây, câu chuyện của hai bên:

– Gớm, ông anh bận gì mà cho nó sang mời năm bảy lượt cũng chưa chịu sang cho.

– Tôi đã xin đến chiều sang mà lại...

Ông khách đó tức khắc hiểu ý, quay lại phía tôi mà rằng:

– Hay là nhân tiện chẳng mấy khi ngài về, mời ngài dời gót ngọc lại tề xà xơi chén rượu nhạt mừng cho ông tôi thì chúng tôi lấy làm hân hạnh quá. Thế nào? Ông anh bảo thế có tiện không?

Tôi chưa biết đáp ra sao, cũng chưa hiểu đầu đuôi thế nào, bạn tôi đã đỡ lời hộ:

– Vâng, để tôi xin nói với anh tôi. Nhưng dù sao cũng xin cho đến bữa chiều...

Ông kia ra ý rất hài lòng:

– Vâng, thì đến chiều. Miễn các ông anh nhận lời cho là đủ. Thật là may quá! Thôi, thế tôi xin phép...

– Kìa, hãy ngồi chơi uống chén nước đã...

– Thôi, tôi phải về thu xếp cho bọn khách ấy trở tài cống hiến chức vị trong làng đây!

– Cái gì? Bọn khách nào trở tài?

– Kìa, thế ông anh chưa biết à? Bọn khách làm trò quỷ thuật mà lại...

– Thế à? Lôi ở đâu về thế? Sao bảo hát chèo?

– Không, hát chèo sợ tởm và thường quá. Nhân tiện có bọn khách đang kiếm ăn ở phủ nên tôi thuê về nhà làm trò cho thêm vui. Này, ôi chà! Họ lắm cái giỏi lắm!

– Thích nhỉ! Thế thì nhất! Nhưng bao giờ? Họ đã về chưa?

– Rồi! Đang sắp sửa đấy... Hay là mời hai ông anh cùng sang một thể?

– Thôi được, bác cứ về. Dăm phút nữa thì chúng tôi đi.

Khi ông ta đi rồi, bạn tôi mới " giới thiệu vắng mặt " đó là ông thủ quỹ, nhà đang có việc mừng vì ông bố ăn khao bảy mươi.

Tôi chưa kịp trách bạn tôi sao đã vội nhận trước khi biết ý tôi thế nào, bạn tôi đã nói chặn:

– Nhận cũng phải. Người ta là người trung hậu tử tế, mình phải nể lời. Vả lại... Có ngại gì? Trước lạ thì sau quen!...

Rồi bạn tôi ra với lấy cái khăn trên mắc áo

oOo

Gần khắp mặt già trẻ lớn bé trong làng tề tựu cả ở sân nhà ông thủ quỹ để chờ sẵn cuộc cầu vui cho mắt.

Các cụ ngồi đạo mạo trên những bộ ghế trải chiếu cạp điều, người lớn với trẻ con đứng thành một ô vuông, mấy chú khách thì

đang soạn mọi thứ đồ dùng, thỉnh thoảng lại khoan tay lục hòm để võ về vuốt ve một con bú rù (*) và một con chó.

Đến lúc đồ lễ đã bày ra la liệt đầu đầy rồi, ông thủ quỹ ra giữa sân, đứng cạnh một chú khách cời trần tròng trọc, đầu trọc lốc, hai mắt nhỏ tí như mắt lợn nhưng bắp thịt ở ngực với tay nổi như những khúc rắn quấn khắp người, rồi ông lên tiếng:

– Thưa các cụ, các ông, các bà đã có lòng yêu đến mừng cho cụ tôi, tôi thật cảm tạ lắm. Đáng lẽ chúng tôi xin hiến các cụ với các quan viên hàng xã một buổi tối xem hát chèo, nhưng vì nghĩ rằng chèo là sự thường và sợ tẻ nên tôi phải mời mấy chú này về trình tài ở đây. Những chú này có võ nghệ, có nhiều thuật rất tài tình, lại có nội công nữa. Một chú sẽ cầm thiết côn đập vào ngực mình cho mà xem. Rồi chú ta lại lấy dao nhọn đâm vào cánh tay nữa. Xong chú ấy sẽ hiến thụ thuốc cao để rịt đòn... Các chú sẽ trình tài về võ nghệ và nội công (ông quay hỏi chú khách), có phải nội công không?

Chú kia gật đầu:

– Nội công, nội công, phải!

Một cụ râu ba chòm phán:

– Nếu đích là nội công thì mới thật là giỏi chứ nếu quỷ thuật là có khéo riêng rồi, là không giỏi...

Một cụ khác, có ria mép, thêm:

– Nội công hay không nhưng nếu sau phải lấy thuốc cao rịt thì cũng chẳng có gì là phi thường.

Ông thủ quỹ hơi có ý bất mãn:

– Nếu các cụ không tin những nhời tôi tiến dẫn thì cứ việc xem xét cho kỹ lưỡng mọi vật dụng đi. Đây, thiết côn, đây dao, với thuốc cao nữa này... Tôi xin cam đoan cuộc này là một cuộc vui ít có.

Một cụ cao niên hơn cả đỡ lời:

– Đây chỉ có cụ Tỳ, cụ Phế là hai vị danh sư thì mới đủ tư cách...

Bọn người làng cũng vội:

– Chính thế, nhân tiện hai cụ xem hộ cả thuốc cao cho chúng con.

Cụ lang Phế, cụ lang Tỳ - hai cụ hoài nghi lúc nãy - cùng vội vàng xuống ghế ton ton ra khám xét ngay.

Cụ lang Phế cầm cái thiết côn:

– Cái này không rỗng ruột đấy chứ? À, không.

Cụ lang Tỳ bấu môi:

– Không, đã chắc là không à?

– Con dao này có lò xo ở chuôi không? À, không thật.

– Phải khám cho kỹ vào chứ!

– Thuốc cao đây à? Dễ thường không phải...

– Đưa tôi xem nào! Chả thuốc cao thì còn là...

Cụ Phế thấy ông đồng nghiệp khó chịu, phát gắt:

– Cụ làm gì lỗi thế? Cụ coi tôi là thằng ngu ư? Dễ thường chỉ một mình cụ biết nghề thuốc!

– Thế này mà bảo là không phải thuốc cao!

– Thôi, tôi chịu ông rồi mà!... Ở vùng này chỉ có một ông biết nghề thuốc!

– Biết hay không biết mặc xác tôi! Anh không phải cà...

– Thì việc gì anh phải khoe giỏi? Đám ma nhà chị hai Vòm lăn đường mẹ mới ngày hôm kia... Anh bốc thuốc tài hơn tôi thật chứ lại!....

– A! a!... Nhưng bà cụ mẹ chị ta thọ đã ngoài sáu mươi rồi. Anh muốn đổ tại tôi ư? Thôi, sao anh không nhắc đến chuyện con đi Chết anh bốc có hai thang mà lăn ra chết?

– Hai thang? Hai thang? Đưa nào ngoa ngôn thì giời đánh nhé? Ai bảo nó sốt lại đi ăn chuối tiêu vào!... Hai thang à? Thế anh chỉ bán có một gói thuốc đau bụng mà thành nhiều Toét suýt bỏ mạng thì sao? Thế mà cũng đòi là lang? Lang thế mấy lúc mà tù một gông! Lang bằm ấy à!

– Lang bằm? Có lẽ!... Nhưng không làm đọa thai người ta nào thì thôi!

– À! Anh này to gan nhỉ? Nói nốt đi, nói nốt đi xem nào?

– Chứ lại sợ à? Sẽ nói tại tòa sứ cho mà xem...

– Này không phải dọa... Quan tỉnh sẽ trói anh lại có ngày. Dễ không có người đau mắt nhờ anh đánh mộng rồi nổ con người ra đấy ư?

– Số nó mù thì ai biết làm thế nào? Anh có muốn tôi nói rõ tên thằng bé sai suyễn mà anh cứ bốc mãi thuốc chữa dạ dày không?

– Anh là thằng khốn nạn nhé. Cả nhà chánh hội Bàu mắc ghẻ ruồi mà anh dám nấu cho nó thuốc timla anh quên rồi à?

(Cả nhà chánh hội Bàu kéo nhau ra về)

– Thế còn nhà trưởng Toe thì sao? Nó hôi nách mà chữa mãi bằng lá ô nhĩ trong sáu tháng trời à?

(Trưởng Toe đẩy ba người, đỏ mặt chạy)

– Sáu tháng? Thế trong hai năm sao anh không chữa cho tan cái hạch ở háng cô Thoa đi?

(Cô Thoa trước khi chạy, kêu to: Đồ khốn nạn!)

– Anh có muốn tôi kể đến cái mụ góa chồng mà ngày nào anh cũng lại đốt ngải cứu ở mông đít không?

– Anh không sợ tôi réo tên con bé mới mười lăm tuổi mắc bệnh đau tức mà anh cứ lấy rượu thuốc để xoa vú nó à? Lang gì? Dê già thì có!...

Người xem bỏ chạy gần hết. Chỉ còn hai anh giai làng tuổi còn lác cắc, bò lẩn ra giữa sân không dậy được, vì cười...

Chú khách giờ hai tay lên giò:

– Tieu nà ma cái lỗ phồ! Ngổ ti về cái nội koòng!...

Trong mấy chục năm giò, thật chỉ có độc một lần này tôi xem được một "cuộc vui ít có".

Sao Mày Không Vỡ, Nắp Oĩ (1934)

Tác giả ký dưới bút danh: Thiên Hư

Phóng viên báo Nhất Đông Dương xem xong tờ báo thì đập mạnh xuống bàn, nói một mình: "Có thể chứ! Việc này làm nhao dư luận cả huyện, may ra mình có dịp kiếm chác một cái chơi!"

Nào có gì đâu? Cách đây hai hôm, có một bác nghiện đã thắt cổ tự tử. Hơn một tháng nay, cả vùng không có nhà cháy, người chết đuối hoặc bị trâu húc hay chết chẹt xe, cũng không có lấy một con gà toi, cũng không có lấy một con sâu cắn hại mùa màng, phóng viên báo Nhất Đông Dương nghĩ đến cái chức nghiệp của mình mà những lo nơm nớp. May sao có người thắt cổ, nhà báo tất phải theo dật ra như chuyện đổ trời.

Nhà báo gật gù tự khen mình hoài rồi đắc chí đọc lại một cột tin vật:

PHẢI CHĂNG LÀ MỘT VỤ BỨC TỬ?

Điện tín của bản báo

Mới đây, Nguyễn Văn Anh, một bác lính lệ về hưu, đã thắt cổ tự tử. Bác ta 50 tuổi đầu, ở thuê trên gác nhà hàng cơm xé cửa huyện, nghiện hút và sống một mình, không họ hàng, không vợ con. Khi quan huyện đến khám thì thấy dưới đất có những mảnh vỡ của một cái ấm cổ đời Khang Hi. Trên khay đèn, có cái nắp ấm ấy, không vỡ. Sau khi khám xét, thấy không có điều gì khả nghi, quan huyện đã cho phép mai táng.

Đặc phái viên của bản báo đã đến tận nơi điều tra. Nghe đâu vì có điều đau đớn, người lính lệ đáng kính ấy mới đến nổi thắt cổ. Chúng tôi dám nêu lên một câu hỏi: đó là có một vụ bức tử không? Nếu không, tại sao bên cạnh xác chết lại có cái ấm vỡ với cái nắp ấm không vỡ? Đồn rằng người thiệt mạng bị bà chủ dưới nhà đòi tiền nhà rất gắt gao. Đồn rằng có một người bạn thân của kẻ thiệt phạm đã đem đến đấy cái ấm Khang Hi nên mới đến nổi xảy ra vụ bức tử này. Chúng tôi mong quan huyện khai quật tử thi lên khám

một lần nữa. Có bức tử phải có hung phạm. Chúng tôi mong các nhà đương chức tìm cho ra hung phạm!

Vì người thiệt mạng đối với Nhà nước đã là người có công lao. Khi làm việc quan 10 năm, không ăn lễ và đã mách được bốn đám rượu lậu. Một người trung thành với Nhà nước như thế, không lẽ Nhà nước để chết oan.

Được tin gì thêm về vụ quan trọng này, bản báo sẽ đăng tiếp.

Nhà báo Nhất Đông Dương đọc lại rồi cười vang nhà, rồi lại nói một mình: " Ít ra anh lính lệ cũng có 20 người quen. Ít ra mục chủ nhà cũng có 50 người quen. Ít ra anh bạn đem ấm cũng có 50. Cộng thêm dân hàng huyện, báo mình nhờ cái tin vật này, phải tăng lên vài trăm độc giả. Mà biết đâu mục chủ nhà với anh có cái ấm, hoảng hồn, lại chẳng đám hóng cho mình vài chục bạc để tiêu pha!"

Nhà báo tự khen mình xong, đội khăn ra huyện dò...dư luận.

Quan huyện đập bàn, gắt:

—Vấn biết ông là nhà báo thì phải làm cho báo chạy! Song không nên quên bỏ lương tâm nhà nghề! Tôi đây, tôi đã khám xét tử thi kỹ càng mới cho chôn. Người ta tự tử thì chính người ta là phạm. Vậy sao ông dám đồn ngôn ra là một vụ bức tử? Ông đừng thêu dệt!

Phóng viên báo Nhất Đông Dương tái xanh cả mặt như mất hồn. Quan huyện lại trở một người đàn bà và một người đàn ông đứng hầu đó:

—Đây là người chủ nhà, ông buộc người ta tội gì? Cho thuê nhà mà không được phép đòi tiền hay sao? Còn đây chính là bạn kẻ thiệt mạng, người đem đến biếu cái ấm cổ. Thấy bạn túng thiếu thì đem biếu một thứ đồ cổ, mong bạn bán đi mà chi tiêu, thế mà ông giám buộc tội là "gây ra một vụ bức tử" à? Ông có biết luật phạt tội vu cáo mấy tháng tù không?

Nhà báo run run khẽ thưa:

—Quan lớn xét cho...nghề báo chúng tôi phải gây ra dư luận, báo mới chạy.

Quan huyện lại đập bàn:

–Ông chủ báo của ông bắt ông vô lương tâm như thế à?

–Bẩm vâng. Chúng tôi phải theo điều luật: cái gì cũng làm ra to chuyện.

–À! Tưởng lỗi chỉ ở ông, thì tôi chỉ viết thư về nhà báo mách vô lương tâm của ông mà thôi. Còn nếu các ông đã cùng một ruộc cả thì, được lắm. Đây, hai lá đơn kiện nhà báo về tội vu oan đây này! Tôi không hoài giải nữa. Để tôi cứ tư thẳng lên quan Sứ.

Thôi chết đến nơi rồi! Nếu thật vậy thì rồi gầy cần câu cơm. Nhà báo Nhất Đông Dương bèn gãi đầu gãi tai, khẽ thưa:

–Bẩm quan lớn, xin quan lớn hãy khoan cho. Để chúng tôi xin cải chính.

Quan huyện hất hàm sang bên cạnh:

–Đấy, hai bên nguyên đơn đấy. Ông xin người ta xem sao.

Nhà báo khúm núm xoa tay:

–Bẩm ông và bà thứ lỗi. Để chúng tôi xin cải chính.

–Nếu không cải chính ngay, chúng tôi quyết bỏ làm ăn theo kiện.

–Bẩm xin cải chính ngay nay mai.

Hai người gật đầu. Nhà báo khúm núm cáo từ nhưng quan huyện lúc đó đã hơi nguôi, còn mỉm cười hỏi:

–Cải chính thì cải chính ra làm sao?

Thì nhà báo, một cách kiêu căng kín đáo, so vai:

–Bẩm quan lớn, đó là bí mật nhà nghề!

Về nhà, phóng viên thờ dài rồi lấy giấy bút ra, viết.

Hai hôm sau...

Quan huyện nhận được tờ Nhất Đông Dương, giở ra thì chưa chi đã đập xuống bàn kinh hãi mà rằng: "Cái thằng nhãi! Quái ác thay!" Vì rằng ngài thấy giòng tít đăng chữ rất to:

QUANH CÁI CHẾT KHẢ NGHỊ Ở HUYỆN V. L.

Bản báo phóng viên đã tìm ra hung phạm

Về việc Nguyễn Văn Anh chết ra sao, ngay khi xảy ra việc, điện tín của bản báo đã đánh về thông tin với quốc dân. Đồng thời cuộc điều tra của quan huyện, bản báo phóng viên cũng có mở cuộc điều tra.

Thế cho nên bản báo đã dám nêu ra: phải chăng đó là một vụ bức tử?

Bây giờ tiếp được tin sau cùng là kẻ hung phạm không phải là người chủ nhà đòi tiền, cũng chẳng là người đem biếu bác lính lệ cái ấm cổ, mà chính là cái nắp ấm vậy. Cái nắp ấm ấy đã bức tử, đã phạm tội giết người.

Việc này là sự thật chứ không có tính cách hoang đường tí nào cả. Nhưng vì lẽ gì, bản báo đã khám phá được ra? Ôi! Thật là một sự linh thiêng vô cùng. Tin này hay hơn chuyện Bao Công kỳ án vậy.

Sở dĩ bản báo phóng viên tra được ra cái án này là ở giấc mộng, mà kẻ thiệt phận do tấm oan hồn xui khiến, đến báo cho.

Đêm qua, bản báo phóng viên nằm mê, mê thấy bác lính lệ xoa tóc đến kêu rằng:

—Lạy ngài, ngài là bậc văn sĩ Nhất Đông Dương đáng là nhà báo giỏi nhất. Không phải con tự tử, chính con đã bị bức tử, chính con đã chết oan! Xin ngài vì nước vì dân xin quan trên tổng giam cái nắp ấm. Nguyên do là dân bẹp tai, giữa lúc túng kiết, thuốc đã chẳng có lại bị cái khổ họ thàng thúc tiền thuê nhà. Giữa lúc ấy, may sao có bạn hiền đem lại biếu một cái ấm cổ từ đời Khang Hi. Sung sướng quá, con lau chùi cái ấm suốt đêm, hy vọng hôm sau đem bán lấy 5 đồng bạc. Song le, họa vô đơn chí, giữa lúc đang nâng niu ấm thì nắp ấm buột khỏi tay, lặn lóc cóc xuống thang rồi rơi đánh keng một cái xuống đến dưới nhà. Ấm không nắp còn gọi sao là ấm! Con chán đời, mình giận mình, muốn chết, tức thì đập ấm vỡ tan. Rồi con thâu đêm nằm khóc lóc hăm với ngáp vặt. Ba giờ đêm, con thấy cần xuống nhà dưới. Chao ôi! Ngài có biết con thấy gì không? Con thấy cái nắp ấm nằm trên thềm, mà không vỡ, mà không rạn. Than ôi! Ấm không nắp đã không thành ấm thì nắp không ấm liệu có thành nắp không? Thế là con chui đầu vào thùng. Nó đã phạm tội không vỡ.

Cái nắp không vỡ đã bức tử con. Vậy ngài làm ơn xin quan trên
lôi nắp ra tòa, phạt nắp khổ sai chung thân hay biệt xứ!

Nói xong, oan hồn biến đi thì bản báo phóng viên tỉnh dậy.

Vậy có tin sau cùng này để đáp lại một mảnh hồn oan. Các độc
giả thử so sánh xem: ngoài Nhất Đông Dương, báo nào có tin lạ
thế?

Quan huyện đọc xong mà sung sướng, mà thấy nhà báo kia đáng
trọng vô cùng.

Vừa lúc ấy, phóng viên xin vào hầu...

–Thưa quan lớn, ngài đã được đẹp lòng về bài cải chính ấy
chưa?

Lạ thay, chỉ thấy quan thì thảo nhỏ to:

–Này, sang năm, về hưu, tôi cũng muốn mở báo. Vậy thể nào
ngài cũng sẽ về giúp việc cho tôi nhé?

Loa, 20.12.1934

Hết.

Bệnh Lao chữa bằng môm (1934)

Chữa khoán bệnh lao, 10 ngày khỏi hẳn , cái giòng chữ đỏ trên vải trắng này trước cửa 1 hiệu thuốc mà các ngài đã biết, chắc hẳn cho đến chết, tôi cũng không quên.

Là vì nhờ đó, tôi đã được đi 1 châu hát che tàn ba chục bạc. Tiền chi là của thầy lang bắt hủ ấy, mà người có công... Chơi sở thầy lang, là bạn tôi, anh chàng Cờ.

Ở trọ trên gác nhà thầy lang ấy, Cờ đã vẫn phải chịu cái khổ hình hàng ngày nghe những lời khoác lác bịp khách bệnh của thầy lang. Một hôm Cờ nói với anh em: Tức quá, nhà nước sao lại không đánh thuế bằng cách bán vé chợ hay treo môn bài vào môm những thằng nói phét! Bọn mình không nên bỏ qua mỗi lợi ấy. Ít ra, nó cũng phải nộp thuế cho anh em chúng mình. Chúng tôi nhất loạt vỗ tay khen. Cờ, đắc chí, thêm: Hèn đến đâu nữa thì nó cũng phải nộp mình châu hst mới được! Câu nói ba hoa trong 1 phủ hoá đại, ai dám ngờ Cờ làm thành bằng được ra sự thật mới nghe.

Tối hôm ấy, Cờ lại tìm anh em chúng tôi, bảo: Nào, bọn mình anh nao muốn được đi hát thì cứ việc nghe theo cảm nang của tôi. Sau, anh ta ghé tai tôi thì thảo năm phút.

Nửa giờ sau, khi anh Cờ về nhà rồi, hai chúng tôi từ một chiếc xe hơi (xe tắc xi đầy thôi ạ) bước xuống, mạnh bạo tiến thẳng vào hiệu thuốc. Tôi trở anh Quyền, giới thiệu với thầy lang:

– Thưa ngài, vì vẫn đi lại với ông Cờ ở trên gác nên tôi rõ cái tài chữa bệnh của ngài. Đây xin giới thiệu với Ngài, ông Tế, thư kí riêng của quan chánh sở liên phóng.

Thầy lang vừa kịp cúi đầu bắt tay kêu Hân hạnh thì Quyền đã hấp tấp:

- Rõ phúc quá Ngài lại có nhà, xin mời ngài ra xe hơi ngay cho.
- Bẩm để đi đâu có việc gì?

– Cô đầm con gái nhà quan chánh tôi mắc bệnh lao, đờsc tờ tây cũng chịu, thật là Thập tử nhất sinh rồi, mời Ngài đến thăm ngay.

Thầy lang tái hấn mặt, ấp úng:

– Vâng vâng. Xin để chúng tôi dặn 1 việc với người nhà đã.

Thế là thầy lang chạy vội lên gác, phòng anh Cờ. Ngồi chờ dưới, chúng tôi lắng nghe giọng anh Cờ với thầy lang thế này:

– Thế kia à? Thôi thì nhà lang gặp vận tầy rồi! Mề đay kim khánh tới nơi rồi! Giàu to tới nơi rồi! Còn gì bằng được ông Chánh mặt thám gọi đến chữa cho con gái nữa.

– Nhưng mà...

– Đi đi thôi

– Nhưng mà...

– Đi ngay đi chứ còn chờ gì!

– Nhưng mà...

– Lại còn nhưng mà cái gì?

– Nhưng mà... Nói bác tha cho, chữa làm sao được mà dám đi!

– Ô lạ! Thế cái quảng cáo to hơn cái mẹt treo ở cửa hiệu...

– Thì bác cũng thừa biết, nhà buôn phải quảng cáo... Phải nói quá...

– Đã đành. Cứ đi xem sao.

– Chết! Đi thế nào được!

– Ô! Thế thì tù rồi! Cạo đầu đến nơi rồi!

– Lạy bác...

– Hồng rồi!! Cơm vôi, sắn lim đến nơi rồi!

– Bác làm ơn, lạy bác...

– Ít nhất ba tháng rồi!

– Lạy bác, bác làm ơn nghĩ có cách nào không...

Một lúc im lặng khá lâu, xong lại thấy tiếng anh Cờ:

– Cũng không khó gì. Cái bọn ấy thì cứ tiền thì êm. Đành chịu thiệt vài chục vậy.

Tiếng giầy xuống gác. Loảng soảng, thìa khoá va nhau trước cái kết bạc rồi anh Cờ ra.

– Thừa ngài, nói ngài tha thứ, quảng cáo vẫn phải thế chứ...

Anh Quyền đứng phắt lên:

– Ấy chết!

– Chính thế ạ. Ngài về thừa với quan trên cho là ông chủ chúng tôi đi chữa bệnh tỉnh xa ba hôm nữa mới về.

– Ooi, ngài làm như là...

– Thôi, phiền ngài, chúng tôi xin có chút vi thiềng gọi là trả ngài tiền xe.

Quyền, còn ngần ngừ mãi mới trông trước nhìn sau, rồi bỏ túi cuốn giấy bạc.

Tôi không cần thuật lại bao nhiêu cái khoản khoản lạc chúng tôi đã hưởng ở xóm ả đào. Nhưng phải thuật lại 1 chuyện xảy ra ngay hôm sau tại nhà thầy lang thì các ngài mới biết thầy là bất hủ thật.

Chúng tôi muốn ngắm nghía cái bộ mặt tán tài ấy xem nó có những biến chứng ra sao hay không.

Hôm sau, tấm vải quảng cáo bệnh lao đã không thấy treo ra nữa. Nhưng khi vào hiệu, tôi thấy mấy ông già với 1 người trẻ tuổi mặt xanh nhợt xem ý là bọn trọc phú nhà quê.

Cặp kính tăng nghiêm trang trên sống mũi, cái hình thù thì lùn tịt, lắt choắt, thầy lang đi lại trong hiệu, nện gót giầy lộp cộp mà thuyết khách 1 cách oai hùng.

Các ngài có dám đoán thầy lang ấy nói những gì? Đây:

– Các cụ phải biết. Số tiền ấy không to đâu. Mệnh người là trọng. Người làm ra của chứ chẳng phải của làm ra người. Kém 1 đồng cũng không được. Cứ xin các cụ đúng một trăm. Đó là giá đặc biệt cho đồng bào An Nam ta đấy thôi, chứ người Tây, dưới ba trăm tôi không nhận chữa. Không tin các cụ lại hỏi ngay quan chánh mật thám mà xem.! Hôm qua cho gọi tôi mà dưới ba trăm nên tôi không đến chữa cái bệnh lao cho con gái ngài đấy.

Rõ thật khốn khổ thay cho anh Cờ. Bổng không, được hưởng
chầu hát ba chục bạc mà vẫn chưa được hả.

*Thiên Hư - Vũ Trọng Phụng Truyện này được đăng trên báo Loa
số ngày 25-10-1934 - Xin các bác đọc bài Những tác phẩm mới tìm
thấy của nhà văn Vũ Trọng Phụng - Lại Nguyên Ân - trên Tạp chí
Thế giới Mới số 375 ngày 28-02-2000 để biết thêm chi tiết.*

Tình là giây oan (1934)

Tác giả ký dưới bút danh: Thiên Hư

Cái hôm cụ Bá cỡ ba nút ruột tượng, lấy ra cái giấy bạc một đồng trao cho bác lái chó là hôm cụ được vui lòng vô hạn vì con Vện cụ mới mua đấy là con chó - theo ý cụ - có dị tướng: béo tốt, chân thấp, mõm vớ tai vừa nhọn vừa ngắn, đuôi cũng ngắn, mặt tròn tròn gầy gập như mặt dơi, lông đã vàng mượt lại có vằn đen như lốt hùm.

Cụ đã khoe với cả xóm rằng ai nuôi được thứ chó ấy tất sẽ nhiều dịp phát tài, giống chó nó cũng có tướng như người mà con Vện kia lại quý hơn các thứ chó huyền đề hoặc tứ túc mai hoa vì nó có tướng ngũ đoản.

Chẳng hiểu cụ Bá xem tướng con Vện có đúng không mà sau khi có nó mới được vài ngày, chưa thấy cho cụ được dịp phát tài đâu, nó đã vồ lấy chân cụ Bá bà ngoạm luôn cho hai ngoạm. Tuy rằng không ngáp thịt nhưng cụ bà bị toạc tới hai tác váy lĩnh - cái triệu chứng hao tài!

Có lẽ tướng ngũ đoản cũng chẳng đáng quý bằng cái váy lĩnh nên chi cụ Bá ông hết can ngăn lại hạch lại cụ bà rằng: "Mới thả cũi nó buổi chiều, nó chưa quen biết người nhà, sao bà đi về khuya lại không đánh tiếng?" mà cũng chẳng rứt nổi của cụ bà cái đòn ống tướng giáng mạnh xuống lưng con Vện như mưa.

– Này cẩn trọng! này phản chủ với bà!

Thất bại trong cuộc làm trạng sư cho con chó có dị tướng ấy, cụ bá hậm hực đến vài ngày mà khách hàng của cụ cũng phải vô kích từ đó. Bốn chiếc răng nanh nhọn hoắt không dám dùng đến nữa, bây giờ thấy khách lạ Vện chỉ dám gâu gâu xuống hoặc gừ gừ xoàng vài cái một cách rất tức tối thảm mà thôi. Thật chẳng khác gì mấy ngài quan viên kia được rủ rê xuống xóm chị em đã tưởng sẽ hưởng thế nọ... thế này mà sau cùng chỉ được làm châu chay thôi vậy.

Vẫn biết cần là cái tính giỏi cho của chó thật, nhưng lần nào vừa rún chân rứt cổ, ngửa mõm nhe nanh hừ một cái là tức khắc có người nhà quát rầm lên những suýt suýt, con Vện vừa phản chột nghĩ đến cái đòn ống, vừa phản cho sự mắng mình là áp chế, đâm ngay ra cái chứng "thì ông mặc kệ" chui tọt vào gầm giường nằm luôn.

Dần dần nó chỉ hết đến bữa thì ăn, ăn xong tìm một chỗ cao ráo ít muỗi, ít ruồi đánh một giấc. Nhàn vì cư bất thiện, cứ ngày nào cũng đủ hai bữa, sáng ngủ đến 10 giờ mới thèm vươn vai đứng dậy hoặc trưa nào cũng siết một giấc, cuộc đời thế cũng tẻ, Vện ta phải đi tán gái cho tiêu thời giờ.

Đã không vất vả đến cái thân xác lúc nào, lại được chơi mặc thích, Vện càng ngày càng béo tốt, lông cứ mượt như nhung. Trong cũng có vẻ "bộ" lắm.

Bộ mã đã bảnh bao cố nhiên trên đường tình dễ đắc thắng, cái tiếng chơi bời của Vện ít lâu không ngờ lừng cả xóm. Vện đã nặn thêm ít nhiều xuất đình cho cái xã hội có mõm, bất cứ nhà nào hể có chó cái là thấy tiếng quấy khóc của chó con. Thì ra Vện cũng có số đào hoa như người vậy.

Nếu có ai được mục kích công tử Vện đuổi gái thì mới rõ "tâm lý phụ nữ" với những cái mãnh lực của những bộ mã giẻ cùi.

Không có mút-soa nhưng lại thích bắt chước cái lối quay quay mút-soa đằng sau gái nó là cái mốt Hà Thành, trước mặt gái, Vện ta cũng vẩy đuôi cho luôn luôn ve vẩy, loanh quanh lượn mấy vòng, thè lưỡi rõ dài, ngửa trên một cái, hết sức bày tỏ "tấm lòng khuyến mã", ấy chỉ có thể mà các "tiểu thư": Vàng, Bông, Cún, Mực, cô nào dữ, lắm điều vào bậc nhất, có nanh nhọn bậc nhất, cũng không nỡ cự tuyệt con... Người có duyên một cách lạ ấy, cũng cảm ngay. Thật Vện không đến nỗi bị tên, bị chửi mắng bao giờ.

Mùi nhang đã trải mùi dầu thắp chơi, từ các cô eu đài các đến các cô eu nghèo hèn, từ béo mượt đến gẻ lở gầy còm, không mống nào không là tình nhân của Vện.

Trò đời thường thấy kẻ hơn mình thì ghen ghét, những chó vô duyên khác thường họp đàn họp lũ đến tận nhà cụ Bá gây sự với

Vện luôn. Không hèn gì, cũng là hạng có.. Một vài miếng nên Vện chẳng sợ, lắm khi một mình chống với ba bốn cũng vẫn thắng trận như thường.

Chỉ có một lần, đàn kia đông quá, dễ đến mười mồm ấy, thầy đều vây quanh lấy Vện mà vồ, mà nhá, khiến không cự nổi, Vện phải học tốc chui tọt vào gậm giường đứng giữ thế thủ cẩn thận rồi nhe nanh gừ gừ ra ý thách: "Chúng mày có giỏi vào đây mấy ông!" Đàn kia không con nào dám vào, chỉ đứng ở cổng gàu gàu rầm lên ra ý chửi bới văng tục. Thật cũng chẳng may cho Vện quá, vì ngày hôm ấy nhà cụ Bá có giỗ tổ, giữa lúc lại là lúc cụ bà đương sôi cơm cúng, cụ ông đương khấn khứa trước bàn thờ... Bỗng dưng thấy tiếng chó sủa vang trời, nhìn ra thì toàn một lũ "đầu trâu mặt ngựa" đương xúm nhau giữa cửa chỗ mồm vào chửi bới thậm tệ, mà dưới gầm... Là Vện, biết ngay là chuyện ghen tuông chi đó, bực mình vì sợ bất kính, cụ Bá quên cả chân mình bít tất bông trắng nõn, nhảy ngay xuống đất vớ cái lau màn, ra dẹp tan lũ "ưng khuyến" rồi vào xích cổ Vện lại, rột cho một trận không tiếc tay. Thói thường chó đen giữ mực, Vện cũng chẳng chừa!

Đêm ấy, một đêm giăng thanh gió mát, nhân khi cao hứng, Vện phá rào chui ra ngoài đi với "tình nhân". Giữa lúc hai bên chỉ tre thề hóp nặng lời trên con đường nhỏ giáp với lũy tre quanh làng nó cũng là một thứ "con đường Cổ Ngư" của ta chẳng hạn thì một chú Cựộc thừa cơ chui qua cái chỗ hở ở rậu, vào sân tự do đỡ mất cái chậu thau đồng.

Thấy sột soạt tiếng động lúc trộm đã chui ra, cụ Bá gọi Vện mãi chẳng thấy đâu, lật đặt phải cầm đèn ra sân soi thì... Hỡi ơi nông nổi!

Cách đấy chỉ vài phút, Vện lại chui qua lỗ hồng ở rậu mà vào, đôi con người lấm lét nhìn trộm chủ ra về lo nghĩ không hiểu đương đêm soi đèn tìm mình làm gì thế kia. Thấy Vện có vẻ khả nghi, cụ Bá nhìn đến hàng rào rồi thất kinh chạy lại lỗ hồng. Rành rành một mảng lông mắc gai theo chiều lưng Vện lúc chui ra còn sờ sờ ở đó, cụ biết ngay là thủ đoạn của Vện, là nhờ Vện chú Cựộc mới được thừa cơ...

Giữa lúc cụ tiếc, thì một con chó, cô Khoang, trông cũng có quý tướng, bốn chân tứ túc mai hoa, "gót son" đẹp nồn đáng gọi là "hoa khôi" của làng êu, cũng chui qua giậu mà vào. Cô vào gù gù một cách nũng nịu như tiếng oanh thỏ thẻ, đại khái: "Mình ơi giữa lúc giăng thanh gió mát mà mình nỡ bỏ về, mình sợ hãi lão chủ thế, thì ra mình không hết lòng hi sinh với cái ái tình cao thượng của đôi ta ư?" Mà Vện - giữa lúc này đã là phạm nhân, -cũng cứ tự nhiên... Mơn trớn tình nhân, không để tâm đến cái tội lớn của mình!

Chẳng thềm nghĩ đến "cặp uyên ương," cụ Bá lấy gậy vục cho cả đôi một cách phàm phũ. Giận đến cực điểm, lại đau đớn vì đã mắc lừa cái tướng ngũ đoản, cụ quyết không dung thứ Vện, chỏ ngay lên vàng giăng thẻ độc: hể có khách là trị tội Vện phải chịu... Giềng hình!

* * *

Khách lại là chúng tôi.

Muốn an ủi cụ Bá, chúng tôi phải nói chế đi rằng: "Chó có tướng ngũ đoản chẳng biết có lợi gì cho người nuôi không chứ chén thì kẻ cũng ngon thật!"

Trong lúc dốc bầu say tỉnh, chúng tôi nhớ đến tiếng ăng ăng rền rĩ sau cùng của Vện, lại chợt nghĩ đến một câu than thân của những bác si tình khi đem thân bỏ vào chỗ chết: "Thôi, cũng là một dịp cho ta tỏ dạ hi sinh tính mệnh để phụng sự ái tình!"

– Ăng ăng!!! (*)

Phụ nữ thời đàm, tập mới

số 24 (20.5.1934)

(*) Truyện ngắn này đăng trong mục Chuyện phụ nữ của tờ Phụ nữ thời đàm. Sau này, Vũ Trọng Phụng đưa đăng lại ở Đông Dương tạp chí số 20 (25.9.1937) với nhan đề Một con chó hay chim chuột; chi tiết và lời văn cũng có gia giảm, thêm bớt ít nhiều. Tuy nhiên chính ở dạng đăng Phụ nữ thời đàm năm 1934, tác phẩm này cho thấy rõ xu hướng chống văn chương lãng mạn ở ngòi bút của tác giả. (chú thích của Lại Nguyên Ân)

Bụng Trẻ Con (1934)

–Chết, những 2 hào kia? Thôi, thế thì đưa đây rồi cô đi mua cho gói kẹo bạc hà, cô cháu ta cùng ăn, nhé? Liên?...

–Cháu chả...

Liên, một đứa trẻ lên năm, hai má phúng phính, ai trông cũng muốn ôm, hai hàm răng hơi sún, lắc đầu 1 cái rồi lôi cái tà áo màu lá táo lên mồm.

–Hay là cô vay rồi mai cô trả thành bốn vậy?

Liên đưa đôi mắt ngây thơ lên nhìn cô, nghi hoặc, rồi, khi thấy cô nhìn mình mà cười một cách tinh quái, liền bỏ ngay tay vào túi giữ chặt hai hào, lại nguẩy một cái:

–Cháu chả!...

Bà cụ đầu đã bạc phơ, ngồi trên ghế khuynh tay ngắm nghĩa cháu, đến bây giờ giờ tay ra gọi:

–Thôi, cô cứ trêu mãi thế, ra đây với bà.

Tức khắc Liên lon ton chạy lại, suýt nữa văng mất cả đôi giày mang cá dài vừa bằng một ngón tay. Liên ôm lấy bà, ngửa cổ ra cười, nũng nịu...

Bà bế cháu lên lòng, hôn hít, xoa đầu rồi hỏi:

–Thế hai hào này thì con để làm gì, hờ Liên?

Liên sẽ để hai hào làm gì?... Biết nói thế nào?

Không, Liên suy nghĩ đã.

Một bận không hiểu vào ngày nào, đã từ lâu, Liên không còn nhớ nữa, thằng nhỏ đi chợ về, ngoài việc bỏ ở rổ ra: thịt, trứng, rau và đậu, nó lại để xuống đất một cái ống tre dài dài, xanh xanh. Liên hỏi, nó bảo đó là ống tiền. Ống tiền? Nghe thế, Liên tưởng trong ống có tiền, liền cầm vào tay lắc mấy cái. Không thấy gì, Liên giương tròn đôi mắt: "Chỉ dối! Nào tiền ở đâu?" Thằng nhỏ ngửa cổ ra cười vang

một gian nhà bếp rồi nói: "Chị rõ... Ông tiền để mà bỏ tiền vào, chị nghe ra chưa?"

Liên vẫn không tin, lại hỏi:

–Chỉ dối!... Thế sao mẹ không phải mua ống tre? Sao mẹ chỉ bỏ tiền vào hòm?

–Mẹ có nhiều tiền nên không phải bỏ vào ống tre...

–Nhỏ cũng có hòm, sao không bỏ vào hòm mà phải mua ống tre?

Thằng nhỏ gãi đầu, không biết đáp thế nào, phải làm một câu:

–Thưa chị, tôi sợ cứ ăn quà cả ngày như chị thì hết mất nên tôi phải mua ống tre để dành.

Liên quay gót ra, ngẫm nghĩ...

Chị Thoa bên cạnh có một con búp-bê hai hào. Ngày ngày chị Thoa ra cửa, ẵm búp-bê vào lòng kêu là: ru em. Rồi chị Thoa được bà Tham, mẹ chị Thoa, may cho búp-bê một cái áo xinh xinh bằng lụa đỏ. Liên trông thấy Thoa có búp-bê thêm quá, cũng muốn có, liền hỏi:

Đẹp nhỉ... Máy xu?

Thoa cong môi lên, nguẩy một cái:

–Máy xu ngay!... Của người ta mua những hai hào!

Liên về bảo mẹ, mẹ cười và bảo cứ ngoan ngoan đừng đòi ăn quà cả ngày rồi mẹ sẽ mua cho Đến hôm cùng đi với mẹ ra hiệu để mẹ mua thuốc đánh răng với bút tất cho cậu, thấy bên trong tủ kính không biết bao nhiêu là búp-bê giống Thoa, Liên, trổng ngực đánh thành thành, chờ mẹ mua mọi thứ xong, đã sắp giật Liên ra, liền nhắc:

–Mẹ Ơi! Mẹ mua cho con búp-bê đi nào...

Mẹ quên ngay lời hẹn từ hôm nào, quắc mắt:

–Mua làm gì?... Tiền đâu để mà phí thế?

Rồi mẹ lôi xênh xệch Liên ra,. Liên ứa nước mắt, quay lại nhìn cái tủ kính lần cuối cùng, trong lòng giận mẹ quá đi mất.

Hôm sau, Liên bảo bà:

–Bà bảo thằng nhỏ mua cái ống tiền cho con...

Bà cười, ôm Liên vào lòng khen Liên ngoan, hôn hít Liên mãi. Từ hôm ấy trở đi, mỗi buổi trưa lại cho thêm Liên một trinh để dành...

Một hôm, hai cánh tay yếu ớt của Liên nhấc ống tiền lên đã thấy nặng, Liên nói với bà bảo thằng nhỏ bỏ ống ra. Lưỡi con dao rựa vừa phang xuống, một núi trinh đã tung toé khắp nhà. Thằng nhỏ nhặt tiền, đếm, bảo là đúng hai hào, vì rằng có bốn mươi đồng trinh. Bỏ vào túi nặng xệ cả một bên áo, Liên lon ton ra khoe bà. Bà đếm tiền rồi bảo để thế rách mất áo, liền đưa ra hai đồng hào đổi cho Liên.

Thế là cô chạy ra xui Liên mua kẹo! Không, Liên chả mua một lúc nhiều kẹo quá thế, ăn không hết lại để cô ăn đổ mất cả ấy à?...

Không thấy cháu nói gì, bà cụ hỏi lại:

–Thế nào, định để hai hào này làm gì, hờ con?

Liên trù trù mãi mới dám nói:

–Bà bảo cậu cháu mua cho cháu con búp-bê Để cháu ẵm như chị Thoa bên bà Tham, nhé bà nhé?

Bà gật đầu:

–Ừ, thế nào bà cũng bảo cậu mua cho con.

Rồi bà cụ nhìn ra chỗ khác, ngẫm nghĩ... Cái mẫu tính thiên nhiên của tạo vật đã "thức dậy" một cách hơi sớm trong óc đứa trẻ mới lên năm này.

Không thấy bà hỏi gì nữa, Liên trụt xuống đất, ra cửa nhìn xem có chị Thoa chơi đấy không... Rồi Liên cũng có búp-bê, Rồi Liên sẽ xin mọi những mụn vải đỏ, tím, vàng, xanh, khối ra ở trong thúng của mọi, rồi Liên xin mọi cho Liên cái kim sấn chỉ, cái kéo, cắt áo mặc cho búp-bê rồi ẵm vào lòng ru em cho mà xem! Liên chẳng còn sợ mỗi khi chưa động đến Thoa, Thoa đã cong ngay môi lên, giăng lại cái búp-bê Liên ẵm trong tay mà rằng:

–Thôi, tao không chơi với mày nữa.

oOo

Sau khi được mặc áo lam quần trắng, vào lúc chiều, đèn máy vừa mới bật, Liên được cậu dắt đi chơi phố để mua búp-bê và nhân thể xem rước đèn. Liên sung sướng quá, thích quá đi mất, lộp độp

khua gót giày mang cá kêu vang lên cũng như giày tây của cậu: một tay nắm chặt hai hào bỏ trong túi, Liên đi với cậu nghênh ngang, tung tăng...

Đông người quá, giá không đi với cậu chắc Liên lạc, sẽ bị chen ngã chết bẹp, nếu không có hai, ba con mẹ mình... Tiếng guốc nhựa kêu vang lên với tiếng kèn tây, trống tây. Một giầy lính cười ngựa đi đầu rồi đến những cái đèn thềm thờ, quả dưa, mặt trăng, ông sao rất nhiều và đẹp hơn của các đám rước sư tử... Lại có cả vô số những ông đội xếp Tây giắt xe đạp đi hai bên lề đường...

Nhanh chân, cậu đã dắt Liên đứng được ở một chỗ ngay vệ hè, không có ai đứng trước mặt cả. Đằng sau, Liên, người ta xô nhau xem, tranh nhau chỗ, cãi nhau chí chóe.

Trước mặt Liên không biết bao nhiêu là lính tây cười trên lưng những con gì không biết, giống như ngựa, nhưng tai dài và to hơn. Liên vừa thích mắt, vừa sợ, mỗi khi thấy một con lảng quăng chực chồm lên hè, Liên nắm chặt lấy cậu cả hai tay. Hết lượt những con ấy rồi, Liên buồn cười vì trong đám lính thổi kèn có một ông Tây đen ngựa bụng ra đeo một cái trống to hơn cái nia ở nhà ấy...

Chợt thấy hình như có cái gì đụng vào bụng Liên, Liên nhìn xuống, thấy một cánh tay vừa ở túi áo có hào của Liên rút ra, tức thời nắm chặt lấy. Liên toan kêu to nhưng không biết nghĩ sao, chỉ quay lại, ngẩn cổ nhìn.

Người bị Liên nắm chặt lấy tay, quần áo rách, mặt trông khổ sở cũng nhìn Liên bằng đôi mắt như những mắt của bọn ăn mày vẫn chìa tay xin van mợ vậy. Nếu Liên kêu lên, người ấy không thể chạy thoát, sau lưng anh ta còn những bức tường người. Cậu của Liên ngay ấy, mấy ông đội xếp Tây đang đi đấy... Liên lừ mắt nhìn người ăn cắp, người ăn cắp cũng giương đôi mắt khôn khổ, kêu van đổi lại, làm cho Liên nghĩ đến bao nhiêu kẻ ăn mày, rồi... Buông tay ra.

Đám rước đã đi sang phố khác, bọn người xem chạy xô nhau rào rào. Rồi người ăn cắp của Liên cũng thừa cơ cầm đầu chạy.

Lúc bấy giờ cậu Liên mới nhìn xuống, thấy Liên ngờ ngác nhìn theo một người, liền hỏi:

–Cái gì? Hay là nó lấy mất tiền rồi phải không?

Liên gật một cái, cậu Liên hấp tấp vội hỏi:

–Thế thằng nào??... Mau chỉ cho tao...

Liên trở vu vơ:

–Nó chạy vào đám đông kia rồi...

Cậu Liên thờ người ra nhìn rồi mắng:

Đồ ngu như chó!... Sao không bảo ngay tao?... Thôi! còn đâu là búp-bê nữa!... Đáng kiếp!... Thôi đi về.

Liên cúi đầu theo cậu về, không nói gì cả.

Đến nhà, cậu Liên sôi lên sùng sục, mách với bà, với cô, với mợ, mách cả thằng nhỏ, và bảo:

–Con này nó đàn độn ngu dại quá đi mất!... Biết rõ đưa ăn cắp lại không bảo ngay mình, lại để nó chạy biến mất đi!... Lại chờ mình hỏi nó mới nói!

Bà không tin, kêu:

–Nào chắc gì nó biết...

Cậu cãi:

–Khốn nạn, nếu nó không biết thì tôi còn nói làm gì... Nó lại biết thì nó mới khờ dại chứ!...

Mợ bảo:

–Thôi thế thì nhin búp-bê... Đòi nữa thì gọi là chết đòn.

Cô cũng thêm một câu:

–Con bé thế, không ngờ mà ngu thế.

Cậu lại bảo:

–Giá nó bảo ngay thì thằng ăn cắp gọi là như xương với tôi.

Liên không nói gì cả, chỉ đứng im, cúi đầu.

Sau cùng, bà ẵm Liên lên lòng và khẽ hỏi:

–Thế sao con không kêu ngay lên cho cậu con biết?

Liên, mãi mới ngửng lên, hai mắt dờ dẫm:

–Thế ngộ người ấy hôm nay đã phải nhin đói thì làm thế nào?...

Báo Loa, 22-3-1934

Sư cụ chiết lý (1935)

Cảnh chùa vắng vẻ.

Lá với hoa lung linh trước gió, hai gốc đại chốc chốc lại ném một vài bông cho bãi cỏ sân nhà trai. Gặp hơi đất ẩm, mùi thơm bốc lên, thơm vô cùng.

Muốn điều hòa thời gian, con chim gáy thỉnh thoảng lại cất giọng gù gù bình tĩnh tựa hồ chẳng hề bị thôi thúc vì luật âm dương.

Kinh kệ xong, sư cụ Tăng Sương thơ thẩn dưới hiên muốn suy nghĩ về vẻ tĩnh mịch của nhà chùa trước khi vào phòng riêng tĩnh tọa.

Ngài triết lý: khách thập phương ít lâu nay không năng lui tới cửa thiền, tuy phần lý tài của nhà chùa có bề hao hụt, song đã có chí tu đến thành Phật, ai nữa đâu quan tâm đến chuyện tiền. Nghĩa đến chuyện tiền, chẳng còn là từ bi.

Ngài lý luận thế này để tự an ủi:

"Ở trên thế gian này vật nào cũng có một nghĩa, sự nào cũng có một lý. Cuộc đời là bể khổ thì sinh ra loài người chẳng lẽ đáng Thượng đế lại làm một việc vô nghĩa lý sao? Không! Sinh ra loài người để bắt họ trầm luân phải chịu thì bọn tăng ni sống mới có nghĩa, cái nghĩa cứu vớt họ.

Cảnh chùa vắng vẻ, dân gian thưa đến, nhà chùa sẽ quần bách, cơ nguy rồi đến hết. Vực đạo, vậy đó há cũng lại là một sự vô nghĩa lý hay sao? Không, sự tĩnh mịch khiến kẻ đi tu xa tục lụy, hồn phách phiêu phiêu, gần cõi Niết Bàn. Cây gỗ đương mọc xanh tươi trong rừng mà có người bổ gốc đốn về, để đó cũng là sự vô nghĩa lý hay sao? Không! Có đốn về thì mới có tạc tượng, thì kẻ tu hành mới có được quý trước bệ để cúi đầu kinh kệ mà vọng tưởng đến Đức Thích-Già-Mâu-Ni - Thượng đế không vô nghĩa lý bao giờ. Trên thế gian cũng như trong vũ trụ, vật nào cũng có một nghĩa, sự nào cũng có một lý..."

Nghĩ xong, sư cụ ung dung dạo gót ra đến cái sân sau chùa. Ngài muốn hiểu...nghĩa lý cái bãi cỏ hoang ở đấy. Chợt thấy sư bác đương lúi húi làm gì vậy?...Sư cụ rón rén đến gần thì, mô Phật! - sư bác đương tu hành để chóng thành sư hổ mang. Cái gói lá sen mới lòi dưới hồ lên ấy, bên trong đựng thịt cầy.

Đã muốn từ bi tất không được nộ. Bình tĩnh và khoan hòa, sư cụ chỉ ra lệnh cho sư bác đem tang chứng ấy đến chịu tội trước bề Phật mà thôi.

– Vậy trước sự này, người nghĩ làm sao?

– Bạch cụ, chúng tăng còn yếu linh hồn nên dễ sa ngã.

Mấy pho tượng trông bề vệ uy linh...khói nhang nghi ngút tỏa bay, tôn nghiêm vô cùng...Quái, mùi thịt cầy sao thơm thế?

Sư cụ Tăng Sương phán truyền:

– Đã sa ngã thì nên tự tìm cách chịu tội để chuộc lỗi.

Ưa nước mắt hai hàng, sư bác thê thảm:

– Bạch cụ, chúng tăng tưởng chỉ có cái hình phạt xứng đáng nhất là bị đuổi khỏi nhà chùa. Song lẽ, nếu thế...thì, sáu bảy năm kinh kệ...

Sư cụ vẫn ôn tồn:

– Đấng Như Lai là chí thiện chí nhân: đánh kẻ chạy đi, không ai đánh kẻ tìm đến.

Sư bác, đôi mắt lấp lánh những ánh sáng hy vọng:

– Nếu được tha thứ, chúng tăng xin ăn năn. Để vứt ngay gói này...

Nhưng mà sư cụ lại giơ tay ngăn. Ngài vẫn ung dung phán truyền:

– Đấng thượng đế là bậc chí công. Cái cây trên rừng bị kẻ tiều phu đốn xuống, đó là sự ác. Nhưng đốn xuống làm củi nấu nướng cho sống loài người thì lại là sự thiện. Mà ta thuê thợ tạc gỗ thành tượng thì lại là sự thiêng liêng. Ở đời này, vật nào cũng có một nghĩa, sự nào cũng có một lý.

Sư bác còn ngờ ngác thì sư cụ đã nghiêm nét mặt ra ý giận:

– Ta muốn biết người chịu cái hình phạt: hiểu cho ra nghĩa lý mọi sự ở đời! Cố nghĩ cho ra xem!

Cau mày, sư bác nghĩ hồi lâu. Sau cùng run rẩy khẽ thưa:

– Bạch cụ, hay là...hay là Ngài...ném một miếng?

Sư cụ bình tĩnh phán:

– Mô Phật!Người đã có cơ tu thành chánh quả, người đã biết nghĩa lý sự tu. Tu là hiểu rõ nghĩa lý mọi sự ở đời.

Sư cụ vẫn thản nhiên nên sư bác tái mặt, sợ...Song lẽ, sư cụ là người từ bi. Ngài đã hết hỉ, nộ, ai, lạc. Ngài chỉ ung dung, ôn tồn. Ngài không sầm mặt không lắc đầu, chỉ khoan thai, bình tĩnh thò tay...nhót.

1935

Tết Ăn Mày (1936)

Một giờ đêm. Đứng trên bao lan một nhà, nhìn xuống con đường Khâm Thiên, ta thấy một mối cảm giác khó tả. Phố xá vắng vẻ một cách đáng buồn. Mặt đường nhựa, bị một lớp bùn cát lấp, bảo cho mọi người biết một cách hải hùng rằng xuân sắp đến.

Khi nghĩ rằng muốn sửa soạn nghinh xuân thì người ta phải lo trăm công nghìn việc để được lòng ông chủ nợ, được lòng gia đình, được lòng tổ tiên, được lòng cả kẻ tôi tớ trong nhà nữa, thì người ta phải giật mình đánh thót một cái, và nghĩ đến cuộc hành lạc vô nghĩa ấy để tự hỏi: "Có thể như thế được chăng?". Trong những trường hợp ấy kẻ lãng mạn cũng thoáng nghĩ đến cái phận sự sống một đời ích kỷ và hiền lành của kẻ trưởng giả, và những anh tầm thường cũng trở nên thi sĩ. Cho nên người ta buồn vì ngoài phố chỉ còn mấy tiếng rao ròi rạc của mụ hàng nem, buồn vì mấy cái xe tay mui buông kín mít cứ ở nguyên một chỗ để chống dít ra đường!

Bên trong, khách làng chơi đã lộ sự mệt nhọc. Chiều rượu vừa bế mạc xong. Bọn trẻ rủ nhau thành từng cặp một, nằm ngòai ngả nghiêng rải rác khắp gian phòng. Họ nói ái tình. Họ nói làm nhảm. Và họ vắng tục. Vì rằng họ chỉ đến đây thời mới được tự do nói nhảm và vắng tục.

Còn bọn già thì nằm quanh khay đèn với mấy cô đào rượu và bà chủ. Những cụ này không vắng tục, cũng không nghịch đều. Họ là bọn hóa điên. Họ nói chuyện đứng đắn, chuyện công việc. Và than ôi! Họ lại lo cả tết nữa! Ấy là lúc ra đi, có người đã mặc cả là đi chơi cho đỡ buồn.

Giống người thật là một giống hay khoe. Hôm nay, một tiểu thư thấy, nhà trước cửa, cô kia mới may một bộ áo tân thời. Ba hôm sau, cô này cũng phải may một bộ áo tân thời lại tân thời hơn cả của cô kia. Cho nên thấy một quan viên ngáp và nói: "Chết chửa, bỏ mẹ thật, 25 tết rồi!" thì cô đào cũng ủa nhau nói chuyện tết. Họ cũng

khoe. Họ lại khoe cả những cái "vỡ lọ cổ" nữa. Cái đó cũng không lạ gì mấy vì chung đối với Cúc Nương, chúng tôi đã vẽ râu, đã bạt râu năm lần bảy lượt, đã có phen có anh phải để râu như râu Trương Phi, và rồi lại cạo được cho nhẵn nhụi như mặt anh Mã Giám Sinh.

Cúc Nương đã nói đến nhân tình thế thái trong những ngày tết.

Ngày tết của cô đầu

Những khi lên voi

Và những lúc xuống chó

Cúc Nương đã nhắc đến những ngày thịnh thời của nghề đàn phách, những ngày mà ả đào còn ở phố Hàng Giấy, Thái Hà áp. Thời ấy, không phải là ai cũng đi hát được. Một châu chay điểm một ít lê táo, vài chai sâm-banh của khách làng chơi đem đến, lại không một ai ngủ lại (điều đó can hệ lắm), khách chỉ cho ít nhất cũng hai chục đồng. Đi hát là một cái vinh dự, vì đi hát thì phải biết đánh trống. Thời ấy người ta đi ả đào thì thấy sung sướng như chàng đa tình đi qua một cửa hiệu tạp hóa, phải lòng mê một cô bán hàng mà rồi được phép vào chuyện trò thân mật với người yêu. Cô đầu giữ được nhân phẩm của mình, làng chơi cũng không dám giở những thủ đoạn gây gạc.

23 tháng chạp.

Mua mấy con cá chép nhỏ làm ngựa ông Táo, tiễn ông Táo lên châu Trời rồi, chị em cũng như những gia đình nền nếp, tấp nập đi giục thợ may, đi sắm thợ kim hoàn, đi sắm cành đào, thủy tiên. Hơn những gia đình trưởng giả, ngoài việc sắm chè, mứt, mọi thứ cao lương mỹ vị, chị em còn xuống Gô Đa ký những giấy li-ve-rông" rượu sâm-banh từng hòm. Pháo cũng nhiều, vì đốt pháo tức là đốt cho tan nát lưng khách làng chơi. Ông Thổ Công mang những chuyện ấy lên khoe với Trời và không dám tâu nộp những chuyện như bắn gì khác.

Buổi chiều mồng một, Cúc Nương đã từng thấy những chiếc xe hơi đến đỗ trước nhà mình như trước dinh một bà quan to. Có lẽ

người ta đã ký văn tự 30 phân với Tây đen, song những cái ấy, chị em không phải lo hộ. Muốn có tình thì phải có tiền. Hồi đó, ái tình trên cái thị trường son phấn còn bán được bằng giá rất cao. Quan viên thi nhau diện xe hơi đến nhà. Quan viên uống nước chè, cắn vài hạt dưa. Quan viên mở rượu sâm-banh. Quan viên nói bông lơn vài câu. Rồi quan viên phong bao cho ba chục bạc, năm chục, hay gộp một "cái đỉnh" (*). Và, vì lẽ đời nó thế, con gà tức nhau tiếng gáy, quan viên mở hàng như vậy mà lại còn hối hận, còn sợ có thằng khác phong bao oai hơn mình. Hồi đó đi hát cô đào thì sẽ bán nhà. Nhưng mà không mắc bệnh hoa liễu.

Cúc Nương thở dài, chép miệng:

– Cứ tiền pháo khi xưa cũng bằng mấy cái tét bây giờ!

Bây giờ Cúc Nương đã đến lúc danh vọng về chiều.

Đó là nạn khủng hoảng. Đó là nạn nhân mãn. Đó là nạn ế chồng. Đó là nạn lãng mạn. Đó là cái nạn nhà đăng xing.

Khách hàng không hỏi mua giọng hát nữa. Làng chơi đã đổi hẳn thị dục. Làng chơi cần cái đẹp, cái mới, cái dễ. Cho nên đáng lẽ cùng với mấy cô em danh ca cũng xong, nay Cúc Nương phải mộ thêm một ít cô tân thời biết uống rượu, biết vấn tóc trần cho đẹp, biết đánh răng cho trắng nõn, biết ca mấy câu Trường tương tư, Văn thiên tường, biết khiêu dâm. Cô đầu "xách đèn" và không biết trò chuyện "đếch gì" cả. Và, thêm vào số ấy, lại phải có độ hai món hàng "chanh cóc" thì mới thật là đầy đủ. Cái số nhân viên trong "sở" đã phải mượn đông đến như thế thì có phải bà chủ không thể lo tét cho người làm nữa không? Ai lo phận người ấy.

– Anh ơi, tét nhất đến nơi, anh nữ để em xơ xác ra thế này à?

– Anh ơi, anh đã làm gì để tỏ lòng yêu em hay là chưa?

– Việc lo ăn lo mặc cho em là việc của bà chủ chứ?

– Vẫn biết thế, khổn nhưng em không có lắm nhân tình! Nếu em có vài người nhân tình luôn luôn đến hát thì em đã chả phải nhờ anh.

Chị xịu mặt nói thế. Anh, muốn chừng nghe cũng có lý, không nói gì nữa. Chị đưa thêm một mũi kiếm:

– Nếu em giả dối với anh thì em đã chẳng xơ xác như thế này, anh ạ.

– Được rồi, để anh nghĩ đã.

– Anh cứ sắm cho em đi, em sẽ trả sau.

Quan viên hiểu ngầm cái nghĩa chữ ấy lắm. Đêm ấy người ta cho nhau ái tình. Sáng hôm sau, quan hẹn đến 26 xuống hát tất niên sẽ có quà tết một thể. Quan viên lại còn kêu như thế thì càng khỏi phải xông đất đầu năm, lợi hơn. Chị em nghĩ thật, tưởng bỏ nữa. Ngày một ngày hai, chị em cứ chờ: Hôm nay người ta rao cá ông Táo. Mai người ta vác cành đào ngẫu nghện qua đường. Ngày kia, người ta vênh váo ngồi xe với những chậu cúc tượng. Ngày kia, người ta rao lá giông gói bánh chưng. Ngồi thực tay vào lòng dưới ánh đèn măng-xông, chờ những khách làng chơi tưởng tượng, chị Lan thấy cái quần nhiễu trắng của mình vẫn là cái quần nổi hai lần cạp, cái khăn san vẫn là cái khăn san có ba lỗ thủng bằng ba đồng xu. Vậy mà chị Tình, chị Hiền, chị Mai thì được bà chủ sắm cho nào áo mới giày mới khăn mới. Các chị ấy là cô đầu có "mặt hàng". Mỗi chị ít ra cũng có một số nhân tình là năm bảy ông.

Ngáp dài một cái, chị Lan xúc cảm "kể chuyện" một câu:

– Chém cha... Cái số... Chung ư ư ư tình!

Thật đặc giọng nhà thổ ế.

Hai giờ chiều mồng một.

Năm quan viên vào chúc mừng nhặng cả lên, ăn uống choáng cả lên, hôn hít rầm cả lên. Cuộc đời như vậy thật là: vui vẻ, trẻ trung, tân tiến, hoạt động, trào phúng, và xã hội nữa. Một quan hô:

– Đầu năm thiên thủ, chúng mày ơi, phải có sâm-banh cho nó hùng.

Một quan khác:

– Hùng gì? Bà chủ chỉ đốt mừng chúng mình có một ngón tay pháo.

Một quan khác nữa:

– Thế thì chúng ta mỗi thằng chỉ làm một hén sâm-banh thôi.

– Nhưng mà có sâm-banh không? Có không?

Bà chủ dậu dăng:

– Sao lại không? Đối với các anh là làng chơi đi xe hơi xuống xông đất thì chẳng phải đòi chúng tôi cũng phải đề cỗ xuống mà mời sâm-banh.

Cả bọn nhao nhao lên:

– Thế thì đề đi! Thế thì đề đi! Còn chờ gì nữa?

Bốp, bốp, nút chai bắn vọt lên trần nhà. Tiếng sảng tê ồm tồm. Các quan loạng choạng đi ra. Một quan đã bắc ghế lên mắc vào cái đinh ở cửa hai thước tây pháo. Năm quan ra ngoài đường. Cô đầu ở trong nhà cả. Một quan đánh diêm. Quan khác lấy ma-ni-ven vặn máy xe.

Tạch tạch tạch tạch! Pháo cứ nổ ran lên! Khói cứ um cả nhà! Năm quan lên cả xe. Xe chạy.

Trong cơn biến loạn, có người kêu: "Trời ơi! Họ quên không mở hàng! Họ chưa mở hàng!". Nhưng mà làm thế nào? Cái cửa bằng cái lỗ mũi, tràng pháo lại đương nổ. Khói cứ um lên. Cô đầu tối mắt, ngạt mũi, còn bận bưng mồm ho sù sụ như sặc thuốc Lào vậy.

Năm phút sau bà chủ kêu:

– Đồ chó!

Hai chị em bênh nhân tình:

– Không, chắc là các anh ấy quên.

Đến chiều tối, lại một bọn khác. Lại những sự xã giao như lúc hai giờ. Rồi thì, trước khi ra đi, một quan để trên cơi giầu một phong giấy đỏ. Mười phút sau, bà chủ giờ ra thấy một tá chinh Bảo Đại. Với một cái thư nữa.

Trong thư, sự tử tế của loài người đã nói:

– "Cái giá trị của các chị chỉ đáng có thế. Các chị thử nghĩ lại xem, đã tử tế với chúng ta như thế nào. Nhớ lại xem!".

Cúc Nương nhớ lại những chiều hát cũ. Một lần, nàng đã nhằm trót để cho hai cô em vào tiếp hai chú Chiệc ở gác trong. Một hôm khác, ba quan ngủ lại, chẳng may có ba cô em lại cùng "đại tang" cả.

- Ngày xưa quan viên tìm cô đầu.
- Bây giờ cô đầu hạ mình quá với quan viên.
- Cô đầu không thành cô đầu, quan viên không thành quan viên.
- Nói tóm lại thì quan viên cũng chó mà cô đầu cũng chó!

Cúc Nương nói thế thì một người hỏi đùa:

- Chó ở những lúc ngủ với nhau ấy à?

Tiếng cười râm một hồi. Rồi Cúc Nương nói:

- Chán bỏ mẹ! Thời buổi này cái gì cũng hỏng! Tết nhất lắm chỉ như đồ ăn mày!

Hỡi cô gái giang hồ! Đây là ngày tết. Ngày hôm nay là ngày thiên hạ tung bừng đón chào xuân mới. Trước ban thờ khói trầm nghi ngút, đèn nến sáng trưng, cô gái ngồi với tráp giàu, sửa soạn chè nước tiếp khách và sẵn sàng đổ mặt lên nhận những câu chúc đất chồng, vào dịp xuân sang.

Cô gái giang hồ có biết những cái dĩ vãng tốt đẹp ấy chẳng? Hay cô mê mết vào cuộc truy hoan để chờ khi thấy mặt ta thì lại làm cho ta bồi hồi và giật mình bằng những câu như: "Nay mai anh xuống hát cho một chiều tắt niên để em kiếm cái tết nhé!".

HẾT.

Lời dẫn của người sưu tầm

Truyện ngắn sau đây của Vũ Trọng Phụng tuy thắng hoặc có được nhắc đến trong một số bài nghiên cứu từ khoảng những năm 1950 trở lại đây, nhưng chắc chắn là bạn đọc không thể thấy văn bản tác phẩm này trong các sưu tập, tuyển tập Vũ Trọng Phụng xuất bản trong thời gian trên.

Có lẽ sau lần đăng báo duy nhất, năm 1936, truyện này chưa hề được in lại.

Truyện không chỉ cho nghe tiếng thở dài về thế tình đen bạc, một cảm hứng thường gặp trong sáng tác của Vũ Trọng Phụng, mà còn đáng chú ý với đời nay ở sự miêu tả sinh hoạt ca trù tại đô thị VN đầu thế kỷ 20.

Gần đây do tìm lại được văn bản phóng sự "Vẽ nhọ bơi hề", ta biết thêm rằng nhà văn rất quan tâm đến trạng thái nghệ thuật và đời sống người nghệ sĩ trong xã hội đương thời ông. Truyện ngắn này xác nhận thêm điều đó.

Để có thể giới thiệu tác phẩm này với bạn đọc hôm nay, tôi phải cảm ơn Peter Zinoman và Nguyễn Nguyệt Cầm, chính hai bạn đã gửi từ Berkeley (California, Hoa Kỳ) về cho tôi bản chụp truyện ngắn này.

Lại Nguyên Ân

Hồ sê lúu hồ lúu sê sàng (1936)

Không ai có thể thấy một gia đình thứ hai nữa giống gia đình nhà danh họa Khôi Kỳ. Cứ cái tên của ông chủ cũng đã đủ ngộ nghĩnh rồi, nhưng có bước vào nhà ông này, ta mới thấy nhiều cái lạ. Có thể bảo rằng đối với nhà này, cuộc đời là một trận cười quanh năm.

Bất cứ đến lúc nào, ông còn đứng ngoài thềm ông cũng đã thấy vắng vắng đưa ra những tiếng đàn nguyệt như bỗng, như trầm, hoặc tiếng cái nhị Saigoòng rên rĩ. Nếu vào đến căn phòng làm việc của nhà họa sĩ, thì thật là một sự lạ lắm, nếu ông không thấy vỏ hạt dưa bắn tung tóe đầy sàn, vài cái đĩa còn thừa lác đác mấy miếng bánh khách, giấy bóng vỏ kẹo, hay mấy chai rượu ngọt chỉ còn ít cặn, hay cái áo "cào cào" vài đôi giày mang cá mới của các tiểu thư. Ấy là không kể một đồng ngỗng ngang những sáo với hồ, những đàn với nhị, cái nào cũng đứt giây long phiếm, dựa lảo đảo vào một xó góc, một thành ghế, hoặc may lắm mới được treo cẩn thận trên tường.

Vì rằng Tuyết Nương với Bạch Vân đều là hai cô gái quý của nhà danh họa Khôi Kỳ đàn cũng hay, ca lại càng "nào" lắm. Thật là những nàng tiên sa cõi thế, răng lóng lánh hơn mặt hoa tai đầm, nước da mịn hơn cả quần lụa trắng, tóc đen lay láy, có màu mun hơn cả khăn nhung.

Chính ra, Khôi Kỳ không có địa vị gì trong nhà, chỉ Tuyết nương và Bạch Vân mới là hai "bà" cầm quyền thay ông chủ.

Ông bố thường dậy từ lúc bà con hàng phố chưa ai nghe bánh Tây nóng, giò rét thì quần thêm cái chăn dạ, khoác thêm cái áo dạ đã ra ngồi kẻ, đo, vạch, điểm trộn sơn, trộn thuốc để cho bà vợ quý với hai cô gái quý nằm ươn xác chờ đến giờ học buổi sáng được ra chơi. Ông tuy có tài nhưng chưa "ăn thua" gì cả. Ông vẫn còn nghèo lắm nên làm ăn rất chi chăm chỉ, những mong có một ngày kia... Một vài cuộc triển lãm của ông tổ chức với mấy anh em đã hứa cho ông con đường tương lai rục rở. Nhưng, vợ với con mà ông phải nai

lưng ra nuôi một cách rất vất vả chỉ những bắt ông sắm khăn san, giày mang cá, cũng khiến ông đủ "lệch nghiệp" rồi.

Bà vợ ông không nhúng tay vào một việc gì cả. Rất đẹp khi mới cưới, rất được nhiều người họ nhà chồng kính yêu chỉ vì cái sắc, bá tước còn tự hào là một người đàn bà đẹp, và, sau là một người đàn bà đẹp từ xưa! Đã là một người thuở xưa rất đẹp, nay bà chán hết mọi sự, chỉ còn biết mùa rét thì trùm chăn ngủ kỹ, nực đến thì gội đầu rồi xõa tóc ra quạt, đọc tiểu thuyết trên một cái võng lúc nào cũng kêu "kĩu ca kĩu kịt" mắc lê khắp gian phòng. Cho nên mỗi khi bà dứng tay vào việc gì thì cả nhà như một xứ nào gặp nạn động đất vậy.

– Con Vân! Cái kéo của tao để đâu rồi thế?... Ơi Tuyết! Cái đe với cuện chỉ ở hòm mày đã vứt đâu?

Cứ neho neho thế suốt ngày!

Rồi thì, Tuyết cũng như Vân, hai cô ủa nhau mở hòm, mở tủ. Sau một hồi rối rít tìm chìa khóa mới mở được thì chẳng thấy đâu là kim, đâu là đe, đâu là chỉ mà toàn mó phải những đĩa, những thìa, những khay áo, gương cũ, hộp sắt tây, lọ thủy tinh, không biết đĩa khỉ nào đã nhét cả vào đấy, và cất đấy để làm gì!...

Cả mọi đồ vật bày trong nhà cũng có một vẻ kỳ lạ lắm.

Cứ hai, ba tháng lại dọn một lần nên phòng khách cũng như phòng ngủ trông đều có vẻ "chưa bày xong" hoặc "đến mai xếp dọn" của những nhà mới có việc bận rộn hôm qua. Vả lại, ai hỏi đến cái gì cũng không thấy cả thì còn bày biện cái quái gì? Miễn là ông bố vẫn tìm thấy đủ cái mũ, đôi giày, bà mẹ: một cuốn tiểu thuyết Tam Hạ Nam Đường, hai cô con gái: phấn, sáp, khăn nhung. Miễn ra ngoài đường, bà con phải nhầm là nhà có cửa. Cánh cửa nhớ hé mở người tò mò đi ngoài phố có thể nhìn trộm thấy cái tủ chè khảm nhưng mặt kính vỡ chữa có tiền thay. Hoặc trên bàn thờ, cái bát nhang sứt vì mèo nhảy đổ.

Có khi, ngồi vào mâm, đã cất đĩa, ông bố mới sừng sốt tự trách rằng quên chẳng để dành tiền mua lấy cái liễn ủ cơm. Gặp khi nào hơn hai giờ mà hai cô gái quý mới thối cơm xong thì chiều đến đã có

lệnh của bà truyền rằng: "Mới ăn cơm từ lúc hai giờ chiều không phải thổi cơm, để chờ hàng phở tối".

Một cảnh tượng rất thường nhưng nghĩ cho cùng, thật cảm động: bốn người cùng, kẻ ngồi, người đứng, bưng mấy bát phở vội húp sục soạt ở ngay chỗ cánh cửa bước vào. Cầm cái khăn mặt bẩn như lau khăn bàn, ông bố húp vội chén nước rồi lại quay vào cầm cổ làm việc, chẳng kịp xỉa răng!

Trong cái cảnh bừa bộn vô trật tự ấy, cái thản nhiên, cái bình tĩnh của bà mẹ với hai cô thì thật là những kỳ công của tạo hoá! Trong óc mấy người này đều chứa những tư tưởng gì khác, chứ không tráng qua một tư tưởng nào về việc tề gia nội trợ bao giờ. Cho nên Tuyết Nương thì ăn vận theo gái Sài Gòn, còn Bạch Vân gái Huế. Còn bà mẹ, nằm chao mình trong võng, sống một cách uể oải với bộ truyện Phong thần mơ màng đến cái sắc đẹp thừa xưa.

Nhà danh họa Khôi Kỳ thì lúc nào cũng hớn hờ tươi cười như đứa trẻ con được mặc áo đẹp.

Miễn sao lúc nào cũng được thấy bên tai khanh khách tiếng cười của hai cô con gái quý, ông bố có thể nai lưng ra làm việc, kéo cày trả nợ, nợ vợ, nợ con. Hễ cô con gái nũng nịu, tỏ vẻ bên tai "Cậu cho con mua cái san" (giấu mỏ!) "Cậu cho con mua cái vòng" v.v... Là ông bố gật đầu ngay, móc ví lấy tiền ngay, dù gạo ngày mai chưa trông được vào đâu cũng mặc!...

Cũng lắm khi các cô ngồi cần cù kim chỉ đây, nhưng áo rách đến xả vai của bố cũng không thấy miếng vá, bát tất của bố thùng như rây bột cũng chẳng được sợi mạng, các cô chỉ biết thuê hàng trăm hàng nghìn những chiếc mũi xoa có cành hồng con bướm, để tặng những ai ai thì phải, chứ cũng không thấy để bán bao giờ.

Các ông, các bà có được hân hạnh lần nào gặp những cô gái quý, rất tân tiến ấy không? Nào có khó gì đâu, biếng việc nhà nhưng chăm chỉ việc người, những cuộc diễn kịch, diễn cải lương Nam Kỳ, việc nghĩa hoặc các buổi chợ phiên, đối với các cô không một dịp nào không dự vào ban tổ chức. Chỉ bởi thế, các cô vẫn phải muộn chồng.

Vì rằng cứ trông cái cảnh gia đình ra ngoài khuôn mẫu hàng nghìn vạn dặm của các cô, cứ nghe giọng bà mẹ của các cô sần sật, neho neho cả ngày, thì dù trong đám công tử đã cảm giọng Nam ai, Vọng cổ hoài lang, Văn Thiên Tường của các cô, cũng có nhiều cậu muốn rước ngay các cô về nhưng phần nhiều đều ngại ngần, tự hỏi với tự dọa: "Có nên lấy nó làm người vợ quý của mình?" hoặc là "Nếu ta lấy nó thì rồi ta đến bố mẹ ta!..."

Người tử tế làm ăn, đã không ai dám rúng đến rồi, mà cả cái bọn "mũ lệch vai so" cũng không mãnh nào dám rước. Đã đành là, đến nhà họa sĩ Khôi Kỳ nghe hát, nghe đàn là thú, là vui, là cảm lắm nhưng mấy ông tài tử Nam Kỳ đội mũ đỏ mực, quần cái khăn quàng sắc sỡ, lê đôi dép Nhật, đàn hay, ca thạo, hút thuốc lá cũng thạo, đối với con mắt bọn này đã như đinh như gai... Ấy là không kể trong khi mãi vui nghe hát, nghe đàn, bọn này phải chịu cái khổ hình nghe cả tiếng vống kiu kịt của bà ở phòng bên cạnh, trông thấy thấp thoáng bóng người, những cái vẻ mặt căm tức, giận dữ, định lấy tiền nhà tiền gạo, từ tháng trước thu xếp chưa xong. Các cô vẫn ế.

Được một lần có một anh chàng góa vợ, đứng tuổi, rất thích cảnh đời ra ngoài khuôn mẫu, vì cho sự lấy vợ chỉ là mua máy hát, đã định gấp ghé (ái chà!...) mượn người tiến dẫn đến năm bảy lượt, nhưng vì thấy cảnh gia đình quá sức mình tưởng tượng nên trong lúc cô em gân cổ ca khúc Văn Thiên Tường trong bản tuồng Tam ban triền diển thì anh chàng lim dim con mắt liếc nhìn cô chị, phì phèo tẩu thuốc lá, nghe điệu đàn rồi vừa hát thầm, họa thầm, mà tự hỏi:

"Phải xem nó có ý y còn nguyên, nó còn nguyên..."

Việc chàng lại bỏ dở...

Thế là Bạch Vân với Tuyết Nương vẫn cứ ế chồng, mà họa sĩ Khôi Kỳ được cảnh xum họp một nhà để tiếp khách toàn cầu, để méo mặt lo nợ, lo chạy gạo, chạy tiền bánh ngọt, rượu, chè tiếp rước các ông công tử Bắc Kỳ, tiếp rước các ông tài tử Nam Kỳ, và để lúc nào cũng được bên tai văng vẳng khúc đàn tròn của bài vọng cổ:

Hồ sê lúu hồ lúu sê sàng!

Hà Nội báo,
số 35; ngày 2.9.1936

Bộ răng vàng (1936)

Cha vừa mất, hai quý tử nọ không lo việc tang lễ mà lại lao ngay vào cuộc chia tài sản. Thật khốn nạn, người con bất hiếu còn cạy mòm người chết để lấy răng vàng. Bằng ngòi bút tài hoa, sắc sảo, tác giả lên án mạnh mẽ thói vô luân trong xã hội Việt Nam thuở còn bị thực dân phong kiến cai trị và để cho người đọc hôm nay những điều cần phải suy nghĩ về đạo lý làm người.

Ông cụ già ngót tám mươi tuổi đầu ấy đã hứa với chúng cái chết của mình ba tháng nay rồi, mà ba tháng nay rồi, ông cụ cứ nằm lì giữa giường để rên đấy, ăn đấy, và thi hành mọi việc cần dùng ở đấy..

Cụ thật là người keo kiệt, đến lúc hấp hối rồi mà vẫn còn đo lo nước mắt, đếm củ dưa hành, hau háu chi ly từng đồng xu nhỏ một, chẳng chịu rời chùm chìa khóa, mở tủ, lấy văn tự địa đồ chia của cho con.

Đến bây giờ thì ông cụ quả thật chết rồi, nhẹ nợ!...

Ông cụ chết rồi, thì thằng cả, thằng hai với vợ chúng xúm nhau vào vào lấy chùm chìa khóa, tính việc chia gia tài.

Chúng hãy để mặc cái thầy ma nằm đấy. Cả hai ngày hôm ấy chúng bận bù đầu vào trăm công, nghìn việc. Thằng hai nhường cho anh bộ đồ thờ với yếu thư bàn đọc, thì kỳ kèo ép anh phải bỏ tiền ra lo cho bố, thết đãi hàng xã, hàng tổng thì phải lấy lại hai con lợn nái của mình.

Tối hôm sau, cái chết của ông cụ, họ hàng cũng không một ai được biết, vì chúng... Tính toán chưa xong.

Đến độ nửa đêm mọi việc đã thương lượng thực với nhau đầu vào đấy cả. Lên giường nằm nghỉ, thằng cả mơ màng đến những cảnh phóng túng chơi bời cũng như thằng hai, sượng bằng mở cờ trong bụng định những việc mưu danh, cầu tước, mua lấy một chân chức sắc trong làng.

Bốn vợ chồng chúng xì xào to nhỏ với nhau, khúc khích với nhau, duy chỉ một mình ông cụ, một cái thầy ma phủ dưới một cái chần đơn, nằm đờ với ngọn đèn dầu to không bằng hạt đỗ. Vì không có chúc thư để lại, cái chết kia là cái chết bất thành linh, chúng đã giấu kín ngày giờ với họ hàng, làng nước thì chúng kêu gào khóc lóc làm chi?

Vợ chồng thằng cả muốn như ngủ rồi, thì vợ chồng thằng hai rón rén đẩy cửa lòi nhau ra ngoài chuyện kín.

Thằng hai óc lý tài sáng suốt hơn thằng cả, nhớ rõ ra rằng trong lúc sinh thời, ông bố muốn thay vào hàm răng cái còn cái gãy, đã lên tỉnh, vào nhà giồng răng vàng.

Chúng cứ xì xào cãi lẩy với nhau, con vợ nhất định rầy rụa không nghe, kêu rằng trong nhà có kẻ qua đời, người sống muốn cho kẻ chết được thiêng liêng phù hộ cho mình, thường còn lăm khi bỏ vàng vào miệng. Nên khi thấy chồng bàn lẩy bộ răng trong mồm bố ra để bán, nó chẳng bằng lòng...

Thằng chồng phát gắt mà rằng:

– Cái đời đàn bà chúng mày sao mà ngu thế? Chết rồi, thì việc cúng giỗ chẳng qua là việc dối lừa thiên hạ, bộ răng vàng ấy đem bán đi không được chục bạc hay sao? Mày không nghe ông mặc kệ mày, miễn sao mày đừng để cho vợ chồng anh cả biết. Ông làm gì thì mặc xác ông!

Rồi nó nguây nguẩy quay vào, để cho vợ một mình đứng đấy.

Trong nhà có người chết, ngoài sân lại thêm đom đóm bay liệng lập lờ, cây cau, cây chuối cọ lá sột sạt vào nhau, con vện thành linh cấn bóng một cách tức bực buồn rầu, nghe sợ đến rùn người đi được.

Chị vợ bỗng giật mình hoảng sợ, hấp tấp chạy vào những toan ngăn chồng không cho làm thế, nhưng khi đến cửa buồng, nhìn vào thầy ma tro tro nằm đấy thì chị ta lại sợ, không dám bước vào.

Nó biết vợ nó phải lánh mặt đi rồi thì nó cứ việc tự do hành động. Nó nhìn sau nhìn trước, lắng tai nghe kỹ, thấy vợ chồng anh mình đã ngáy mới yên trí, rón rén đến bên giường bố chết, lật cái chần ra.

Để một tay giữ trên đôi mắt người đã qua đời, còn một tay nó bóp lấy hàm, cố vành cho được. Thấy hơi rần rần, nó liền dùng hết sức, cố vành mồm kẻ chết móc ra được bộ răng vàng. Như người sốt rét phải chậu nước lạnh dội vào mình, nó bỗng run lên bần bật. Bộ răng vàng rơi lặn xuống đất nó cũng không kịp nhặt, vì khi nhìn lại đôi mắt của kẻ qua đời đã bị bàn tay phũ phàng kia làm cho lật hắt mi lên. Mà cái mồm, một cái mồm không răng trông sâu hoắm hoắm mà tối om om, sau khi đã bị vành thì thôi, nhất định không thềm ngậm lại. Người chết hình như trợn mắt, há mồm, nguyên rửa thẳng con mắt bất hiếu, trông đáng sợ vô cùng.

Nó đứng ngây ra đấy kinh khủng mà nhìn không chớp mắt một hồi, rồi sau khi rú lên một tiếng, bưng mặt đẩy cửa chạy đi.

Nghe thấy tiếng kêu ghê gớm lạ lùng hai vợ chồng anh đều ngồi nhòm dậy, chúng không hiểu nguyên do sao cả, chỉ nhìn nhau một cách kinh ngạc rồi rón rén xuống đất, bước đến cửa phòng người chết, đứng đấy nhìn vào. Cái thầy ma trợn mắt há mồm như đang chửi rửa.

Hai vợ chồng sợ quá đứng sát vách nhau mà run lập cập, trống ngực đánh thành linh. Giữa cái lúc bối rối tâm thần, mơ màng đến những chuyện "quỉ nhập tràng" của bộ Liêu trai, không biết nên đứng ý ra đấy hay cuống cẳng bỏ chạy đi đâu, thì thằng anh nhìn thấy cái bộ răng vàng nằm dưới gầm giường nhờ ánh sáng đèn chiếu ra lóng lánh.

Cái việc thằng em vào đây, rú lên rồi ôm đầu bỏ chạy, nó hiểu rõ ra ngay.

Nhìn ra sau lưng, thấy vợ chồng thằng em đã đứng tái mặt đấy rồi, thì nó lên giọng đàn anh, mắng trùm: "Chúng mày thực là bất hiếu".

Người đàn bà kia cố cãi cho ra lẽ, kêu rằng để hết lời ngăn cản mà chồng chẳng chịu nghe nào. Rồi chị ta xin lỗi cho chồng, những mong được lượng ông giữ kín những chuyện nhơ nhuốc trong nhà, cứ việc lấp lại hàm răng vào mồm cho bố.

Nhưng thằng anh lại không làm như thế, sau khi không có cách nào vuốt mắt, đẩy mồm cho người đã mất thì nó chỉ đành trùm chần

lên một cách gọn gàng. Rồi nó quay lại mắng đứa em dâu:

– Chú thím đã định lừa tôi như thế, thì bộ răng này, sau khi tôi bán được, mong rằng chú thím đừng nhớ đến chuyện chia..

Sau cùng, thì một cách tự nhiên, nhanh nhẹn nhất đời, nó cúi xuống nhặt bộ răng vàng, bỏ túi.

Một con chó hay chim chuột (1937)

Hôm ấy, cụ Bá ông quả quyết mở ví tiền để trả cho anh lái chó cái giấy bạc một đồng. Cụ sung sướng cực điểm vì rằng con Vện mà cụ mới mua đấy, theo ý cụ, là một con chó có... Dị tướng: béo tốt, chân thấp, mồm và tai vừa nhọn vừa ngắn, mặt tròn tròn gầy gập như mặt gioi, lông đã hung hung lại có vằn đen như lốt hùm.

Cụ đã khoe với cả xóm rằng ai nuôi được thứ chó ấy ắt sẽ có nhiều dịp phát tài - giống chó cũng có tướng như giống người, mà con Vện của cụ thì lại quý hơn các thứ chó huyền đề hoặc là tứ túc mai hoa vì nó có tướng ngũ đoản.

Chẳng hiểu cụ Bá xem tướng con Vện có đúng hay không! Sau khi có nó ba bốn ngày, chưa cho cụ được dịp phát tài đâu, nó đã vồ lấy ống chân cụ Bá bà mà ngoạm luôn cho một ngoạm. Tuy rằng mấy cái răng ngạp vào thịt cũng không sâu cho lắm, nhưng cụ bà bị toạc mất hai tác váy lĩnh: cái triệu chứng hao tài!

Có lẽ tướng ngũ đoản cũng chẳng đáng quý bằng cái váy lĩnh nên chi cụ ông, mặc dầu đã hết sức can ngăn và hạch lại cụ bà rằng "Mới thả cũi nó một ngày nó chưa quen hết người trong nhà, ai bảo bà đã đi về khuya lại không đánh tiếng", cụ cũng chẳng giựt nổi của cụ bà cái đòn ống to tướng lúc ấy cứ giáng xuống lưng con Vện như mưa...

– Này cắn trộm! Này phản chủ với bà!

– ăng ăng ăng ăng!

Con Vện trong lúc chịu đòn, chỉ biết kêu có thể, nước mắt chảy ra ràn rụa, trông cũng đáng thương hại lắm.

Thất bại trong cuộc làm thầy kiện cho con chó có dị tướng ấy, cụ Bá ông hậm hực mất đến vài ngày, và khách hàng của cụ, từ đó cũng phải một phen kệt. Bốn chiếc răng nanh chẳng dám dùng đến nữa, từ đấy, hễ thấy người lạ mặt, con Vện chỉ đành gừ gừ một

cách cho phải phép, hay là, quá lắm, cũng chỉ đến gâu gâu rất suông. Cái bực tức ấy thật chẳng khác gì cái bực tức của những ông quan viên nào đi che tàn, xuống xóm những tưởng sẽ được hưởng thế nọ... Thế này, mà kỳ chung chỉ được có một châu chay thôi vậy!

Vẫn biết cắn là một tính thiên bẩm của loài chó thật song le, bất cứ lần nào, hễ Vện ta vừa rứt chân, rứt cổ, ngửa mồm nhe nanh, hừ một cái, là tức khắc bị những người suýt suýt âm lên, cho nên nó nghĩ ngay đến cái đòn ống, lại cho rằng sự mình bị quát mắng là một điều áp chế, nó chui ngay vào gậm phản mà nằm rồi nhìn thế sự bằng cặp mắt bàng quan. Nếu nó biết nói, ắt nó đã làm một câu: "Chặc! Thì ông mặc kệ".

Dần dần, nó chỉ biết đến bữa thì ăn, ăn xong tìm chỗ nào cao ráo, ít ruồi, ít muỗi, đánh một giấc, cái đầu đặt giữa hai chân trước như người nào đến cái tuổi mụ ni che tai... Nhưng mà các cụ nhà ta đã bảo rằng nhàn cư vi bất thiện.

Cứ ngày nào cũng đủ hai bữa, sáng ngủ đến 9 giờ mới dậy, buổi trưa nào cũng la siết một giấc, cuộc đời như vậy cũng tẻ ngắt. Vện ta phải nghĩ đến cách tán gái cho qua thời giờ. Đã không phải vất vả đến thân lúc nào lại được ăn chơi mặc thích, Vện càng ngày càng béo tốt, lông cứ mượt mà như nhung. Trông cũng có vẻ công tử bột lắm. Bộ mã đã bảnh bao cố nhiên trên đường tình dễ đắc thắng: cái tiếng chơi bời của Vện chỉ trong ít lâu đã lừng lẫy cả xóm: Vện đã nặn thêm ít nhiều xuất đình cho cái "xã hội có mồm" và hễ cứ nhà nào có chó cái là phải thấy tiếng "quấy khóc" của đàn chó con lau nhau. Thì ra Vện cũng có số đào hoa như Người vậy.

Nếu có ai được mục kích công tử Vện tán gái thì mới rõ tâm lý phụ nữ, với những cái thế lực của những bộ mã giẻ cùi.

Không có mùi soa nhưng lại thích cái mốt quay quay mùi soa đằng sau gái nó là cái mốt của bọn đệ tử đảng "Càn Long" ở Hà thành, trước mặt gái, Vện ta cũng vẫy cho đuôi luôn luôn phe phẩy, loanh quanh vài vòng thè lưỡi, ghé mũi, hết sức bày tỏ tấm lòng

khuyến mãi, ấy chỉ có thể mà các "tiểu thư" Vàng, Bông, Cún, Mực, cô nào dữ và "lắm điều" vào bậc nhất, và có răng nanh nhọn nhất, cũng không nở cự tuyệt con... Người có duyên một cách lạ ấy, cũng cảm ngay. Thật vậy, Vện chẳng bị tên hoặc bị cự tuyệt bao giờ.

Trò đời vẫn thế: thấy ai hơn mình là phải ghen ghét. Những chó vô duyên khác thường hợp đàn hợp lũ nhau rồi đến tận nhà cụ Bá gây sự với Vện luôn thôi! Không hề gì, cũng là hạng "có một vài miếng" nên Vện cũng chẳng sợ. Lắm khi một mình cự địch với ba bốn cũng vẫn thắng trận như thường. Cho nên từ các cô êu đài các đến các cô êu nghèo hèn, không một "mềng" nào mà lại thoát cái phong tình của Vện. Không phải con chó ấy tham lắm, nhưng những khi chim chuột những hạng không có nhan sắc, dễ thường nó muốn thực hành cái lý thuyết: Mùi nhang đã trải, mùi dầu thắp chơi! Nói cho đúng ra, Vện lại còn muốn được đời khen mình là yêu bình dân, vì sự thực thì Vện cũng có óc "hoạt đầu" dữ lắm.

Nhưng mà có một lần, cái đàn những anh tình địch của Vện đông quá; dễ đến mười mồm ấy; thấy đều vây quanh lấy Vện mà vồ, mà nhá, khiến cho, không chống cự nổi nữa, Vện phải học tốc chạy về nhà, chui tọt vào gầm giường đứng giữ thế thủ cẩn thận rồi nhe nhanh gừ gừ ra ý thách:

– Chúng mày có giỏi, vào đây với ông!

Đàn kia.. Không có con nào dám vào, chỉ đứng ngoài mà gâu gâu rầm lên ra ý chửi bới và văng tục.

Thật cũng chẳng may cho Vện quá, vì ngày hôm ấy cụ Bá có giỗ tổ, giữa lúc ấy lại nhằm lúc cụ bà đương xới cơm cúng, và cụ ông đương kính cẩn khấn khứa trước bàn thờ.

Bỗng dưng thấy tiếng chó sủa kinh thiên động địa, nhìn ra lại thấy toàn một lũ "đầu trâu mặt ngựa" đương đứng xúm nhau giữa cửa để chỗ mồm vào mà tự do chửi rửa tàn tệ, mà dưới gầm thì là Vện, biết ngay lại chuyện ghen tuông chi đó, bực mình và sợ bất kính trong lúc cúng tế, cụ Bá ông quên cả chân mình đương có bít tất bông trắng nõn, nhảy ngay xuống đất vớ cái lau màn, ra dẹp tan lũ "ưng khuyến" rồi mới quay vào giọt cho Vện một trận không tiếc tay.

Thói thường chó đen giữ mực, Vện cũng chẳng chừa.

Đêm ấy, một đêm giăng thanh gió mát, nhân khi cao hứng, Vện phá rào chui ra ngoài đi với tình nhân. Giữa lúc hai bên chỉ non thề biển nặng lời trên con đường nhỏ giáp với lũy tre quanh làng nó cũng là một thứ "con đường Cổ Ngư"(1) chẳng hạn, thì một chú Cựộc thừa cơ chui qua cái chỗ hở ở giậu, vào sân tự do lấy mất cái chậu thau đồng.

1. Tên cũ của đường Thanh Niên (Hà Nội) bây giờ.

Thấy sột soạt tiếng động lúc trộm đã chui ra, cụ Bá gọi Vện mãi chẳng thấy đâu, phải lật đặt ra sân soi thì... Hỡi ơi nông nổi!

Cách đấy vài phút, Vện lại chui qua lỗ hổng mà vào, hai mắt lăm lét nhìn trộm chủ, ra vẻ lo sợ chẳng hiểu đương đêm soi đèn và gọi mình làm gì thế kia... Thấy Vện có vẻ khả nghi, cụ Bá nhìn đến hàng rào rồi thất kinh chạy đến chỗ hổng. Rành rành một mảng lông mắc gai theo cái triều lựng của Vện lúc chui ra vẫn còn sờ sờ ở đó, cụ biết ngay ra là thủ đoạn của Vện, là nhờ Vện thì chú Cựộc mới được thừa cơ!

Giữa lúc cụ đương tiếc đứt ruột, cô Khoang, một con chó trông có quý tướng lắm, tứ túc mai hoa, "gót sen đẹp nồn", thật đáng gọi là... Hoa khôi của làng êu, cũng chui qua giậu mà vào. Cô vào gừ gừ một câu nũng nịu những tiếng oanh thỏ thỏ muốn đại khái nói; "Giữa lúc này, gió mát trăng thanh mà chàng nỡ bỏ em, vậy thì chàng không coi cái ái tình cao thượng của đôi ta ra sao nữa ư?" Còn Vện giữa lúc ấy đã là một kẻ phạm nhân, mà cũng cứ tự do môn trớn tình nhân, không coi mặt cụ Bá vào đâu tất cả!

Chẳng thềm nghĩ đến "cặp uyên ương" cụ Bá bèn lấy gậy vục cho cả đôi một cách phàm phũ. Giận đến cực điểm, lại đau đớn về nỗi mắc lừa cái tướng ngũ đoản, cụ quả quyết chỏ tay lên vàng giăng mà thề độc: hể có khách là trị tội, bắt Vện phải chịu... Giềng hình!

Khách lại là chúng tôi.

Muốn an ủi cụ Bá, chúng tôi phải nói chế đi rằng:

– Chó ngũ đoản chẳng hiểu có lợi gì cho người nuôi không, nhưng mà chén thì kẻ cũng đường được.

Trong lúc giốc bầu say tỉnh, chúng tôi chợt nhớ đến lúc con chó Khoang sang xem cuộc hành hình người yêu của nó. Ôi, thật là một sự chung tình đáng làm gương cho giai nhân tài tử ở đời soi chung!

Thấy con Vện bị trói chặt bốn chân, tiết ở cổ ứa ra như suối, con Khoang vẫn cứ chạy quanh cái chỗ góm ghiếc ấy để liếm vào mình mấy con Vện ra ý thương xót. Còn Vện thì nước mắt ràn rụa, khóc như một người thật. Nếu biết nói như người, hẳn nó đã nói: "Em ơi, anh chết vì em đấy! Thôi cũng là dịp cho anh tỏ dạ hy sinh tính mệnh để phụng sự ái tình!".

Nhưng những tư tưởng tốt đẹp ấy chỉ được phô diễn bằng mấy tiếng:

– ăng ăng ăng ăng!

*Đông Dương tạp chí,
số 20; ngày 25.9.1937*

Cái ghen đàn ông (1937)

Chờ cho người ấy trở tài hùng biện đã chán chê đi rồi, Giao Đài mới bỏ tờ tạp chí xuống bàn và nói:

– Không, người ta chẳng nên thật thà, nhất là khi người ta yêu nhau.

Tuy rằng chẳng ai lại hoàn toàn thật thà với ai bao giờ, điều ấy thì ai cũng thừa biết, vậy mà người nào cũng cứ ao ước sẽ có kẻ thật thà với mình thì có lạ không. Khôi hài nhất là khi ta thấy ai có vẻ hơi thật thà với ta, chỉ hơi hơi thôi, ta cũng lấy làm sung sướng lắm! Những kẻ đương lẫn lóc trong tình trường cũng vẫn có cái ảo tưởng là đôi bên hoàn toàn thật thà với nhau... Tựa hồ sự thực làm cho ta sung sướng như ta trúng số độc đắc! Này, các anh, thôi đừng ai nên để cái lòng thật thà của người ta yêu đi kèm với hạnh phúc! Nó tai hại lắm. Nó chỉ phá hoại chứ chẳng kiến thiết bao giờ.

Nghe đến đây, Lê Văn Thư, một người lúc nào cũng lạc quan, bèn nổi giận mà rằng:

– Chà! Một người đàn bà như Giao Đài mà lại để ở miệng thốt ra những lời lẽ đáng buồn đến như thế nữa ư? Này, chị Giao Đài, coi chừng kẻo mà chị sẽ trở nên một thứ quái vật!

Giao Đài chỉ cười nhạt, lại khoan thai nói thêm:

– Nghĩa là cũng như mọi người, phải không, các anh? Người ta ai không là một thứ quái vật?

Không để ý, Lê Văn Thư lại sốt sắng tiếp:

– Chết nổi! Nếu lại không có sự thật thà cứu vớt thì nhân loại còn có gì nữa! Thì làm gì có những ái tình, làm gì có cái tình bằng hữu, làm gì có những tính tình tốt đẹp và những dây liên lạc mà người ta bảo là thiêng liêng! Mà làm gì còn có hạnh phúc nữa!

Giao Đài lại cười rộ, coi anh Thư như một đứa trẻ ngây thơ. Rồi nói:

– Cui chùng đó, anh ạ. Yêu nhau là một việc mà thật thà với nhau lại là một việc khác.

Một người bèn hỏi:

– Vậy thì khi đã yêu nhau, người ta có nên thật thà với nhau không?

Giao Đài chẳng cần nghĩ đáp ngay:

– Không! Không! Chẳng bao giờ, và chẳng nên một tí nào!

Sau cùng, Giao Đài khoan thai kể lại câu chuyện dưới đây để dẫn chứng cho cái thuyết ấy.

+

++

Các anh, các chị đây hẳn còn nhớ vợ chồng anh giáo Hiền đây chứ? Chị ấy vì hậu sản mà thiệt phận năm ngoái ấy mà! ấy đó, một người đàn bà đáng quý và đáng thương. Kể ngoại cuộc là các anh, các chị, ngồi đây hẳn phải tưởng cặp vợ chồng ấy sung sướng cực điểm. Thừa không ạ! Anh Hiền, chị Hiền là hai kẻ đau khổ nhất đời. Lúc buông tay nhắm mắt, chị ấy còn phải đem theo xuống suối vàng một thứ mà ta quen gọi là "hạn nghìn thu". Lúc khâm liệm cho vợ, anh giáo Hiền cũng vẫn còn là kẻ không chút đỉnh lương tâm nào nữa!

Chỉ tại sự thật thà!

Tôi sở dĩ được rõ mọi điều vì chị Hiền coi tôi là bạn thân hơn hết. Những chuyện gia đình, những điều tâm sự, những cái éo le, khuất khúc mà không ai dám nói với một người thứ hai nào nữa, thì chị Hiền đã có kể lể cả với tôi. Việc đôi lứa ấy vì ái tình mà lấy nhau, rồi ăn ở với nhau về bề ngoài ra làm sao, chẳng cần nói, các anh, các chị cũng thừa rõ...

Sau ngày cưới được năm hôm, chị Hiền đã đến chơi với tôi.

Cứ như những lời chị nói, cứ trông những cử chỉ của chị, cũng đủ hiểu chị bằng lòng cuộc trăm năm đến có thể hoá điên vì sung sướng. Chồng chị là người quân tử, có nhiều đức tính, lại yêu quý vợ nồng nàn hơn ai. Nếu cứ theo nhịp ấy mà đi, thì giữa cái loài người khốn khổ này, anh Hiền, chị Hiền, là một cặp vợ chồng tiên.

Mấy hôm sau nữa, khi lại thăm bạn vào lúc anh Hiền vắng nhà, tôi thấy chị ấy có cái vẻ mặt của người hối hận vì đã trót làm điều gì tai hại mà không còn phương gì cứu chữa nổi nữa. Mà quả vậy! Luôn mấy năm sau trong cặp mắt ngây thơ vốn đầy những ánh sáng của chị, tôi thấy hình như có một thứ bóng tối nó ám ảnh, nó làm thần thái của chị Hiền lu mờ như mặt trời bị lấp bóng mây. Chị đã kể lể:

– Chị Đài ơi! Có lẽ từ nay mà đi, tôi đành cam phận là người đàn bà khổ sở nhất đời rồi! Tôi đã nhờ tay để hạnh phúc của tôi vỡ ra làm trăm nghìn mảnh. Từ nay mà đi, tôi không còn dám màng tưởng đến những ngày mà tôi đã thấy cuộc đời là có nghĩa lý là đáng sống như những ngày mới bước chân về nhà chồng nữa. Thôi, thế là xong!

Nói thế rồi, chị Hiền buông xuôi hai bàn tay như người thất vọng trước những mảnh vụn của một cái lọ quý giá mà mình đã vô ý đánh vỡ vậy. Chỉ một cử chỉ ấy cũng đủ khiến tôi xúc động lắm, và đủ đoán nổi cái hệ trọng của việc đã xảy ra. Tôi vội đứng lên, ra khép chặt cửa phòng rồi quay vào nghe chuyện.

– Chị ạ, mấy ngày tân hôn, nhà tôi không nói những lời nào khác những lời của một kẻ si tình, say mê, yêu quý tôi. Nhà tôi đã có những lời lẽ ngây ngô vô cùng, những lời mà tôi tưởng không ai biết nói như thế... Tôi đã sung sướng bao nhiêu, bây giờ lại hối hận bấy nhiêu. Là vì đêm vừa qua, khi lên giường chung gối chung chăn, không hiểu bởi những duyên cớ khốc hại gì, bởi thứ ma quỷ độc địa nào nó xui giục, mà nhà tôi lại chợt hỏi: - Anh hỏi thế này em đừng cho là lẩn tránh nhé? Trước khi biết anh, em có hề yêu một người nào không?

Tôi ngạc nhiên thì ít, mà nổi giận thì nhiều. Bèn làm bộ bình tĩnh hỏi lại:

– Sao anh lại hỏi thế nhỉ?

Chồng tôi vội vàng cắt nghĩa:

– Không! Anh hỏi thế không có gì là can hệ! Nếu em ngạc nhiên là vì em chưa hiểu rõ nghĩa chữ yêu mà anh muốn nói. Yêu đây chẳng phải là thư từ, đi lại, rồi làm những điều mà đức hạnh phải kết

tội đâu. Yêu đây có nghĩa trong sạch hơn, bi đát hơn, có thi vị hơn, vì yêu đây là ngưỡng mộ, là kính trọng, là yêu vụng, giấu thầm, là "để ý", là vắng mặt thì khao khát mà gặp mặt thì không dám ngỏ bầu tâm sự... Nói nôm na thì yêu đây nghĩa là có ý muốn người ta hỏi mình làm vợ.

Ngừng một lát, chồng em lại tươi cười mà tiếp:

– Không can hệ, thật thế! Cũng như anh chẳng hạn... Trước khi biết em và lấy được em, anh đã yêu không biết bao nhiêu người đàn bà, yêu theo cái nghĩa đã nói trên. Ừ, thế đi nữa thì có sao đâu! Việc gì có thành sự thực hiển nhiên thì mới đáng kể, và nếu anh nói thế, chính là vì đối với em anh muốn xử sự đặc biệt, nghĩa là cho em được hưởng cái lòng thật thà, có một không hai của bọn đàn ông phần nhiều ích kỷ, gian ngoan.

Ngây ngô em hỏi lại:

– Sao bỗng dưng anh lại thật thà như thế?

– Là vì anh đoán anh biết. Anh hiểu rằng nhiều khi em thấy trong óc thoáng qua cái ý tò mò muốn biết ấy cũng như đại đa số phụ nữ đối với chồng. Nếu em chưa hỏi là vì chưa tiện dịp, và thế nào rồi cũng có phen em muốn thử hỏi thế một câu chơi. Đã thế thì liệu rồi anh có giấu được em không? Giấu sao được, em tin sao được. Chẳng khi nào một người đàn ông ngoài ba mươi tuổi mà trước khi lấy vợ lại chẳng hề "để ý" đến một người đàn bà nào khác bao giờ! Nếu quả trên đời này có hạng đàn ông ấy thật, đó phải là một hạng kỳ dị!

Em ngây mặt ra nghĩ, càng nghĩ càng thấy chồng nói đúng sự thật lắm.

Chợt chồng em lại nói:

– Thí dụ như em chẳng hạn... Năm nay em đã 24 tuổi rồi. Vậy mà ái tình đến với người thiếu nữ rất sớm. "Nữ thập tam nam thập lục" thật đúng như lời cổ nhân. Tạo hóa đã an bài ra thế, không một người con gái nào lại vượt qua được cái công lệ ấy. Vậy thì vào tuổi dậy thì, người ta phải mơ mộng, phải khao khát lòng yêu, phải để ý đến đàn ông. Anh nói chuyện đây là dựa vào khoa học chứ không nói hồ đồ, vu vơ gì. Đã thế thì không thể nào em lại không hề để ý

đến một người đàn ông nào, trước khi là vợ anh, trong cái thời hạn từ mười tám đến hai mươi tư tuổi. Vì rằng không phải ở đời này chỉ có một anh là người đàn ông đáng yêu thôi, có phải thế không?

Trước những lý luận đanh thép của một người có khối óc tỉ mỉ sáng suốt như thế, tôi biết là chối cãi thì không được, biết chối cãi thế nào? Có ai lại đủ nghĩa lý để chối cãi một chân lý hay không?

Vả chẳng, chồng tôi đã bảo là "không can hệ". Mà muốn yêu chồng một cách hoàn toàn, tôi tưởng không còn cách nào khác là đem lòng thật thà của mình mà dâng lên.

Chỉ nghĩ được có thế, tôi chẳng ngại đáp:

– Anh nói đúng đấy. Năm mươi bảy tuổi, em cũng đã có yêu một người, yêu theo những cái nghĩa anh đã phân giải lúc nãy. Không biết người ấy có để ý đến em không! Người ấy không hề hỏi em làm vợ, và giá có chắc hẳn cũng không được nào. Bây giờ thì người ấy cũng đã lấy vợ, cũng đã có con...

– Thế rồi sao nữa?

– Thế rồi... Chẳng có gì nữa.

– Sau người ấy thì không để ý đến ai khác nữa?

Em thật thà cả cười:

– Thì đến anh, và lấy được anh, thế thôi.

Nhà em ngẫm nghĩ một lát, phê bình:

– Thế nghĩa là em đã yêu người ấy lắm, yêu lắm. Đến nỗi phải chán đời cho đến lúc lấy chồng, nghĩa là trong bảy năm không còn sức để ý đến một ai nữa, nếu không có anh.

Tôi không đáp. Chồng tôi thở dài, khiến tôi phải hỏi:

– Anh vì thế mà buồn đấy à? Sao anh ác thế? Sao anh lại bắt em phải thật thà với anh để rồi làm em phải đau đớn?

Nhưng nhà tôi đứng lên, thản nhiên:

– Việc gì mà buồn! Có người đàn bà nào mãi cho đến lúc lấy chồng mà cũng còn nguyên cái trinh tiết tinh thần bao giờ! Tôi chỉ cần sau khi lấy tôi rồi thì vợ tôi không tư tưởng đến ai nữa. Thế thôi!

Rồi chúng tôi nói những chuyện khác, mãi cho đến lúc cả hai cùng ngủ. Nhưng mà, ba giờ đêm, chợt thức dậy, tôi thấy nhà tôi, chị ạ, nhà tôi ngồi ở bàn, hai tay bịt lấy thái dương. Tôi vùng dậy, hỏi một cách run sợ:

– Anh? Anh nghĩ ngợi đấy à?

Tôi muốn thà nhà tôi nói nặng còn hơn chỉ thản nhiên đáp một cách độc địa thế này:

– Có thể!

Lúc ấy tôi bức lắm. Bao nhiêu nỗi phần uất của giống đàn bà đã mấy nghìn năm bị áp chế, bị bó buộc vào vòng nô lệ của giống đàn ông ích kỷ hình như dồn cả vào óc tôi. Tôi bèn nói:

– Thế tại ai gây ra chuyện ấy? Anh đã thật thà với em thì em cũng phải thật thà với anh. Anh nghĩ xem, em chối có nổi không? Vả lại như ai đã nói, điều ấy cũng chẳng can hệ gì.

Chồng tôi rên rĩ:

– Không! Chẳng can hệ gì cả!

Ấy cái ghen của đàn ông là như thế đấy. Họ tò mò, họ bắt mình cung khai sự thật, để họ phải đau khổ, và làm mình cũng đau khổ. Họ có hàng trăm cô nhân tình, họ ngủ với hàng nghìn con đĩ thì không sao. Vợ họ mà để ý một người nào trước khi biết họ, thế cũng đủ họ muốn tự tử. Chồng tôi lại đứng lên, đau đớn nói:

– Bây giờ thì tôi đã rõ sự thật, đã rõ rằng cái hạnh phúc của tôi không hoàn toàn, và chỉ có giới hạn mà thôi.

Tức thì tôi hiểu ngay rằng thế là xong, vợ chồng mà đã thế thì không thể nào có hạnh phúc được nữa. Tôi bưng mặt ngồi khóc như đứa trẻ không có tội mà bị cha mẹ đánh mắng, chị có biết trong bao lâu không? Ngót một tiếng đồng hồ! Tuy rằng không ai to tiếng với ai, song đêm ấy quả thật có một tấn kịch vô cùng thảm đạm. Sau cùng thì chồng tôi đứng lên, ra vuốt ve tôi.

– Thôi, nín đi, em ạ. Anh xin lỗi em. Anh sẽ quên đi, và anh cam đoan là sẽ quên được. Thật ra, trong việc này, em chẳng có một phần lỗi mọn nào.

Tôi đã phải tìm nhiều lời lẽ an ủi chị Hiền, và tôi đã cầm tay chị lôi lên miệng tôi mà hôn một cách đau thương như hôn một người yêu trong một cảnh ngộ xót xa.

Năm sau, vì có giấy bổ tôi đi Thái Nguyên, tôi không được cùng anh giáo Hiền dạy một trường, và do thế, phải cách biệt chị Hiền. Thỉnh thoảng lắm mới lại có một lá thư trao đổi tin tức cho nhau. Không bao giờ quên những tâm sự của mình, có khi chị Hiền gửi tôi những lá thư dài sáu trang, tám trang, và tôi đã phải nhiều phen tùy chuyện kể trong thư mà hoặc vui hoặc buồn cho bạn.

Một lần tôi rất vui vẻ vì chị Hiền báo tin rằng đã tìm thấy cái hạnh phúc tưởng đã mất tích. Lời lẽ trong thư đại khái rằng:

– "Chị Giao Đài ơi, em hồi hộp báo tin mừng rằng có lẽ chồng em đã không còn muốn làm một người vô nghĩa lý nữa. Nhà em đã biết nói đại khái như thế này: "Theo ý tôi, một cuộc tình duyên hoàn toàn tốt đẹp phải là: Hai người, trước khi yêu nhau đều chưa để ý đến người thứ ba hay là người thứ tư nào cả, và sau khi đã ăn đời ở kiếp với nhau rồi, tất nhiên cũng phải giữ chung tình như trước, nghĩa là vợ cũng như chồng không ai được có một phút điên rồ, mặc dầu là chỉ trong một phút, ngoại tình bằng tinh thần. Như thế cho đến lúc chết.

Vì lẽ người đời không ai lại vợ chồng cùng chết cả một lúc, tất nhiên phải còn lại một người góa vợ hoặc một người góa chồng. Vậy thì các người sống lại ấy cũng không bao giờ mơ tưởng đến một người thứ ba. Mãi cho đến lúc chết nốt! ấy đó. Nhưng mà trên thế gian này, làm gì có cuộc tình duyên nào lại duy nhất, lại tự nó chịu những sự kiềm chế như thế được. Vậy ta có thể kết luận rằng không có cuộc tình duyên nào lại hoàn toàn cũng như không ai được hưởng cái "không thể có được" thì chỉ là điên.

Nói thế rồi, chồng em kết luận rằng không quan tâm đến cái điều của em mà xưa kia chàng coi như một cái tội lỗi. Em sung sướng vô cùng".

Tôi để ý đến cách phân tích nghĩa lý cuộc "tình duyên hoàn toàn" của anh giáo Hiền thì nhiều, và mừng cho người bạn gái thì ít. Nhân một dịp nghỉ, tôi về, đến chơi người bạn đồng nghiệp hiếu sự và

điên ấy, thấy hai vợ chồng đều vui tươi như hai cái hoa. Tôi đã toan đem cái ghen của anh Hiền ra làm đầu đề câu chuyện mà chỉ vì sợ nhắc lại chuyện cũ thì không tốt cho vợ chồng người ta lúc đương yên lành, nên lại thôi.

Ấy thế mà một tháng về sau, tôi lại nhận được một bức thư của bạn trong đó bạn khóc lóc rầm rĩ, lại khổ sở đau đớn. Rõ sốt ruột làm sao! Thật là chuyện trẻ con! Anh Hiền nhất định buồn rầu, vì cho rằng chỉ có sự trinh tiết của tinh thần mới là đáng quý, và, chị Hiền đã yêu một người khác trước khi lấy anh ấy, thế là đủ không còn trinh tiết nữa rồi, và anh ấy tất phải khổ sở! Chị Hiền viết dưới cuối thư:

"Trong khi nói là quên, chồng em đã dùng hết thời giờ, hết cả tâm trí để nhớ, để buồn rầu!".

Cái ghen của anh Hiền có một thứ thế lực ở tâm giới anh đến nỗi khiến anh hóa ra tầm thường, hóa ra đê hèn, hóa ra "bất thành nhân dạng".

Năm ngoái, chị Hiền sinh được một mụn con gái rồi lại bỏ mất. Có lẽ vì phiền não quá nhiều. Chị đã lâm sản mà thiệt phận. Vì nhảm vào ba tháng hè nên tôi thường ở bên giường chị ta. Lúc thở hắt ra, chị cũng lại có tôi để chứng kiến cái khổ của chị, và tôi cũng không hiểu tại một lẽ huyền bí gì của tạo hoá mà lại cứ tình cờ phải nhìn thấy tất cả những cái đau đớn của người bạn khốn khổ ấy.

Khi thấy ông đốc tờ đã lắc đầu thất vọng ở một góc phòng rồi, biết rằng cái giờ cuối cùng của mình đã đến, chị Hiền bèn gọi chồng vào để "rối rã". Tôi đứng lên bước ra cửa thì chị bảo cứ ngồi lại. Trước mặt tôi, chị Hiền kéo hai bàn tay của chồng về lòng, run rẩy nói bằng một thứ giọng kỳ lạ:

– Em chết rồi, anh ơi! Quan đốc chẳng nói thì em cũng biết! Chẳng còn bao lâu nữa! Em kiểm soát lại cuộc đời thì thấy rằng cũng không đến nỗi thiếu thốn gì mấy, mà cũng đã hưởng nhiều thứ lắm, nhất là lại được làm vợ anh để tự do yêu quý anh!... Em có thiếu thì chỉ thiếu cái lòng yêu của anh, không phải cái yêu thương nhưng mà cái yêu hoàn toàn của anh, mà thôi... Xin anh cho em được mang cái lòng yêu hoàn toàn ấy, cái ái tình bất vong bất diệt

ấy, xuống cứu tuyền! (Vì sắp chết nên chị nói văn chương kiểu cách lắm). Từ khi em ốm nặng đã nhiều lần anh an ủi em là quên hẳn chuyện xưa. Bây giờ xin anh cam đoan lần nữa trước mặt người bạn thân của em đây, cho linh hồn em được thỏa. Anh nói đi, cho em nhò!

Vào trường hợp này, trí người ta thông minh sáng suốt lắm. Vì rằng khi thấy chồng ôm đầu nghĩ ngợi thì chị nói một cách xót xa:

– Giời ơi! Thì ra anh không yêu em, anh chưa quên hẳn chuyện xưa! Anh còn phải nghĩ lâu như thế cơ mà!

Tôi rùng mình run sợ vì thấy anh Hiền đáp:

– Phải, anh đã nghĩ. Bây giờ nói thế nào, chắc em cũng không tin đâu! Đấy em xem: anh không thể thật thà với em được!

Người vợ đáng thương ấy nấc lên mấy cái thì người chồng chữa một cách đã quá muộn:

– Tuy vậy anh cũng vẫn yêu em, vì anh còn có bổn phận của một người chồng.

Chị Hiền nấc lên một cái cuối cùng. Thế là tắt nghỉ. Và cách đây một phút chị còn ai oán nhìn tôi. Cái nhìn ấy phân vua với tôi về những sự thống khổ của một linh hồn phải ôm một mối hận để lên cái thế giới của những linh hồn.

+

++

Giao Đài thuật chuyện xong thì im lặng để chờ mọi người bình phẩm.

Một người trong bọn chúng tôi đứng lên bực tức nói:

– Tội nghiệp! Một cuộc tình duyên như thế mà để đến nỗi một điều nhỏ mọn vô nghĩa lý như thế phá hoại được.

Một người khác nói tiếp:

– Vì ái tình là một vật mỏng manh, chóng hỏng và dễ vỡ.

Người thứ ba thở dài mà rằng:

– Cái anh chồng trẻ con đáng khôi hài như thế mà không ngờ là một tác giả của tấn thảm kịch như thế!

Người thứ tư nói:

– Tôi, tôi muốn nói rằng người vợ ấy không thật thà với chồng ngay từ lúc mới bước chân về nhà chồng.

Nhưng anh Lê Văn Thư đứng lên hậm hực:

– Nhưng mà tôi thì tôi muốn cái thằng chồng khốn nạn ấy không nên thật thà với vợ nó nữa vào lúc vợ nó đã thờ hất ra!

Giao Đài mỉm cười phân vua cả bọn:

– Ấy đấy! Anh Thư bây giờ đã phản đối cái anh Thư lúc tôi chưa kể chuyện rồi đấy nhé! Sao anh không chủ trương cái lòng thật thà mãi đi!

Tưởng chừng không ai phê phán gì nữa, sắp nói sang chuyện khác, thì chị giáo Bích - một người từ nãy chưa nói gì - đứng lên cầm cái chặn giấy gõ xuống bàn như lúc ra lệnh im lặng cho học trò và hỏi cả bọn:

– Các anh các chị nghĩ về anh giáo Hiền ấy thế nào? Một người đàn ông mà tầm thường như thế ư? Mà khi người ta đã ghen đến như thế thì liệu người ta còn có biết được cái hạnh phúc nữa không? ừ, ghen đến thế thì cuộc đời có thấy sướng gì nữa không?

Vì chị giáo Bích cũng sắp lấy chồng nên người ta mỉm cười nhìn nhau một cách kín đáo và nói lảng sang chuyện khác.

*Đông Dương tạp chí,
số 13; ngày 7.8.1937*

Lòng tự ái (1937)

Trông thấy chồng về, chị vội vàng hỏi:

– Thế nào cậu? Dì nó đã đỡ chưa? Liệu có qua khỏi được không?

Phạm Quang đứng thờ lử khử như người vừa mới phải đi bộ mười cây số, tuy chàng chỉ đi có từ một nhà ở cuối phố về. Chàng từ tốn gác mũ lên cái sừng hươu, cởi bộ áo ngoài, rồi nằm dài ngay ra sàn. Mãi mới đáp:

– Nguy lắm. Không biết nó có sống được không?

Vợ chàng ngừng hẳn đường kim mũi chỉ, cau lông mày lại hỏi:

– Thế dì ấy hiện giờ thế nào?

Quang uể oải đáp như người đương lúc nửa thức nửa ngủ:

– Cả một đêm, hôm qua li bì nói mê nói sảng mà lúc nào tỉnh thì lại tỉ tê khóc lóc. Bác Dần mách rằng lúc mê sảng nó cứ gọi tên tôi. Không khéo thì hỏng mất. Thôi thế mà ra tôi đã mắc một tội ác: giết một người đàn bà!

Chưa hiểu rõ đầu đuôi, tôi bèn hỏi chị Quang:

– Các bác nói đến ai thế?

– Dạ chúng tôi nói đến một người em họ của tôi đấy.

Một câu cắt nghĩa quá gọn ấy chỉ khiến tôi lại càng ngạc nhiên hơn nữa, lại càng không hiểu gì nữa. Cái gì nhỉ? Chồng chị Quang lại có can đảm nói những câu như thuộc về một thiên bi tình khi nhắc đến một người em họ của vợ, lại trước mặt vợ như thế nữa ư?

– Thưa bác, tôi vẫn chưa hiểu gì cả?

Đến đây chị Quang nhìn tôi một cách láu lỉnh, nhìn chồng một cách ranh mãnh, đằng hắng một cái rồi mới mỉm cười đáp tôi:

– Thưa bác, bệnh nhân ấy tức là em họ tôi, cô Oanh. Trước kia khi chưa lấy tôi thì nhà tôi đã phải lòng cô Oanh chết mê chết mệt. Đến lúc hỏi thì cô Oanh lại không thuận, ấy thế mới buồn chứ! Rồi

nhà tôi hỏi tôi. Rồi cô Oanh đi lấy chồng. Nhưng mà chẳng may cho cô Oanh lại lấy phải người chồng xấu, không ra gì, chơi bời đủ ngón, lại hành hạ vợ một cách vũ phu nữa. Hiện giờ thì chẳng rõ anh chàng bỏ cả vợ con ở nhà đi theo con đĩ nào. Cô Oanh buồn quá đâm ốm. Có lẽ vì nhớ tiếc người cũ, vì hối hận nên cô mới nhắc đến tên người đã phải lòng cô, người mà cô đã không lấy, tức là nhà tôi, như nhà tôi đã thuật mà bác cũng được nghe.

Có lẽ Phạm Quang hồ thẹn cho rằng vợ nói chuyện không phải lúc nên chàng giơ tay lên bưng lấy trán, thành thử muốn phản đối vợ như thế thì kín đáo quá và làm ra bộ thản nhiên thì lại thành ra hờ hênh quá.

Nhưng chị Quang là người rất thông minh tức khắc hiểu ngay ý chồng, chị vội nghiêm giọng đứng đắn hỏi:

– Thế cậu sang thăm vừa rồi thì có gì là đáng để tâm không?

Anh Quang vùng ngồi lên đăm đăm nhìn tôi để khỏi phải ngượng ngùng khi đáp vợ:

– Tôi kéo ghế ngồi ở đầu giường thì dì ấy mở chăn ra nhìn tôi. Chao ôi! Cặp mắt ấy có ngụ bao nhiêu nỗi khuất khúc của một linh hồn đương đau khổ! Trong những tia sáng quắc một cách kỳ lạ ở đôi mắt của người đang ốm nặng, tôi thấy như có sự hối hận, sự hy vọng, cái lo lắng phân vân. Rồi nó (anh ta vừa gọi bệnh nhân là dì ấy, lại vừa gọi là nó) đáp ứng hỏi tôi: "Anh! Anh vẫn yêu em như xưa đấy à? Anh lại không giận em chút nào à?" - Tôi không biết gật đầu hay lắc đầu, cũng không biết nên đáp ra sao. Lúc ấy bác Dần đang ốm thẳng Chết, đứa con chúng nó ở ngoài sân. Tôi bèn cầm hai tay nó kéo lên ngực tôi một cách âu yếm lắm. Một lúc nó ngơ ngác nhìn tôi nghi hoặc đoạn rút tay ra quay mặt vào tường. Sau cùng nó lại khóc, khóc tỉ tê, khóc hậm hực, khóc mãi. Tôi không có can đảm ngồi nữa, loạng choạng đứng lên về đây. Giờ ơi, biết làm thế nào bây giờ?

Chị Quang ngây mặt ra một lúc, có vẻ buồn rầu một cách rất thành thực, đoạn thở dài và ngậm ngùi nói:

– Rõ tội nghiệp! Dì Oanh nó thật là một người đáng thương.

Thái độ của chị khiến tôi lại càng phải kinh ngạc. Chúng ta thử đặt mình vào địa vị người đàn bà có người chồng như thế xem cái ghen, cái giận, cái uất nó sẽ ghê gớm như thế nào! Nếu ta có một người vợ mà lại đau đớn vì một mối tình cũ như thế liệu cái mặt của chúng ta sẽ tươi cười ra làm sao! Vậy mà chị Quang đã chẳng những không ghen chồng, lại còn ngậm ngùi thương xót cô em họ nữa!

Tôi thấy cái cần ghê gớm phải khen:

– Chị Quang! Chị thật là một người vợ hoàn toàn!

Bạn tôi thật có cái điểm phúc lớn mới được làm chồng một người như chị. Tuy chỉ là một văn sĩ nghèo, anh ấy cũng có thể tự phụ được là người sung sướng nhất trần gian. Ở đời có được một người bạn tri kỷ của anh Quang lại đồng thời là người bạn trăm năm của anh nữa thì thật quả bạn tôi đã cướp được hết hạnh phúc của loài người.

Tôi tưởng khuây khỏa được bạn bằng cách vỗ vai bạn mà rằng:

– Anh này! Anh đã là một người sướng mà có lẽ anh không biết.

Chị Quang hớn hờ hỏi tôi:

– Nào có gì lạ mà bác khen nhiều quá thế.

– Tôi cho là lạ lắm! Ghen tuông là cốt tính của người đàn bà! Muốn sung sướng người ta tưởng phải yêu một cách hần học đến bậc hóa ra ghen tuông. Thế mà chị không ghen! Thế mà chị vẫn sung sướng.

Chị Quang mỉm cười khoan thai cắt nghĩa:

– Vì tôi là người đại lượng, có thể thôi. Nếu tôi đại lượng thì vì lẽ gì tôi lại cấm nhà tôi làm một người đại lượng. Hai nữa dì Oanh nó chỉ là một người lắm và đáng thương. Vì hỏi dì Oanh nó không được nên nhà tôi mới hỏi tôi... Bác để ý cho: Tôi thì giàu mà Oanh thì là con nhà nghèo; dầu rằng không là bắt buộc tôi, tôi cũng thiết nghĩ: trong cái hạnh phúc của chúng tôi bây giờ, dì Oanh nó cũng có một phần công lao! Chứ không ư? Nếu Oanh đã nhận lời thì chúng tôi còn lấy nhau làm sao được. Cho nên tôi vẫn có cảm tình với Oanh. Người đàn bà khác chắc phải ghen về trước, phải đề phòng về sau,

phải ghét Oanh, phải thấy Oanh khổ sở thì mới sung sướng. Nhưng tôi thì không thuộc hạng người ấy. Hiện giờ thì đích thị là Oanh hối hận. Cái đó dễ hiểu lắm. Mà nguy nhất cho người ta là khi đã mất lòng tự kiêu, tự ái. Đau đớn vì oán giận kẻ khác thì chẳng nói chứ chính mình lại phải oán giận mình thì còn ai biết cứu chữa ra làm sao! Oanh đã lâm cảnh ngộ đáng thương ấy thì tôi còn nỡ lòng nào ghen tuông với nhà tôi làm gì. Ghen ghét Oanh mà làm gì! ấy cái nhẽ tôi là thế chứ không phải chúng tôi là chị em họ.

– Phải lắm! Đã ghen thì chị em ruột cũng có thể đâm chém nhau được nữa là chị em họ.

Chen vào giữa chúng tôi, anh Quang nói một cách căm tức:

– Mà tôi chẳng hiểu hiện Oanh đang ốm như thế nào? Mấy ông lang băm nói huyền thuyên loạn xạ cả lên để cho không ai hiểu cả. Ông thì bảo đau phổi, ông thì đau óc, ông thì lại kêu đau tim! Có là Giời cũng không hiểu!

Chị Quang nhìn chồng cười gằn:

– Mình rõ thật là gàn! Tất nhiên bệnh ấy là tâm bệnh thì dầu đã đau các cơ quan khác trong người, quả tim cũng chẳng phải là không đau! Theo ý tôi Oanh mắc cả hai thứ bệnh: đau trong người và đau trong ý nghĩ. Có muốn chữa chạy thì mình cứ việc chữa chạy cho cả quả tim, chứ cấy mấy cụ lang hủ lậu, thì ăn thua gì!

– Mợ nói đâu ra đấy. Thế thì mợ thử giải quyết cho tôi một phương cứu chữa xem sao? Nói không thì ai mà chả giỏi được.

Chị Quang chỉ tôi phân vua:

– Ờ kìa! Nói lạ nhỉ! Việc của mình chứ việc của em đấy à?

Tôi bênh vực bạn:

– Thì bác cứ làm phúc thử nghĩ hộ bác giai xem có phương kế gì không?

Từ đấy trở đi chị lại cúi đầu trên đường kim mũi chỉ, mắt có vẻ tự lự lắm. Tôi không hiểu đó là chị nghĩ phương kế cứu người đàn bà khốn khổ mà chị đáng lẽ phải coi như kẻ tình địch hay là chị đã tiếc cái đại lượng phi thường của mình chỉ vì lời khen ngợi sốt sắng của tôi. Cái điều ấy có thể lắm vì trong đời vẫn có một số đông những

người bướng bỉnh, những người mà ta muốn thấy làm một việc gì thì ta phải ngăn ngừa hay là ta muốn họ không làm việc gì thì ta lại phải hết lời xúi giục.

Chỉ biết rằng, đêm ấy bạn tôi giục tôi vào phòng ngủ để thuật lại tỉ mỉ cho tôi nghe chuyện cái cô Oanh ấy, thì người vợ cứ chong đèn ngồi khâu rất khuya.

Sớm hôm sau, lúc bạn tôi gọi tôi ra bàn dùng thức điểm tâm, thì người vợ ít có ấy vui vẻ hỏi chồng:

– Thế nào? Cậu đã nghĩ ra cách gì chưa?

Quang nhăn mặt gắt một cách khô hời:

– Lại còn nghĩ ra được cái gì nữa!

Chị Quang đưa mắt nhìn tôi mỉm cười rồi nói với chồng bằng một giọng chế giễu:

– Rõ tội nghiệp! Kìa, nghĩ cả một đêm như Ngũ Tử Tư, đầu tóc sắp trắng xóa ra rồi kìa kìa.

Bạn tôi lại lấy tay bóp trán và cử chỉ ấy không hiểu tại sao, tôi thấy là hệ trọng lắm. Tôi thấy như là người vợ chế giễu chồng được một câu như thế thì sung sướng lắm, có lẽ người vợ bắt đầu không còn là người đàn bà phi thường nữa, vì đã biết ghen. Nhưng chị Quang đã lại hỏi chồng:

– Có thể thôi mà mình cũng không nghĩ ra à?

Bất giác tôi thấy xấu hổ lắm. Câu nói ấy không những cho bạn, mà còn như cho cả tôi cũng phải nghe. Sự thực thì, cả một đêm tôi cũng băng khuâng nghĩ hộ bạn mà không nghĩ ra phương kế gì cả. Cái lòng tự ái của giống đàn ông xưa nay vẫn khinh thường đàn bà mà lại bị một người đàn bà chê bai một cách gián tiếp là ngu dốt lúc ấy bị thương nặng và biến ra thành một sự bất bình sôi nổi trong lòng tôi.

Nhưng chị Quang vốn là người rất thông minh. Thấy bạn chồng lại đỏ mặt hơn chồng, chị bèn nói chữa:

– Phải lắm, như mình, thì chỉ bận tâm lo buồn thôi, chứ nghĩ sao được giữa lúc tâm hồn bối rối. Tôi tuy chẳng giỏi giang gì, song tôi

gần như là kẻ ở ngoài cuộc, cho nên trí não tôi cũng có phần sáng suốt hơn.

Quang ngơ ngác nhìn lên, ngoan ngoãn hỏi vợ:

– Theo ý em thì nên như thế nào?

Trước khi đáp, người vợ còn cúi đầu ngẫm nghĩ, ý chừng để giải bày cho khôn khéo. Có lẽ muốn giấu cái hổ thẹn của mình nên chưa nghe vợ đáp, Quang đã thở dài mà rằng:

– Buồn nhất là cơ sự này, tôi đã đoán được rằng không sớm thì chầy, thế nào rồi cũng có lúc xảy ra... Hiện giờ, thằng chồng theo đi mà bỏ lửng vợ, mà vợ thì đương nghĩ đến việc đệ đơn xin ly dị tại tòa. Cho mãi đến bây giờ, tôi cũng chưa hiểu vì lẽ gì xưa kia Oanh lại từ chối lời cầu hôn của tôi! Từ chối giữa lúc cả làng cho việc tôi hỏi Oanh làm vợ là may mắn cho Oanh lắm. Thế mới lạ chứ, vì rằng chính nhà tôi đây, hồi ấy cũng phải ngạc nhiên về sự từ chối ấy. Hay là tại hồi ấy, Oanh đã yêu ai rồi? Có phải cặp vợ chồng ấy đã vì ái tình mà lấy nhau không? Oanh đã kiêu ngạo hay đã chung tình? Dù sao mặc lòng, xưa kia tôi đã chung tình thì nay Oanh phải hối hận!

Chị Quang, một cách rất có ý tứ đáp lời cho câu hỏi lúc trước của chồng:

– Mình tìm cách nào cho cô ấy không phải hối hận nữa, tôi dám chắc bệnh sẽ khỏi ngay.

Bạn tôi vội nói:

– A! Tôi hiểu rồi đây.

– Ừ! Đã thế, mình còn chờ đợi gì nữa?

– Nhưng mà... Nếu thế... Nếu thế thì Oanh lại oán ghét tôi mất!

– Điều ấy cố nhiên...

Quang nghĩ hồi lâu để rồi lắc đầu:

– Không! Không thể được! Hiện giờ, Oanh đương hối hận, nghĩa là đương yêu tôi... Oanh yêu tôi! Yêu nồng nàn, yêu thiết tha! Có nên làm mất cái tình cảm tốt đẹp hiếm có ấy trong lòng một người đàn bà mà tôi đã yêu xưa kia không? Phải đến như thế nào... Oanh bây giờ mới có tình cảm ấy với tôi chứ? Đã thế thì tôi không thể nói dối được! Xưa kia, tôi bị người lãnh đạm, nhưng lòng tôi đã được tự

do yêu. Nếu nay tôi phải làm một việc để, do thế, tôi ghét người ta thì chẳng những bỗng đâu tôi vứt cái tự do yêu người ta của tôi đi, mà rồi người ta lại còn ghét thêm tôi nữa!

Vợ chàng giơ tay khuyên nhủ:

– Phải hy sinh! Phải có can đảm! "Yêu người yêu mình chỉ là tự yêu"! Vẫn biết mình nói dối Oanh thì Oanh tất nhiên sẽ phải ghét mình, nhưng mà tôi xin mình, cứ thử một mình mình biết, một mình mình hay, mà yêu kẻ ghét mình tôi xem nào!

Nghĩ một lát nữa, rồi Quang nhún nhó lại lắc đầu:

– Không! Tôi không thể làm cho Oanh đến nỗi phải ghét tôi được. Tôi xin lỗi mình, mình là người đại lượng mình hiểu biết... Sự thực, tôi vẫn còn thương Oanh lắm.

Chị Quang nổi nóng, gay gắt phân trần:

– Thế nhưng mà khi ông không chịu nói dối thì nghĩa là ông vẫn dang tay vò nát quả tim đã bị thương của người ta! Ông không muốn bị cắn hờn! Phải, ông chỉ ích kỷ! Để cho người ta chết thì rồi ông thương xót một thể!

Phạm Quang ngã ngồi xuống ghế như một cái cây đổ. Chàng gần như khóc:

– Thà để Oanh chết là hơn! Nếu chẳng may thế, tôi sẽ áp mộ Oanh mà khóc! Chết như thế, Oanh cũng được hả về phần hồn! Còn sống như em đoán trước, xác thể không những tiêu mòn, mà cả đến linh hồn của Oanh cũng chẳng mát mẻ nữa, vì rằng sự căm hờn đã đến chiếm chỗ trong tim.

Chị Quang lại cười gằn mà rằng:

– Thế thì mình nhầm! Sự căm hờn chỉ nuôi chứ không giết. Sự căm hờn để ra lòng tự kiêu, tự ái, mà lòng tự ái chính là một sức mạnh để tự vệ. Chỉ có sự hối hận, sự tự mình phải giận mình, là giết mà thôi!

Quang vẫn thẫn thức:

– Khốn nhưng tôi không muốn giết cái mối yêu ấy trong lòng Oanh. Căm hờn là một cái xấu không nên có trong hồn một người đàn bà đã làm trong một phút, và do thế, mới đáng thương! Thà

Oanh hối hận, thà Oanh tuyệt vọng! Thà để Oanh chết vì ái tình! Để cho ái tình ấy đi theo linh hồn là cái bất vong bất diệt, ái tình sẽ hóa ra cũng bất vong bất diệt!

Chị Quang run rẩy khẽ nói:

– Bảo Oanh chết, ờ thì được! Nhưng còn thằng Chắt? Nó mới có 6 tuổi! Mà nó là cháu tôi, cháu mình? Giết mẹ nó là giết nó! Mình không được phép giết thêm một đứa trẻ vô tội!

Anh Quang ngạc nhiên nhìn vợ hồi lâu rồi mạnh bạo ra đi. Anh đi đến nhà Oanh. Nửa giờ sau, về, mặt nhăn nhó, anh kể:

– Thế là xong, tôi đã đóng một vai trò tàn nhẫn hết sức!

– Thế nào?

– Tôi đã bảo Oanh như thế này: "Tôi chỉ còn thương hại cô mà thôi! Cô hỏi tôi có giận cô không? Có yêu đâu mà giận! Sao xưa kia, cô đã khinh tôi như thế? Bây giờ khổ sở, cô mới hối hận, mới quay lại yêu tôi... Cái yêu như thế, hỏi có giá trị gì? Có ai lại vớt lại một bát nước mà ta đã hất xuống đất?" Oanh xúc cảm quá mạnh nên không nói được gì cả. Oanh nấc lên một cái thì tôi bỏ mặc ra về.

Chị Quang so vai, hài lòng:

– Có thể, Oanh mới sống được.

Rồi chị ấy bảo tôi:

– Bác hãy chịu khó ở chơi đây ít lâu nữa mà xem. Việc này rồi phải có kết quả tốt.

Một tuần lễ qua...

Bữa ấy, chợt vợ chồng Quang gọi tôi ra cửa sổ. Thì Oanh đã ẵm con dong chơi ngoài đường! Bây giờ tôi mới biết mặt người đàn bà ấy. Nàng có một vẻ mặt bình tĩnh một cách lạ, đủ biết trong lòng cái hối hận, cái nhớ tiếc duyên xưa không còn nữa. Nước da tuy còn xanh, nhưng đáng đi đã có vẻ cứng cáp lắm rồi. Tôi có cái cảm giác là người đàn bà ấy không thể chết được nữa. Oanh ẵm con một cách âu yếm như đã quên, quên hết mọi sự để mà chỉ nuôi con.

Quang cầm hai tay vợ:

– Anh cảm tạ mình! Em đã dạy anh biết hy sinh và đã cứu nổi hai mạng.

Tôi châm một điếu thuốc lá để tự thưởng, vì tôi đã hiểu rõ cái lòng tự ái, kiêu ngạo, nó vừa làm đau khổ và vừa nâng cao phẩm giá người đàn bà.

Muốn nhìn lại lần nữa, thì bóng Oanh đã thoáng khuất sau một hàng rào găng.

*Đông Dương tạp chí,
số 14; ngày 14.8.1937*

Lấy vợ xấu (1937)

Vì có "việc quan", bữa ấy tôi phải vào tòa xứ Hà Đông. Tôi bước chân vào công đường lúc 9 giờ sáng, phải ngồi khoanh tay đợi trên một chiếc ghế dài mãi cho đến 11 giờ. Cụ phán buồng giấy ấy, theo những thông lệ thiêng liêng của nước Việt Nam cổ hữu, đã tiếp tôi bằng sự nhần nhó, sự gắt gỏng, để mà, sau cùng, bảo tôi đến chiều thì quay trở lại để cụ tiếp một lần nữa. Tôi đã vâng vâng dạ dạ như một người công dân hiểu rõ cái quyền hạn vô hạn của một quan phán đầu tòa là thế nào.

Khi ra khỏi vườn hoa của tòa sứ, tôi phải đành đi tìm một hàng cao lầu. Và, tại đó, tôi đã tình cờ được gặp anh Doãn, một người bạn đồng học cũ ở lớp nhất một trường sơ học.

Anh ta có bộ âu phục rất chải chuốt. Xưa kia, lúc còn cấp sách, anh ta cũng đã có tính làm đom như một cô con gái, và mãi cho đến bây giờ, tính ấy cũng không thay đổi, sau một chặng đường mà anh ta đã đi trong mười năm. Cái cổ áo không xộc xệch một tí, đôi mũi giày không có một hạt bụi, cái ca vát rất hợp thời trang, với cái khuy áo cài vào tử tế, đủ tỏ rằng anh thận trọng y phục lắm. Chính anh Doãn nhận được ra tôi là ai, và đã đến bên bàn tôi, giơ tay ra, kính cẩn như người ta muốn hỏi chuyện một khách lạ chưa quen biết một lần nào.

– Thưa ông, ông chắc còn nhớ tôi, tôi là Doãn, trường Sinh Từ...

– à à! Anh Doãn! Vẽ chuyện lắm! Việc gì còn xưng hô kiểu cách...

Mới có đến đây, một người đàn bà to lớn đã bước vào, ngơ ngác đứng sau lưng anh. Doãn bèn quay lại, giới thiệu tôi là bạn; giới thiệu người đàn bà là vợ. Sau khi kéo ghế ngồi rồi, vợ anh Doãn gọi ngay một ấm chè Long Tĩnh, thạo đời như một người đàn ông "cơm hàng cháo chợ, vợ cô đầu". Tôi nhìn người đàn bà ấy, thấy đó là một sự trái ngược với người bạn cũ. Thật vậy, đó không phải là một cặp vợ chồng tốt đôi. Tức thì tôi nhớ lại tất cả những đức tính buổi xưa của Doãn.

Anh ta vốn thông minh, lại rất có óc mỹ thuật. Không kể về y phục của Doãn xưa kia đã được cả trường khen là sang trọng, ngay đến một cái bút chì, một hộp thuốc vẽ của anh, cũng đều là những đồ dùng đắt tiền và lọc lõi vô cùng. Ngoài cái chức là một thiếu niên sành sỏi, Doãn hồi ấy lại còn được chúng tôi gọi là một chàng Don Juan. Thật thế, anh có tài ngôn ngữ, có tài văn chương, nên chim gái rất thạo. Những thiếu nữ si mê anh phần nhiều là những gái đẹp có tiếng, vì cô nào không là hoa khôi thì anh ta không thềm bắt chim! Anh đã thường khoe chúng tôi những giấy viết thư tình của anh với những cái phong bì kiểu cách, đáng bầy xu một chiếc. Trong những lúc ấy, trước sự kính phục ghê gớm của chúng bạn, anh Doãn thường đứng ưỡn ngực, chõ cái xe đạp Peugeot grand luxe khác của anh mà rằng: "Chúng mày xem! Phi hơn người thì thôi, tao không thềm chơi".

Bây giờ thấy anh ngồi với một người vợ không có "mỹ thuật" chút nào cả, lại thấy cái tính cầu kỳ của anh vẫn không thay đổi, tôi chợt nhớ ngay đến câu phương ngôn: "Sướng lắm thì khổ nhiều". Đó là một sự nhần tiền quả báo.

Vợ anh, thật vậy, là một người đàn bà có cái nhan sắc của một người đàn ông không đẹp giai. Hai con mắt nhỏ, đôi gò má cao, cặp môi phàm phũ, dáng người thô tục, những ngón tay tròn và dài như những quả chuối ngự. Như vậy mà lại đi ăn mặc tân thời! Răng trắng nữa, trời ạ! Cái áo dài lượt thướt màu xanh, cái quần nhiều trắng trai lơ, đôi giày cao gót có quai kiểu gái nhảy, với mẫu khăn vành dây, ngần ấy thứ lại càng làm lộ cái mỹ miều của sự thô tục, lại càng làm tăng cái choáng lộn của sự kệch cỡm. Đã thế, trong khi chuyện trò, thỉnh thoảng lại chêm vào một vài câu tiếng tây, ra ý khoe khoang mình vốn là nữ học sinh. Tôi bỗng có cái cảm tưởng man mác rằng người đàn bà này, những lúc nhà vắng, hẳn đã huyết còi như một ông lính tây say rượu, hoặc là đã hát ầm ĩ bài J ai deux amours, bài Les gars de la marine... Vân vân.

Tôi không ngạc nhiên ở chỗ anh Doãn lấy vợ xấu. Ở đời, tôi đã từng thấy cái câu "thánh nhân hay đãi khù khờ" hiện ra nhiều sự thực và càng những thằng "thiên tình địa quỷ" như Doãn mới lại

càng... Chết; anh ta muốn chừng như cũng đoán nổi cái ý nghĩ kín đáo ấy trong lòng tôi.

Trong khi còn nói những chuyện nắng mưa theo khách sáo, chưa kịp gọi món ăn nào cả, vợ anh Doãn đã làm ngay một câu:

– Thôi, tôi đói lắm, cho tôi xin bát mì, rồi tôi còn đi đặng này! Hai ông xơi rượu thì cứ việc mà kê cà...

– Vâng, xin mời bác cứ tự nhiên cho tiện công việc.

Thế rồi người đàn bà ấy ăn uống nhồm nhoàm, và ho, và ợ nữa, như một người đàn ông bình dân xứng đáng. Lúc ăn xong bát mì, người đàn bà cầm hai cái đũa quét ngang cặp môi như một bà lão nhà quê!

Sau khi vợ anh ra phố mua bán, Doãn bèn hỏi tôi:

– Chắc anh rất ngạc nhiên khi thấy một người như tôi mà lại đi lấy một người vợ như thế ấy?

Tôi vội vàng ngừng đũa, làm ra vẻ ngạc nhiên:

– Sao? Sao anh lại hỏi tôi thế nhỉ?

Có lẽ sự vờ vĩnh của tôi không được tự nhiên mấy nên anh Doãn mỉm cười mà rằng:

– Chà! Cái thằng mới sính đóng kịch làm sao! Thôi, trong chỗ chúng ta, tôi cho phép anh cứ việc nói thẳng những điều anh nghĩ.

Tôi bèn nói:

– Vợ chồng là duyên số. Ở đời này không phải hễ mình muốn thì là được và không muốn thì là thoát.

Doãn gật đầu:

– Thật thế. Và, tôi xin kể vì lẽ gì mà tôi lại lấy nhà tôi.

Tôi giờ tay ngăn lại:

– Khoan đã! Thế anh có yêu vợ anh không? Vợ chồng anh có được hưởng hạnh phúc không? Nếu không, xin đừng kể chuyện.

– Có chứ! Chúng tôi yêu nhau và hưởng hạnh phúc cũng như những cặp vợ chồng chẳng biết hạnh phúc và ái tình là cái gì.

Từ đây trở đi là lời anh Doãn:

– "Trên một chuyến tàu từ Lào Cai về Hà Nội, cách đây hai năm... Cũng như số đông thiếu niên, mỗi khi đi xe lửa, tôi dạo một lượt từ toa đầu đến toa cuối cùng với cái hy vọng trông thấy một mỹ nhân để mình bắt chuyện làm quen, ngờ hầu quên được cái vô vị của mấy trăm cây số phong cảnh với những tiếng bánh xe xình xịch nghiêng trên đường sắt nó khiến ta mệt mỏi vô cùng, buồn ngủ vô cùng. Cả chuyến hỏa xa ấy, than ôi, chỉ có một người đàn bà là đẹp nhưng mà lại có chồng cùng đi theo. Còn thì phần nhiều là dân quê cả.

Tôi chán nản kiếm một chỗ rộng rãi, rồi thấy... Nhà tôi trước mặt tôi. Hồi ấy, người đàn bà ấy còn ăn mặc lối cổ: khăn nhung, giày láng kiêu mồm nhái, có đuôi gà, và có ba trăm hột vàng ở cổ. Cái "nhan sắc" của người ấy thì như anh vừa trông thấy đó, ta chẳng rườm rà mà làm gì. Tôi nghĩ đến đám phụ nữ có nhan sắc, được đời kính trọng... Tôi đã bảo tôi: "Tạo hóa thật là bất công. Những người xấu như thế này, hẳn sẽ không bao giờ được hưởng ái tình. Xưa nay ta yêu người đẹp đã nhiều để mà nhận thấy rằng sự yêu đương của họ cũng nhiều khi vô vị lắm. Âu là ta thử yêu một người xấu xí xem ra làm sao!" Thế là tôi đến ngồi bên cạnh người ấy, lân la hỏi chuyện.

Sau nửa tiếng đồng hồ, tôi được biết rằng đó là con gái một nhà buôn bán khá giàu ở Lào Cai. Cô ả có việc về Hà Nội chừng độ một tuần lễ, và khi về Hà thành, sẽ đến ở nhà một người trong họ. Như thế, nếu chúng tôi muốn có một cuộc giảng hoa, cô ả rất có đủ thời gian! Và tôi lại nhận thấy ở người đàn bà này một sự thông minh, một sự từng trải, nhiều duyên thầm, mà tôi chưa từng thấy ở những phụ nữ có nhan sắc. Đó không phải là điều quái lạ. Người con gái đẹp chỉ trông thấy chung quanh mình những kẻ nịnh hót mà thôi. Vì anh nào cũng hiếu sắc nên bọn đàn ông chúng ta thường thấy những đức tính ở bọn gái đẹp mà chính họ không có. Cho nên chúng ta hết sức chiều đãi họ, nâng niu họ, khiến họ chẳng phải chịu khó nhọc mảy may trong mọi cuộc phấn đấu với đời, thành ra người đàn bà đẹp dễ trở nên quá đỗi kiêu ngạo, tưởng mình không có điều gì khuyết điểm nữa; do đó, những cái xấu, những cái khó chịu, mà chúng ta thấy ở những mỹ nhân, những khi ta thấy chán yêu. Trái

lại, người đàn bà xấu bao giờ cũng giữ gìn và cư xử thế nào để cho một khi người đàn ông nào đã đem lòng yêu mình thì không thể nào chán được mình nữa. Vợ tôi chính thuộc vào hạng đàn bà xấu ấy. Cho nên, về sau, tôi được hưởng của vợ tôi những sự săn sóc mà tôi đã phải đem cung cho bọn gái đẹp, những khi tôi yêu... Xưa kia tôi đã thấy cái thú vị trong sự nâng niu đàn bà thì, bây giờ, được đàn bà nâng niu, tôi càng thấy nhiều thú vị hơn nữa.

"Hôm ấy, về đến Hà thành, chúng tôi đã cùng nhau ăn một bữa cơm ở một khách sạn, điều ấy dĩ nhiên! Rồi chúng tôi lại vào một căn phòng trọ nữa, than ôi, điều ấy cũng lại dĩ nhiên! Và, khi thấy người đàn bà ấy đã dâng cái tân tiết cho tôi, tôi cảm động lắm. Tôi đã hôn đi hôn lại vào cái mặt xấu xí ấy mấy lần, với một vài ngón lệ ở mặt tôi. Và sự xúc cảm mạnh ấy không đủ ngăn chúng tôi yêu nhau hai ngày liền nữa.

"Lúc đầu, tôi không hứa si tình cũng như không hứa hôn sự. Cô ả đã yêu tôi trong một cơn rạo rực của xác thịt, cũng như tôi, tôi đã yêu cô ta sau một phút điên dại, vô lý của linh hồn. Cho nên, trước khi chia tay nhau, tôi hỏi: "Này em, nếu rồi em... Có mang thì làm thế nào?" Tôi đã có thể hỏi một câu sống sượng như thế như hỏi một ả giang hồ, hay một "chị em" dễ dãi, vì sự thực, một người xấu, chẳng khi nào được hưởng cái ái tình thành thực của tôi. Nghe thấy thế, cô ả bỗng tái xám cả mặt. Thì ra cô ả không hề nghĩ đến sự có mang! Nhớ ra thì quá muộn! Cái ấy không lạ gì: thời buổi nào cũng có hàng mấy triệu phụ nữ quên rằng có thể có mang được, sau khi đã phó thác thân thể mình cho một anh đàn ông.

"Những giọt nước mắt bắt đầu chảy ra. Cô ta bưng mặt khóc, khóc, và khóc... Sau cùng, chỉ biết thổn thức nói: "Nếu thế thì... Họ hàng sỉ vả, bố mẹ đuổi khỏi nhà, rồi nhục nhã, rồi khổ, phải, rồi khổ!" Thì ra cô nàng nhũn nhận đến bậc không dám có hy vọng lấy tôi nữa, và cũng không dám thử hỏi một câu để có được một hy vọng bằng quơ nguy hiểm ấy nữa. Cô biết mình xấu xí, không đáng lấy một người như tôi, và không dám cả nghĩ đến sự đòi bồi thường sau cái thiệt hại do tôi gây ra. Để thường cô ả coi cái phút ngứa ngáy xác thịt của tôi như là một thứ đặc ân cho mình nữa. Tôi lại hỏi: "Sao lại tin tôi đến như thế? Tôi đã là đũa không ra gì, cô cũng lại hư đồn

nữa!". Cô ả thờ dài, đáp: "Nếu không yêu anh thì thôi chứ cả một đời em, chắc rồi cũng chẳng ai thêm yêu đến thứ em. Thôi thì thà rằng sẽ phải khổ một đời vì đã quá yêu một phút!". Tôi đã cảm động về sự thành thực ấy một cách rất sâu xa như là chưa bao giờ tôi cảm động đến thế.

"Cuộc ái ân chốc lát ấy, rồi sau tôi cũng quên đi, và chỉ thỉnh thoảng nó mới lại đến ám ảnh tôi như một chút ký ức nhỏ mọn trong một giây phút mà thôi. Tôi tưởng không bao giờ còn gặp cô gái Lào Cai ấy nữa.

"Năm tháng sau, một hôm tôi nhận được một phong thư như thế này: "Thưa ông, tôi chờ ông ở hiệu cao lâu Đông Hưng, vào khoảng 11 giờ ngày 20. Tính mệnh tôi ở trong tay ông, xin ông bỏ chút thời giờ quý hóa đến cùng một kẻ khốn khổ". Tôi ngạc nhiên lắm, vì tôi không nhớ đến cô gái Lào Cai nữa. Nhất là cách xưng hô ông tôi lại làm cho tôi tưởng người viết thư là đàn ông. Tôi rùng mình, nhớ đến những ông bạn cũ nghiện hút muốn làm tiền mình. Rồi tôi đến chỗ hẹn.

"Đó là cô gái Lào Cai!

"Cô nàng lúc ấy đã có một cái bụng to một cách đáng kính trọng lắm. Chúng tôi vào ngồi trong quầy. Cô ả chỉ dám gọi tôi là ông chứ không dám xưng hô anh em, như hồi xưa".

"Cô ta nước mắt chan hòa, nói ấp úng trong khi tôi ngồi thản nhiên cắn hạt dưa. Cô ta vẫn nhũn như trước, vẫn sợ hãi tôi như trước, vẫn ôm một mối tình vô hy vọng như trước: "Thưa ông, nếu ông là người đại lượng thì ông nên cứu sống lấy tôi, vì đứa con bé trong bụng này chính là con ông... Nếu không tôi phải tự tử, đứa bé phải chết, vì bố mẹ tôi đã biết, họ hàng tôi sắp biết, mà nếu họ hàng biết thì tôi không sống được nữa, vì bố mẹ tôi nghiêm lắm! Xin ông làm phúc cứu lấy một người khốn khổ nhất đời! Làm lẽ thứ mười, tôi cũng xin vâng, miễn là họ hàng nhà tôi được nhận trầu cau của ông! Vả lại tôi cũng không đến nỗi ăn hại ông...".

"Tôi xua tay, chán nản. Tôi nghĩ: Hạng gái hư hỏng ấy thì mình lấy sao được! Nó ngủ được với mình thì nó sẽ cũng ngủ được với

thằng khác! Mình không làm nó chữa hoang thì thiên hạ cũng sẽ làm cho nó chữa hoang! Thế thôi!

"Nhưng đứa bé trong bụng... Con tôi! Cứ như sự kêu khóc ấy, cứ như lòng thành thực ấy, người đàn bà này mà nói đến sự tự tử đó chẳng là lời dọa nạt! Do thế, tôi nghĩ lại... Nếu ai cũng lý luận như tôi thì trong đời chẳng còn ai lấy nhau vì tình, chẳng làm gì có những cuộc tiền dâm hậu thú nữa, bởi có kẻ bạc tình nào cũng đã lý luận y như tôi! Phải chăng người đàn bà nào đã quá tin một anh đàn ông không thể khác được! Trong một phút mà linh trí tôi sáng suốt khác thường, tôi đã thấy mình hèn mạt, ích kỷ, khốn nạn! Tuy nhiên, tôi còn thử thách: "Có chắc rằng đứa bé ấy chính là con tôi không?" Đến đây, cô ả nức nở, buông xuôi hai tay, hoàn toàn thất vọng: "Giời ơi, nếu ông hỏi thế thì thôi, tôi chỉ còn có một cách là tự tử!". Cái thành thực ấy khiến tôi không còn phải nghi ngờ lời thôi.

"Tôi còn hỏi vặn nhiều câu, nhưng lần nào, cô ả đại đột ấy cũng chỉ tỏ ra là người thành thực cực điểm.

"Ấy thế là... Một người cầu kỳ, khó tính như tôi, đã cam đoan rằng nếu không lấy được cô gái đẹp nhất Hà thành thì xin thề là sẽ không lấy vợ, mà tôi, sau cùng đi lấy phải cô gái xấu xí nhất Bắc kỳ!"

Câu chuyện nói xong thì bữa rượu cũng vừa tàn. Chúng tôi bước ra, tôi để đi đến tòa xứ Hà Đông, Doãn để đi đến nhà ông cậu vợ mà vợ anh chờ anh tại đó.

Tôi an ủi:

– Thôi, đó cũng là duyên số, không cần thiết phải lấy vợ đẹp, chỉ cần có nhân ngãi đẹp. Vả lại, như anh đã nói, đáng lẽ anh phải nâng niu vợ thì mới thấy thú vị, thì bây giờ anh lại được thấy cái thú vị ở chỗ vợ anh nâng niu anh. Thế cũng đủ là hạnh phúc.

Nhưng anh Doãn bĩu mồm:

– Bẩm không ạ! Thừa ông, nó chỉ chiều đãi tôi có mấy tháng đầu mà thôi. Bây giờ, có con với nhau rồi, vợ tôi chẳng cần gì nữa. Nó đã bắt đầu nặng lời với tôi, nghe chị em ăn mặc rất lố lăng, và ghen lắm, ồ! Ghen lắm, hể tôi đi chơi khuya là thế nào cũng đập phá đồ đạc chạy ra đường kêu cứu "ông bà hàng phố", ăn ở rõ ra một vị đức phụ chính thất có nhiều quyền và biết tự trọng!

Máu mê (1937)

Còn mười lăm phút nữa thì tan sở. Thụy ngồi uể oải tựa đầu vào thành ghế nhìn ra sân tòa Bưu điện bằng cái cửa sổ nhỏ. Những chiếc xe nhà đen đã bắt ra phố để phát hành thơ từ chuyển ban đêm. Những chiếc xe hơi to lù lù có chữ P.T.T. Đã lấy hàng hoá, giấy má, các nơi, bây giờ rầm rộ qua sân để vào kho colis postaux. Ở buồng bên cạnh, những tiếng "tịch tịch te" của tin dây thép vẫn khua lên như mưa rào. Thụy sung sướng thấy rằng hôm nay, cả ngày, mình không có khách, không phải làm nhiều, cũng như đa số các viên chức trung thành được sung sướng sau một ngày được ngồi yên mà đọc chuyện kiếm hiệp, hay là cắn móng tay, hay là dùng chốt đinh ghim để lấy ráy tai. Phòng Thụy làm là phòng giao hàng theo lĩnh hóa giao ngân, mà hôm nay, khách đến lấy chỉ ba bốn người, tiền thu chưa được hai chục bạc. Do thế, Thụy đã được ngồi đeo kính đen mà ngủ gần cả buổi sáng để làm lại cái sức khỏe tiêu phí vào một canh đở đen đêm trước.

Còn năm phút nữa, Thụy sắp đứng lên mặc áo, thì một bạn đồng nghiệp vào với một đồng sổ sách. Thụy ký nhận, bắt người kia ký nhận, rồi hai bên bắt tay nhau, chúc nhau bữa chiều ăn cơm ngon. Trước khi đi, người bạn đồng sự còn nói:

– Này, thằng Cú Vọ nó đã đi thanh tra về rồi đấy. Mai thì nó đến khám kết của anh... Tôi biết đích xác như thế.

Cái tin sét đánh ấy khiến Thụy tái xanh cả mặt. Thụy không ngờ rằng viên thanh tra Tây lại về nhanh như thế... Nghĩa là ngày mai, Thụy sẽ vào tù: chàng đã mượn tạm của kết ngót ba trăm bạc, mà lẽ Nhà nước là không ai được giữ trong kết trên ba trăm.

Tức khắc chàng giở sổ ra cộng và được con số: 322đ56. Chàng đếm tiền trong quỹ và được con số nhỏ lắm 32đ56. Thế nghĩa là chàng đã thụt kết đúng hai trăm chín mươi đồng bạc! Chàng kinh hoàng. Sao mà lại nhiều thế? Mới thua có ba canh mà đã nhiều đến thế ư? Thì ra những lúc thua cay mà phải "vay tạm" Thụy không hề

quan tâm đến những con số. Sau một cuộc "họa lai thần ám" đến thế thì người ta chỉ còn một cách: vào tù!

Thụy tần ngần ngẫm nghĩ hồi lâu rồi bỏ nốt vào túi số tiền hơn ba chục bạc còn sót trong két. Chàng mặc áo ngoài, tắt đèn, khóa cửa buồng, ra về với mấy chục viên chức khác.

– Ê, Chung! Chờ tao đã!

Chung, một viên chức ở buồng điện thoại, bạn thân của Thụy, nghe tiếng gọi bèn dừng lại. Thụy nói:

– Hãy đi đằng này với tao!

Rồi chàng quay lại bảo người phu xe nhà đương kéo cái xe sơn đòi mời đi theo mình:

– Mày về thưa với bà rằng chiều hôm nay ông đi xơi cơm hàng nhé! Thôi, cho về, để tao đi xe hàng.

Hai người gọi một xe. Lúc lên ngồi, Chung gắt:

– Khỉ quá! Giả dụ mày bảo trước tao từ sáng có hơn không!

– Đến chính tao cũng không bảo tao trước nữa là...!

Chiếc xe kéo hai người đến một phố Tây. Trông thấy một toán tù nhân đi làm cỏ về giữa bốn năm người lính khố xanh bông súng và cầm roi, Thụy thở dài, hỏi bạn:

– Ở tù khổ lắm, nhỉ mày nhỉ?

Chàng nghĩ đến địa vị mình: một ông phán hạng sáu; có xe nhà, có vợ đẹp, có con khôn... Ngày mai thì chàng sẽ như bọn tù kia: bị giam hãm, bị xích tay đi các phố xá, làm những công việc nhọc nhãi... Chàng rùng mình hối hận, nhưng dễ thường muộn rỗi. Nhưng Chung chỉ phì cười mà đáp:

– Mày nói như thật ấy!

Một lát, thấy Thụy chỉ cho phu xe con đường không đi thẳng về Hàng Buồm, Chung hỏi:

– Ơ hay! Đi đâu mà lằng nhằng thế này?

– Đi chén, nhưng mà cho phép tao lại đằng này hỏi tí việc đã.

Thụy muốn đến nhà lão Hàn Bàu, một tay trọc phú, chủ một dược phòng nổi tiếng, một tay "vua thuốc lậu" đã làm cho nhiều người tuyệt đường con cái, có huy chương, có bài ngà, có nhiều giấy bạc trong két, có nhiều chất vô vị trong những chai thuốc bổ, và có những giấy văn tự hai mươi năm phần trăm tiền lãi cho vay. Xưa kia, Thụy đã được tiến cử đến vay, và đã trả sòng phẳng. Lần này, Thụy lại đến... Nếu được thì càng hay, bằng không thì vào tù.

Xe đỗ trước một hiệu thuốc có máy phóng thanh đương hát bài Anh Khóa và có một số đông những người ngu dại đứng nghe những câu quảng cáo mà chủ hiệu thuê một người đưa chen vào những đĩa hát. Hai người vào. Bà chủ nhà gọi pha nước rồi rít và kêu:

– Thưa ông, cậu cháu đi ba hôm nữa mới về ạ.

Thụy vội lau những giọt mồ hôi thành linh chảy ra ở thái dương. Chàng nói chuyện trời nắng trời mưa mát nửa giờ để có thể đến lúc có gan hỏi vay ngay người vợ lão Hàn, một người không có hề giao thiệp với ai về tiền nong.

– Thưa ông, giá có sẵn thì tôi cũng vượt quyền cậu cháu đưa hầu ông, song mới hôm qua, có mấy trăm lại giả mấy vạn lọ thuốc đau mắt rồi! Ông để đến ngày kia hay ngày kia thì ông quay lại.

Thụy lo sợ vô cùng, xấu hổ vô cùng. Chàng xoay xoay mũ, áp úng nói mấy câu cảm ơn vô duyên, rồi cùng Chung bước ra. Thụy bảo phu xe:

– Bây giờ kéo chúng tôi lên Hàng Buồm.

– Mà vay tiền để làm gì thế?

Giữa lúc ấy, Thụy cũng không cắt nghĩa cái cảnh ngộ của mình cho người bạn thân, cho rằng có nói cũng vô ích. Chung không thể chạy đâu cho chàng trong một đêm những ba trăm bạc được. Thụy đã muốn vui chơi với bạn cho thật thỏa thích đêm cuối cùng để hôm sau vào tù cho cam lòng, nếu nói ngay, sợ cuộc vui mất vui. Chàng chỉ đáp một cách thản nhiên:

– Vay có chút việc riêng.

Thụy đòi rượu Mai Quế Lộ thưởng hảo hạng, gọi những món ăn rất đắt, những món Chung chưa hề thấy ai gọi đến cả: Bách điều qui sào, Tam sà đại hội, Ngũ hổ nhập thiên thai, vân vân. Lại có cả món Ngũ tộc cộng hòa và món Tam dân chủ nghĩa nữa. Nghe những cách mệnh danh lố bịch ấy, Chung phì cười.

Thụy cười nhại, đáp:

– Cơm Tây còn có món Poisson à la Mussolini nữa là! Đông Tây gặp nhau ở chỗ cái bụng.

Thụy ăn như một kẻ mới ở tù ra, tuy chàng mới chỉ là kẻ sửa soạn vào tù. Chàng uống như một cái phễu. Chàng nói lảm nhảm như một nhà sư lúc đi phá giới ở nhà ả đào. Chung cũng hơi ngạc nhiên về thái độ ấy nó khác thường lắm. Nhưng Chung không hỏi kỹ, vì sự thực, chính Chung cũng choáng váng hơi men, cười nói huyền thiên. Lúc trả tiền, Thụy bất bình rằng ăn uống như thế mà chưa hết 15 đồng. Chàng quay vào, gọi hầu sáng, thưởng cho một đồng bạc.

Lúc ra cửa hiệu, sáu người ăn mày đều được Thụy cho mỗi người một hào. Khi hai cây thịt bị vớt lên một chiếc xe, Thụy nói:

– Đi hát!

– Mày còn bao nhiêu tiền?

– Còn độ mười lăm đồng giờ lên.

– Sao mày lảm tiền thế mà lúc này còn đi vay? Sao mày chường thế?

– Tao không chường thế thì sao tao lại đáng mặt cho đòi gọi là thằng Thụy?

Đến một nhà ở Khâm Thiên, Thụy đòi bàn đèn và rượu sâm banh, chứ không đánh trống. Hai người hút thuốc phiện như hai cái ống khói, và tuyệt nhiên không thèm sờ mó đến một chị em nào cả. Các cô đào rất lấy làm ngạc nhiên. Có nhiều ả thấy khách quá dễ, đâm nhờn. Họ lén ra đường chuyện với nhân tình mà Thụy và Chung cũng không buồn để ý.

Mười hai giờ đêm.

Chung đã nhắm nghiền mắt bên bàn đèn thì Thụy nói:

– Chung ơi, mày là người bạn thân nhất đời của tao... Mày có hiểu cái vui chơi tối hôm nay của tao có mục đích gì không?

– Tao chỉ hơi ngạc nhiên, và cũng sắp hỏi mày đấy.

– Chung ơi, đêm nay là đêm cuối cùng sung sướng của chúng ta... Rồi ngày mai thì tao không cùng đi một con đường đời với mày nữa!

– Mày say đến thế kia à?

– Thật đấy, Chung ạ. Bây giờ thì đã đến lúc tao nói: mai thế nào thanh tra nó cũng khám kết tao, nghĩa là tao vào tù. Cái kết còn tiền nữa thì đêm nay tao còn ăn chơi sang trọng hơn nữa để thết mày cho bố, nhưng chỉ còn có hơn ba chục. Vậy tao yêu cầu mày một điều là khi tao vào tù rồi thì mày ở ngoài thỉnh thoảng giúp đỡ vợ con tao, cho đến lúc tao được ra... Chung ơi, vào tù, vì thụt két, điểm nhục gia thanh, để vợ con đói khát... Rồi thất nghiệp, rồi khốn khổ...

Thụy ngừng lại để khóc hậm hực. Chung ngồi nhồm lên, hiểu cả sự nghiêm trọng của tình thế. Chung lo sợ hơn là chính mình sẽ phải vào tù. Chung cũng ứa nước mắt.

Sau cùng, Chung đứng lên nói:

– Nếu còn có một cách thôi thì ta cũng nên không vì một lẽ gì mà không thử. Đây này, mày còn hơn mười lăm đồng, phải không? Thì chi chầu hát một chục thôi! Tao còn năm đồng nữa đây, thế là chúng ta có một chục... Đi gỡ! Phải gỡ chứ! Biết đâu...

– Thôi, ăn thua gì! Nhọc xác! Để tao ngủ yên một đêm rồi mai vào tù! Dạo này tao đen, tao biết!

– Không! Phải đi gỡ! Tao nhất định thế.

Chung lôi cổ Thụy dậy cho kỳ được.

Sòng bạc vẫn đông đủ như mọi đêm. Con bạc cũng vẫn như mọi đêm, nghĩa là từ ông phủ hưu trí đến ông "vua thuốc lậu", những tay sát phạt nhau mỗi canh bạc trăm, bạc nghìn cả. Bốn năm chục người ghê gớm trong đó không ai chịu nói khể và cứ to tiếng gắt mắng người khác là nói to.

Một giờ đầu, Thụy và Chung được hai trăm. Nửa giờ sau, được hai trăm nữa. Một giờ sau nữa thì lại được trăm nữa. Chủ sòng làm một câu:

– Thôi hẳn đêm nay hai bác vét cả làng.

Chung đếm lấy ba trăm bạc bỏ vào ví, chỗ thừa để mặc cho Thụy "húc" với viên phủ hưu trí. Chung ngồi về phía sau cho con bạc khỏi soi bói mình. Sau cùng, chàng đứng lên, ra bàn ăn lê, táo. Thụy cứ được, cứ được mãi, dễ đến tất cả là tám trăm. Chung không để ý.

Đến lúc Thụy bắt đầu thua, chỉ còn trước mặt độ một trăm thôi, Chung đâm tiếc của, cầu đùi bảo bạn đứng lên. Thụy nhất định cứ ngồi. Cái bát bị ném đi, Thụy mất nốt trăm bạc. Chàng quay lại bảo bạn:

– Cho tao vay hai chục.

– Không!

– Hai chục thôi, tao lạy mày!

– Nhất định không! Cờ bạc thua hàng mười hôm liền, hôm nay được có trăm bạc, phải thôi đi chứ. Húc mãi như thế để tự tử à? Có ai lại đánh bạc như mày bao giờ?

Thụy đứng lên, vái lấy vái để:

– Hai chục nữa thôi, tao lạy mày! Chung lùi ba bước, quả quyết đáp:

– Tao nhất định không đấy! Thụy chạy đến móc túi bạn.

Chung đẩy Thụy ra. Cáo tiết, Thụy ôm lấy Chung định cướp giật số bạc trong túi áo. Chung hết sức mới đẩy được Thụy ra lần thứ hai. Đến lượt Chung phải van xin:

– Tao lạy mày nữa. Ấy trước sau chỉ được có trăm bạc thôi, tao còn phải giả tây đen ngày mai, không có nó cho tao vào tù.

Chung tưởng nói thế thì bạn tỉnh ngộ, thì bạn hiểu cái tình thế hiểm nghèo giữa hai con đường: yên lành và tù tội. Nhưng, Thụy không còn biết nghĩa lý gì nữa, lại xô vào, giằng co với Chung. Bốn năm chục con bạc bắt đầu nói: "Đồ ăn non!". Lão phủ hưu trí có đầy sát khí ở mặt và hai lưỡi dao găm ở mắt. Anh chủ sòng cay lắm,

như sắp chết đuối. Bọn tã sắp sửa xông vào cướp... Họ muốn phá sòng! Một vài người đàn bà bắt đầu kêu thất thanh.

Tức thì, nắm chặt bàn tay, đã đến lúc phải tỏ rằng mình cũng còn có một vài miếng, Chung đâm luôn cho Thụy một cái vào giữa quai hàm! Nhưng Thụy lại còn xông đến lần nữa. Thụy hóa điên! Chung lại nắm tay trái đâm luôn vào cái quai hàm bên kia. Thụy ngã dúi xuống đất.

Chung dứt hai tay vào túi quần, vênh mặt, ung dung nói với cả bọn con bạc:

– Đấy, mời các ngài xem thằng này là thằng nào. BẠN thân cũng có thể đánh chết được, nếu vào lúc cần thì đánh chết!

Cho thế chưa là đủ, Chung lấy con dao vẫn dùng gọt bút chì, cầm ở tay. Chàng mở lưỡi dao nhọn, dọa:

– Mày mà mò đến chân lông tao thì tao xin cam đoan là sẽ có một vụ án mạng!

Chung nói xong đi, ra. Thụy ngồi lên ôm mặt, nhăn nhó, Chung bảo sống:

– Mày có về thì về, hay ở lại thì cũng tùy mày.

Rồi ra thằng, con dao vẫn lăm lăm trong tay.

Hôm sau, lúc ông thanh tra khám kết, Thụy vẫn là một viên chức đúng luật lắm. Các bạn đồng sự hỏi thăm một bên má tím bầm của chàng. Thụy đáp là ngã gác.

Buổi trưa, lúc tan sở, Chung lại tìm Thụy. Chàng cảm động nói với bạn:

– Mày mới thật là bạn tốt. Nếu mày không đánh ông đến treo quai hàm thì... Than ôi! Tao cảm ơn mày lắm.

Một người nghe thấy tưởng Thụy nói đùa. Chính ra chàng nói một cách rất đứng đắn.

Và từ đấy, làng đen đỏ không thấy mặt Thụy trong số những nạn nhân. Chàng đã hiểu vì lẽ gì, bọn con bạc không bao giờ lại có thể khá được.

Đông Dương tạp chí,
số 17; ngày 4.9.1937

Đi săn khỉ (1937)

Xưa kia tôi chưa biết "đi săn" là thế nào. Nhưng mà từ thuở nhỏ, tôi vẫn ao ước có một khẩu súng để có thể được đi săn luôn luôn. Những khi trông thấy hoặc một chiếc xe hơi sau lưng có buộc một con hổ, một con nai, với bọn người đội mũ cát kết tay giữ súng ngồi trên, hay là một nhà thiện xạ đeo súng sau lưng cưỡi xe "bình bịch" có đeo một chùm giế giun ở tay lái, vênh vang đi qua các phố xá thì lòng tôi lại nao nao lên kính phục và thèm muốn. Thú đi săn đối với tôi có một sức ám ảnh mạnh như là của ngọt đối với những ông nghiện, cái quần soóc đối với những gái tân thời, huy chương phẩm hàm đối với những ông tọc phú, thịt chó hàm rựa mặn đối với các nhà sư chân tu. Đến nỗi cái tục đi săn cát kết ở Tarascon tả trong sách của A. Daudet cũng làm cho tôi ước ao, khao khát...

Do những lẽ ấy, tôi không trở nên một nhà thiện xạ bao giờ.

Nhưng mà nỗi khổ tâm của tôi là có rất nhiều bạn có súng, hay đi săn, và ai ai cũng hơi hơi thiện xạ một chút. Cách đây vài năm, tôi về nhà quê với một người bạn thì được bạn rủ đi bắn chim. Các ngài cứ việc tưởng tượng cái sướng trong lòng tôi, bữa ấy!

Sau khi đi quanh các hàng rào tre của làng đã hai lần, không gặp một con chim gáy, một con cò, một con quạ, chúng tôi đành vác súng về không. Đến cổng làng, gặp một con chào mào đậu ngay ở một cành tre, tôi giơ súng lên, thì bạn tôi vội nhặt một hòn đất ném cho con chim bay trước đi! Rồi bạn cắt nghĩa:

– Bắn thế, có trúng chẳng nữa cũng là phí đạn.

Tôi tức đến cực điểm, tưởng có thể tuyệt giao với bạn ngay được. Than ôi! Cơ sự mà đến như thế, thì cái tình bạn hữu ở đời thật quả chỉ là một danh từ điêu trá của văn chương. Tôi không thể nào tha thứ cho sự phản trắc ấy của bạn được, vì lẽ, đối với tôi, điều cốt yếu chỉ là được bắn một phát mà thôi, còn trúng hay trệch, chim

thịt ngon hay không ăn được, cái ấy tôi không quan tâm. Giữa lúc tôi bực mình chưa tiện nói ra, thì bạn lại nói:

– Có lẽ số chúng nó chưa chết nên hôm nay bác đi săn mà không một con nào lai vãng đây cả. Chứ mọi hôm, cò cũng nhiều, gáy cũng nhiều.

Tưởng bạn nói thật, tôi cũng nguôi giận. Rồi bạn lại cắt nghĩa rằng bữa nay bạn đi săn bằng bả, nghĩa là đạn một chữ không phải đạn ghém trong cát tút. Như vậy bắn chim nhỏ rất khó trúng. Đạn ghém thì, sau khi bị thúc khỏi miệng súng, những viên chì nhỏ nổ ra theo một vòng rộng như một cái nón, con chim rất khó lòng mà bay thoát, một khi tầm súng ngắm chừng quá sai.

Sắp về đến nhà, tôi lại trông thấy một con chích chòe thấp thoáng trong một cây ổi. Tức thì tôi giằng lấy khẩu súng ở tay bạn mà rằng: "Đi săn mà lại không bắn một phát nào thì lọ lẫm". Lần này, bạn để yên...

Tôi giờ súng lên. Con chích chòe lúc ấy quay đuôi lại phía tôi, ngửa cổ hót mấy tiếng trước gió rất vui vẻ. Trước cái ngực trắng của nó, có một sợi lông vũ nhầy ra ngoài cái trật tự của những lông mượt mà và phong phanh theo làn gió dịu hiu. Tôi cảm động lắm, biết mình sắp làm một điều ác, rồi sẽ phải hối hận như người đi bắn trong bài thơ *La mort du bouvreuil*. Nhưng dẫu là ác, mà thấy hứng thú, thích chí, âu ta cũng cứ làm! Tôi ngắm rất đúng. Đùng một tiếng, một làn khói lam toả ra ở miệng súng rồi tan ngay. Tôi tưởng con chích chòe phải rơi xuống ngay đấy. Nhưng không, nó không chết mà cũng không bay đi. Lúc súng nổ, nó giật mình, nhảy lên một cái rồi quay đầu nhìn về phía có tiếng nổ, với hai con mắt kinh ngạc (thật thế, nó cũng biết kinh ngạc, tôi xin cam đoan như thế). Như vậy thì có lẽ lúc viên đạn sắp xuyên qua lưng nó thì nó nhảy lên, để cho viên đạn đi đến chỗ không địa chỉ rồi thì nó lại đậu vào chính cái chỗ viên đạn đã đi qua, lúc trước. Thật là một kỳ công của loài chim! Tôi quay lại xin bạn viên đạn khác, thì thấy bạn đương hai tay ôm bụng, đầu gục xuống ngực. Chung quanh cái mũi dọc dừa của bạn, đầy những vết nhăn là vết nhăn...

Tôi sợ hãi quá đi mất! Chết! Cái gì thế? Một tai nạn gì thế? Hay là viên đạn đã chạy giạt lùi, đã trúng vào bạn đứng đằng sau tôi? Không! Ấy là bạn tôi cười! Nhìn thấy mặt tôi, bạn mới thẳng người lên, phá ra cười âm ỹ. Nghe thấy tiếng cười, con chích chòe trên cây hoảng sợ, vụt bay đi. Nó không để cho tôi thời giờ xin đạn để bắn nó phát nữa.

Về nhà, cả ngày hôm ấy, tôi dùng thời giờ để cãi nhau với bạn rằng lỗi là ở hòn đạn. Nếu tôi bắn đạn ghém, chắc con chim đã đi đời rồi. Hiểu cái ê chề của tôi bữa ấy là vô cùng, bạn tôi đem sổ tử vi của tôi ra xem rồi kết luận là bữa ấy tôi không đi vào hung tinh nên không bắn được chim. Vì bạn là một ông thầy số làm phúc rất giỏi nên tôi cũng được an ủi.

Sở dĩ tôi có thuật cuộc đi săn chim chích chòe này thì các ngài mới hiểu rõ cuộc đi săn khỉ tôi kể dưới đây.

Cách đây hai tháng, vào lúc tôi nghỉ dưỡng bệnh đau phổi ở Bắc Cạn thì cuộc săn khỉ đã xảy ra ở Khao Kỳ. Tại sao tôi nói xảy ra, rồi các ngài sẽ hiểu...

Khao Kỳ là một cửa động cách xa tỉnh lỵ Bắc Cạn chừng 20 cây số, trên con đường thuộc địa từ Ngân Sơn đi ngược về Hà Nội. Nghe đồn ở đây có rất nhiều bú dừ. Nhiều đến nỗi chúng thường từ trên núi leo xuống cửa động, rủ nhau vào ruộng để ăn trộm lúa hoặc bắp ngô.

Bữa ấy nhằm ngày chủ nhật nên các bạn tôi rủ nhau tổ chức một cuộc đi chơi có săn bắn: bắn khỉ ở Khao Kỳ và nhân thể đi thăm động. Anh Diễm, bạn tôi, có đủ mọi thứ tư cách: chó săn, xe hơi, một khẩu súng hai nòng. Cứ trông cách thức chúng tôi sửa soạn thì rõ ra một cuộc đi săn vĩ đại. Trước hết chưa chi hãy đi săn những thức ăn. Bánh tây, giò, chả, hộp cá, rượu vang, đầy cả mấy cái túi vải. Một cuộc đi săn xa tỉnh lỵ 20 cây số, phải biết! Cho nên phải có đủ những điều kiện nó làm cho chúng tôi hóa ra những tay thiện xạ hùng hồn. Có chó săn, có xe hơi, chưa cho là đủ, chúng tôi lại gọi một người thợ ảnh để chụp kỷ niệm nữa. Long trọng biết bao! Anh Diễm đã tuyên ngôn: "Chúng ta sẽ để anh Phụng bắn phát súng thứ

nhất là phát súng danh dự!". Đã vậy mà đạn bạn ưa dùng lại là đạn ghém, thì bảo tôi có sướng hay không! Nghĩ đến cuộc đi săn chích chòe, tôi dọa tôi: "Chuyến này, phải biết!". Trong cái óc nông nổi của tôi thì đi săn không có gì là khó khăn. Ngắm cho đúng, ai mà không ngắm được? Kể nào không bắn nổi một phát súng, ấy chỉ là đồ ngu!

Từ sáng sớm, bọn sáu người chúng tôi và con chó săn cao lớn đã lên ngồi xe. Chiếc xe này là một chiếc Mathis cũ, bé nhỏ. Bạn tôi mua nó có một trăm rưỡi bạc, và do thế, bị cả tỉnh ghen ghét, cho là ăn chơi như đế vương! Lúc tậu xe, anh Diễm có nói: "Đáng lẽ thì để trăm rưỡi cưới vợ lẽ cho nó ra vẻ một người Việt Nam xứng đáng và hoàn toàn, nhưng sau tôi lại nghĩ thà tậu xe để đi săn và đi chơi có lẽ hơn, nên không lấy vợ lẽ nữa!". Than ôi! Có xe hay có vợ lẽ, bạn tôi cũng chỉ là một khổ chủ. Cái xe thỉnh thoảng lại giận dữ với anh. Những cái rầy rà nó gây cho anh ở dọc đường có khi lại rầy rà hơn cả những cái rầy rà gây ra bởi một người vợ lẽ nữa.

Cho nên bữa ấy, cái xe đình công bằng cái còi. Bấm điện thế nào cũng không thềm kêu. Đến nỗi lúc xe qua chợ, có cô thổ đứng nghênh ngang giữa đường làm cho sáu người chúng tôi phải kêu: "ép! ép!". Tuy vậy những người hàng phố cũng cau mày nhìn khổ chủ để ghen ghét về cái tội ăn chơi đế vương. Người ta không thể nào tha thứ được cho anh Diễm, chỉ là một viên chức, mà lại có xe ô tô nhà, mặc lòng anh đã phải ép.

Nửa giờ sau, chiếc xe đế vương ấy đến động Khao Kỳ. Anh chàng thổ, người gác am và gác đền, đã đón chúng tôi:

– Bấm các quan, mời các quan hãy đi xem động đã, chứ bú dù thì chốc nữa chúng mới kéo nhau xuống ruộng.

Tôi chẳng thấy thú vị gì trong cuộc đi xem động. Trèo một trăm thước thềm đá, vào cửa động, nhìn các màu, các vân của đá, các bàn thờ Phật, những nhũ đá có hình rồng, hình rùa, với những tên các ngài đến du lịch quét bằng vôi trắng khắp mọi chỗ, ngần ấy cái không khiến cho tôi khỏi nóng ruột về cái thú đi săn.

Tôi thúc giục người thợ ảnh lúc chụp chúng tôi, tôi thúc giục cả các bạn hữu nào thích ngắm cảnh, và bị họ ghét. Một giờ sau, chúng tôi ra khỏi động, xuống cái am mà người ta gọi là "đền ngoài".

Chẳng nói gì đến săn nữa, bạn hữu tôi lấy các thức ăn đem ra, chén phè phởn! Tôi rất không bằng lòng các bạn, vì cái lương tâm thiện xạ của tôi. Tôi cho rằng người Việt Nam mình chỉ được cái bộ ăn thôi, chứ không bao giờ làm nổi trò trống gì cả. Tôi tức rằng việc đi săn mà tôi cho là rất hệ trọng, thì lại bị họ rẻ rúng như thế. Nhưng mà các bạn thân của tôi mặc kệ tôi. Tôi chỉ còn có con chó săn là cùng ý kiến.

Ăn xong, như một sự cố nhiên, có một vài người say rượu. Họ thấy nhức đầu. Họ nằm lăn ra ngủ. Ông nào chưa ngủ thì cũng kêu: Mệt lắm! Người nào không nhức đầu, không ngủ, thì uể oải châu đầu vào ống quần để nhặt cỏ may. Anh Diễm cũng nằm dài ra cái giường tre mà nói:

– Thôi, chả săn bắn gì nữa, chốc tôi còn cầm lái xe về, nếu không giữ sức khỏe thì nguy hiểm...

Thưa các ngài, như vậy thì bảo tôi có nên giết quách các bạn thân của tôi đi không? Tức quá, tôi lôi anh Diễm lên, bắt anh phải chỉ bảo tôi mọi cách mở súng, lắp đạn, đẩy súng... Tôi hỏi anh thổ thì hắn đáp:

– Bấm quan, bây giờ thì khỉ nó xuống ăn trộm ngô rồi còn gì!

Tuy vậy anh Diễm cũng bảo tôi:

– Thôi, súng đẩy, đạn đẩy, anh cứ việc ra ruộng mà săn. Để tôi ngủ một lát.

Tôi đáp anh như một người có điều gì đáng tự phụ:

– Được lắm! Thế thì còn gì bằng nữa!

Rồi tôi theo anh chàng thổ, lội cỏ may mà ra ruộng, vừa đi vừa vỗ đầu con chó.

Hắn chợt bảo tôi:

– Quan đi sẽ chứ! Quan cúi đầu xuống kéo chúng trông thấy, lại lên núi mất. Khỉ là một giống tinh lắm.

Chúng tôi chỉ đi cách am chừng vài chục bước. Trước mặt chúng tôi là một quả núi cao lừng lững, có cây cối mọc hỗn loạn, um tùm. Chợt anh chàng thổ khẽ nói:

– Kìa! Chỗ bụi kia thấy động đấy! Dễ chúng đấy!

Tôi định thần trông ra phía hắc trở. Quả là bụi cây có động đấy thật, xong tôi không trông thấy một con khỉ nào. Tôi bèn hỏi:

– Hay là người nào?

Hắn đáp:

– Đâu làm gì có người nào!

– Thế ta bắn chứ?

Hắn cắt nghĩa:

– Chỗ nào xanh là lá cây. Chỗ nào màu củ nâu là khỉ. Lòng khỉ hơi vàng. Quan cứ chỗ nào hơi vàng mà ngắm.

Chẳng nghĩ ngợi gì nữa, tôi bèn đề súng lên vai. Tôi ngắm đúng chỗ có màu củ nâu trong bụi xanh. Tôi bấm cò, súng nổ đùng một tiếng. Sườn núi cũng đáp bằng một tiếng đùng, do tiếng vang hắt lại.

Con chó săn chạy đến chỗ ấy lập tức.

Trên sườn núi thấy tiếng xào xạc của mấy con chim hoàng oanh vừa bay vừa kêu thất thanh. Rồi thì, từ cái bụi xanh, bỗng thấy hiện ra một thiếu nữ thỏ với cái áo dài xanh, cái váy xanh, mặt mũi vừa ngơ ngác vừa tức giận:

– Rõ khéo khỉ ở đâu ấy! Đùa thế à? Chết người ta thì làm sao?

Thì ra đó là một thiếu nữ của rừng xanh đương lúi húi cắt cỏ cho ngựa, khi thấy trời râm lại thì bỏ nón ra, gài lên một cành cây. Tôi đã bắn trúng cái nón.

Tôi đương vừa lo sợ, vừa hổ thẹn, vừa mừng rỡ nữa, tim đương đập thình thịch trong ngực, thì cô sơn nữ ấy đã giơ cái nón ra, kêu:

– Bắt đền đấy! Thủng nát cả nón người ta ra rồi đây này! Rõ đồ khỉ!

May đâu con chó săn cắn gâu gâu lên bênh vực tôi.

Tôi quay lại nhìn anh thỏ để đổ lỗi cho hắn, thấy mặt hắn ngẩn ra một cách hết sức vô duyên. Thấy cái mặt giận dữ kia với cái mặt ngây dại này đều không phải là thuộc sự văn minh nên tôi không thèm xin lỗi cũng như không thèm trách mắng.

Thấy tiếng súng nổ và tiếng đàn bà chu chéo vang cả một góc rừng, các bạn tôi đều choàng dậy, chạy đến, tưởng dễ thường một vụ án mạng nào đã xảy ra...

Khi hiểu chuyện, họ lăn ra cỏ may để mà cười. Tôi đi săn khỉ, chính tôi bị gọi là khỉ.

Về tỉnh, khi những người quen thuộc hỏi thăm tin tức về cuộc đi săn khỉ rất vĩ đại ấy, bạn Diễm đã nói một cách rất tự nhiên:

– Được một con!

Thành thử tôi cũng phải đáp như thế với người khác.

Thưa các ngài, từ đấy trở đi, không bao giờ tôi khao khát sự đi săn nữa. Tôi tự cho mình đã đủ từng trải. Tôi đã dùng từ súng một nòng đến súng hai nòng, từ đạn một đến đạn ghém, từ đi chân không đến đi xe hơi, từ không có chó đến có chó, và bắn từ chim muông đến mãnh thú...

Và, cũng từ đấy, mỗi khi trông thấy những tay thiện xạ có hổ, báo, hươu, nai sau ô tô hay giế giun ở tay lái xe bình bịch, tôi chẳng ngại lăm bằm như một nhà triết học ghét sự tàn sát:

– Chà! Rõ đồ dã man!

*Đông Dương tạp chí,
số 16; ngày 28.8.1937*

Tự do (1937)

Buổi chiều hôm ấy, bà chủ vừa gãi đồ cả hai bàn chân vừa kêu: "Rõ khổ lắm! Nhiều muỗi quá thế này này!". Ông chủ lập tức gọi thằng xe lên.

– Mà bạn những công việc gì mà ba bốn tháng nay mà để cái vườn hoa cứ rậm như cái rừng ấy thôi! Rõ đốn quá đi mất!

– Bẩm con không thấy ông bà bảo gì cả... Đã có hôm con toan lấy kéo ra sửa thì cô Thư lại mắng, bảo cứ để rậm thế cho đẹp!

– Cô ấy là trẻ con... Cô ấy còn biết gì nữa! Sáng sớm mai thì tao cho mày nghỉ ở nhà mà sửa sang lại cái vườn!

– Bẩm vâng.

Ông chủ vừa nói vừa đi ra hiên.

Ông nhìn ra vườn lại kêu:

– Thế kia, chẳng trách được lắm muỗi! Mà cứ việc phạt cả đi cho tao một lượt, không tiếc cái gì cả. Hoa hồng, râm bụt, rào găng, mà cứ cắt phăng đi một nửa. Còn lá sả thì mỗi khóm mà nhổ bớt một nửa đi. Khi tao nói nhổ, nghĩa là lấy cuốc mà đánh, chứ đừng nhổ thật, đứt tay, chết!.

Sáng sớm hôm sau, khi thằng xe một tay vác cuốc, một tay xách cái kéo khổng lồ ra vườn, thì nó gặp cô Thư đã vác chiếc ghế con ra định cùng ngồi dưới gốc cam. Lúc ấy, ông chủ và bà chủ đều chưa dậy.

Thằng xe bèn nạt nộ con gái chủ nhà như những đầy tớ biết tự trọng khác, những khi vắng mặt chủ nhà:

– Đi vào! Đem ghế vào! Bảnh mắt ra đã ra vườn làm gì cho vương người ta!

Thư, cô bé mới 12 tuổi, không những không giận thằng xe, lại chỉ mỉm cười một cách ngây thơ, trở tay lên một cành cây vải, nói giọng

khẩn khoản:

– Anh xe! Anh bắt con chuồn chuồn kia cho tôi đi nhé!

Thằng xe vút cuốc và kéo xuống đất, ngo ngoác tìm con vật trong đám lá xanh. Khi thấy rồi, nó rón rén tiến đến chỗ ấy, từ từ đưa tay ra... Nhưng con chuồn chuồn vụt bay đi một cách ranh mãnh như là nhờ có người muốn bắt mình thì mới bay vậy. Đâm ra bực mình, thằng xe lại gắt với cô con gái chủ vô tội:

– Đi vào cho người ta sửa vườn.

Cô Thư phụng phịu gần khóc:

– Không, tôi không cho anh sửa vườn, nào nào!

– Này, khóc thì tôi mách cậu cho đấy! Cậu bảo thế chứ tôi tự nhiên muốn sửa làm gì!

Cô Thư đến đây khóc thật. Những hạt nước mắt từ từ chảy ra long lanh như hạt trai. Giọng cô bé nức nở như của một người đau đớn về một nỗi buồn tê tái. Động tâm, thằng xe tức khắc phải đổi giọng:

– Thôi, chị Thư nín đi nào! Nín đi rồi tôi bắt cho một con cào cào có nhiều áo tân thời y như của mợ, áo tím, áo đỏ, áo xanh! Thế cơ! Nín đi cho ngoan nhé!

Lời hứa ấy có một sức mạnh đủ khiến cô bé không những nín bật mà lại còn bắt đầu cười gượng nữa.

Thằng xe bèn nhìn cái vườn hoa một lượt xem nên bắt đầu làm từ chỗ nào. Những cây lá sả đã mọc rậm rạp và cao như những cây lau và nhảy bừa bãi ngoài cái trật tự của những luống. Những cành hồng lều nghều vươn cành ra tứ phía như chỉ rình cào xước cổ những khách thăm vườn để họ nhớ rằng hoa hồng nào cũng có gai. Những cỏ tóc tiên mọc hỗn loạn làm cho những bờ cỏ không còn có vẻ gì là tóc tiên nữa. Những cây dâm bụt thì để hoa rụng xuống đất úa ra ngả thành màu nâu, nhóp nhép như những vũng bùn lầy. Chung quanh vườn, cái rào găng um tùm và bề bộn như một tùm găng vô chủ sống tự do trong rừng sâu. Nhất là nó lại che tịt mít cả: khách đi ngoài đường không tài nào trông thấy cái biệt thự xinh đẹp ở bên trong nữa!

Trước nhất, đưa đầy tớ sửa cái hàng rào.

Cô Thư chờ đợi mãi, đã vào nhà ăn quà sáng và quên khuấy mất con cào cào có những bộ áo tân thời như của mợ.

Vào lúc nắng từ trên đỉnh đầu chiếu thẳng xuống, thằng xe, trong khi cắt một cành gừng rồi lẳng xuống bãi cỏ, nghe thấy một hồi tiếng chim non kêu: "Chích chích chích chích!...". Nó dừng tay nhìn rồi vội từ trên cái thang gấp nhảy bổ xuống, vồ lấy con chim lúc ấy đang sã hai cánh trên một đám cỏ hoa. Nó sướng như một đứa trẻ thơ, vội chạy vào nhà, gọi to:

– Chị Thư ơi! Tôi bắt chim cho đây này!

Từ mấy đứa trẻ cho đến ông chủ và bà chủ, cả một gia đình lúc ấy sướng bằng trúng số độc đắc. Người ta bỏ lửng bữa cơm. Người ta xúm quanh thằng xe để nhìn con chim bị nắm trong một bàn tay thô bạo đang thất thanh kêu như muốn nói: "Chết chết chết chết!".

Ông chủ nói to như tuyên bố một sự phát minh:

– à! Chim chào mào đây mà!

Thằng xe để con chim xuống đất rồi đứng khoanh tay như một nhà binh vừa mới có chiến công.

Quả vậy, đó là một con chào mào. Hai cánh nó đã đủ lông tuy trước ngực thì sợi tơ trắng chưa đủ che kín mảng thịt đỏ hồng; đằng sau thì cái bông vẫn còn nặng nề, to tướng, cái mỏ hình chữ V có hai màu vàng dày dặn ở hai bên. Tuy vậy, một rúm lông trên đỉnh đầu đã nhu nhú mọc lên như một cái mào sồi. Bà chủ bĩu mồm nói:

– Thế mà bảo là chào mào! Nó là con chim chìa vôi!

Thằng xe đáp ngay:

– Bầm, chào mào hay chìa vôi cũng là nó!

Con chim non ngơ ngác nhìn quanh một cách sợ hãi; hai cánh vẫy vẫy như muốn bay, nó vẫn kêu, nhưng lần này kêu khác lần trước... Tri huy! Tri huy! Tri huy!... Nó như muốn nói "chí nguy!" để kêu gọi bố mẹ. Rồi bất kỳ, nó bay bỗng đánh vụt một cái qua đầu cô Thư, thẳng ra lối cửa ở mái hiên. Cả nhà giật mình hồi hộp... Nhưng con chim chưa đủ tư cách ấy chỉ bay đến bức tường con ở hàng

hiên để đập ngực vào đấy, rồi rơi xuống đất một cách đáng thương hại. Cô Thư chạy lon ton ra để vồ... Con chim lại cất cánh bay, và lần này lái ra được vườn hoa để sa xuống một gốc cam. Phải thẳng xe chạy ra mới vồ nổi. "Chích chích chích chích!...", trong cái bàn tay thô bạo, con chim lại giãy giụa kêu thất thanh. Giữa lúc ấy, trên cành cam ở đỉnh đầu thẳng xe cũng có chim kêu choáng lên:

– Hồ hồ ri íu! Hồ hồ ri íu!...

Kể về ngôn ngữ của "loài hai chân không lông vũ" thì cái câu nói của loài có lông vũ ấy nó na ná cái hình thanh của một câu văng tục vậy. Và hai con chim ở trên cành chính là bố mẹ con chim con.

Trông thấy con bố và con mẹ, thẳng xe tinh nghịch giơ con con ra. Hai con kia liệng bay xuống gần bàn tay nó như muốn tìm cách đánh tháo cho con, hai cánh tuy đập đập nhưng toàn thân ở nguyên một chỗ giữa không khí, như những lúc loài chim bói cá đứng ngấm cá trên mặt ao trước khi văng mình xuống nước. Sau khi biết thật là không có cách nào, hai con bố mẹ mới lại bay lên đậu ở cành cao. Hồ hồ ri íu! Hồ hồ ri íu!... Đồ... Đồ láo! Đồ láo!

Ông chủ nhìn vợ, hỏi:

– Ghê không? Gớm chưa?

Bà vợ đáp:

– Ấy tình mẫu tử của loài chim mà cũng đến như vậy.

Ông chủ lại bảo xe:

– Chim non rơi thế này, ắt phải rơi cả tổ. Mà ra xem chỗ ấy có còn cái gì nữa không. Tao chắc còn con nữa, vì bao giờ loài chim cũng nở từng đôi một.

Đứa đầy tớ ra tìm kiếm trên bãi cỏ gần hàng rào. Một lát sau nó đem vào một cái tổ chim, với một chú chim non lại còn non hơn con trước, bé hơn, chưa biết kêu.

Cả nhà đều ngạc nhiên. Con chim trước lồng lộn lên muốn bay đi như thế, mà vừa bị đặt vào tổ, đã nằm ngay xuống cạnh "đứa em" - hoặc "đứa vợ", vì loài chim không sợ loạn luân như loài người - một cách vô tư lự, rồi, sau cùng, nhắm ngay mắt lại. Nó ngủ! Nó tưởng

cái tổ của nó lúc ấy vẫn như ở trên cành cây. Thư đưa tay đập khẽ vào vành tổ, tức thì cả hai con vươn cổ lên để há mỏ ra như hai cái phễu.

Hai cái cổ mảnh dẻ lúc ấy lại bị phô ra đồ hỏn, trông như có thể đứt rất dễ, giữa hai làn lông măng còn tơ. Ông chủ lại nói to:

– A! Nó đói! Đi bắt cho nó vài con châu chấu! Bắt những con non ấy!

Thằng xe lại chạy ra vườn. Hai con chim mất tổ lúc ấy ngơ ngác vì cảnh gia đình tan nát, cứ bay lại đậu gần mái hiên, chuyển từ cành ổi sang cây cam, từ cây cam sang cây chanh. Hồ hồ ri íu! Hồ hồ ri íu! Đồ láo! Trên đầu có cái mũ chào mào giống như hình cái chìa vôi, dưới đuôi có một đám lông đỏ màu hoa lựu, đeo cái can đảm trắng xoá ở trước ngực, hai con chim vẫn luôn mồm chửi rửa những người đã phá tổ và cướp con của chúng. Nó cũng đau đớn đến bậc hóa ra táo tợn như loài người.

Thằng xe đem vào mấy con châu chấu. Ông chủ bóp bẹp đầu con bọ, ngắt cọng của nó rồi đập vào vành tổ cho hai con chào mào vươn cổ lên. Ông mớm mồi cho hai con chim non mãi đến lúc chúng ăn no. Thư rất sung sướng khi thấy bố cũng nuôi chim cho mình.

Bữa ấy, hai người nhớn đã sống lại một khoảnh khắc của tuổi trẻ.

Nhưng mà, trò đời thế, sau cùng thì cái gì người ta cũng có thể chán được.

Cho nên lúc chiều, khi Thư vào phòng yêu cầu bố ra cho chim ăn, ông bố bèn lấy dây gai buộc cái tổ chim rồi treo lủng lẳng dưới cành một cây ổi, ở vườn hoa. Ông bảo con gái:

– Để thế cho con bố, con mẹ nó mớm cho con chúng nó.

Từ lúc cái tổ chim được treo ở cây ổi, vườn hoa bắt đầu có một quang cảnh hoạt động, tấp tập... Đôi chào mào bay đi, bay về, rộn rịp, săn sóc hai đứa con. Mỗi lần bay ở đâu xa về, một con (ý chừng là con vợ, vì bé nhỏ hơn con kia) - lại có ở mỏ hoặc một con chuồn chuồn, hoặc một con sâu xanh, hoặc một con bọ gì đó. Còn chồng thường đứng đề phòng loài người để báo những hiệu lệnh riêng cho

con vợ, những khi con vợ mạo hiểm đến chỗ cái tổ để mớm mồi cho hai con.

Lần đầu, chúng nó còn e sợ, bay liệng quanh cái tổ như nghi hoặc loài người cạm bẫy gì chúng. Mấy cái dây gai lòng thòng chung quanh nút buộc dưới tổ cũng đủ làm cho đôi chim ấy, trong nửa giờ đồng hồ, chỉ dám mon men chung quanh chứ không dám quyết định đến đậu vào vành tổ để mớm cho con. Mỗi khi con vợ sắp sà vào cái tổ rơm, con chồng lại chuyển hết cành này sang cành nọ, cứ đập cánh vù vù kêu luôn mồm: Hồ hồ ri íu!... Nào! Nào! Khéo! Nào khéo!... Và, những khi nghe thấy tiếng bố mẹ, hai con con lại vươn cao cái cổ đỏ hồng và nhỏ như sợi sắp đứt, há hốc mồm, cũng kêu gào... Chiết chiết chiết chiết!

Lúc ấy, cô Thư ngồi nghiêm chỉnh trên ghế dưới hàng hiên chăm chú nhìn sự vật, không bỏ qua một cử chỉ nào của loài chim. Thằng xe thì, sau khi sửa xong cái rào găng, đã hỏi tội đến những đồng lá sả. Ông bố, bà mẹ, thỉnh thoảng từ bên trong ra hiên xem chim. Hôn con gái một cái, rồi lại vào.

Bỗng Thư reo lên:

– A a! Con mẹ nó đã mớm!

Quả vậy, con chim mẹ đã liều chết đậu vào cái tổ mớm mồi cho con. Thấy bình yên như thường, nó nhìn chung quanh tổ một lượt như một người đi xa, lúc về nhà cần phải xem xét nhà cửa và đồ đạc. Sau cùng, nó mổ một viên gì trắng trắng ở tổ, móc lên, ngửa cổ nuốt... Cô Thư hỏi thằng xe thì nó đáp:

– Nó dọn cúrt cho con nó đấy!

– Chỉ dối!

Thư nguẩy đầu nói thế, vì không tin.

Hai con chim, trên cây, lại vụt bay đi kiếm mồi. Năm phút sau, cả hai cùng về, có mỗi con một con sâu ở mỏ.

Hồ hồ riu! Nào, nào, khéo!

Đến lúc trời tối sậm, hai con bố mẹ đậu yên một chỗ cao chót vót ở ngọn cây xoan, giữa vườn hoa.

Sáng sớm hôm sau, thằng xe lại buộc cái tổ chim ra cạnh cây ổi. Nó kêu:

– Mới có một đêm mà lông lá nó đã xù ra rồi! Chóng quá đi mất!

Vì lẽ thằng xe lại còn đi chợ, nấu cơm, giặt quần áo, làm những việc vặt khác, nên hôm ấy, Thư ngồi một mình xem chim, không có người nói chuyện với. Ông bố và bà mẹ cũng chẳng còn sốt sắng săn sóc đến cái tổ chim như hôm qua. Tuy nhiên, Thư cũng được một ngày sung sướng. Cô bé vẫn có thể ngồi cả ngày nhìn ra vườn, hoặc trốn vào một góc tường những khi thấy chim e ngại đến gần tổ, hoặc nhô ra nhìn, những khi hai con chim con vừa được mớm xong. Cô bé không thấy chán tí nào cả.

Ông bố chạy ra hỏi con:

– Thế nào? Nó có mớm không?

Thư quay lại, ngheo cổ, cười và đáp:

– Bốn con sâu rồi cơ, ba ạ!

– Thế à!

Bà mẹ cũng chạy ra. Thư đòi:

– Mẹ ơi, mẹ mua cho con cái lồng chim đi mẹ! Mua để nhốt nó lại!

Bà mẹ khất lần:

– Ừ, mai rồi mẹ đi mua.

Lúc ấy, hai con chim bố mẹ lại bay đến tổ, lần lượt mớm mồi cho con. Tuy đã dạn người lắm rồi, chúng cũng vẫn còn dạn nhau: "Nào, nào, khéo! Nào khéo!". Trông thấy cái tình của loài chim sâu xa đến thế, nồng nàn đến thế, bố mẹ Thư nhìn nhau, đăm đuối, hôn trộm nhau sau lưng con. Người vợ nói:

– Giời sinh ra tài thật, nhỉ cậu nhỉ?

Người chồng gật gù cái đầu, đáp một câu vô vị:

– Chính thế.

Giữa lúc ấy, tiếng chim kêu bỗng lú la lú túu khiến cho mọi người vội quay nhìn ra. Con chồng thì cứ bay liệng từ cạnh này sang cạnh khác, mỏ vẫn ngậm một con châu chấu mà vẫn hót được: "Hồ hồ ri í!... Nào, nào khéo!" Còn con chim vợ thì lại thay đổi ngôn ngữ

bằng cách nói: "Tri huy tri huy tri huy!" Nó cứ đập đập hai cánh bay nhảy ở một cành cây giáp với cái tổ nhưng không đậu hẳn vào vành tổ. Nghe thấy tiếng mẹ, hai con con lại há hốc mỏ, vươn cổ rõ cao. Nhưng mẹ chúng cứ bay đến gần chúng mà vỗ cánh, múa may và hót bằng đủ các thứ giọng. Con bố cũng bay quanh, ra ý đề phòng bọn người. Trên cây ổi, đó là hai chấm đỏ, lập lòe đậm bông như hoa lựu về mùa hạ của Nguyễn Du. Hai con con kêu thế nào, con mẹ cũng không vào mớm.

Bọn người đứng dưới hiên đương ngạc nhiên về cái cử động khác thường ấy, thì chợt, vù một cái, một con chim non đã bỏ tổ bay theo mẹ. Nó bay lên đậu ở một ngọn cao ngất ngưỡng. Hai con bố và mẹ hát khúc ca khải hoàn của loài chào mào những lúc tự do ngửa cổ hót trước gió: "Thích tinh nào! Thích tinh nào! Huých tô rô! Huých tô rô!" Rồi chúng dịu dặt đưa con cho nó bay chuyền từng đoạn ngắn một cho đến lúc lên được ngọn cây xoan!

– Giời ơi! Nó bay! Nó bay mất!

Kêu xong, ông bố chạy vội ra cởi dây gai, đem cái tổ chim vào nhà. Trong tổ vẫn còn lại con kia, chưa đủ sức bay theo bố mẹ.

Mấy hôm sau, con chim non vô phúc kia bị nhốt vào một cái lồng son. Thằng xe đã phải suốt ngày bắt châu chấu. Cô Thư cứ việc lấy cái que xiên vào con bọ để đưa qua nan lồng. Nằm nguyên một chỗ trong tổ, con chim hưởng sự săn sóc của cô bé cũng như của ông bố nó. Cái mào trên đầu nó nhô cao lên. Ngực nó đã kín. Cái bụng dưới đuôi nó dần dần bé đi. Sau ba ngày, nó cũng đã nghiêm nhiên trông ra mẽ lắm, đã đến cái thời kỳ "kiếm lấy mà ăn" vậy.

Nó bắt đầu mổ được, và nhảy nhót bấu vào những nan lồng.

Nhưng đồng thời, hai con bố mẹ và con con ở ngoài vườn cũng cứ ngày ngày đến khiêu khích nó, xui giục nó kiếm cách mau xỏ lồng tháo cũi mà ra. Nghe thấy những tiếng "Hồ rú! Huých tô rô!..." con chim trong lồng cũng đập cánh ngửa cổ hót đáp:

– Tri huy tri huy tri huy!

Ngây thơ, cô Thư lại đem lồng chim ra treo ở cây ổi. Ba con chim bên ngoài tức khắc bay quanh cái lồng, ca hát véo von... Con chim ở

bên trong lồng lộn lên, rúc mỏ qua cái nan lồng, như điên, như cuồng, nhưng cô bé ngây thơ lại tưởng nó nhảy nhót gì vui vẻ.

Trong lồng có một nửa quả chuối tiêu và một cống nước lã. Dần dần, con chim bỏ cả uống, quên cả ăn. Nó hóa ra gầy còm. Nhưng cái sự ấy người ta không để ý đến.

Cô bé Thư cứ sáng sớm lại xách lồng ra treo vào cành ổi, để đến chiều lại cất vào dưới mái hiên.

Ông bố, bà mẹ, cũng đôi khi nhìn đến cái lồng để không có một cảm tưởng nào cả.

Thằng xe có bốn phận sáng nào cũng thay cống nước lã, và bỏ vào cái lồng một mẩu chuối, sau khi lôi mẩu chuối cũ đã xám xịt ở trong lồng ra. Nó không để ý xem rằng mẩu chuối bị ít hay nhiều vết mốc. Nhưng lần nào thấy người, con chim non cũng bay loạn xạ cả lồng.

Thế rồi, một hôm con chim chào mào non tuyệt thực, và chết, giữa những câu ca hát quyến rũ của bố mẹ nó và chồng nó.

*Đông Dương tạp chí,
số 18; ngày 11.9.1937*

Người có quyền (1937)

Đứng ngắm trước gương, anh ta cài khuy cổ áo, vuốt lại hai tà áo nhẵn nheo, đội lại cái khăn lượt cũ cho chữ nhân đúng ở giữa trán. Anh ta nhìn vào gương một lần nữa, thấy mình "không ai chê vào đâu được", bèn ung dung ra đi. Chợt nhìn xuống đôi mũi giày Gia Định anh lại hấp tấp quay vào gầm giường cúi tìm đến chỗ mồ hôi tai mới thấy cái bút tắt cũ. Anh lau mũi giày, vui mừng rằng đã không quên một việc có thể rất có hại cho danh dự của anh. Chứ gì! Anh mà lại đi đôi giày bụi bặm ra phố thì thiên hạ cười chết!

Qua gian nhà cầu, thấy bà mẹ đương ngồi cân tơ, lưng quay vào tường, anh rón rén gót chân như một tên trộm. Anh thở dài sung sướng vì mẹ không biết, không gọi lại hỏi, không căn vặn, để mà, sau cùng, đay nghiến là anh lêu lổng, là ăn hại, và bắt quay trở lại, bỏ khăn, áo ra.

Ra đến cửa hàng, cô Loan, em gái anh, lúc ấy đương có mấy cô bạn, trông thấy anh thì thấy đều ngồi im một cách kính cẩn. Các cô đương bàn chuyện mặc "soóc" để chiều chiều, lên diện ở Hồ Tây... Thấy em gái đương chuyện như pháo ran mà trông thấy mình lại vội im bật, anh ta vừa ngạc nhiên, vừa sung sướng, không hiểu tại sao bỗng dưng cô em lại sợ mình đến như thế.

Ngoài phố, đèn đã sáng. Một ít giai gái đã bắt đầu đi nghêu ngهن hai bên hè, tìm những cái thú ăn chơi của ban đêm. Anh tránh cái hè đông người, bước sang hè bên kia. Anh đi đến phố Cửa Đông, Đường Thành...

Nhưng mà đến chợ Hàng Da, đương đi thẳng, anh bỗng dừng chậm đà chân, rồi tiến thẳng về phía Ngõ Trăm. Anh ta tự hỏi: "Ta có nên đến đây ngay bây giờ không? Ta lại hai bàn tay không như thế này mà đến chỗ ấy ư?" Thế rồi anh liên miên nghĩ đến bà mẹ ác nghiệt, người anh cả hiện đã là một ông phán, "vinh thân phì gia", thằng em giai hiện đã đỗ tú tài mà chỉ giỏi hát lời Tino Rossi và đi

đêm với bọn vũ nữ, cô em gái út rất tân thời, được bà mẹ nuông hết sức mà mãi chẳng "thấy ma nào nó rước"... Bỗng đâu anh oán giận tất cả ngần ấy người... Hôm nay, anh đã là cha một đứa trẻ con! Vợ anh đã đẻ được một đứa con giai kháu khỉnh vậy mà anh phải hai bàn tay không đến nhà hộ sinh! Mà gia đình anh tịnh không ai biết!

Nghĩ đến đây, anh đứng dừng hẳn lại, rất ngạc nhiên để tự hỏi mình như một người qua đường: "Thế có tức không? " Vì lẽ không ai đáp, anh lại cắm đầu cắm cổ đi, đi mãi, cũng chẳng biết có nên tức hay là không nên tức.

Vợ anh? - à, mà cái đó đã cố nhiên, thế là nó đã là vợ tôi, đứa bé kia là đứa con tôi, thừa các ngài! Đó là một người đàn bà góa chồng rất trẻ, cũng vui vẻ, nhí nhảnh như số đông những người góa chồng khác, mà anh đã gặp trong một cuộc chần chạp, mà anh đã chìm... Đã chìm...? Bẩm chính như thế đấy ạ! Nói thế chắc hẳn chẳng ai tin đâu, nhưng mà sự thực ấy là thế. Người xưa nói "Tâm ngảm tâm ngảm mà đâm chết voi" - Phải biết! Hạnh phúc là một thứ quà của sự tình cờ nó thường cũng có khi rơi vào giữa mồm cái thằng đại lãn nằm dưới gốc sung, hay là nó thường rơi vào tay những quân ngu dại. Người xưa cũng đã nói cả rằng: "Ngu phúc xuẩn thọ". Nhưng mà chính anh ta thì, thật tình, anh chẳng biết mình là một người ngu.

Thấy anh mà cũng có nhân tình, có một người hỏi nửa thật nửa bỡn:

– Ô kìa, ông hai! Làm thế nào mà khéo thế, giỏi! Cái món ấy kháu đấy nhỉ? Thế đã nước gì chưa?

Đối với một người vô nghề nghiệp thì có một cô nhân tình cũng như là có một chức nghiệp. Anh ta vui vẻ đáp lia lịa:

– Chứ ông tưởng! Cái món ấy nó yêu tôi thì còn oan cái nỗi gì!

Thật vậy. Là vì anh không hiểu rõ cái giá trị của anh. Chỉ biết rằng có một bà mẹ là một cụ cữ hẵn hoi, có một ông anh phán sự ngoại ngạch, có một cậu em tú tài, có một cô em gái hết sức "a la mốt" thì là danh giá chán, anh ta chưa hiểu rằng tuy vậy, anh cũng chẳng là "cái quái" gì cả. Nhưng mà thiên hạ lại chẳng ai nhìn anh bằng cái thứ mắt mà anh nhìn anh. Người ta chỉ trông thấy anh là một kẻ

"thằng không ra thằng, ông không ra ông", văn dốt, vũ dốt, hai mươi bảy tuổi đầu còn ăn bám vào mẹ, cả ngày đi tìm những gia đình nhàn cư vì bất thiện để gạ đánh cờ không ăn tiền hay là châu rìa tổ tôm. Mà, rõ khổ! Đã thế, thỉnh thoảng lại còn đi nhảm giầy nữa! Trong phố, người hiền lành nhất đời cũng bình phẩm anh là: "Rõ cái anh chàng đến vô vị!". Còn người độc ác thì lại kêu: "Cái thằng ấy có chó lấy!". Cả đến chính bà mẹ của anh nữa cũng không bao giờ nghĩ một cách thận trọng đến việc lấy vợ cho anh. Bà chỉ ngong ngóng xem người nào ế chồng, nhiều tuổi hơn anh hoặc là đã góa chồng rồi, thì mới dám mong không bị từ chối.

Bởi thế cho nên anh... Đi chim! Bởi thế, anh phải có nhân tình! Mà có rồi ạ, rồi ạ!

Anh tự nhủ:

– Mẹ ta không muốn cưới vợ cho ta chỉ vì không muốn mất ba trăm bạc. Thì ta sẽ lấy vợ không mất một xu nào! Cho mà xem!

Anh lấy vợ thật: người đàn bà ấy ăn ở với anh non vợ chồng mà già nhân ngãi... Tại sao người ấy lại yêu anh ta nhỉ? Rõ khổ lắm, thì còn ai hiểu được lòng người, nhất lại là lòng người đàn bà. Trong một buổi chán chạp có sự thân mật, có sự kè dùi kè vế, anh ta vô tình mà cảm được một người đàn bà góa chồng có trong lòng bao nhiêu giầy đàn mà đã từ lâu không có tay tiên nào gảy đến. Tức khắc, người ấy yêu anh. Một lần, hai lần, những tưởng giải trí qua loa thôi, không ngờ cái tình bắt đầu phai thì cái nghĩa nó cũng sắp sửa thắm. Nói cho cùng, người đàn bà ấy trót nhớ mà yêu anh. Ấy sự đời là thế: có thứ đàn bà lấy chồng hoặc theo giai y như người ta trót nhớ đánh vỡ mất một cái chén vậy.

Về phần anh thì anh chẳng tốn kém một đồng xu. Vợ anh tuy cô độc, tuy nghèo, song cũng có một nghề độ thân. Vợ anh bán guốc trên chợ, thuê một căn nhà nhỏ trong ngõ Hàng Hành. Sớm đi tối về, cơm đèn hai bữa. Trong những lúc ái ân, anh đã hứa:

– Mình cứ an tâm. Rồi tiện dịp, tôi nói với bà lão nhà tôi thì mình cũng được về nhà tử tế. Rồi chúng ta xin bà lão trăm bạc làm cái vốn riêng.

Người đàn bà kia gật đầu. Tuy anh chẳng có nghề gì, nhưng cũng "con nhà danh giá". Em ông phán, anh cậu tú, con cụ cử. Bẩm phải ạ, vậy các bà cứ thử nghĩ xem!

Ngót một năm trời, anh đủ sống sung sướng. Tuy ban ngày chỉ đi gạ đánh cờ không tiền hay châu rìa ván tài bàn, nhưng mà, tối đến, từ 9 giờ đến 11 giờ thì anh lại căn phòng nhỏ với người yêu. Xong cuộc anh về nhà trình diện mẹ, bị đánh chửi là đêm nào cũng đi, như một người con chí hiếu ở thế kỷ hai mươi vậy. Chỉ có một lần là anh phải ngờ vực cái người chung tình có một của anh. Mười giờ đêm hôm ấy, sau khi ốm liệt giường liệt chiếu mất một tuần lễ, bất thành linh anh khởi, và đến với vợ. Thì vừa lúc anh gặp một ông to béo ăn mặc như một quan hàn, từ buồng vợ đi ra, dáng điệu mỗi mệ, lừ đừ. Anh đã nghi, nói xa xôi, bóng gió, hỏi thật, thì vợ anh thét lên: "Cậu người ta đấy, khỉ ạ!" từ đấy anh không gặp mặt cậu vợ ở nhà vợ nữa, và được yên tâm.

Mãi đến bây giờ, vợ anh đến nhà đẻ, nằm phòng ba chục một tháng.

Anh ta lại từ Ngõ Trạm quay về phố Cửa Đông. Vì anh ta đã nghĩ: "Tuy bây giờ ta không có xu nào trong túi, nhưng mà nay mai hẳn phải có tiền giúp được người yêu... Miễn sao cái khai sinh gửi ra tòa Đốc lý! Thế là quan Đốc lý ngài nhận thực rằng ta là chồng nó, là cha đứa bé. Mà lão có muốn phá cũng không kịp nữa: quan trên nhận thực rồi!".

Sau khi lý luận ngây thơ như thế, anh gõ cửa nhà hộ sinh. Vợ anh trông thấy anh thì sừng mặt lên, không nói gì cả, song anh cho đó là cái oẻ hoẻ, cái khó tính của gái đẻ. Người nữ khán hộ giờ đứa bé con giai ra nói:

– Con giai hẳn hoi! Giống ông như đúc?

Anh nhìn đứa bé, chẳng thấy nó giống mình mấy (vì trẻ mới đẻ đứa nào chả thế) nhưng cũng nói:

– Vâng, nó giống tôi.

Cô khán hộ lại tiếp:

– Đây này: cái tai dày chính là tai ông, cái nhân trung dài chính là nhân trung ông!

Anh ta gật đầu:

– Cám ơn bà, bẩm chính thế đấy ạ.

Rồi ngồi im như phỗng, hưởng cái sung sướng có vợ, có con. Khi cô khán hộ ra khỏi phòng, anh mới hỏi người yêu:

– Khai sinh cho con chưa thế, hờ mợ?

Người yêu của anh, đến đây, ngồi lên, rầu rĩ nói:

– Thôi, tôi cũng không thể dấu anh được nữa, vậy tôi đành lòng phải nói... Người kia nhất định khai sinh cho nó rồi.

Anh ta lặng hẩn người đi như mó phải dây điện. Vừa thở hồng hộc vừa hỏi:

– Thế nào? Nói gì thế? Người kia là đứa nào? Đứa nào là người kia?

Người vợ chung tình chép miệng làm gọn một câu:

– Cái lão mà anh đã gặp, mà tôi đã nhận là cậu tôi, chứ còn đứa nào!

Anh ta đứng hẩn ngay lên, nắm tay lại. Những người hiền lành hay cục, những kẻ ngu vẫn quen hung hăng. Nhưng người đàn bà ấy điềm tĩnh:

– Ấy thế mới phiền chứ!

– Sao mà đã thế với ông?

– Ai bảo anh đi tin thế?

– á à! Gớm nhỉ! Mà nói cái mồm mà cứ gọn thon lỏn đi thôi! Chuyện dễ nghe nhỉ? Ông lại chém cổ... Mà đi bây giờ...

Anh ngưng lại để mà ngạc nhiên về cái phũ mồm của mình lần đầu trong đời, anh đã nói nặng người yêu. Nhưng người đàn bà cũng nổi nóng chẳng kém:

– Thôi đi, anh câm đi! Anh ngu lắm? ừ, thử hỏi, trong một năm nay, tôi có tệ bạc gì với anh không, anh có cho tôi được lấy một đồng xu nhỏ nào không? Cái bộ mặt anh mà lại đòi có tiền à! Nay tôi bảo thật, cái buồng ba chục một tháng này, tiền lão ấy đấy, cái

buồng ba chục đồng ở ngõ Hàng Hành, tiền lão ấy đấy, cơm tôi ăn cũng tiền lão ấy, con sen tôi nuôi cũng tiền lão ấy, anh nghe ra chưa?

Anh ta tái người đi vì cái "lão ấy" sao nó lăm tiền thế! Anh ngồi im lặng nửa giờ để rồi tìm ra được mấy câu này:

– Mặc kệ chứ? ừ thì như thế, nhưng mà hỏi rằng đứa bé này là con nó hay con ông?

– Anh thử nhìn xem? Anh vội tin cô đỡ thế à? ấy là người ta nhầm, người ta nịnh anh. Cái mũi này mà là cái mũi anh à? Cái mồm này mà là cái mồm anh à? Hai con mắt này mà là cái mắt anh à?

Anh ta nhìn lại đứa bé mà người đàn bà giơ ra. Anh chỉ có thể biết đó là một đứa trẻ mới đẻ thôi, chứ giống chỗ nào thì anh không sao biết nổi! Tuy nhiên anh cứ nói bướng:

– Đích thị nó là con ông! Nó giống ông như đúc!

Người đàn bà xua tay:

– Thôi không phải rườm rà! Anh muốn còn tình còn nghĩa thì anh câm đi! Chứ đến luật pháp cũng không có quyền buộc tôi có bổn phận gì với anh cả! Mà người ta nhất định đứng tên trong giấy khai sinh rồi... Vả lại, anh có chắc đấy là con anh không?

Trước một lý luận cứng như thế, anh ta ngồi im như một con cóc. Thật thế, anh không có tiền, chẳng có quyền, cũng không dám tin đứa bé chính là con anh.

Anh đâm nản.

Anh còn ngồi ỳ ra đấy như một người đáng ghét thì người đàn bà nhìn qua cửa sổ một cách sợ hãi, nói:

– Chết chữa kìa! Người ta đến kia rồi! Anh đi đi!

Lúc ấy, ở sân nhà hộ sinh thấy có một người béo lùn - chính người anh đã gặp - hai tay ôm lễ mễ hai đồng tượng những: hộp sữa, rượu bổ, lê, táo, khăn mặt bông, bí tắt mới.

Tức thì anh ta thấy sợ, sợ như sợ một người cậu bên nhà vợ. Anh đứng lên đi lối cửa sau. Ra ngoài, anh lẩm bẩm: "Được, cứ nuôi cho nhớn! Để đấy! Bao giờ ông có tiền ông mới đi kiện, bắt thử máu cho mà xem!".

Sau cùng, thấy trong túi có hai hào, anh đến một tiệm thuốc phiện để giết cái buồn cũng như số đông những kẻ khổ sở khác.

*Đông Dương tạp chí,
Hà Nội, số 15; ra ngày 21.8.1937*

Đời là một cuộc chiến đấu (1939)

Trong thiên hạ này, ai dám bảo Pierre Quyền là một người khổ sở? Ai! ừ, đứa nào dám hỗn láo đến thế? Há đó lại chẳng là một tội nặng cũng như tội phạm thượng?

Phải biết: Pierre Quyền là con bố của một tay trọc phú lừng danh. Phải biết: P. Quyền đã sang tận Pháp để làm du học sinh, rồi, về nhà, lấy được một cô vợ đẹp nồn, cho dầu chẳng giặt được mảnh văn bằng nào, cái đó cũng lại là rất hợp thời trang nữa, vì ở xã hội này may mà đã có một số trí thức chân chính kia không coi văn bằng là chứng cứ về chân giá trị của con người. Lại phải biết nữa: P. Quyền, mới ba mươi tuổi đầu, cũng đã được hân hạnh là một dân bẹp tai chính thức, mỗi ngày hút xoàng mất ba đồng bạc thuốc phiện, - cái điều lý tưởng của một số đông thanh niên Nam Việt... Đứa nào nói ngoa thì không đáng gọi là giống người! Xưa kia, lý tưởng thanh niên là khôn lớn thì làm quan. Bây giờ cái lý tưởng ấy đã đổi: khôn lớn thì giàu, thì trúng số độc đắc, để có thể an tâm nằm một chỗ mà hút, và không làm một việc gì cả, bất kể là hay hoặc dở, nhưng hễ thấy ai làm việc gì cũng chửi chơi! - Nói tóm lại một câu thì Pierre Quyền là một người hoàn toàn sung sướng, vì đã là một cái gương hưởng thụ đáng cho bạn trẻ soi chung. Vậy bảo anh ta khổ sở là thằng nào? Đồ láo!

Tôi đương lấy làm ngạc nhiên vô cùng ở chỗ thấy trong đời là có sự quái gở ấy, thì, một hôm, tôi lại ngạc nhiên hơn nữa, mà khám phá ra rằng cái con người dám bảo Pierre Quyền là một kẻ khổ sở, lại chính là Pierre Quyền. Thì có lạ không?

Vậy thì... Ta không nên nóng vội. Mặc dầu những điều kiện hưởng thụ của ta là "thư bất tận ngôn" đi nữa, nhưng khi óc ta đã có một cái lý tưởng, bất cứ về loại nào - chỉ có một cái thôi - ta cũng có thể rất khổ sở được, như những kẻ khổ sở nhất trần đời.

Và cũng như số đông những nhà trí thức ở nước Nam này, than ôi! Pierre Quyền của chúng ta cũng có trong óc một thứ lý tưởng.

Tôi xin kể "mặt ngang mũi dọc" cái lý tưởng ấy nó ra sao.

Cái lý tưởng ấy, anh Quyền chơi khoanh, cứ giữ lấy một mình như một mối tâm sự đau thương riêng, chứ không nói rõ cho tôi biết. Cho nên tôi phải đoán phỏng, nếu có võ đoán cũng mặc kệ, vì nếu Quyền lại biết rằng tôi ngờ anh là kẻ khổ sở thì có phen anh tuyệt giao với tôi! Vốn tròn, tôi không muốn mất lòng ai cả.

Lần đầu mà anh mời tôi đến nhà, lên cái gác riêng tại đó anh đóng bản doanh cho cái bàn đèn phù dung, thì đó là anh tỏ cho tôi biết rằng tôi được hưởng một cái thân mật ít có, bạn hữu anh ít kẻ được thế. Anh đã, trong khi phô phang những cái gì là đặc thắng trong đời, thì cũng đồng thời thổ lộ cho tôi biết cái gì là đau khổ của anh. Thổ lộ bằng việc, chứ tất nhiên không bằng ngôn ngữ. Quyền có là một nhà triết học chẳng? Cái triết lý của con người ta ở đời này có phải là hể sống thì phải biết mùi tân toan chẳng? Mà phải chẳng một bậc triết nhân là một người biết sáng tạo cho mình một cái khổ, nếu đời mình sống chưa đủ thấy khổ?

Tôi cứ băn khoăn mãi về mấy câu hỏi ấy, quên cả rằng ngay trước mặt mình, đó là một cảnh Bồng Lai hửn hoi. Phòng hút của Quyền bài trí lịch sự đặc biệt, toàn những đồ dùng lọc lõi, thật đã đúng như câu anh vẫn kiêu ngạo nói: "Cái gì tôi đã chơi thì không ai có; cái gì ai đã có thì tôi không thêm chơi".

Nhất là bộ khay đèn.

Thật là một kỳ công mà người sành sỏi nhất đời có thể thực hiện nổi. Thật là một lý tưởng mà một bậc anh hùng hiệp sĩ nhất đời có thể thành tựu được. Bao nhiêu cái tài hoa, bao nhiêu cái kiến thức thu lại và hiện hình ra, trong cái tiểu giang sơn ấy! Kể cũng bỏ công sang Tây du học lắm thay! Đèn thì là đèn pha lê trong vắt như nước lọc. Tẩu thì là tẩu "sái tách", nghĩa là khi ta kéo xong một mồi thuốc, nằm lơ mơ vừa được một phút, thì tự nhiên nghe thấy một tiếng "tách" rất bí mật, rất hữu tình: đó là sái trong tẩu đã rời ra tự nhiên, để cho về sau, ta chẳng cần lùa vào ruột tẩu cái móc thô lỗ nó có thể hỗn xược như một sự khám xét của tây đoan tại nhà một ông nghịen đã nức tiếng là trung quân ái quốc, Pháp Nam trung tín cả hai triều,

vì xưa nay chỉ có dùng thuốc ty mà thôi. Giọc thì là thứ giọc trúc tối cổ, bóng hơn sơn quang dầu, tay mó vào, dầu có mồ hôi, không phải lau cũng không thấy ướt. Kéo khêu bắc thì không phải là thứ kéo có bán tại các hiệu tạp hoá, nhưng là thứ kéo đặc biệt dùng để cắt ruột người của những ông đốc tờ chuyên nghề mổ xẻ, mua ở hiệu thuốc tây. Còn những cái lật vật khác như lọ đựng rượu, vệt dầu, lọ đựng kéo, gác tiêm, cũng toàn bằng pha lê cả. Và nổi hơn hết, cầu kỳ hơn cả, là một cái bàn tính nhỏ, khung bạc, chốt ngà mà con trện là những viên ngọc tròn, đỏ và xanh. Cái bàn tính ấy, Pierre Quyền dùng để đo lường sức tiêu thụ thuốc, cái lượng của khói đã lùa vào phổi. Một ông nghiện biết tự trọng, có đâu lại tính nhẩm số những điếu thuốc đã hút bao giờ! Một bà vãi đọc kinh có đâu lại đếm cái số câu kinh đã thốt ra khỏi miệng bao giờ! Vậy thì cái bàn tính ở khay đèn này cũng có cái công dụng của giây tràng hạt của bà vãi ỉn. Một khi hút xong một điếu, Pierre Quyền chỉ việc gạt một con trện bằng cái mũi tiêm là xong.

Than ôi cũng như nhân vô thập toàn bởi cơ Tạo hóa ố toàn, cái bàn tính ấy vừa là biểu hiện, hạnh phúc lại vừa là tượng trưng đau khổ của con người có lý tưởng ấy.

Và đáng cứu thế Christ bằng gỗ vàng tâm mà anh Quyền treo bằng cách đóng đinh cả cái câu rút ấy một lần nữa trên tường, ở chỗ danh dự, lúc nào cũng như nhẩn nhó, cảm động, về cái khổ sở của con chiên chỉ ghẻ lở một cách tinh thần kia. Vì tôi quên nói rằng Pierre Quyền là một tín đồ tin Kinh Thánh nữa.

Lúc mới nằm vào, tôi được hân hạnh bạn giao hẹn thế này:

– Chả mấy khi anh đến chơi, vậy đã phạm tội thì cũng nên phạm thế nào cho bỏ với sự thú tội, nghĩa là tôi hút một điếu thì anh cũng phải hút một điếu.

Tôi gạt đầu liền, vì lúc ấy chưa rõ cái đức tiêu sài đại lượng của anh đối với nhà Đoan. Nhưng sau, hỏi và được anh đáp là mỗi bữa anh hút ít nhất năm chục điếu, tôi mới thất đảm kinh hồn! Phải lạy van mãi mới được anh ửng cho tôi chỉ phải theo anh 1 phần 10 thôi. Tôi hút điếu thứ ba, anh Quyền hút đến điếu thứ ba mươi, thì vợ anh

lên, ngồi chổ dưới chân chúng tôi, pha cà phê một cách vô cùng ngoan ngoãn.

Thấy người vợ trẻ măng như thế, mà lại không tỏ một tí gì là oán giận chồng hoặc hổ thẹn về cái đức nghiện hút của chồng, tôi mới nhớ ra cái gia tài ba cửa hiệu thợ may tây rất to thuộc quyền sở hữu của bạn tôi. Bỗng đâu tôi có thể có được cái ý nghĩ khoan dung này: "ừ, nói cho cùng thì thằng cha này hút cũng là phải! Tội gì mà chẳng nghiện, khi ta ở giữa một xã hội khó thở, mà bao nhiêu kẻ có học thức, có tâm huyết, ngoài cái sự hy sinh làm mồi cho ngục thất và máy chém thì thôi, cũng đến khoanh tay chịu vậy, chẳng làm được trò gì!" Rồi, xa xôi, tôi khen Quyền là một người may mắn được hưởng hạnh phúc.

Nhưng Quyền lại ra ý không bằng lòng. Bảo anh sung sướng, anh cho thế cũng thí dụ như bảo anh là đồ ngu! Vì rằng anh cãi:

– Anh nói nông nổi lắm. Con người ta ở đời, phàm đã có một quả tim để sốt sắng, một khối óc để nghĩ ngợi, thì có thể nào lại sung sướng được!

Tức quá, tôi bèn hỏi:

– ừ, thế như anh, thì anh còn thiếu thốn cái gì để khao khát cái gì nữa nào?

Vợ anh Quyền cũng họa theo:

– Thừa bác, ấy nhà tôi cứ nói ượng thế đấy, mà không biết rằng được thế này cũng đã là sung sướng hơn tiên.

Quyền lim dim cặp mắt, đáp bằng những lời triết lý viễn vông:

– Vì rằng người ta ai cũng thế cả, dầu nghèo, hay giàu, dầu thừa thãi hay thiếu thốn, thì đều cùng khổ sở cả, duy cái khổ của thằng giàu khác với cái khổ của thằng nghèo, thế thôi. Tôi không nói rằng tôi cũng có một hoài bão riêng, một lý tưởng riêng, nhưng tôi nói rằng đối với ai cũng vậy cả, cuộc đời chỉ là một chặng đường dài đi thì nhọc mệt, chán nản; vì rằng đời là một cuộc chiến đấu...

Tôi chưa hiểu rõ nhưng rồi chúng tôi cũng nói sang những chuyện khác. Quanh bàn đèn, ta có thiếu gì đầu đề mà bảo cứ phải bám mãi vào một lý thuyết mà ta không hiểu cho nhau!

Anh Quyền, lúc ấy đã hút đến điều thứ năm mươi.

Tự nhiên thấy anh ngồi lên, sốt sắng mời:

- Này! Làm một điều nữa nhé?
- Thôi chịu! Say lắm rồi.
- Thì một điều nữa thôi thì đã làm sao? Nghiện ngay đấy mà sợ!
- Không phải sợ nghiện nhưng thấy buồn nôn rồi. Khó chịu lắm.
- Thôi thế thì anh về đi cho xong.
- Anh đuổi, chứ anh giết tôi, tôi cũng xin chịu thôi.

Tôi thấy anh Quyền nằm xuống, ruỗi thẳng cả chân lẫn tay, thất vọng hết sức. Mặt anh có những nét buồn rầu, đáng cho ta động mỗi thương tâm. Đến lúc này, tôi mới hiểu ra rằng tuy vậy, Quyền vẫn không là người sung sướng thật! Tôi bèn vội cứu chữa:

- ờ thì tiêm cho tôi một điều nữa vậy.

Rồi tôi hút, rồi bạn tôi gạt con triện trên bàn tính một cái, rồi bạn tôi ngoay ngoáy tiêm một hồi dài. Để hút chứ không phải để mời tôi nữa. Trên cái mặt hốc hác ấy, ở cặp mắt lơ đãng ấy, kể từ điều thứ 52 trở đi hạnh phúc hiện ra bằng nét và hào quang.

Tôi hỏi:

- Gớm, anh hút thêm mà sao hút nhiều thế?

Anh đáp rất tự nhiên:

- Nếu đã hút thêm, thì cứ phải hút từng mười điều một dịp, không hơn cũng không kém được.
- Sao lại không thể nào hút thêm một vài điều mà thôi?
- Vì kiêng. Hút thêm dưới một chục sợ sái mặt Thần Tài. Nếu Thần Tài mà sái, có khi không có thuốc đâu mà hút nữa.

Câu mê tín ấy, Quyền đã nói một cách sốt sắng, cũng như đức Giáo Hoàng có thể nói quyết: "Tôi tin rằng Thượng Đế!" vậy. Từ đấy, tôi nằm yên, lim dim mắt lại xem anh ta "làm ăn" ra sao... Tiêm đến điều thứ 59, bỗng Quyền lại gạ tôi:

- Này, lại hút một điều cuối cùng nữa nhé?

Biết từ chối là thất sách, tôi không đáp, chỉ ngồi lên nhàn mặt, một tay nắn cổ. Rồi tôi "oẹ" một cái để chảy nước bọt vào ống nhổ, vờ như đã buồn nôn. Thì Quyền không nài ép nữa.

Anh ta hút điều thứ 59, điều thứ 60, rồi thở dài một cái thật là chán đời.

Anh gắt như tôi có lỗi nặng:

– Chó thật! Có một thằng bạn, mà lại không hút!

Rồi anh quay mặt vào tường, lại thở dài. Chẳng biết có phải đó là anh đương đau đớn vì có nhân ngãi mới chết đó chẳng! Chẳng hiểu có phải ấy là anh đương khóc lóc đó chẳng!

Nhưng bỗng anh cựa mình đánh thành một cái, quay mặt lại bàn đèn một cách rất cả quyết. Trên mặt anh, tôi thấy cả một sự sốt sắng phi thường, cả một cái can trường xuất chúng. Anh hút điều thứ 61 để rồi thở dài một cái sung sướng như một đứa trẻ vừa uống xong thìa dầu gan cá thu. Thế là, từ điều 62 trở đi, tiếng thuốc chui vào mũi tẩu vo vo như máy xe hơi mở tốc lực mỗi giờ 70 cây số! Anh tiêm thuốc, hút, gạt bàn tính thoăn thoắt như một cô gái quay tơ gieo thoi... Tôi đã hiểu cái gì là sự nhanh nhẹn, cái gì là mỹ thuật.

Cho đến điều thứ 69, đã xe lại chậm chậm rồi. Người ấy lại tỏ vẻ thần thờ nhớ tiếc, như một người nạ giòng than phiền cái tuổi xuân qua. Quyền đã để một thời khắc khá lâu mới hút nốt điều 70, chẳng khác một đứa trẻ rụt rè mãi mới dám ăn cái bánh ngọt mà nó vừa muốn ném lại vừa muốn giữ.

Dẫu sao, tôi cũng tưởng thế là xong bữa rồi.

Tuy vậy, vờ dờ ngủ dờ thức, lúc ấy mắt tôi vẫn lim dim...

Anh Quyền lại nằm đườn ra, rất lâu... Rồi anh co chân, ruỗi chân, co tay, ruỗi tay, thở dài, khó chịu, ngán ngẩm. Rồi anh lại quay mặt vào tường, như giận nhau với đèn dầu lạc, hoặc với tôi. Sau cùng thì, chao ôi! Anh lại cựa mình đánh sầm một cái, quay mặt ra một cách vô cùng quả quyết lần thứ hai nữa! ấy thế là điều thứ 71 và 72 nhanh nhẹn, vui vẻ, hùng hồn bao nhiêu, thì điều thứ 78 và 79 buồn rầu, uể oải, phân vân, thất vọng bấy nhiêu... Anh để cách 15 phút mới hút điều thứ 80, tức là điều hạ hồi phân giải.

Vì đến thế thì thôi, chứ anh ta không quay mặt vào tường đau đớn để lại có dịp cựa mình hùng hồn.

Trong thiên hạ này, ai dám bảo Pierre Quyen là một người khổ sở? Ai? ừ, đưa nào mà dám hỗn láo đến thế?

Tôi!

Đối với anh đời là đầy rẫy những cái tai biến, đại họa tức là những điều thứ 8, thứ 9, và điều chẵn chục, tuy đời cũng có nhiều hứng thú cho anh, như điều thứ 1, 2, thứ 3, vân vân... Kể từ số 50 trở đi.

Những lúc quay mặt vào tường nằm im lặng, cái xác thịt yên nghỉ ung dung ấy, chính nó đương gói một linh hồn lao đao tan tác vì giông tố, đương gắt gao chiến đấu, chẳng kém cái phương pháp trường kỳ để kháng chiến Nhật của Tàu!

Anh Quyen có thể cứu chữa cái khổ ấy bằng cách mời một vài người bạn sẵn lòng hút hộ cái điều thứ... Linh một để làm khởi điểm cho anh khỏi bút rút lương tâm mà kéo những điều sau. Nhưng đó là sự tốn tiền!

Mà bắt một ông nghiện tốn tiền, thì khó khăn khác gì bắt nhân loại không đau khổ nữa.

Tao Đàn, số 3; ngày 1.4.1939

Một đồng bạc (1939)

Tặng Vũ Mỹ Lương

Thời xưa, khi loài người chưa đến nỗi phải sống chen chúc nhau trong những căn nhà rộng như hang chuột của cái thế kỷ tiến bộ này, cổ nhân cũng đã có những câu như "trạch lân xử" và "bán anh em xa mua láng giềng gần" để thuyết minh về cái liên lạc hệ trọng giữa những người sống gần gũi nhau, đề phòng những lúc nguy nan, tối lửa tắt đèn, hoạn nạn, dễ cầu cứu nhau.

Ngày nay, nhờ nạn nhân mãn, những thuế thổ trạch quá nặng, bọn người ít tiền chúng ta đã không còn biết cái tình liên lạc của "láng giềng", để mà hiểu rõ cái gì là cái hệ trọng của người "ở chung" đối với ta, lại thân mật hơn ông láng giềng thuở trước. Vì những lẽ cần kính trọng nhau, để dễ cần dùng lẫn nhau, cần lấy lòng nhau vào nhiều dịp, nhất là không thể giấu giếm, đây điếm những cái xấu đi, cho nên những gia đình kim thời phải ở thuê chung nhau một nhà, đối với nhau quả là thân thiết hơn cả họ hàng nữa.

Nói thế rồi, bây giờ tôi mới xin kể một chuyện của tôi đối với một gia đình đã "trạch lân xử" với gia đình nhà tôi. Đọc rồi, độc giả nên sẽ tha thứ cho tôi, vì tôi đã là một kẻ khốn nạn.

Kể từ khi ấy đến nay, tính ra đã bốn năm tròn. Nghĩa là sau khi sống chung đụng nhau một thời gian khá dài, hai gia đình chúng tôi mỗi bên dọn nhà đi một phương, đã bốn năm nay cách biệt hẳn nhau. Ở cái thời buổi mà ai cũng sống hấp tấp, vội vàng này, những điều thiêng liêng đáng ghi nhớ thế nào đi nữa, thì rồi người ta cũng dễ quên khuấy ngay đi... Có phải thế không? Cho nên bốn năm trời xa nhau, tôi chẳng còn nhớ gì đến người ta nữa, mặc lòng xưa kia tôi đã cư xử và được đáp lại như anh em ruột thịt, tưởng chừng cái thân tình quý hóa ấy sẽ sống trường cửu trong ký ức của đôi bên mãi mãi.

Còn về phần người ta, liệu người ta có nhớ gì đến chúng tôi chẳng? Có lắm. Bởi có nếu không, ắt đã chẳng có câu chuyện này...

Chỉ phiền một nỗi là khi người ta làm cái việc để tỏ rằng còn nhớ đến chúng tôi, thì người ta đã túng bần, nghèo khổ, chẳng còn được như trước nữa. Vả lại, theo thường lệ, sở dĩ loài người ăn ở tử tế được với nhau, ấy chỉ là vì chưa làm gì đến nỗi để cho quyền lợi xung đột nhau mà thôi. Nếu cả hai bên ai cũng theo đuổi được cái điều kiện nay ăn miếng chả mai trả miếng bù, một bên có đi thì bên kia cũng phải có lại để cho được toại lòng nhau, thì làm gì xã hội lại sẽ chẳng cứ mãi mãi là cảnh Bồng lai? Than ôi, cái áo rách nó mới đắc tội làm sao, và khi người ta tìm đến chúng tôi, thì chẳng may cái áo người ta đã rách!

Những tư tưởng ái nhân như kỷ cũng đôi khi làm rung động lòng tôi, lúc ấy nó mới biến mất đi đâu, để nhường chỗ lại cho cái tính đa nghi, cân nhắc, cái ích kỷ tổ truyền!... Vì chưng nghĩ đến mình, chỉ nghĩ đến mình và quyền lợi của mình, sự ấy nó cũng tự nhiên và có nhiều thú vị riêng của nó, thí dụ nói xấu và vu oan là một cách giống cây đức của nhiều nhà làm báo chân chính chẳng hạn, cho nên khi người ta mặc áo rách và mang trên mặt tất cả những nét lo âu của sự túng bần thì tôi chỉ còn kịp so vai một cái để lẩm bẩm rằng: "Lại tống tiền là cùng đây chứ gì!" y như một tay nhà giàu đã thấy phiền và chán nản ở cái sự cứ phải bỏ tiền ra thi ân...

Nhưng, bạn đọc đại lượng ời, hãy khoan một chút, để tôi được thuật ra đây ít ra một vài điều gì nó tỏ cái thân tình của chúng tôi ngày trước đã.

Người chồng là một thiếu niên đồng tuế với tôi. Địa vị trong xã hội thì thường thường bực trung, vì là một thư ký nhà buôn lương tháng độ bốn chục. Lỗi đánh giá con người vào thời buổi bây giờ chỉ là lục lợi đến số tiền lương tháng nhiều hay ít, chứ có phải kể đến học thức, nhân phẩm gì đâu! Nhưng nếu phải giới thiệu ông lảng giềng của tôi kỹ hơn nữa, thì tôi xin nói đó là một người học thức trung lưu, đạo đức trung lưu, tài sản trung lưu; nghĩa là, nói tóm lại, là một

người chẳng đủ làm cho ai sợ nhưng cũng chẳng để cho ai khinh được.

Còn người vợ, thì rất xứng đôi với chồng: nhan sắc bình thường, nhân phẩm trung đẳng, còn học thức thì, theo như công lệ, cố nhiên là không có chút nào rồi.

Cặp vợ chồng ấy rất tương đắc với vợ chồng chúng tôi. Tình lân lý của đôi bên cứ theo thời gian mà càng ngày càng thêm bền chặt bằng cách biếu xén nhau mọi của ngon vật lạ, mời mọc, thết đãi nhau luôn luôn, và cả hai bên đều lấy thế làm thỏa mãn, dẫu rằng sau khi tôi thấy vợ tôi được nhận một thứ thực phẩm đầu mùa hoặc hóa vật kỷ niệm gì, thì tôi lại giật mình đánh thót một cái, bắn khoản kiểm cách đèn lại. Và khi được trả lại, tôi cũng chỉ thấy họ tươi cười cảm ơn mà nhận, ra vẻ sung sướng một cách rất thành thực, thế thôi. Thật vậy, những trò giả dối ấy, chúng tôi vui lòng tự mình lừa dối mình để coi nó là những hành vi chân thật. Không bao giờ chúng tôi lại chịu thú nhận rằng thế là đã làm khổ nhau, và chỉ có thể tử tế được bằng cách cứ làm khổ nhau mãi mãi mà thôi. Điều chẳng cần nói ra đây, là sau những cử chỉ rất anh hùng ấy, thì cả hai bên đều mắc nợ, vì lương tháng hai bên cố nhiên không đánh thẳng bằng được cột thu và cột chi.

Do những lẽ ấy, trước còn xưng hô nhau: thưa ông, thưa bà. Rồi, sau một thời kỳ "bác bác tôi tôi" đến cách gọi nhau là anh chị, như ruột thịt chân tay. Cuối cùng, hai thằng nam nhi chúng tôi lại thân mật đến "mày tao" với nhau nữa, những khi không có mặt hai người đàn bà. Ký Bích - tên người bạn - với tôi tưởng chừng đã có thể từ đó sẽ sống chết có nhau.

Tôi còn nhớ rõ như mới hôm qua, một lần phát tài, vợ chồng ký Bích mời vợ chồng chúng tôi đi lễ chùa Hương mà anh thì có bộ Âu phục màu gỗ hồng rất đúng mốt, mà chị thì nhờ cái áo nhung đỏ mới may, tự nhiên xinh đẹp khác thường như là đột nhiên biến thành cô tiên, tuy đó có thể chỉ là một tiên nga trung lưu. Chúng tôi đã đủ sung sướng, hả hê vì thấy được quý hoá, để hai tháng sau phải lo méo mặt thết lại bạn thân ba ngày nghỉ mát Sầm Sơn rồi mới ăn ngon, ngủ yên được.

Nhưng mà... Cảm động và đáng nhớ hơn nữa, là thái độ của anh và chị Bích đối với con tôi, đưa con gái đầu lòng. Chị Bích thường chảnh mắng cả việc bếp núc để lên giúp vợ tôi, hoặc kiên tâm ngồi ẵm con tôi như một người vú em có lương. Khi con tôi đến lúc biết hóng chuyện, những khi đi làm việc, anh Bích đã nhiều phen để nguội cả cơm canh vì mãi lên "yêu cháu một lát". Bao giờ tôi lại quên được những lời thông thường rất thi vị mà anh "nói ngọng" sau khi quệt ngón tay trở vào má con bé, đại khái những:

– Cháu gái tôi, ồ là, tôi "êu" nó lắm cơ! à, cháu tôi cười rồi! Bác "êu" cái má bánh "đúng" này này! Bác "êu" cái miệng bé bé này này! Bác "êu" cái cằm quả táo này này! Bé ơi, bé êu êu quý quý của bác ơi!... A hà cười! Thích quá, thích quá!

Rồi anh ký Bích hôn hít con bé mãi không thôi, làm nó cứ cười toe toét, và làm cho tôi cảm thấy cả cái hạnh phúc của một thằng đã là "bố trẻ con" mà con gái lại trông hay hay, mẫm mụi, nghĩa là tóm lại theo một câu nói riêng thì là "trông cứ như con chó Cún".

Những lúc như thế, tôi đã rõ rằng tình bằng hữu, tình lân lý của con người ở đời, dẫu sao, cũng chẳng phải chỉ là những danh từ điêu trá của văn chương đâu!

Thế rồi, ngày hôm ấy...

Giữa lúc tôi đương đứng cạo râu trước gương, sắp sửa để đến chỗ hẹn với một người bạn ở tỉnh xa về chơi mà tôi có bốn phen tiếp đãi thật long trọng, thì chị Bích bước vào nhà. Vợ tôi lúc ấy lại đi đâu vắng...

Chị Bích làm cho tôi giật mình... Thật là bất ngờ quá đỗi! Cái áo the nâu của chị, vừa rách lại vừa bạc, trông mới thảm hại làm sao! Đôi guốc mòn gót, quai cao su lốp ô tô lộn ngược mà chị kéo lê sền sệt, cả gót chân thừa ra ngoài, trông mới khổ sở làm sao! Thật là khác hẳn bà ký Bích ngày xưa, bao giờ ra phố cũng áo lụa hoặc áo nhung rất lịch sự.

Tôi ngạc nhiên đến nỗi cứ ngẩn mặt ra, quên cả cạo râu, quên cả mời khách ngồi. Tưởng bị tôi khinh, chị ta sau khi hỏi rằng vợ tôi có nhà không, cũng đứng đấy, mặt cúi xuống để lúng túng, để bẽn lễn

và có lẽ để khổ sở nữa. Tôi bèn đẩy ghế mời chị ta ngồi, và không gọi pha nước mới, tôi chỉ rót ra đầy một chén nước chè cũ pha đã hai lần. Tôi bực mình cũng như bao nhiêu người đương lúc vội ra đi mà bị có khách đến ám. Rồi tôi cứ tự do cạo râu trước gương, sau khi hỏi qua loa một câu vô duyên:

– Thế nào, dạo này hai bác có phát tài không?

Thấy chị Bích hồ thẹn đáp cũng vô lý như câu hỏi:

– Không dám ạ, cảm ơn bác.

Đến lúc ấy tôi mới nhớ ra không biết ai đã nói với tôi rằng vợ chồng ký Bích, từ khi không còn ở chung với tôi, đã lâm vào cảnh khổ sở, và đã có hai con... Chồng thì đương làm ăn yên lành bỗng bị sở loại, vợ thì cứ ốm luôn, hai đứa con cũng lại hay sai... Nghe đồn hình như bây giờ cái gia đình ấy đem nhau ra neho nhóc ở một gian nhà lá ngoài bãi Phúc Xá, và anh ký Bích bây giờ phải bán bánh tây cà phê ban đêm, và chỉ ban đêm thôi: Anh hồ thẹn, sợ cấp thúng và xách lò đi ban ngày gặp bạn hữu, họ mạc... Phải, phải chính thế, tôi nhớ ra rồi! Người đã thuật chuyện ấy là bạn của cả Bích, lẫn tôi. Và nói thế là để thương hại chứ không phải để nói xấu...

Nhớ lại như thế, tôi bỗng lại giật mình. Tôi tự nhủ: "Liệu hồn! Lại bị tổng tiền rồi đây!" Rồi tôi thấy phiền quá, vì chị Bích làm cho tôi sợ hãi quá, nhất là không biết đến bao giờ mới để tôi ra đi cho thoát.

Khổ thật! Râu cạo mãi cố nhiên cũng phải đến lúc hết nhẵn, tôi đành cắt dao đi, và quay lại, ngồi xuống ghế đối diện chị ta. Và chẳng nhẽ lại không nói gì, tôi đành mở mồm:

– Mời bác xơi tạm chén nước.

– Dạ, vâng.

Đáp xong, chị Bích uống chén nước một hơi, y như một người đương đói lắm. Chẳng phải là một kẻ vô lương tâm hoàn toàn, tôi bỗng thấy hồ thẹn về cái lãnh đạm của tôi. Và thay đổi thái độ:

– Thế ít lâu nay hai bác làm ăn ra sao? Tôi chẳng biết nhà đâu mà đến chơi! Mà hai bác cũng không năng đến chơi với chúng tôi, thì tôi còn biết gì được!

Mắt chị ta bỗng quắc lên vì sung sướng và hy vọng. Than ôi, con người ta khi đã lâm vào cảnh nghèo, có ai mà lại không hèn! Cái hạnh phúc của chị ta, lúc ấy nó có được chỉ vì thấy tôi nói một câu giả dối ra vẻ sẵn sàng, là chẳng kém một cung phi đã già đời nằm dài trong lãnh cung mà một hôm được thấy cái xe dê của vị quân vương. Đối với chị ta, lúc ấy tôi là một vị thiên phúc chi tinh vậy! Bây giờ chị mới đủ can đảm ngập ngừng kể lể:

– Thưa bác, một hôm em gặp bác gái ở Đồng Xuân, nói rõ phở và số nhà rồi hẹn lại chơi, cho nên hôm nay em mới dám đến đây... Thưa bác, từ dạo ấy thì nhà em mất việc vì sở loại bớt người... Từ đấy tìm mãi việc làm không được. Em thì cứ hay ốm yếu luôn, lại đẻ được hai cháu, mà hai cháu cũng cứ sài đẹn luôn luôn... Hiện giờ thì túng kiết khổ sở lắm. Xưa kia, ở chung với bác, được trăm phần thì nay không được lấy một phần... Chẳng dám nhìn mặt ai nữa, chẳng dám tìm đến ai nữa. Nếu bác gái không bảo lại đây thì em cũng không dám đường đột lại đây thế này đâu... Dạ bẩm thế bao giờ bác gái mới về ạ?

Tôi đáp cho phải phép:

– Đến chiều nhà tôi mới về... Chết nỗi, thế mà tôi không biết rằng hai bác vận hạn nhiều thế.

Chị Bích giương to đôi mắt đăm đăm nhìn mãi tôi. Có lẽ đương cầu Trời cho tôi bảo cứ ngồi đấy mà đợi vợ tôi vì thấy tôi thắng bộ vào như thế, chị rất hiểu là tôi sắp ra đi có việc.

Còn tôi, lúc ấy, thì tôi nghĩ gì?

Tôi có nhớ đến cái tình chung chạ nặng hơn hàng xóm láng giềng của chúng tôi khi xưa không? ừ, cái thân tình gần như ruột thịt những ngày vui cũ, tôi có còn nghĩ gì đến hay không?

Tuy cũng có đấy, nhưng nhớ để rồi quên ngay. Vì tôi còn bận tâm lo bạn tôi đương vì đợi tôi mà sốt ruột, bận tâm giận vợ tôi sao lại hẹn nguy hiểm thế, và nhất là bận tâm vì áy náy không biết khu xử ra sao... Tiền! Than ôi, lại chỉ những chuyện tiền!

Bao nhiêu cái gì là ích kỷ, là dè hèn, là chó má, là tàn nhẫn, lúc ấy đều thức dậy cả trong cái tấm lòng khốn nạn của tôi. Cúi đầu xuống, tôi bấu môi nghĩ về vợ chồng ký Bích: "Sướng lắm thì khổ

nhieu!" ấy thế là những sự thù tạc, biểu xén, quà bánh, thết đãi của vợ chồng ký Bích khi xưa đã làm cho tôi thấy là vinh dự, đáng quý hoá, thì bây giờ chỉ khiến tôi thấy đó là kiêu cách, lôi thôi, phiền phức, giả dối, khó chịu, và nhất là tai hại, hầu như là đã khiến cho vợ chồng tôi vì đối đáp lại những cái ấy mà đã có hồi khuynh gia bại sản nữa! Tôi thấy họ đáng kiếp, không đáng thương tí nào.

Nhưng mà vợ tôi đã gọi người ấy đến; rõ mới tội nợ!

Thì... Không mất tiền không xong! Tôi đành hỏi ngay:

– Bác cần tiêu bao nhiêu?

Cố nhiên là chị Bích nghĩ mãi mới đáp:

– Nếu được bác giúp cho độ ba đồng bạc thì cháu bé cũng sống mà vợ chồng tôi cũng đỡ phải lo trong một tháng.

Lúc ấy, túi tôi có thừa năm đồng. Nhưng mà, như trên đã nói, tôi còn phải thết đãi người bạn. Ngay bây giờ, chúng tôi rất cần đi ăn, đi chơi! Nếu không, tôi sẽ chẳng ra giống người, vì ông bạn tỉnh xa của tôi đã đối với tôi chu đáo, ân cần lắm! Thế rồi đáng lẽ đưa ra cho chị Bích vay hai đồng thì, không hiểu sao tôi chỉ đưa ra có một đồng. Và tôi bỗng nói khác hẳn như đã muốn:

– Thôi đây này, có đồng bạc cho cháu ăn quà, bác cầm lấy... Chúng tôi tuy vậy dạo này cũng túng, chẳng có gì đâu... Đây là tôi cho cháu nhé, chứ không phải chuyện nợ nần gì cả.

Tôi đã dùng cái lối rất cổ điển: cho hẳn, để mà "rào đường". Vì tôi sợ nhất cái chuyện sẽ bị quấy nhiễu về sau! Vì cho thì một đồng đã là to: còn cho vay thì lại là ít quá, không được tử tế như cho hẳn.

Chị Bích cầm tiền, cảm ơn, bẽn lễn ra về.

Chị hài lòng chưa? Đủ sướng rồi hay còn cho là ít? Tôi cũng không biết.

Chỉ biết hôm ấy, tôi đã tự đắc như một nhà từ thiện, vì lẽ cố nhiên tôi coi đồng bạc ấy của tôi là rất to!

Quả như vậy, từ đấy trở đi, không bao giờ chị Bích còn dám bén mảng đến cửa nhà tôi nữa. Tôi đã rất thành công trong cái sự rào đường một người bạn nghèo. Rồi thì, chẳng cần phải lâu ngày, chuyện ấy cũng chóng bị quên đi... Nhưng về phần chị Bích thì

không. Chưa có nghìn vàng dễ thường không bao giờ chị ta dám nghĩ đến sự đền ơn bát cơm Siêu mẫu, dầu rằng người thi ơn kia, quả thật đã chẳng có cái từ tâm của Siêu mẫu.

Vài tháng sau đó...

Bữa ấy nhằm một buổi sáng chủ nhật, tôi cùng mấy người bạn đã lên một toa xe điện chạy từ Bạch Mai về Bồ Hồ. Khi đến chợ Hôm, chợt thấy chị Bích ẵm con, bước lên. Đêm trước chúng tôi vừa mới thực hành cái truy lạc chủ nghĩa. Vừa đem thi thố mấy ngón tài hoa, như nốc rượu, hút thuốc phiện, đùa gái, văng tục, và nói xấu những người bạn thân vô phúc đêm ấy không có mặt tại một tổ quỷ nào đó ở xóm Vạn Thái, cho nên sáng hôm nay, mặt chúng tôi đều bơ phờ, hốc hác, thiên hạ cứ thoáng nhìn cũng đủ rõ là bọn này đã từ cái chốn ác hại nào mà chui ra... Lại thêm lúc chi tiền, chúng tôi đã bị một ả đào lẻ nhè xin thêm mãi, cho nên lúc ấy tôi đương bức mình cực điểm, thấy rằng cuộc đời đã bị đầu độc, mà chưa biết bao giờ mới có một cuộc vui nào khác nữa đến tẩy độc cho... Âu cũng là nhằm ngày đen đủi của chị Bích vậy.

Trông thấy chị lên xe, tôi lại giật mình, nhưng không thể lánh mặt được, tôi đành ngả mũ chào chị, và cố nhiên cái vẻ mặt lúc ấy là phải lãnh đạm. Cái áo the nâu của chị lại rách hơn trước một chút nữa. Và bây giờ thì chân chị - hai bàn chân xưa kia xinh và trắng - xéo lấm, vì chắc đôi guốc đã không còn dùng được rồi. Còn đứa con chị ẵm trong tay thì xanh xao, gầy quá, đầu thì lấm tẩm có mụn tróc, cặp môi thì đã thâm như của một dân bẹp tai! Lúc chị Bích sắp nâng một bên vạt áo lên để giới thiệu con, tôi bỗng có cái cảm tưởng lạ lùng y như người ta lúc sắp được thấy, trong cuốn sách phóng sự, bao nhiêu điều xấu xa bí mật sắp bị phơi ra dưới ánh sáng vậy. Thật thế, không gì thất vọng bằng một cái mặt trẻ con mà lại không đủ cái hay, cái khéo, để mời chào ta một cái hôn... Tuy vậy, tôi cũng nhớ ngay đến thời xưa, khi con gái tôi mới đẻ, nó đã được chị Bích quý hóa như thế nào. Và tôi đã hỏi mấy câu qua loa về đứa bé, để rồi ngắt chuyện, xin diêm thuốc các bạn hữu cùng ngồi quanh đấy, ý muốn cho chị Bích mau lấy áo đậy con lại.

Xe điện chạy chậm quá thật! Mười cây số mỗi giờ, giữa một tỉnh to như Hà Thành! Thật là một cái hổ thẹn của văn minh! Vì rằng,

than ôi! Tuy tôi đã im lặng lờ hẩn đi, nhưng chị Bích đã bắt đầu kể lể!... Chị nói rõ về cảnh nghèo nhọc, mọi điều tai biến, mọi sự đói khát, đau khổ, mà cái số phận ác hại đã hành hạ gia đình nhà chị từ bấy đến nay... Tôi thờ dãi. Tuy chị không kết luận bằng cách xin giúp đỡ, nhưng tôi cũng đủ thông minh để hiểu lắm.

Lúc bấy giờ thì tôi phần uất đến cực điểm. Tôi cho tôi như một con giun, ai xéo lăm ắt tôi cũng biết quằn! Đi hát, lúc chi tiền bị kẻ nhè là đồ keo, lúc về giữa đường lại bị có kẻ muốn tống tiền, tôi tưởng như vậy thì từ tâm đến bằng Đức Phật Tổ cũng phải cáu, dẫu rằng Phật Tổ không đòi nào đi hát... Đáng lẽ có thể bảo chị Bích là không biết điều, ở chỗ "cứ thấy bờ thì đào" như một kẻ bất nhĩa nào khác, tôi chỉ muốn nhắc cho chị đừng quên cái đồng bạc trước của tôi. Chẳng nghĩ xa xôi, tôi hỏi thẳng:

– Từ lần ấy, bác có gặp nhà tôi nữa không?

Vô tình chị đáp ngay:

– Dạ, có gặp một lần ạ.

– Bác không nói gì cho nhà tôi biết về cái đồng bạc tôi giúp bác đấy chứ?

Chị Bích ngơ ngác nhìn tôi mãi như ngạc nhiên vì sợ tôi lại ngỡ cái lòng thực thà hoặc biết nhận ơn của chị. Rồi chị tức khắc đáp:

– Dạ, có đấy ạ. Tôi có nói ngay rằng đã được bác cho vay một đồng.

Tôi sung sướng lắm, và cau mặt hỏi nữa:

– Bác đã nói là tôi cho vay à?

Chị Bích liền gật đầu:

– Bẩm vâng.

Tôi tắc lưỡi, cau mặt hơn nữa, khẽ nói tha thiết:

– Rõ khổ quá! Thì sao bác lại không nói là tôi cho hẩn cháu? Mà tốt hơn nữa thì bác đừng nói gì, có hay không! Chẳng nói bác ắt cũng thừa biết đấy, bụng dạ đàn bà nhỏ nhen như cái lỗ kim... Thế là rồi nhà tôi nó sẽ không bao giờ quên là bác đã nợ nó cái đồng bạc ấy.

Tôi kết luận bằng cái so vai, và một cái thở rất dài.

Từ đấy, chị Bích có một nét mặt ủ rũ đặc biệt nó khiến chị ta không ngồi thẳng lên được nữa, như một con chim bị đạn. Ất đó là chị hối hận, tiếc rẻ cái lòng nhân đức ghê gớm của tôi, và phân vân lo sợ về cái "bụng dạ lỗ kim" của vợ tôi.

Đến chợ Đồng Xuân, chị ẵm con bước xuống. Trong cả thời gian ngồi cạnh nách tôi, chị ta tịnh không dám bén mảng dấn động đến chuyện tiền.

Cách đấy sáu tháng nữa, quả vậy, đúng sáu tháng.

Nhằm lúc cuối năm, vợ chồng tôi đi lên chợ Đồng Xuân mua vài giò thủy tiên... Đương lúi húi mặc cả trước một bàn hoa, tình cờ lúc ngẩng lên, chúng tôi trông thấy chị Bích đương đi từ cổng chợ ra, cách chỗ chúng tôi đứng độ mười thước. Tức thì vợ tôi vui vẻ gọi:

– Bác Bích! Bác Bích ơi!... Bích!

Một tay bế con, một tay cắp cái rổ trong đó có vài cây dưa cải và một cái mũ thổ công đáng giá hai xu, tuy chỉ có thể thôi, chị Bích cũng quay lại một cách rất khó khăn, chỉ vì buổi chợ quá đông người. Đến khi nhìn thấy rõ chúng tôi rồi, thì...

Thì chị Bích lại vờ như không nhìn thấy nữa, ôm con và ôm rổ cúi đầu quay đi thẳng, trước còn bước chậm, sau thoăn thoắt rõ nhanh, và sau cùng, thì chạy hẩn!

Than ôi, chỉ vì một đồng bạc! Cái đồng bạc nhân đức rất đặc tội ấy! Chị Bích lẩn mặt, chạy trốn, sợ bị đòi tiền.

Một đồng bạc! Chỉ vì nó, mà một người đã có cái can đảm chạy trốn một người, sau khi cả hai người, vào lúc còn như nhau, đã sống bao nhiêu năm trời chung đụng với nhau, rau cháo có nhau, yền tiệc có nhau, thân thiết với nhau hơn ruột thịt, tay chân!

Bạn đọc ơi, viết đến dòng này, tôi lại thấy cả tấm lòng khốn khổ và khốn nạn của tôi nôn nao lên... Chính thế đó, vì trước bàn giấy của tôi có một cái gương Psyché, và khi tôi chợt ngưng bút để nhìn cái hình thù và cái người ngợm của tôi trong gương, thì tôi buồn

nôn, thì tôi ghê tởm cả cho chính tôi, vì rằng, trừ một bọn nịnh sảng vẫn gọi tôi là danh sĩ, là văn hào, thì, trong thiên hạ, than ôi lại vẫn có một số người đứng đắn kia nở lòng khen tôi là "một người tử tế".

Tôi hối hận lắm, tôi khổ sở lắm, vì rằng từ đấy, không bao giờ chúng tôi còn dịp nào gặp vợ chồng Bích đâu nữa, và nhất là vì giữa cái hôm chị ta chạy trốn vợ chồng chúng tôi ấy, thì lại nhằm vào một bữa hãn hữu mà vợ tôi đã nói: "Rõ tội nghiệp chị Bích quá nhỉ? Cậu ạ, em chỉ định tâm hể gặp chị ấy thì thế nào cũng giúp thêm chị ấy vài đồng, nhất là vào dịp Tết này".

Nhưng mà từ bấy đến nay, thời gian đã đem đến cho lòng người cái gì là cái quên. Sự gì thì rồi ta cũng có ngày quên đi, cho dầu là ái ân, cho dầu là đau thương, cho dầu là hối hận.

Bởi cái có ấy, cho nên tuy lương tâm tôi đã mang nặng một vết thương tình cảm để đôi khi bứt rứt hàng giờ, mà từ đó, tôi cũng chẳng làm nổi một việc thiện nào thiện hơn cái việc ác này, tuy rằng nếu cố gắng tinh thần thêm chút nữa, tôi chẳng thiếu gì những dịp để thực hiện rất nhiều cái đức ái nhân như kỷ mà tôi có thể có được, hơn ai...

Vì sao? Vì khi ta có tiền thì ta chẳng nghĩ đến cái nhân, và khi phải nghĩ đến cái nhân, thì ta lại chẳng có tiền. Cho nên sự đời chung qui chỉ là những vòng chạy trong đèn cù, luẩn quẩn, loanh quanh, vì ta không thể nào khác được, nếu không cứ việc sống thản nhiên để mà tầm thường và khốn nạn.

*Tạp chí Tao Đàn,
số 2, ngày 16.3.1939*

Từ lý thuyết đến thực hành (1939)

Anh ta là một người Âu hoá. Thiên hạ kêu: chưa đủ. Riêng anh, anh tự cho đã Âu hóa hoàn toàn.

Ở Pháp về, anh chỉ giao thiệp với người Tây, chỉ yêu quý có người Tây, nhất là ông Chánh văn phòng của anh. Anh lại chỉ có nói tiếng Tây thôi, cho dầu là những khi anh nói với những đồng bào mũi tẹt. Những việc ấy dễ, bởi không tốn tiền.

Đến những việc tốn tiền... Tuy không bữa nào cũng dùng "cơm Tây", anh cũng vẫn giấu bọn đồng bào An Nam rằng mình thường phải ăn cơm ta, có khi ăn cả rau muống và cà pháo. Tự trong thâm tâm, anh vẫn khen thưởng để đã ban phước cho cả cái giống An Nam được hưởng rau muống và cà pháo, rẻ lạ, ngon lạ, có thể khiến người ta quên thịt, cá... Nhưng anh không nói thể trước mặt thiên hạ bao giờ.

Thiên hạ chỉ thấy anh ăn ở, cử chỉ và ngôn ngữ hoàn toàn theo Tây. Còn đến cái bàn thờ ông vải trong nhà anh, giữa những đồ đạc hoàn toàn Tây phương, thì anh cắt nghĩa sau một cái so vai: "Để cho bà via khỏi la thét, nghĩa là để cho phải phép". Câu ấy, anh cũng lại nói bằng Pháp ngôn. Và, muốn dẫn chứng cho lời tuyên ngôn ấy, thỉnh thoảng anh lại mời các bạn hữu Tây, Nam đến tổ chức một cuộc khiêu vũ gia đình.

Trước bàn thờ, lẽ cố nhiên. Vì trong nhà chỉ có chỗ ấy là đủ rộng. Các ông vải đều đã kính phục cái Âu hóa ấy của con cháu đến tái cả mặt, nếu các ông vải vẫn còn có mặt để tái...

Nhưng sự ấy chưa phải là cái cốt yếu cho chuyện này.

Cái cốt yếu là một quan niệm đặc biệt Tây phương, Âu hóa cả trăm phần trăm, của anh, đối với một thứ tai nạn cũng từ Tây phương nhập cảng vào đây, xứ sở của mọi thứ cổ hủ của dân Đại Cồ Việt mũi tẹt da vàng chúng ta.

Sở dĩ anh nói rõ quan niệm ấy ra có lẽ cũng chỉ vì muốn thiên hạ phục mình là đã hoàn toàn Âu hoá.

Quan niệm ấy, là về nạn mọc sừng.

Nhưng mà, thì các ngài hãy trông xem! Đây, anh đứng lên, đi đi lại lại, hai tay đút túi quần, trong khi cao đàm, hùng biện về một vài vấn đề, thỉnh thoảng lại tô điểm cho lý luận của mình bằng một vài cái gật đầu khoái chí... Chẳng ai lại có thể hùng hồn hơn! Cử tọa ngồi nghe đều hoặc đã kính phục hết sức bằng im lặng, hoặc muốn phản đối hết sức đây, nhưng cũng chỉ dám phản đối bằng im lặng. Từ mồm diễn giả lần lượt chui ra những nghĩa lý kỳ quặc có khi ghê gớm, có khi như sự nguy biến, cũng có khi như sự lập dị, nhưng bao giờ, từ trước đến sau, cũng tỏ ra một tấm lòng vô cùng thành thực và một sự hiểu biết thấu triệt nó bắt buộc những ai muốn ngắt lời cũng phải cứ kính cẩn ngồi yên mà im lặng. Sự thành thực, dẫu sao đi nữa, ta cũng không thể dễ mà coi khinh, cũng như sự hiểu biết chu đáo đáng gọi là có đủ thẩm quyền ấy, khiến cho ta phải ngờ: diễn giả chính là kẻ "đoạn trường ai có qua cầu...".

Nhưng mà... Thì hãy lắng tai nghe anh ta đã...

– Mọc sừng, sự ấy, nếu nó là một cái nạn, thì cũng chỉ là một cái nạn nhỏ, không đáng để ý mấy. Tôi không hiểu sao ai cũng chê cười một người chồng mọc sừng! Ngay ở bên Pháp nữa, thiên hạ cũng không thiếu lời chế riễu người mọc sừng. Đó là một sự dã man, vì người mọc sừng chỉ là một kẻ đáng thương. Mà cũng không đáng thương nữa, nếu ta nghĩ kỹ... Một là vì bị vợ ngoại tình, ấy chỉ là, như trên tôi đã nói, chịu một cái tai nạn quá đổi nhỏ mọn, hai là mọc sừng, nếu là một cái khổ, thì cũng là cái thứ khổ của trí tưởng tượng ốm yếu của anh chồng mọc sừng mà thôi! Nếu muốn tin chắc chắn điều ấy hơn nữa, ta phải nói thêm thế này: ở một xã hội mà nhiều người chồng ngoại tình hay mọc sừng, chính đây là dấu hiệu của văn minh. Vì sao? Vì hôn nhân, tự nó, là một điều khuyết điểm vô cùng, khi nó giải quyết vấn đề tình ái... Hôn nhân là cái giấy hợp đồng buộc lòng người trung thành suốt đời, trong khi lòng người, do đáng Thượng đế sinh ra, là một sự trêu tượng, tự nó chỉ muốn thay đổi, có mới nói cũ đó thôi... Lấy cái quan điểm của bọn nam nhi chúng ta mà xét, điều ấy càng rõ rệt. Đàn ông lắm khi chê vợ, chán vợ, thấy không thể chung sống với vợ được nữa, chỉ còn một cách

ly dị, thì may sao đã tìm thấy phương tự cứu chữa, tự giải thoát, để tránh cảnh tan nát của gia đình và cái hận nghìn thu của lũ con cái thơ dại, ở sự tự an ủi mình bằng cách thỉnh thoảng lừa vợ một đêm, tìm cái hạnh phúc tạm bợ và điều trá trong cánh tay "người vợ một đêm". Đã giản dị chưa? Lừa được vợ một đêm, thế là người đàn ông chê vợ phỉ chí, tự an ủi, đủ can đảm và hứng thú cứ chịu đựng mãi được người vợ mà mình đã thấy là khó chịu... Và những phụ nữ khôn ngoan, biết cái ngôi nội tướng của mình đã có bề lung lay, lắm khi đã nhắm mắt làm ngơ cho chồng. Phải thế mới được. Phải chịu đựng cái đau đớn nhỏ ấy, hoặ may mới tránh thoát cái đau đớn lớn hơn nó sẽ đợi ngày tức nước vỡ bờ, nó đến... Vì rằng đáng Thượng đế sinh ra thằng đàn ông, mục đích Ngài chính là để cho nó phản trắc đấy! Phản được rồi, nó sướng. Lòng tự ái được mơn trớn rồi, thì nó sẽ xử một cách nhã nhặn hơn với vợ nó, một người mà nó không lừa được thì nó sẽ giành cho những vết đau...

Một vài người cười ồ. Những thánh giả khác chẳng ai nói gì cả. Vẫn nguyên cái đà hùng biện, anh ta tiếp:

– Bây giờ... Đến lượt chúng ta tự đặt mình vào địa vị người đàn bà... Ô hay, sao chúng ta có thể ích kỷ đến thế được? Sao chúng ta lại không công bình một tý nào cả? Sao chúng ta nỡ đã man đến thế? Đàn ông chúng ta đi chơi gái bừa bãi thì chẳng sao, nếu vợ ta có hành động y như ta, chỉ y như ta thôi, ta cũng đã coi như đổi đời. Vợ ngoại tình, khốn nạn, thế sao gọi là đại hoặ, nếu chồng xưa nay vẫn ngoại tình be bét ra đấy thì không sao? Họ cũng đã xử sự như mình. Chỉ có thế. Họ đã phải ngoại tình có lẽ là để khỏi phải nghĩ đến cách quyết liệt hơn: ly dị. Cũng như mình, họ cũng chỉ thấy sự an ủi, cái thú sống, ở sự lừa đảo thôi. Đã thế, sao đàn ông cứ ích kỷ? Khốn nạn, nào có gì, nếu đó chỉ là vỏ quít dày và móng tay nhọn gặp nhau? Thêm nữa, một khi người đàn bà dám ngoại tình, tôi cho đó là họ bắt đầu có can đảm, và bắt đầu giác ngộ nữa, cũng như thuyền thợ dám đình công phản đối Chính phủ, cũng như phụ nữ dám vác những lá cờ có dấu hiệu cách mệnh, la hét giải phóng và bình quyền! Cho nên, như tôi đã nói, mọc sừng chính là dấu hiệu của văn minh. Người đàn bà, một khi bắt đầu lừa chồng, là bắt đầu

bỏ cái chính sách tiêu cực đề kháng tổ truyền mà mấy nghìn năm bị coi là đũa tởm gái không lương đã kết quả nên thái độ...

Một người nói lên vào:

– Thế thì ra tội là ở anh chồng đáng mọc sừng, bất cứ anh chồng là hay, dở như thế nào?

Diễn giả đáp cứng cỏi:

– Bẩm chính thế. Vì dẫu ta tài giỏi, khỏe mạnh, giàu có đến như thế nào đi nữa mặc lòng, nếu ta chẳng may mọc sừng, ấy là chính ta đã có lỗi, đã hỏng ở một phương diện nào đó, mà chỉ vợ ta mới biết mà thôi! Cho nên, như trên tôi đã nói, người chồng mọc sừng chẳng bao giờ đáng thương, nếu ta nghĩ kỹ... Nếu ta khôn ngoan, đủ tư cách, đủ khỏe mạnh, đẹp cả tinh thần lẫn văn chương, con vợ ta nó đã chẳng ngoại tình!... Vậy thì quyết nhiên anh chồng mọc sừng bao giờ cũng có lỗi, và phải coi sự lừa dối của vợ là một lẽ chính đáng hợp tự nhiên mà thôi. Huống chi, cái vấn đề ấy, phàm đã là người văn minh, thì chỉ nên coi đó là những việc nhỏ nhặt rất tầm thường, không làm không được, thí dụ như đói thì phải ăn, khát thì phải uống, hay là một chất đã quá đầy trong bụng thì phải thoát nó ra ngoài, như là đại tiện, tiểu tiện, có thể thôi. Tôi xin nói thêm cho rõ hơn nữa: nếu một người chồng vắng nhà lâu chẳng hạn, thì vợ người ấy có đi ngoại tình, người ấy chỉ nên coi như vợ đã phải làm một sự cần không làm không được, thí dụ mót đáì thì phải đi đáì, thế thôi. Sự giao hợp là cái gì? Nó là điều xưa nay ai cũng coi là nhơ bẩn. Vậy thì sao lại cho nó một cái giá trị mà nó không có, đại khái như chẳng may mọc sừng thì đau đớn đến nỗi muốn tự tử?

Một người lại hỏi:

– Thế thì triết lý của người chồng mọc sừng là thế nào?

Con người Âu hóa cắt nghĩa:

– Là nhầm mắt làm ngơ. Là phải coi mình có lỗi, cho dẫu chưa thấy lỗi mình ở chỗ nào! Nếu không có gì khuyết điểm, vợ nó đã phải trung thành với mình chứ? Cốt nhất là đừng làm om lên. Như trên tôi đã nói: vợ cho chồng mọc sừng hay chồng ngoại tình càng nhiều, ấy chính là dấu hiệu của văn minh. Quả thật đó chẳng là điều vu khoát... Trong khi ngày cưới chỉ là ngày tận số của ái tình, thì

ngoại tình chính là sự cách mệnh tự nhiên đối với điều trời buộc nhân tạo của hôn sự. Muốn tỏ mình đã văn minh, nhân loại chỉ nên coi sự thông dân là một điều giải phóng cho cái lòng người ham thay đổi... Tiến bộ là gì, nếu không là sống tự do! ở Tây phương, người ta đã chiếm được sau những cuộc cách mệnh tốn hàng triệu nhân mạng, những quyền tự do hội họp, tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do đình công... Còn khuyết điểm, nếu chưa chiếm được hay công nhận một cái tự do nữa, quý hóa nhất, là cái tự do giao hợp! Có cái ấy nữa, xã hội mới thật là thiên đường! Vì thế, nên tôi đã nói rằng vợ bị chồng lừa, hay chồng bị vợ cho mọc sừng, hai bên chỉ nên nhắm mắt làm ngơ đi mà thôi. Vì hai bên đều có lỗi. Thêm nữa, cái tai nạn ấy, cái đau đớn ấy, nếu ta biết nâng nó lên trình độ một chi tiết văn hoá, coi sự tự do giao hợp cũng như những cái tự do khác, thì loài người há chẳng đã thoát khỏi cái vấn đề thiên cổ nó vẫn rình phá hoại hạnh phúc của gia đình và cá nhân đó sao?

Một người khác cười nhạt phê bình:

– Gớm thật cho những tư tưởng quá khích của ông! Ông đã làm cho cả bọn nam nhi... Tiều danh dự.

Người Âu hóa hỏi lại:

– Thưa ngài, mọc sừng, người đàn ông nào dám chắc suốt đời không bị cái nạn ấy? Tôi xin nói để ngài chớ quên rằng người đẹp giai nhất đời, anh hùng cổ kim chưa có ai bằng, là Nã Phá Luân Hoàng đế, thì ngài cũng đã mọc sừng đó! Đứng trước một cái nạn nó hăm dọa tất cả các đàn ông trên cõi thế gian, mà lại không biết nâng sự mọc sừng lên trình độ một chi tiết của văn hóa, thì chỉ là chẳng biết lo xa một chút nào.

Có người hỏi:

– Ông đã xong cái bài đại luận về nạn mọc sừng chưa?

Anh ta gật đầu:

– Tôi đã kết luận.

Rất nhiều người phê bình:

– Cái anh chàng này Tây quá đi mất! Nguy thật! Tây ở cách ăn ở, Tây ở cử chỉ, ngôn ngữ, lại Tây nốt cả ở cái linh hồn!

Anh ta mỉm cười đắc chí, thấy mình đã thành công. Mục đích của các sự lập dị yêu ngôn và nguy biện của anh chỉ là để cho thiên hạ phục mình đã "cả trăm phần trăm Âu hoá". Những câu chê bai kia, trái lại, anh cho là lời khen.

Và, trong khi ai cũng để ý nghe diễn giả, thì không ai để ý nhìn một thiếu niên đẹp giai lúc ấy chỉ đưa mắt liếc trộm cô vợ trẻ măng và đẹp nồn, của diễn giả, ngồi ở phòng bên pha trà và sai đầy tớ rót tiếp cho đám khách khứa đông đúc, từ lúc đầu cho đến lúc cuối cuộc diễn thuyết ấy, đã lắng tai nghe mớ lý thuyết của chồng một cách cực kỳ chăm chú...

Riêng tôi, tôi tự nhủ: "Chính chỉ vì anh chồng này đã bị mọc sừng rồi nên mới gián tiếp bênh vực bằng cái quan niệm ghê gớm kia".

Tôi đã lầm.

Việc ấy xảy ra sau, chứ không phải đã xảy ra trước như tôi tưởng.

Đã chừng một năm sau, thấy con người Âu hóa ngày ngày đi nằm dài tại một tiệm hút. Thiên hạ nói thì ra anh đã bỏ vợ. Rõ mới buồn! Nguyên nhân cuộc ly dị, chẳng ai hiểu rõ đầu đuôi ra sao. Chỉ biết hiện anh ta đau khổ lắm. Tiệm hút, chỗ ẩn dật của anh, của những kẻ chán đời, anh chỉ còn có nó là quý thôi!

Đáp lại các bạn chí thân, anh ta chỉ nói kín hờ về nỗi khổ:

– Tôi... Tôi đã yêu một người đàn bà!

Nhưng một hôm có người bạn thân khác không hiểu gì, trách anh bạc tình, tồi tệ với vợ, đã man, và... Đủ tất tả những trạng từ khác nữa. Thì anh nổi giận hỏi lại:

– Mày ngu lắm! Thế khi vợ mày nó cắm sừng vào đầu mày thì liệu mày có còn cứ muốn ăn ở suốt đời với nó không?

à, thì ra đầu đuôi là thế.

Tôi, kẻ ngoại cuộc, bỗng đâu tôi cũng chán đời. Và hoài nghi. Thật thế, tôi tin rằng đất Đại Cồ Việt ta là cái đất cần cỗi, những lý thuyết và tư tưởng ở đâu đâu, tốt đẹp thế nào mặc lòng, cũng cứ đến đây là thành thói nát. Tôi không tin dân An Nam ta lại có nổi một

điều tín ngưỡng nào, một quan niệm chắc chắn gì. Bởi thế, con người Âu hóa cực đoan ấy chỉ Âu hóa được ở cái lỗ mồm mà thôi. Và, than ôi! Suy một người ra nghìn người, suy một sự ra vạn sự!

Tao Đàn, số 7; ngày 1.6.1939

Ăn mừng (1939)

Bữa nay cụ Phán Uyên, đã được hiểu rõ cái gì là cái vinh quang, những đồ mừng quý giá, những tám câu đối đỏ treo la liệt khắp tường, đã đủ an ủi về số tiền bỏ ra. Cái cảnh "ăn uống ầm ầm" hai hôm nay không khiến cụ sốt ruột nữa. Đọc những chữ chúc mừng rất văn chương bằng dạ đen trên nền đỏ, cụ mới khám phá ra rằng: chao ôi thì ra mình xưa nay vẫn có nhiều đức tính mà chính mình không biết, để mà sướng như một kẻ chết được lắm câu đối khốc có thể được thỏa cái vong hồn... Thật là linh đình, và vui vẻ. Thật là vinh dự cho tổ tiên.

Trong hai ngày ăn uống thì hôm qua để cho họ hàng và con cháu trong nhà. Chính hôm nay mới là để mời khách ở tỉnh. Đây, bàn các bạn đồng sự của cụ, phần nhiều là nhà nho, số đông đã có nhiều phẩm hàm, huy chương. Tô điểm cho dăm đám người ấy có một quan Bồi và một quan Phủ, họ bên nhà vợ của cụ, và đã làm cho cụ tăng thêm sĩ diện. Kia là bàn các ông cũng tai to mặt lớn thuộc tân học, bạn hữu của "anh tham" nghĩa là vào hàng con cháu cụ mà thôi. Ở buồng xếp bên cạnh thì các cô đốc, cô giáo, bạn hữu của con gái cụ vậy. Ai cũng về dự tiệc vui vẻ và đông đủ. Thì phải biết cái cách xử thế xưa nay cụ là tròn trĩnh thế nào! Một khi cụ đã về làng thì cũng phải thế nào cho đẹp mặt với người làng! Khách tỉnh về tới tấp hết lượt này đến lượt khác, phần nhiều bằng xe nhà, và có cả hai chiếc xe hơi đỗ ngoài cửa đình nữa! Nghĩ như thế, cụ lại kiêu ngạo như một đứa bé con...

– Chúng mày đâu cả rồi! Rõ thế đấy! Ngàn ấy con người để sai bảo mà gọi lấy thêm có một ít dấm nữa cũng không đứa nào đi lấy được đấy!

Lời gắt của cụ lẫn lộn mất vào tiếng đàn, tiếng trống, tiếng hát, tiếng phách... Cụ nhìn trước nhìn sau, lắc đầu thở dài... Vì có ba tên người nhà thì hai đứa đương bưng những bát cỗ mới hâm cho những bàn ở xa, còn một đứa thì đương chơi với, buộc bánh pháo

dài vào ống máng. Cụ toan tiến bước xuống phía nhà bếp thì chợt một bàn tay nắm cụ lại, trước một câu nói sốt sắng thế này:

– Cụ ơi, cụ hãy vào đây với con!

Đó là một khách trẻ tuổi, mà cụ không nhớ rõ tên, âu phục chải chuốt khiến cụ kính nể lắm.

– Con tấp tễnh cũng làm được một bài hát để mừng cụ, chẳng biết hay dở như thế nào, xong cũng xin mạn phép các quan khách đây một phen...

Người ấy mời cụ ngồi xuống ghế, đưa ra một bài thơ bằng mực đen giấy trắng, lại nhét luôn cả cái dùi trống vào tay cụ nữa, nói tiếp:

– Bài hát mừng cụ thì xin cụ thưởng thức mấy tiếng trống cho chúng con cùng nghe.

Thẹn quỳnh cả người, cụ Phán Uyên đẩy cái trống ra, áp ứng:

– Văn chương của ông... Thì xin... Để phần ông, vì thật tình, tôi cũng không biết đánh trống cô đầu.

Rồi cụ giương mực kính lên đọc bài hát nói ấy; xong mỗi câu lại thấy mặt cụ vui tươi thêm lên. Sau cùng, cũng không biết bình phẩm dài lời, cụ chỉ đưa trả tác giả bài hát với cái dùi trống và từ chối:

– Hay lắm! Nhưng mà tiếc rằng tôi không biết đánh trống, để xin ông cho nghe... Văn hay lắm!

Khi đưa cho đào nương mảnh giấy, cụ rất hồ thẹn, thấy rằng mình quê mùa một cách đáng giận, và thú ả đào quả thật là một thứ văn chương tao nhã thật, chứ không phải chỉ là những trò bậy bạ như người ta vẫn nói xưa nay.

Cổ nhiên, tác giả những câu hát nói kia nhất quyết chối từ. Cuối cùng, danh dự thưởng văn về tay người cao chức nhất bàn tiệc, là quan Bố Chánh, ông anh họ nhà vợ của cụ chủ. Quan Bố gọi cụ Phán đến ngồi bên mình, rót một cốc rượu nhỏ để trước mặt cụ, giao hẹn bằng một thứ tiếng đồng sang sảng, nghiêm nghị và đáng sợ như những lệnh ban ra giữa công đường:

– Đây, cứ mỗi tiếng chát thì ông lại cạn một cốc rượu, vì mỗi tiếng chát của tôi không những là thưởng một câu văn mà thôi, nhưng còn

đồng ý với tác giả để ca tụng cái cảnh phú quý, an nhàn của ông nữa.

Mọi người vỗ tay, rồi có đến hàng mấy chục người nữa vỗ tay theo. Bên buồng xép ở tận trong kia, đám phụ nữ cũng bỏ đĩa bát để đứng thấp thoáng trong màn nhìn ra, chú ý đến cái đại sự ấy nó làm tăng phần trang trọng cho cuộc vui tuy vậy trước vẫn tẻ ngắt. Cụ Phán Uyên xoa tay xin lỗi một cách hiền lành đáng tức cười:

– Bẩm, mỗi tiếng chát lại một cốc rượu thì có lẽ cũng nhiều quá, vậy xin cho xong bài thì hãy cho một cốc.

Tuy có một vài cụ phản đối lại cụ phán để về bè với quan Bô nhưng sau cùng các quý khách cũng biết nể cái sức khỏe của mái tóc hoa râm. Rồi thì cô đào e hèm dọn giọng, rồi bác kếp vện lại dây đàn, rồi quan Bô tom tom tom cho khách ngừng đĩa lắng tai nghe để trở nên một cử tọa nghiêm chỉnh.

Cảnh mai hạc đậu thêm xinh,
Bốn mươi năm nữa, khang ninh còn dài,
Ngày xuân cảnh thế tươi cười,
Đào nguyên há để riêng người ngày xưa!
Gia nhân chinh cát,
Trên tiệc đào kẻ trước dất người sau...
Cuộc trăm năm trời có hẹn ai đâu?
Con hạc trắng bấy lâu về bến Nhuệ,
Mai cốt cách mai già mai vẫn thế
Đào nhơn như đào thắm về thêm xuân.
Lắng tai nghe tiếng chúc lẫn cung đàn,
Cát chén chúc mừng người trên thọ tịch,
Khách bạch ốc nào ai tiên trích
Xin dang tay "giật phịch" quả đào tiên...
Cối trần cũng có Đào nguyên.
Quan Bô ngắt ngừng đánh luôn: tom tom tom chát tom!
Đoạn cụ gật gù nói rõ to:

– Hay thật đấy chứ! Văn chương như thế mới gọi là tân thời... "Xin dang tay giết phịch quả đào tiên". Thế có lằng lơ không? Chuyến này thì cụ phán nhà tôi sẽ vì câu thơ ấy mà cải lão hoàn đồng!

Quan Bố ngừng một lát, trông trước nhìn sau, rồi vẫy tay gọi một cô trong bốn cô đào rượu mãi tiếp cho các quan khác gần đấy:

– Này, cô kia! Cô áo đỏ kia! Lại đây đỡ hộ chén rượu cho chủ nhân cặn hộ đi.

Khi cô đào trẻ tuổi đến đứng bên cụ phán, bẽn lẽn nâng cốc rượu thì nhanh như cắt, quan Bố đã nắm lấy một bên cánh tay cụ phán mà quệt một cái vào ngực cô ả, để rồi cười nức nở cất nghĩa:

– Này thì đây: xin dang tay giết phịch quả đào tiên! Các ngài đã thấy chưa?

Lúc ấy cụ Phán Uyên đương mãi hớp chén rượu, cho nên khi cụ vội lôi được tay ra, cái cử chỉ bó buộc kia cũng đã xong hoàn toàn. Cụ then đỏ cả mặt, sung sướng, đến ứa nước mắt, vì lúc ấy, cử tọa khen cụ sốt sắng như khi họ đi xem đá bóng mà gặp lúc có quả vừa sút vào gôn. Cụ vội vàng đứng lên chạy tuy không biết định chạy đi đâu, như người muốn đi trốn. Sau cùng, cụ đánh trống lảng bằng cách gọi đầy tớ ra mà mắng:

– Lấy thêm ít dấm tây vào bàn này! Sao mày đốn thế, mày để tao gào rát cả cổ!

Tuy nhiên giọng gắt của cụ thật tình lúc ấy cũng không dữ tợn là mấy, vì cụ vẫn còn thấy rõ cái cảm giác dịu dàng về một bên ngực cô đào trẻ nó chưa tiêu tan hẳn mà lại còn như đọng quện lại ở cả năm đầu ngón tay già nua đã mấy chục năm rồi chẳng còn biết gì là mùi xuân.

Chợt thấy quan Phủ gọi cụ rồi nói một hồi dài:

– Này chủ nhân ơi! Nhà nho là thâm lắm đấy nhé! Thôi xin các ngài cũng đừng ai nỡ ép duyên ông anh tôi nữa. Ông anh tôi đã trình bày cái cảnh ngộ éo le, khó xử, của ông anh tôi, ra với thiên hạ rồi! Đấy các cụ xem: quan Bố tôi vừa mới ép duyên xong thì ông anh tôi tức khắc gọi người nhà lấy thêm dấm. Chao ôi, thế thì ông anh tôi

đã đủ thâm trầm hay chưa? Vì rằng trong Kiều có câu: Dấm chua lại tội bằng ba lửa nồng!

Rất nhiều người lại vỗ tay ran, cười to đến vỡ nhà vỡ cửa. Một cụ bảo cô đào non áo đỏ:

– Này em ơi, thôi thế thì em cứ cam chịu ở trầm luân khổ hải thôi chứ người quân tử chẳng vót em đâu!

Một người trẻ tuổi đứng lên nói:

– Thưa các cụ trăm điều chẳng qua chỉ tại tác giả cái bài hát nói ấy.

Ông khách âu phục trẻ tuổi từ nãy ngồi lặng im vừa then vừa kiêu ngạo về cái bài văn của mình, đương lắng tai nghe xem có ai thì thảo chỉ trích gì không, bấy giờ đành phải đứng lên, đón đỡ:

– Bẩm các cụ, chúng tôi không ngờ rằng cụ Bố tôi đây ngài lại hiểu bài văn ấy một cách kỹ đến thế để mà đem lý thuyết thực hành ngay như thế.

Quan Bố cười khà khà, lên râu bảo thiếu niên:

– Thế thì đôi ta tri kỷ lắm chứ còn gì nữa! à quên, xin các cụ thưởng một cốc cho tác giả bài văn hữu tình. Chị áo đỏ đâu, chị lại mời ông ấy cho tôi một cốc nữa.

Lại vỗ tay...

Nhưng chợt một ông khác, cũng trẻ tuổi, mặt đỏ nhất tất cả, đứng lên trịnh trọng nói:

– Bẩm trên các cụ, dưới các ông...

Mọi người giật mình lắng tai nghe biết là sắp có chuyện. Ông kia tiếp:

– Quan Bố chánh thường tác giả bài hát nói ấy cốc rượu là vì nó có tính cách hữu tình. Tôi cũng xin hoan nghênh. Nhưng mà xong rồi thì tôi xin các cụ và các ông cho tôi phạt nhà thi sĩ ấy ba chén vì đó là một nhà thi sĩ tham lam! Vì sao? Vì cụ phán nhà tôi đây bữa nay chỉ có khánh thành nhà mới thôi, vậy mà bài hát mừng có câu mừng cả tiệc thượng thọ nữa, thì, cái lỗi "tiện dịp" như thế là có hại cho tôi, vì sang năm đúng sáu mươi mà cụ phán tôi không khao thượng thọ nữa thì là lỗi ở nhà thi sĩ ấy. Vậy thì phải phạt.

Tác giả bài hát nhìn quanh một lượt thấy trong dăm chục quan khách có một số đông gật gù biểu đồng tình với ông phản đối kia, thì rất lấy làm lo, bèn cãi:

– Tôi xin uống ba chén rượu ông phạt! Nhưng nếu sang năm cụ Phán tôi lại khao thượng thọ nữa, thì ông sẽ đáp tôi ra sao? Và có lẽ ông chưa nghe kỹ bài hát!

Ông kia gân cổ lên, hùng hồn chẳng kém:

– Tôi cho ông phạt trước tôi ba chén nữa, sau khi ông uống ba chén mà các cụ phạt ông!

Nhiều người lên tiếng xôn xao, không chịu nhận trách nhiệm về ba chén rượu phạt ấy, ông kia lại nói:

– Sao tôi lại chưa nghe kỹ! Ông chả có câu: "Cát chén chúc mừng người trên thọ tịch" là gì! Vậy ông thử đọc tất cả câu đối đây xem có ai mừng thọ tịch không?

Có một người cãi hộ:

– Nhưng mà thọ tịch ở đây là ý phụ không phải ý chính!

Tham Châu vỗ vai ông kia, khế gắt:

– Thôi đi, tôi van ông nữa, ông đừng gây sự thế! Ông say lắm rồi! Và ông uống ít chút!

– Thưa chú, tôi chưa say, và trước mặt công chúng thế này, xin chú đừng mắng tôi! Chú còn là đàn em biết chưa!

Ông ấy vừa nói được có thể thì đã đưa tay lên giữ cổ, khò lưng xuống, rồi nôn ồng ộc ngay ra đấy như một cái ồng máng! Thiên hạ ghê tởm quay nhìn đi chỗ khác và nhà thi sĩ thì khế so vai một cái hả hê. Đây tớ mau quét dọn, trong khi Tham Châu nhăn nhó ôm xốc ông quý khách ấy vào bàn đèn thuốc phiện:

– Các ông mau tiêm cho ông ấy một liều cho già rượu... Rõ khổ quá, cứ uống như một cái phễu!

*Tao Đàn, số đặc biệt về Vũ Trọng Phụng,
số 1; tháng 12. 1939*

Gương... Tổng tiền (????)

- Thôi chả chữa nổi đâu! Dậy cầm lấy hai hào đi mua về mà kéo.
- Không, không việc gì. Tôi còn chịu được, bác cứ mặc tôi.

Lê Vân đáp xong bạn, mím môi quay mặt vào tường. Chàng tuy rất khốn khổ, nhưng không muốn chịu lụy bạn nữa. Nghiện hút đã ba năm mà muốn "cai khan" là chuyện rất khó, song Vân đã quả quyết dám có ý nghĩ: chết thì thôi. Nếu không thoát nạn phù dung, rồi Vân cũng đến phải tự tử. Vân đã chán cái sống bêu rếu ở đời.

Hơn nữa, người bạn ấy chưa chắc đã có bụng chân thành. Biết đâu chẳng định bắt chàng chịu ân rồi thì để có cớ buộc Vân làm một việc nhẫn tâm mà Vân không muốn nghĩ đến nữa.

Trước kia, Vân đã là kẻ thắng trận trong tình trường. Nhưng những phút sung sướng bao giờ cũng ngắn. Sau, người yêu của Vân phụ Vân. Chàng bèn làm bạn với ả phù dung, những muốn hưởng hạnh phúc trong cái quên, muốn lên cái cảnh thiên đường mà người ta có thể thò tay ra với được.

Từ một thiếu niên có tương lai tốt đẹp, Vân đã hóa ra kẻ bị xã hội khinh bỉ... Ma đại thân tàn. Giữa lúc này, người bạn cựu mang chàng xui chàng... Đem đánh giá những dòng chữ ái ân mà người yêu Vân đã gửi cho Vân khi xưa.

Không, thà chịu chết còn hơn bị ghét. Hoặc phải có cách gì sang trọng hơn kia. Chứ để bị khinh bỉ, Vân không muốn làm. Thà chàng cứ chịu cho những cơn nghiện vô hình nó vật vã đã.

Sự tê mỗ các đầu xương và đau quặn ruột gan lôi Vân phải ngồi nhồm lên mà ôm bụng như bị có kẻ đâm: "Trời! Đau chết!". Người bạn vội tung chăn dậy, đốt lưong cho chàng. Hai mắt Vân lúc đó quắc lên những ánh sáng, long sòng sọc như mắt người điên. Mặt Vân chẳng chịt những nét nhăn đau đớn.

Không thể chịu nổi nữa, Vân đã muốn đổi ý. Chàng đã thấy rằng vẫn cứ yêu kẻ đã phụ mình là ngu. Lại thêm người bạn thừa cơ xúc xiểm:

– Anh Vân, nên biết nghe lẽ phải. Ở đời này... Tội gì? Đời bạc như vôi mà mình cứ chung tình thì mình là thằng ngốc. Tôi vẫn còn nhớ cái ngày, năm năm trước đây, anh đến tìm tôi nói ba hoa như đã nắm được hạnh phúc ở đời, vì Loan thương yêu anh. Thế nhưng mà tôi còn nhớ rõ hơn: một ngày tiết lạnh gió đông, anh đến tìm tôi để phô cái dáng người lừ đừ, nhọc đời của anh, rồi kéo tôi đi hút thuốc phiện. Loan đã không đủ can đảm cưỡng lời mẹ cha, đã vâng chịu lấy chồng! Anh còn nhớ không? Nằm dài bên khay đèn, anh kêu không còn cần gì nữa, vì đời anh đã là đời bỏ đi! Bây giờ... Bây giờ, đời anh quả thật đã là đời bỏ đi! Nhưng mà, bây giờ thì... Đời Loan ra làm sao? Loan là vợ một ông Tham! Có hai đứa con, có một ô tô, có năm nóc nhà! Tôi muốn hỏi anh về cái khốn khổ của anh đây, phải chăng Loan đã có một phần trách nhiệm?

Vân không đáp, nhắm mắt để rơi hai hàng lệ. Người bạn khế bảo:

– Những thư từ trước của Loan gửi cho anh đâu? Đưa quách đây tôi!

Vân thở dài, thò tay móc túi rồi vứt xuống chiếu cái chìa khóa va li của chàng.

Bà Tham ngồi nghe như một người chịu tội. Vân nằm đó ngượng lấm, nhưng biết chạy trốn đi đâu? Hai nữa, chính vì Loan, thân thể chàng nay mới đổ sập đến thế. Rồi Vân nghĩ: "Phải chăng ta là kẻ đáng thẹn trước mặt người đàn bà bạc tình?". Nghĩ rồi, hình như chàng thấy lương tâm đáp hộ rằng: Không. Đã thế thì Vân cứ việc nằm dài, ngạo mạn nhìn Loan chứ ngại gì nữa.

Ông bạn của Vân cứ nói mãi, khiến Loan đến táng đờm kinh hồn:

– Thưa bà, không phải tôi có ý tống tiền bà. Tôi chỉ muốn giúp bạn tôi. Bà trông lại mà xem cái bộ mặt ghê gớm, xanh xao vì ả phù dung của một kẻ thất vọng vì tình. Nếu bà đã chung tình, bạn tôi có đâu đến nỗi. Bây giờ bạn tôi cần độ ba trăm bạc để tính đường buôn bán, mong bà giúp cho. Rồi bạn tôi sẽ trả lại hết những bức thư xưa

của bà. Tôi cũng mong không khi nào ông Tham nhà phải lo phiền về những cuộc ái ân mà vợ ông ta đã trải cảnh... Trước khi về với ông.

Bà Tham đứng dậy:

– Thưa ông vâng. Cảm ơn ông đã cho gọi tôi đến nói rõ mọi chuyện. Nhưng tiền không có ngay bây giờ, ông để đến chiều, tôi xin cầm sang.

Ông bạn của Vân cười gằn:

– Vâng, chiều mời bà sang cho. Mà xin bà nghĩ cho kỹ. Hay bà có đi trình sở Liêm phóng thì để tôi dự bị làm vỡ chuyện một thể!

Bà Tham tái mặt, lắp bắp: "Có khi nào!" Rồi, trước khi xuống thang, Loan quay lại nói với Vân: "Tôi không đời nào để cậu khổ sở, cậu cứ yên tâm!".

Hai tay dứt túi quần, người bạn của Vân lắc lư cái đầu, đi đi lại lại, giọng nói tuy ôn tồn nhưng gằn từng tiếng một mà hăm dọa bà Tham:

– Giá bà đúng hẹn cho thì phải hơn. Tôi thật không ngờ!

– Thưa ông, ông cũng xét cho... Giữa lúc này, chạy được ba trăm bạc nào phải chuyện dễ!

– Mỗi phút bà để chậm là một phút khổ cho bạn tôi.

– Thế mới khôn nạn cho tôi! Trời ơi! Làm thế nào có ngay bây giờ?

– Bà thử ngó lại mà đoán bệnh trạng bạn tôi xem? Xin tùy bà.

Loan đưa mắt nhìn thì lúc đó Vân đang mãi miết đọc lại một lá thư. Mặt Vân cứ theo dòng trong thư mà mỗi lúc một thêm tươi tỉnh. Sau cùng, chợt thấy Vân ngồi lên xua tay reo lớn: "Hãy khoan!" Cả hai người chưa kịp hiểu ra sao, Vân đã lại thêm: "Thôi, không! Tôi không muốn bắt đền Loan nữa! Đó là lỗi tại tôi, chỉ tại tôi mà thôi!".

Người bạn đập mạnh một cái xuống bàn. Nhưng Vân cứ bình tĩnh tiếp:

– Thật thế bác ạ. Đây để tôi đọc bác nghe lời lẽ trong một lá thư của Loan...: "Muốn cho vẹn chữ yêu thương cùng nhau, tất phải có thể tính với nhau cuộc trăm năm mới được. Hai gia đình chênh lệch như vậy, chắc không khi nào mình lấy nổi tôi đâu. Vậy thì, thà ta không nên yêu nhau, mai sau mới mong khỏi phải đau lòng. Tôi van mình, xin đừng đem chữ yêu thương ra cám dỗ tôi, để tôi sa ngã, rồi mai sau biết đâu chẳng đến đau khổ..." Đấy, bác xem!... Có phải lỗi tại Loan đâu. Sở dĩ tôi thế này là vì thân làm tội đời, mình làm mình chịu! Thôi, Loan ạ, anh xin lỗi em. Em cứ việc về.

– Thế này là nghĩa lý gì?

Không đáp lời, Vân ném cả tập thư vào lò sưởi.

– Trời ơi! Thằng điên! Mày đốt mất ba trăm bạc!

Người bạn kêu xong chạy lại lò sưởi nhưng Vân nhanh chân đã đứng ngăn được. Bị bạn đẩy, Vân ôm xốc lấy bạn đè xuống giường, chờ lúc tập thư đã ra tro cả mới đứng lên. Cáu quá, người bạn sửa lại tóc và cổ còn quất:

– Đồ khốn nạn! Thế này rồi thì mày bước khỏi nhà tao!

Vân gượng cười:

– Tôi xin lỗi bác. Mà bác có mời tôi cũng không mặt nào dám ở.

– Mời anh cứ ở chơi. Nhà tôi dắt các cháu đi xem hát, khuya mới về.

– Thôi, thế là đủ, chả còn chuyện gì nữa. Mình sung sướng là tôi sung sướng. Thôi, tôi đi được an lòng.

Vân nói xong, hấp tấp lại cầm lấy va li. Loan vội đưa ra tập giấy bạc.

– Ô hay! Thế là cái gì?

– Tiền, số tiền ba trăm. Lúc ấy tôi đã toan đưa ra song sợ chỉ béo thằng cha ấy nên tôi tìm kế trì hoãn. Tôi vẫn nghi hoặc lắm, không lẽ mình lại nở xữ thế với tôi. Chắc chỉ cái thằng khốn nạn ấy xúi giục! Thế rồi khi mình vứt thư vào lửa, tôi sung sướng vô cùng. Không phải vì khỏi mất tiền, nhưng vì mình vẫn có lòng yêu tôi. Tôi lại toan đưa ngay tiền ra. Song chợt nghĩ rằng như vậy chỉ béo thằng khốn

nạn kia, tôi lại không đưa nữa. Bây giờ tôi mới đưa mình, để mình hưởng riêng mà thôi. Cầm lấy!

– Không! Tôi không muốn lấy thế. Đối với bạn tôi, như vậy là bất lương. Dù người ấy hết là bạn tôi, tôi cũng không muốn bất lương với người ta. Ai nỡ mặt chó lấy tiền tiêu riêng một mình!

– Ôi, chà vế! Việc gì mà phải đạo đức thế! Anh muốn không bất lương, nhưng em đã có lòng thành. Xin chớ phụ lòng thành của em.

– Không, Loan ạ, anh không đáng hưởng. Năm năm xưa, anh đã yêu em. Bây giờ anh lại yêu em. Nhưng còn cái lúc gọi em sang tổng tiền. Lúc đó, anh đã định phụ em, làm hại em. Tại sao trước sau đã chẳng giữ vững một lòng yêu mà thôi? Tại sao lại có phút điên rồ mà... Đổ khốn? Do thế, anh tuyên án cho anh không đáng được hưởng sự giúp đỡ của Loan chút nào.

– Thôi thì dù sao anh cũng đã biết hối hận rồi. Người biết hối không đến nỗi là người bỏ. Anh cứ nhận cho. Loan van anh.

Vân ngân ngừ một lát rồi giơ tay nhận tiền.

Vân lừ lừ cầm va li vào, đến giường ngồi phịch xuống. Chàng chờ xem bạn có thái độ thế nào, nhưng bạn chỉ ngồi im. Vân làm ra bộ chịu nhục:

– Bác ơi! Bây giờ bác đuổi tôi đi thì tôi biết đi đâu? Thôi, bác tha thứ cho tôi, tôi sẽ kiếm cách đền bù bằng cách khác.

– Bác đại lắm! Ba trăm bạc đối với nó mùi gì?

– Khốn nỗi tôi không muốn bạc tình.

– Thì nó chung tình gì với bác?

– Nhưng mà tôi đã trót yêu. Yêu nghĩa là tha thứ. Muốn tỏ với đời rằng mình cũng đáng có lòng yêu thì phải quân tử.

– Bác là thẳng gàn!

– Thế bác có dung cho tôi được nhờ vả những ngày tàn ở đây nữa không?

– Có gì mà chẳng được. Nghĩa là cùng lúc túng quẫn, anh em mới phải xui nhau "làm tiền". Song bác đã muốn quân tử thì thôi.

Còn lúc này, lúc quá nóng vì tiếc tiền, tôi đã nói những điều gì thì bác bỏ ngoài tai cho. Bác đi xong tôi hối quá. Tôi thấy tôi đê tiện. May sao bác lại quay trở lại. Thôi, những việc xảy ra ta nên quên đi. Bác cứ ở đây với tôi, tôi sẽ nghĩ cách khác làm tiền.

– Trời ơi! Làm thế nào cho có tiền bây giờ!

– Lúc này thì lại chả nhớ đến cái lo ấy.

– Tôi không thể nào cai được, bác ạ.

– Hay là hút? Còn hai hào đây! Dù khuya, tôi cũng xin đi đấm cửa.

– Dễ tôi phải hút đến bốn hào!

– Thôi, chỉ còn hai thì hãy hút hai. Mai ta lại chạy vậy.

Vân nghe xong đứng lên vỗ vào vai bạn:

– Anh thật là người tri kỷ của tôi.

Đoạn Vân vát xuống chiếu tập giấy ba trăm đồng. Người bạn ngẩn người ra nhìn, kinh ngạc đến nỗi không nói được nữa. Vân cười sảng sặc khoan thai kéo điếu thuốc lòn rồi mới cắt nghĩa cho bạn nghe:

– Anh không tinh chút nào. Cách tống tiền của anh chỉ tổ để nó oán. Đằng này, tôi tống tiền mà nên ơn nên nghĩa, mà nó phải yêu thương kia. Lúc bước vào, trông thần thái nó rất mạnh bạo, đưa không có tiền tất không thể được. Nó trì hoãn vì nó căm những sự hằm hè của anh mà thôi. Lúc ấy, chả lẽ lạy nó? Tôi mới đánh vào mặt cảm tình. Những lúc đọc thư, vứt thư vào lửa chỉ là đóng kịch cả. Thế cho nên có tiền ngay đấy, đấy anh xem. Mà trước khi muốn để anh cùng chung hưởng giàu sang, tôi còn về thử anh đã. Cũng may cho anh vẫn giữ được lòng tốt nên mới có sự này. Nếu anh đều cáng thì tôi đã đi ngay, hưởng riêng một mình tôi. Chúng ta là tri kỷ với nhau: tuy anh thiếu khoe gian hùng, song có lòng trung hậu gỡ lại. Mà phải nhớ rằng không phải ba trăm này mà thôi đâu. Ta tống tiền nó nhưng nó vẫn phải thương yêu ta, có thế mới đáng làm việc... Không danh giá gì cho lắm. Bây giờ tôi lại hút. Hết tiền sẽ lại có tiền, có tiền bằng cách không phải tống tiền! Vậy anh đã vui chưa?

Nói xong, Vân nằm xuống giường bắt tay ngang trán mà cười gằn, cười cái cười chua chát, ý vị: khinh người và cũng tự鄙 mình.

HẾT.